

QUYỂN “BA”

(Tika-Nipāta)

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bò-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Đề quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh **AN** này có 11 *QUYỂN* (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ *QUYỂN “MỘT”* cho đến *QUYỂN “MƯỜI MỘT”*, trong đó “*Một*”... vừa là *tên* của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là *số thứ tự* của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều *NHÓM* kinh (*vagga, phāṇṇa*), toàn bộ kinh **AN** này có 180 *NHÓM* kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các *NHÓM* kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các *NHÓM* kinh thành những phần “*Năm Mươi Kinh*” và một số phần “*thêm vào*” phần “*Năm Mươi Kinh*” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Mp, Mp-ṭ...**) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngời thiền (tọa cụ)

...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ *Quyển* nào hoặc trong một *Quyển* có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một *Quyển* kinh... và một Bộ kinh.

+ *Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN.....	iii
[Năm Mười Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. NGƯỜI NGU.....	1
1 (1) <i>Hiểm Họa</i>	1
2 (2) <i>Những Đặc Điểm</i>	2
3 (3) <i>Sự Suy Nghĩ</i>	2
4 (4) <i>Tội</i>	3
5 (5) <i>Một Cách Không Kỹ Càng</i>	4
6 (6) <i>Bất Thiện</i>	4
7 (7) <i>Đáng Chê Trách</i> (tội lỗi).....	5
8 (8) <i>Làm Khổ Sở</i>	5
9 (9) <i>Bị Hư Tổn</i>	6
10 (10) <i>Những Vết Nho</i>	6
NHÓM 2. NGƯỜI ĐÓNG XE NGỰA	7
11 (1) <i>Nổi Tiếng</i>	7
12 (2) <i>Được Ghi Nhớ</i>	7
13 (3) <i>Một Tỳ Kheo</i>	8
14 (4) <i>Sự Quay Chuyển Bánh Xe</i>	11
15 (5) <i>Vua Pacetana</i>	12
16 (6) <i>Không Làm Lỗi</i>	15
17 (7) <i>Làm Khổ Minh</i>	16
18 (8) <i>Thiên Thần</i>	17

19	(9) <i>Chủ Tiệm (1)</i>	17
20	(10) <i>Chủ Tiệm (2)</i>	18
NHÓM 3. NGƯỜI		20
21	(1) <i>Savittṭha</i>	20
22	(2) <i>Những Loại Người Bệnh</i>	22
23	(3) <i>Những Sự Tạo Tác Cố Ý</i>	23
24	(4) <i>Hữu Ích</i>	25
25	(5) <i>Như Kim Cương</i>	25
26	(6) <i>Giao Lưu</i>	27
27	(7) <i>Với Sự Ghê Tởm</i>	28
28	(8) <i>Lời Nói Như Phân</i>	30
29	(9) <i>Đui Mù</i>	31
30	(10) <i>Bị Lộn Đầu</i>	32
NHÓM 4. THIÊN SỨ		35
31	(1) <i>Như Trời Brahmā</i>	35
32	(2) <i>Với Ānanda</i>	36
33	(3) <i>Với Xá-lợi-phất</i>	37
34	(4) <i>Những Nguyên Nhân</i>	39
35	(5) <i>Với Hattaka</i>	41
36	(6) <i>Ba Thiên Sứ</i>	43
37	(7) <i>Tứ Đại Thiên Vương (1)</i>	48
38	(8) <i>Tứ Đại Thiên Vương (2)</i>	50
39	(9) <i>Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế</i>	51
40	(10) <i>Ba Trách Vụ</i>	54

NHÓM 5. NHÓM NHỎ	57
41 (1) <i>Có Mặt</i>	57
42 (2) <i>Ba Trường Hợp</i>	57
43 (3) <i>Ba Lợi Thế</i>	58
44 (4) <i>Sự Trôi Chảy</i>	58
45 (5) <i>Người Có Trí</i>	58
46 (6) <i>Người Có Trí</i>	59
47 (7) <i>Có Điều Kiện</i>	59
48 (8) <i>Núi</i>	60
49 (9) <i>Sự Nhiệt Thành</i>	61
50 (10) <i>Siêu Trộm</i>	61
[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]	65
NHÓM 1. NHỮNG BÀ-LA-MÔN	65
51 (1) <i>Hai Bà-la-môn (1)</i>	65
52 (2) <i>Hai Bà-la-môn (2)</i>	66
53 (3) <i>Một Bà-La-Môn Nọ</i>	67
54 (4) <i>Một Du Sĩ</i>	68
55 (5) <i>Niết-Bàn</i>	70
56 (6) <i>Dân Số Giảm</i>	71
57 (7) <i>Du Sĩ Vaccha</i>	72
58 (8) <i>Bà-la-môn Tikaṇṇa</i>	75
59 (9) <i>Bà-la-môn Jāṇussoṇī</i>	80
60 (10) <i>Bà-la-môn Saṅgāra</i>	82
NHÓM 2. NHÓM LỚN	88

61	(1) <i>Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái</i>	88
62	(2) <i>Những Hiểm Họa</i>	93
63	(3) <i>Làng Venāgapura</i>	96
64	(4) <i>Du Sĩ Sarabha</i>	101
65	(5) <i>Những Người Kālāma Ở Kesaputtiya</i>	105
66	(6) <i>Sālha</i>	112
67	(7) <i>Những Cơ Sở Để Nói Chuyện</i>	116
68	(8) <i>Những Giáo Phái Khác</i>	119
69	(9) <i>Những Góc Rẽ</i>	121
70	(10) <i>Những Ngày Lễ Bố-Tát</i>	125
NHÓM 3. ĀNANDA		137
71	(1) <i>Channa</i>	138
72	(2) <i>Người Ājīvaka</i>	140
73	(3) <i>Người Họ Thích-Ca</i>	142
74	(4) <i>Người Ni-Kiền-Tử</i>	143
75	(5) <i>Nên Được Khuyến Khích</i>	146
76	(6) <i>Sự Hiện Hữu</i>	147
77	(7) <i>Ý Chí và Khát Vọng</i>	148
78	(8) <i>Sự Thiết Lập</i>	150
79	(9) <i>Những Mùi Hương</i>	150
80	(10) <i>Đệ Tử Abhibhū</i>	152
NHÓM 4. TU SĨ (SA-MÔN)		154
81	(1) <i>Những Tu Sĩ</i>	154
82	(2) <i>Con Lừa</i>	155

83	(3) <i>Ruộng Đồng</i>	155
84	(4) <i>Người Vajji</i>	156
85	(5) <i>Một Học Nhân</i>	157
86	(6) <i>Tiến Trình Tu Tập (1)</i>	157
87	(7) <i>Tiến Trình Tu Tập (2)</i>	159
88	(8) <i>Tiến Trình Tu Tập (3)</i>	161
89	(9) <i>Những Phần Tu Tập (1)</i>	163
90	(10) <i>Những Phần Tu Tập (2)</i>	164
91	(11) <i>Ở Paṇkadhā</i>	165
NHÓM 5. HỘT MUỐI		169
92	(1) <i>Cấp Thiết</i>	169
93	(2) <i>Sự Tách Ly</i>	170
94	(3) <i>Mùa Thu</i>	172
95	(4) <i>Hội Chúng</i>	172
96	(5) <i>Thuần Chứng (1)</i>	174
97	(6) <i>Thuần Chứng (2)</i>	175
98	(7) <i>Thuần Chứng (3)</i>	175
99	(8) <i>Vải Làm Từ Vô Cây</i>	176
100	(9) <i>Hột Muối</i>	178
101	(10) <i>Người Đãi Vàng</i>	182
102	(11) <i>Thợ Nấu Vàng</i>	186
[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]		189
NHÓM 1. SỰ GIÁC NGỘ		189
103	(1) <i>Trước Kia</i>	189

104	(2) <i>Sự Thỏa Thích (1)</i>	190
105	(3) <i>Sự Thỏa Thích (2)</i>	191
106	(4) <i>Những Tu Sĩ</i>	191
107	(5) <i>La Khóc</i>	192
108	(6) <i>Không Thỏa Mãn Hết</i>	192
109	(7) <i>Mái Nhà Nóc Nhọn (1)</i>	192
110	(8) <i>Mái Nhà Nóc Nhọn (2)</i>	194
111	(9) <i>Những Nguyên Nhân (1)</i>	194
112	(10) <i>Những Nguyên Nhân (2)</i>	195
NHÓM 2. RỐT VÀO CẢNH GIỚI ĐẦY ĐỌA		197
113	(1) <i>Rốt Vào Cảnh Giới Đầy Đọa</i>	197
114	(2) <i>Hiếm Thay</i>	198
115	(3) <i>Không Thể Đo Lường</i>	198
116	(4) <i>Bất Lay Động</i>	199
117	(5) <i>Những Thất Bại và Thành Tựu</i>	201
118	(6) <i>Súc Sắc</i>	203
119	(7) <i>Hành Động</i>	204
120	(8) <i>Sự Trong Sạch (1)</i>	205
121	(9) <i>Sự Trong Sạch (2)</i>	206
122	(10) <i>Sự Khôn Ngoan</i>	207
NHÓM 3. BHARANDU		208
123	(1) <i>Kusinārā</i>	208
124	(2) <i>Tranh Cãi</i>	209
125	(3) <i>Đền Gotamaka</i>	210

126	(4) <i>Bharaṇḍu</i>	211
127	(5) <i>Hatthaka</i>	213
128	(6) <i>Sự Làm Ô Nhiễm</i>	214
129	(7) <i>A-nậu-lâu-đà (1)</i>	216
130	(8) <i>A-nậu-lâu-đà (2)</i>	217
131	(9) <i>Bị Che Đậy</i>	218
132	(10) <i>Đường Kẽ Khắc Lên Đá</i>	219
NHÓM 4. MỘT CHIẾN BINH		220
133	(1) <i>Một Chiến Binh</i>	220
134	(2) <i>Hội Chúng</i>	221
135	(3) <i>Bạn</i>	222
136	(4) <i>Khởi Sinh</i>	222
137	(5) <i>Mền Làm Bằng Tóc</i>	223
138	(6) <i>Sự Thành Tựu</i>	224
139	(7) <i>Sự Tăng Trưởng</i>	224
140	(8) <i>Ngựa (1)</i>	224
141	(9) <i>Ngựa (2)</i>	226
142	(10) <i>Ngựa (3)</i>	228
143	(11) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (1)</i>	229
144	(12) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2)</i>	229
145	(13) <i>Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3)</i>	229
NHÓM 5. PHÚC LÀNH		230
146	(1) <i>Bất Thiện</i>	230
147	(2) <i>Đáng Chê Trách</i>	230

148	(3) <i>Đáng Chê Trách</i>	231
149	(4) <i>Không Trong Sạch</i>	231
150	(5) <i>Bị Hư Tổn (1)</i>	231
151	(6) <i>Bị Hư Tổn (2)</i>	231
152	(7) <i>Bị Hư Tổn (3)</i>	232
153	(8) <i>Bị Hư Tổn (4)</i>	232
154	(9) <i>Kính Lễ</i>	232
155	(10) <i>Buổi Sáng Tốt Lành</i>	232
NHÓM 6. NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP		233
156	(1) <i>[Sự Thiết Lập Chánh Niệm]</i>	233
157	(2) – 162 (7) <i>[Sự Nỗ Lực ...]</i>	235
NHÓM 7. NHÓM “NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC		237
163	(1) – 182 (20).....	237
NHÓM 8. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC		239
183	(1)	240
184	(2) – 352 (20).....	240
BẢNG VIẾT TẮT		243
CHÚ THÍCH.....		249

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1 **NGƯỜI NGU**

1 (1) Hiểm Họa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các Tỷ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỷ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỷ kheo, mọi hiểm-nguy phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Mọi tai-họa phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Mọi vận-rủi (bất hạnh, nạn) phát sinh, tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Giống như một ngọn lửa phát cháy trong một cái nhà làm bằng lau sậy và cỏ khô sẽ đốt rụi nhà, cho dù nhà đó có mái cao, có được trát vữa bên trong và bên ngoài; cũng tương tự vậy, mọi hiểm-nguy phát sinh . . . tất cả đều phát sinh do người ngu, không do người khôn. Như vậy, (1) người

ngu mang hiểm-nguy, người khôn không mang hiểm-nguy; (2) người ngu mang tai-họa, người khôn không mang tai-họa; (3) người ngu mang vận-rủi, người khôn không mang vận-rủi; Không có hiểm-nguy từ người khôn; không có tai-họa từ người khôn; không có vận-rủi từ người khôn.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba đặc-tính (phẩm chất) được coi là của người ngu, và chúng ta cam kết và tu tập để có ba đặc-tính được coi là của người khôn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

2 (2) Những Đặc Điểm

“Này các Tỳ kheo, người ngu đặc trưng (được biết, được coi, có đặc tính) bởi những hành-vi của mình; người khôn đặc trưng bởi những hành-vi của mình. Trí-tuệ chiếu sáng khi nó thể hiện.”²⁸³

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì?²⁸⁴ Hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu. Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói thiện lành, và tâm ý thiện lành. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tránh có ba đặc-tính được coi là của người ngu, và chúng ta cam kết và tu tập để có ba đặc-tính được coi là của người khôn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

3 (3) Sự Suy Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, người ngu có ba đặc-tính này của người ngu, ba dấu-hiệu của người ngu, những sự thể-hiện của người ngu.”²⁸⁵ Ba đó

là gì? Ở đây, người ngu nghĩ (một cách) xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác. Nếu người ngu không nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, thì làm sao bậc trí hiền biết về anh ta như: “Người này là người ngu, là người xấu”? Nhưng do người ngu nghĩ xấu ác, nói xấu ác, và làm xấu ác, nên bậc trí hiền mới biết về anh ta như: “Người này là người ngu, là người xấu” như vậy. Đây là ba đặc-tính của người ngu, ba dấu-hiệu của người ngu, những sự thể-hiện của người ngu.

“Này các Tỳ kheo, người khôn có ba đặc-tính này của người khôn, ba dấu-hiệu của người khôn, những sự thể-hiện của người khôn. Ba đó là gì? Ở đây, người khôn nghĩ (một cách) thiện lành, nói thiện lành, và làm thiện lành. Nếu người khôn không nghĩ thiện lành, nói thiện lành, và làm thiện lành, thì làm sao bậc trí hiền biết về anh ta như: “Người này là người khôn, là người thiện”? Nhưng do người khôn nghĩ thiện lành, nói thiện lành, và làm thiện lành, nên bậc trí hiền mới biết về anh ta như: “Người này là người khôn, là người thiện như vậy. Đây là ba đặc-tính của người khôn, ba dấu-hiệu của người khôn, những sự thể-hiện của người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [*giống đoạn cuối kinh 3:02 kể trên*] ...”²⁸⁶

4 (4) Tội

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đó không nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó không tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi người khác thú tội với người đó, người đó không chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu.

“Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? (1) Người đó nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội. (2) Khi nhìn

thấy sự phạm tội của mình là một tội, người đó tu sửa nó đúng theo Giáo Pháp. (3) Khi người khác thú tội với người đó, người đó chấp nhận đúng theo Giáo Pháp. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [giống đoạn cuối kinh 3:02 ở trên] ...”

5 (5) Một Cách Không Kỹ Càng

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách không kỹ càng (không hợp lý, phi như lý tác ý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách không kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý tác ý), người đó lại dùng những câu chữ tròn đầy và lý sự mạch lạc để phản bác với điều đó. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu.

“Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? (1) Người đặt câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý tác ý). (2) Người đó trả lời câu hỏi một cách kỹ càng. (3) Khi người khác trả lời câu hỏi một cách kỹ càng (hợp lý, như lý tác ý), người đó đồng ý chứ không dùng những câu chữ tròn đầy và lý sự mạch lạc để phản bác. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [giống đoạn cuối kinh 3:02 ở trên] ...”

6 (6) Bất Thiện

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành động bất thiện, lời nói bất thiện, và tâm ý bất thiện. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu.

“Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói thiện lành, và tâm ý thiện lành. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [*giống đoạn cuối kinh 3:02 ở trên*] ...”

7 (7) Đáng Chê Trách (tội lỗi)

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành động tội lỗi, lời nói tội lỗi, và tâm ý tội lỗi. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu.

“Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? Hành động không tội lỗi, lời nói không tội lỗi, và tâm ý không tội lỗi. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [*giống đoạn cuối kinh 3:02 ở trên*] ...”

8 (8) Làm Khổ Sở

“Này các Tỳ kheo, người có ba đặc-tính nên được coi là người ngu. Ba đó là gì? Hành động làm khổ sở, lời nói làm khổ sở, và tâm ý làm khổ sở. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người ngu.

“Người có ba đặc-tính nên được coi là người khôn. Ba đó là gì? Hành động không làm khổ sở, lời nói không làm khổ sở, và tâm ý không làm khổ sở. Người có ba đặc-tính này nên được coi là người khôn.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân ... [*giống đoạn cuối kinh 3:02 ở trên*] ...”

9 (9) Bị Hư Tổn

“Này các Tỳ kheo, người ngu, dở, xấu có ba đặc-tính làm bản thân mình bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước. Ba đó là gì? Hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Có ba đặc-tính như vậy, người ngu, dở, xấu làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại; người đó là người đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước.

“Này các Tỳ kheo, người khôn, giỏi, tốt có ba đặc-tính giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều phước-đức. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói thiện lành, và tâm ý thiện hành. Có được ba đặc-tính như vậy, người khôn, giỏi, tốt giữ mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là đáng khen và không bị chê trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo nhiều phước-đức.”

10 (10) Những Vết Nhơ

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc-tính và chưa loại bỏ ba vết-nhơ, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người bất-lương (thiếu đạo đức) và chưa loại bỏ vết nhơ bất-lương. (2) Người ghen-tỵ và chưa dẹp bỏ vết nhơ ghen-tỵ đó. (3) Người ti-tiện và chưa loại bỏ vết nhơ ti-tiện đó. Có ba đặc-tính này và chưa loại bỏ ba vết nhơ này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc-tính và đã loại bỏ ba vết-nhơ, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người đức-hạnh và đã loại bỏ ba vết nhơ bất-lương. (2) Người không ghen-tỵ và đã loại bỏ vết nhơ ghen-tỵ. (3) Người không hà-tiện

và đã loại bỏ vết nhơ ti-tiện. Có ba đặc-tính này và đã loại bỏ ba vết nhơ này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 2

NGƯỜI ĐÓNG XE NGỰA

11 (1) *Nổi Tiếng*

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc-tính, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự suy sụp, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó xúi giục họ làm những hành động bất-thuận, lời nói bất-thuận, và tâm ý bất-thuận.²⁸⁷ Có ba đặc-tính này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì sự nguy hại của nhiều người, sự bất hạnh của nhiều người, vì sự suy sụp, sự nguy hại và sự khổ đau của nhiều người, của những thiên thần và loài người.

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc-tính, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì? Người đó khuyến khích họ làm những hành động hòa thuận, lời nói hòa thuận, và tâm ý hòa thuận. Có ba đặc-tính này, thì một Tỳ kheo nổi tiếng đang làm vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của nhiều người, của những thiên thần và loài người.”

12(2) *Được Ghi Nhớ*

“Này các Tỳ kheo, có ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ

[khattiya] được phong vương [được xúc dầu lên đầu] ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi sinh của ông ấy. (2) Thứ hai là nơi ông ấy được phong vương là một vị vua giai cấp chiến-sĩ. (3) Và thứ ba là nơi, sau khi thắng trận, ông làm lễ ăn mừng ngay trên chiến trận và xác lập mình là vị vua chiến thắng. Đây là ba [nơi] mà một vị vua giai cấp chiến-sĩ được phong vương thường ghi nhớ suốt đời.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo có ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời. Ba đó là gì? (1) Thứ nhất là nơi người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và xuất gia tu hành. (2) Thứ hai là nơi người đó đã hiểu-được [giác ngộ bốn chân lý] đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’ (3) Và thứ ba là nơi, bằng sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đó đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm (không còn ô-nhiễm), sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong [trạng thái] đó, người đó đã an trú trong đó.²⁸⁸ Đây là ba [nơi] một Tỳ kheo ghi nhớ suốt đời.”

13(3) Một Tỳ Kheo

(I) “Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người được tái sinh trong một gia đình thấp kém—như một gia đình của người hạ tiện (caṇḍāla, chiêm-đà-la, nô lệ), gia đình thợ đan tre, thợ săn bắn, thợ đóng xe ngựa, hay người hốt rác—gia đình thì nghèo khổ, thiếu ăn thiếu uống, khó có được thức ăn và quần áo, sống bươn chải vất vả; và người đó thô鄙, xấu xí, lùn tùn, nhiều bệnh tật như bệnh tật như mắt mù, bị què, bị gù vẹo, hoặc bị liệt. Người đó còn không

kiếm được thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ; nói chi tới vòng hoa, nước hoa và phấn sáp; nói chi tới giường chiếu, nhà cửa và đèn.²⁸⁹ Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) đã phong vương [xức dầu lên đầu] cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó chẳng thể nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta.’ Đây được gọi là người không có hy vọng.

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, người con cả (thái tử) của một vị vua gia cấp chiến-sĩ đã được phong vương, là người sẽ đến lúc được phong vương nhưng chưa được phong vương, đến lúc đã đạt tới sự vững chãi.²⁹⁰ Người đó nghe nói: ‘Những người giai cấp chiến-sĩ đã phong vương cho một người giai cấp chiến-sĩ.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến-sĩ cũng phong vương cho ta?’ Đây được gọi là người đầy hy vọng.

(3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một vị vua giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương nghe nói: ‘Một người giai cấp chiến-sĩ đã được phong vương bởi những người giai cấp chiến-sĩ.’ Ông ta không còn nghĩ: ‘Rồi có ngày những người giai cấp chiến sĩ cũng sẽ phong vương cho ta?’ Vì sao không? Bởi vì cái hy vọng được phong vương trước kia của ông đã biến mất sau khi ông đã được phong vương, (đã đang làm vua thì đâu còn hy vọng sẽ được phong vua). Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.

(II) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong số những Tỳ kheo. Ba đó là gì? Người không có hy vọng, người có đầy hy vọng, và người đã vượt qua hy vọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người không có hy vọng? Ở đây, có người là thiếu đạo đức (bất lương), thuộc tính xấu ác, có hành vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc

sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thối nát, suy đồi, trụy lạc. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó chẳng thể nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong đó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người không có hy vọng. (người vô vọng)

(2) “Và cái gì là người đầy hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là đức hạnh, thuộc tính cách thiện. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó nghĩ rằng: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong đó, ta sẽ an trú trong đó.’ Đây được gọi là người đầy hy vọng. (người triển vọng)

(3) “Và cái gì là người đã vượt qua hy vọng? Ở đây, một Tỳ kheo là A-la-hán, đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm. Người đó nghe nói: ‘Có Tỳ kheo nọ, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, vị ấy an trú trong đó.’ Người đó không còn nghĩ tới chuyện: ‘Rồi có ngày ta cũng sẽ như vậy, với sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, ta sẽ chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi ta chứng nhập trong đó, ta sẽ an trú trong đó.’ Vì sao không còn? Bởi vì hy vọng trước kia về sự giải-thoát đã biến mất

sau khi người đó đã được giải-thoát. Đây được gọi là người đã vượt qua hy vọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong số những Tỳ kheo.”

14(4) Sự Quay Chuyển Bánh Xe

(I) “Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), là một vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, cũng không quay chuyển bánh xe nếu không có vị vua trên ông ta.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Nhưng, thưa Thế Tôn, ai là vị vua ở trên vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp đó?”

“Đó chính là Giáo Pháp, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.²⁹¹

“Ở đây, này Tỳ kheo, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những người trong hoàng cung của ông. Lại nữa, một vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho những chư thần giai cấp chiến-sĩ, quân đội, những bà-la-môn và những gia chủ, những người ở thành thị và thôn quê, những tu sĩ và bà-la-môn, những súc vật và chim muông. Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ cho tất cả những chúng-sinh như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe đó, vị vua chân chánh trị vì bằng Giáo Pháp, chỉ quay chuyển bánh xe nhờ vào duy nhất Giáo Pháp,²⁹² đó là bánh xe không thể nào bị quay ngược

bởi chúng sinh hung bạo nào trong hình dạng con người.²⁹³

(II) (1) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những hành-động (thân nghiệp), tuyên thuyết rằng: ‘Hành động này nên tu dưỡng; hành động kia không nên tu dưỡng.’

(2) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những lời-nói (khẩu nghiệp), tuyên thuyết rằng: ‘Lời nói này nên tu dưỡng; lời nói kia không nên tu dưỡng.’

(3) “Lại nữa, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là vị vua chân chánh của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh, tôn trọng và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp là tiêu-chuẩn, là ngọn-cờ, là thẩm-quyền, cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với những tâm-ý (ý nghiệp), tuyên thuyết rằng: ‘Tâm ý này nên tu dưỡng; tâm ý kia không nên tu dưỡng.’

“Sau khi đã cung cấp sự bảo-vệ chân chánh, sự che-chở, sự phòng-hộ đối với thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp như vậy, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thiết lập sự quay chuyển bánh xe Giáo Pháp (Pháp luân) nhờ vào duy nhất Giáo Pháp, đó là bánh xe không thể nào có thể bị quay ngược bởi bất cứ tu sĩ, bà-la-môn, thiên thần, Ma-vương, hay Trời Brahmā, hay bất cứ ai trong thế gian.”

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana; (*Isipatana* có nghĩa là nơi những thiên thần hạ thế). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thuở kiếp xưa có một vị vua tên là Pacetana.²⁹⁴ Vua Pacetana nói với một người đóng xe ngựa: ‘Này chú đóng xe ngựa, sáu tháng nữa sẽ có một trận chiến. Chú có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được không?’ — ‘Dạ được, thưa đức vua’, người đóng xe trả lời. Trước sáu ngày đến hạn sáu tháng, người đóng xe mới làm xong một bánh xe. Vua Pacetana mới hỏi người đóng xe: ‘Còn sáu ngày nữa là tới ngày chiến trận. Chú có thể làm xong hai bánh xe được không?’ Người đóng xe trả lời: ‘Thưa đức vua, trong một thời gian sáu tháng thiếu sáu ngày tiện dân mới làm xong một bánh xe.’ — ‘Nhưng này chú đóng xe, ta đang hỏi vậy trong sáu ngày nữa chú có làm xong được cả hai bánh xe hay không?’ — ‘Dạ tiện dân làm được, thưa đức vua’, người đóng xe trả lời. Rồi, trong sáu ngày tiếp theo người đóng xe đã làm xong hai bánh xe. Ông ta mang cặp bánh xe mới đến cho Vua Pacetana và nói: ‘Thưa đức vua, đây là cặp bánh xe tiện dân mới làm xong cho đức vua.’ — ‘Này chú đóng xe ngựa, cái gì là sự khác nhau giữa bánh xe làm xong trong sáu tháng thiếu sáu ngày và bánh xe được làm xong trong sáu ngày? Ta nhìn không thấy sự khác nhau nào giữa chúng.’ — ‘Thưa đức vua, có sự khác nhau đó ạ. Xin đức vua hãy nhìn kỹ sự khác nhau đó.’

“Rồi người đóng xe lăn cái bánh xe được làm trong sáu ngày. Nó lăn đến hết động lực (trón, lực đẩy ban đầu) của nó, rồi chao đảo và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày thì lăn hết động lực của nó rồi đứng yên, cứ như nó được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.

“[Nhà vua hỏi:] ‘Tại sao vậy, này chú đóng xe, tại sao có sự khác nhau như vậy?’

“[Người đóng xe trả lời:] ‘Thưa đức vua, cái bánh xe được làm trong sáu ngày có vành bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; các cãm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm; đùm bánh xe bị vẹo, bị tật lỗi, và bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực là chao đảo (mất thăng bằng) và ngã nằm xuống đất. Nhưng cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày có vành xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; các cãm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm; đùm bánh xe không bị vẹo, không bị tật lỗi, và không bị khuyết điểm. Vì lý do đó, nó chạy hết động lực rồi đứng yên, cứ như nó được gắn chắc vào một trục bánh xe vậy.’

“Này các Tỳ kheo, có thể các thầy nghĩ về người đóng xe ngựa lúc đó là ai khác. Nhưng hãy thôi nghĩ vậy, người đóng xe lúc đó chính là ta. Trong kiếp đó, ta rất thiện khéo về sự cong vẹo, bị tật lỗi, và những khuyết điểm của gỗ mộc. Nhưng thời kiếp này ta là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, (1) rất thiện khéo về sự cong vẹo, bị tật lỗi, và những khuyết điểm của thân; (2) rất thiện khéo về sự cong vẹo, bị tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng; và (3) rất thiện khéo về sự cong vẹo, bị tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm.

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *chưa* loại bỏ sự cong vẹo (bất chính), những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, miệng, tâm (ba nghiệp) là coi như đã bị rớt khỏi Giáo-Pháp và giới-luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu ngày [bị ngã rớt xuống đất].

“Những Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào *đã* loại bỏ sự cong vẹo (bất chánh), những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân, miệng, tâm là coi như đã đứng vững trong Giáo-Pháp và giới-luật này, giống như cái bánh xe được làm trong sáu tháng thiếu sáu ngày [đứng vững cứ như được gắn chắc vào trục bánh xe vậy].

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo (bất chính), những tật lỗi, và những khuyết điểm của thân (hành động); Chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của miệng (lời nói); Chúng ta sẽ loại bỏ sự cong vẹo, những tật lỗi, và những khuyết điểm của tâm (tâm ý).’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

16(6) Không Làm Lỗi

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm-chất này là một Tỳ kheo đang tu tập theo phương cách không làm-lỗi (không sai lạc, không sai lầm, chắc chắn đúng đắn) và đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.²⁹⁵ Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), tiết độ trong ăn uống, và sống hết mình vì sự tỉnh-thức.²⁹⁶

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người *phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận*? Ở đây, khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu (tướng, hình tướng) và những đặc-điểm (nét, đường nét, chi tiết) của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền bức (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh ... Khi ngửi thấy một mùi-hương ... Khi nếm thấy một mùi-vị ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, một Tỳ kheo *không* nắm giữ những dấu-hiệu và những đặc-điểm của nó. Bởi vì, nếu người đó để lơ căn-tâm không được kiểm chế, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như thèm-muốn (tham) và phiền-bức (ưu) sẽ xâm chiếm người đó, người đó tu tập cách kiểm chế nó, người đó phòng hộ căn-tâm, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-

tâm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo *tiết độ trong ăn uống*? Ở đây, sau khi suy xét kỹ càng, một Tỳ kheo ăn uống không phải vì sự thích thú ăn uống, không phải để chuốc độc vào thân, không phải để làm cho thân thể đẹp đẽ và hấp dẫn, nhưng chỉ để nuôi sống và duy trì thân này, để khỏi bị khó-ở (do đói, yếu, đau, bệnh tật), và để hỗ trợ đời sống thánh thiện (nuôi thân để tu); người đó nghĩ rằng: ‘Làm vậy là ta trừ diệt cảm-giác cũ (như đói, khát, thèm) và không phát khởi một cảm-giác mới (thấy thích, khoái, thèm thức ăn ngon ...), và ta được mạnh khỏe, và không bị tội lỗi (không bị chê trách), và sống được thư thái (như không bị mệt mỏi, buồn ngủ, hay hôn trầm khi ngồi thiền... nếu ăn quá nhiều).’

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một người luôn hết mình (tận tụy) vì sự tỉnh-thức? Ở đây, suốt ngày, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại (năm chướng-ngại). Trong canh một ban đêm, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Trong canh giữa, người đó nằm nghiêng bên phải như tư thế sư tử nằm, với chân trái nằm trên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), lưu ý trong tâm về lúc (thời điểm) mình sẽ dậy. Rồi đến canh ba, sau khi đã dậy, trong khi đang đi tới và đang đi lui và khi đang ngồi, một Tỳ kheo thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng-ngại. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người sống hết mình vì sự tỉnh-thức.

“Một Tỳ kheo có được ba phẩm-chất này là đang tu tập con đường không lầm-lỗi và đã đặt nền-móng cho sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

17(7) Làm Khổ Mình...

“Này các Tỳ kheo, ba đặc-tính (phẩm chất) này dẫn tới sự khổ sở

cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người khác? Hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Ba đặc-tính này dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người khác.

“Ba đặc-tính này không dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người khác? Hành động chân chánh, lời nói chân chánh, và tâm ý chân chánh. Ba đặc-tính này không dẫn tới sự khổ sở cho mình, sự khổ sở cho người khác, và sự khổ sở cho mình và người khác.”

18(8) *Thiên Thân*

“Này các Tỳ kheo, nếu những tu sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này bạn hữu, có phải các bạn sống đời sống tâm linh (đi tu) theo samôn Cồ-đàm là vì mục đích được tái sinh trong cõi những thiên thần (tiên giới) phải không?’, thì các thầy có cảm thấy chán chê, nhục nhã, hay ghê tởm với điều đó (đạo tu tiên) không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm với tuổi thọ ở cõi trời, vẻ đẹp cõi trời, hạnh phúc cõi trời, huy hoàng cõi trời, và uy quyền cõi trời, thì các thầy càng nên cảm thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm với hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái (khi đang sống ở cõi này).”

19(9) *Chủ Tiệm (1)*

— “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố thì một người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa có được hay gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm không chuyên chú hết mình vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có ba

yếu tố này thì người chủ tiệm không thể kiếm được của cải chưa kiếm được hay gia tăng của cải đã kiếm được.

“Cũng giống như vậy, có ba yếu tố thì một Tỷ kheo không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỷ kheo không chuyên chú hết mình vào vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có ba yếu tố này thì Tỷ kheo đó không thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được hay gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được.

— “Này các Tỷ kheo, có được ba yếu tố thì một người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa có được và gia tăng của cải đã có được. Ba đó là gì? Ở đây, một người chủ tiệm chuyên chú hết mình vào công-việc trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm có thể kiếm được của cải chưa kiếm được và gia tăng của cải đã kiếm được.

“Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố thì một Tỷ kheo có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỷ kheo chuyên chú hết mình vào đối-tượng thiền định trong buổi sáng, trong buổi trưa, hay trong buổi chiều. Có được ba yếu tố này thì Tỷ kheo đó có thể đạt được một trạng thái thiện lành chưa đạt được và gia tăng trạng thái thiện lành đã đạt được.”

20(10) Chủ Tiệm (2)

— “Này các Tỷ kheo, có ba yếu tố thì một chủ tiệm sẽ mau chóng kiếm được nhiều của cải lớn lao. Ba đó là gì? Ở đây, một chủ tiệm có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ làm ăn (ân nhân).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người chủ tiệm là có mắt tinh tường? Ở đây, một người chủ tiệm biết rõ từng mặt hàng: ‘Mặt hàng này được mua giá đó và được bán giá đó, nó cần bao nhiêu tiền để mua và bán lại được bao nhiêu lời.’ Theo cách như vậy là người chủ tiệm có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một người chủ tiệm là có trách nhiệm? Ở đây, một người chủ tiệm đảm đang giỏi việc mua và bán các mặt hàng. Theo cách như vậy là người chủ tiệm có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một người chủ tiệm là có những người giúp đỡ làm ăn? Ở đây, những gia chủ giàu, rất giàu có, nhiều của cải và con trai của họ biết người chủ tiệm đó như vậy: ‘Người chủ tiệm tốt này có mắt tinh tường và có trách nhiệm; người này có thể nuôi nấng vợ con và dần dần trả lại tiền cho chúng ta.’ Theo cách như vậy là người chủ tiệm có những người giúp đỡ làm ăn.

“Có được ba yếu tố này thì người chủ tiệm đó mau chóng kiếm được nhiều của cải lớn lao.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được ba đặc tính (phẩm chất) thì một Tỳ kheo sẽ mau chóng đạt tới nhiều trạng thái thiện lành lớn lao. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có mắt tinh tường, có trách nhiệm, và có những người giúp đỡ tu học (ân sư, ân huynh).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có mắt tinh tường? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có mắt tinh tường.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có trách nhiệm? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và đạt tới những phẩm chất thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự nỗ lực, không xao lãng khỏi bốn phạm tu dưỡng những

phẩm chất thiện lành. Theo cách như vậy là một Tỷ kheo có trách nhiệm.

(3) “Và theo cách nào một Tỷ kheo là có những người giúp đỡ tu học? Ở đây, một Tỷ kheo thường đến gặp những Tỷ kheo học hiểu nhiều, là những người thừa kế di sản, những người thiện giỏi về Giáo Pháp, những người thiện giỏi về giới luật, những người thiện giỏi về những chủ đề đại cương (toát yếu),²⁹⁷ để tìm hiểu học hỏi: ‘Thưa Thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị ấy sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn mập mờ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về nhiều vấn đề còn làm nghi ngờ. Theo cách như vậy là một Tỷ kheo đó có những người giúp đỡ tu hành.

“Có được ba đặc tính này thì Tỷ kheo đó sẽ mau chóng đạt tới nhiều phẩm chất thiện lành lớn lao.”

NHÓM 3

NGƯỜI

21(1) *Savitt̥ha*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Savitt̥ha và Ngài Đại Câu-hi-la [Mahākot̥hita] đến gặp Ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Savitt̥ha:

(1) “Này đạo hữu Savitt̥ha, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người thân chúng, người đã đạt tới cách-

nhìn (chánh kiến), và người được giải thoát nhờ niềm-tin.²⁹⁸ Đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người được giải thoát nhờ niềm-tin là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn niềm-tin (tín) của người này là chủ lực (ưu thế, nổi bật, trọng hơn).”

(2) Tiếp theo thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trong ba loại người này, theo tôi người thân chứng là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn thiên-định của người này là chủ lực.”

(3) Tiếp theo thầy Đại Câu-hi-la nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đây là ba loại người thấy có trong thế gian. Trong ba loại người này, theo thầy ai là xuất sắc và siêu phàm nhất?”

“Này đạo hữu Câu-hi-la, trong ba loại người này, theo tôi người đạt tới chánh kiến là xuất sắc và siêu phàm nhất. Vì lý do gì? Vì căn trí-tuệ của người này là chủ lực.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất mới nói với hai thầy kia: “Này các đạo hữu, mỗi người chúng ta đều giải thích theo ý của mình. Vậy chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và kể lại vấn đề này. Khi đức Thế Tôn giải thích vấn đề này, chúng ta sẽ ghi nhận trong tâm.”

“Được, đạo hữu”, hai thầy kia đáp lại. Rồi ba thầy đó đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào²⁹⁹ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Thầy Xá-lợi-phất đã kể lại cho đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo của ba thầy.

[Đức Thế Tôn nói rằng:] “Này Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố

dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(1) “Vì có thể rằng ‘người được giải thoát nhờ niềm-tin’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người thân chứng’ và ‘người đã đạt tới chánh-kiến’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Nay Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(2) “Có thể ‘người thân chứng’ đang tu tập để chứng A-la-hán, trong khi ‘người được giải thoát nhờ niềm-tin’ và ‘người đạt tới chánh-kiến’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Nay Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’

(3) “Có thể ‘người đã đạt tới chánh-kiến’ đang tu tập để chứng A-la-hán,³⁰⁰ trong khi ‘người thân chứng’ và ‘người được giải thoát nhờ niềm-tin’ chỉ mới là bậc Nhất-lai hay Bất-lai. Nay Xá-lợi-phất, không dễ gì tuyên bố dứt khoát về vấn đề này rằng: ‘Trong ba loại người này, đây là xuất sắc và siêu phàm nhất.’”

22(2) Những Loại Người Bệnh

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người bệnh được thấy trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người bệnh sẽ không khỏi bệnh cho dù người đó có ăn uống đúng, thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi hay không. (2) Người bệnh sẽ khỏi bệnh cho dù người đó có ăn uống đúng, thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi hay không. (3) Người bệnh sẽ khỏi bệnh chỉ khi người đó ăn uống đúng, nếu không thì không khỏi; thuốc men đúng, nếu không thì không khỏi, và có người chăm sóc giỏi, nếu không thì không khỏi.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người bệnh (thứ ba) chỉ khỏi bệnh

khi có ăn uống đúng, thuốc men đúng, và có người chăm sóc giỏi—nên những thức ăn thức uống, và thuốc men, và người chăm sóc giỏi đã được chỉ định. Nhưng, do đã sẵn có sự chỉ định đó để chăm sóc cho loại người bệnh này, nên những người bệnh loại khác cũng được chăm sóc luôn như vậy. Ba loại người bệnh này được thấy có trong thế gian.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba loại người giống ba loại người bệnh đó được thấy trong thế gian. Ba đó là gì? Ở đây là, (1) người sẽ không bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chánh (đúng đắn) trong những phẩm chất thiện lành,³⁰¹ cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai hay không. (2) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành, cho dù người đó có gặp Như Lai hay không, có nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai hay không. (3) Người sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có [của] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành, chỉ khi người đó gặp được Như Lai, nếu không thì không được và nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, nếu không thì không được.

“Vì để chăm sóc riêng cho loại người thứ (3) sẽ bước vào ‘đạo lộ đã được định xong’ gồm có sự chân chánh trong những phẩm chất thiện lành chỉ khi người đó gặp được Như Lai, và nghe được Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai—nên những sự giảng dạy Giáo Pháp đã được chỉ định. Nhưng, do đã có sẵn những sự giảng dạy Giáo Pháp đó được chỉ định cho loại người này, nên những loại người khác cũng được giảng dạy Giáo Pháp đó luôn như vậy. Ba loại người này giống như ba loại người bệnh được thấy có trong thế gian.”

23(3) *Những Sự Tạo Tác Cố Ý*

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian.

Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người tạo tác những hành-động gây đau khổ, những lời-nói gây đau khổ, và những tâm-ý gây đau khổ. Hệ quả là, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ. Khi người đó bị tái sinh trong một cảnh giới gây đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi bị chạm xúc với những tiếp-xúc gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác đau khổ, chỉ toàn đau khổ, thí dụ như trường hợp những chúng sinh dưới địa ngục.

(2) “Có người tạo tác những hành-động không gây đau khổ, những lời-nói không gây đau khổ, và những tâm-ý không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới không gây đau khổ, những tiếp-xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi được chạm xúc với những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận những cảm-giác không đau khổ, chỉ toàn vui sướng, thí dụ như trường hợp những thiên thần ở cõi trời hào quang chói lợi (cõi Biên tịnh thiên).³⁰²

(3) “Có người tạo tác cả những hành-động gây đau khổ và những hành-động không gây đau khổ, những lời-nói gây đau khổ và những lời-nói không gây đau khổ, và những tâm-ý gây đau khổ và những tâm-ý không gây đau khổ. Hệ quả là, người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ. Khi người đó được tái sinh trong một cảnh giới vừa có đau khổ và không có đau khổ, những tiếp-xúc gây đau khổ và những tiếp-xúc không gây đau khổ chạm xúc người đó. Khi chạm xúc với những tiếp-xúc gây đau khổ và những tiếp-xúc không gây đau khổ, người đó cảm nhận cả những cảm-giác đau khổ và những cảm-giác không đau khổ, vừa có khổ và có sướng, thí dụ như trường hợp những chúng sinh là con người, một số loại thiên thần, và một số chúng sinh trong những cảnh giới thấp xấu.³⁰³

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

24 (4) Hữu Ích

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này là hữu ích đối với người khác (tha nhân). Ba đó là gì?

(1) “Loại người mà nhờ có họ nên người khác đã quy y nương tựa theo Phật, Pháp, và Tăng. Loại người này thực là hữu ích đối với người khác.

(2) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Loại người này thực là hữu ích đối với người khác.”³⁰⁴

(3) “Lại nữa, loại người mà nhờ có họ nên người khác, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Loại người này thực là hữu ích đối với người khác.

“Đây là ba loại người hữu ích đối với người khác.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, không có loại người nào là hữu ích đối với người khác nhiều hơn ba loại người này. Ta cũng nói rằng, không dễ gì trả hết ơn nghĩa cho ba loại người này cho dù có kính lễ họ, đứng dậy nhường chỗ ngồi cho họ, xá lạy họ, cư xử phải phép với họ, và cúng dường họ với bằng y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi họ bị bệnh.”

25 (5) Như Kim Cương

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế

gian. Ba đó là gì? Người có tâm giống như vết thương hở, người có tâm như tia chớp, và người có tâm như kim cương.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có tâm như vết thương hở? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Giống như một vết thương đang bung mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bung ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú. Loại người này được cho là có tâm như một vết thương hở.

(2) “Và cái gì là người có tâm như tia chớp? Ở đây, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Giống như, giữa bầu đen đêm tối, một người có mắt sáng có thể nhìn thấy các thứ nhờ ánh sáng một tia chớp; cũng giống như vậy, có người hiểu được (bốn Diệu Đế) đúng như nó thực là ... Đây là loại người có tâm như tia chớp.

(3) “Và cái gì là người có tâm như kim cương? Ở đây, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Giống như kim cương có thể cắt đứt tất cả mọi thứ, dù là ngọc thạch hay đá cứng; cũng giống như vậy, có người, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là loại người có tâm như kim cương.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

26 (6) *Giao Lưu*

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; (2) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; và (3) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người thấp hèn [so với mình] về đức-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; nếu không vì lòng tha thương và bi mẫn đối với họ.

(2) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người ngang bằng [so với mình] về đức-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì ta biết nghĩ như vậy:] ‘Vì chúng ta là như nhau về mặt đức-hạnh ... về mặt thiền-định ... về mặt trí-tuệ, chúng ta sẽ đàm đạo về đức-hạnh ... thiền-định ... trí-tuệ, và sự đàm đạo đó sẽ dễ dàng hợp với nhau, và chúng ta sẽ thấy dễ chịu.’ Do đó, người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(3) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng? Ở đây, có người cao siêu [so với mình] về đức-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì ta biết nghĩ như vậy:] ‘Theo cách như vậy ta sẽ hoàn thành mớ (uẩn, đống) đức-hạnh ... mớ thiền-định ... mớ trí-tuệ mà ta chưa hoàn thành, hoặc (tốt hơn nữa) sẽ trợ giúp về nhiều mặt cho mớ đức-hạnh ... mớ thiền-định ... mớ trí-tuệ mà ta đã hoàn thành.’ Do đó, người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần với sự tôn vinh và kính trọng.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Giao lưu với người thấp hèn sẽ bị sat sút;
Giao lưu với người ngang bằng không bị sa sút;
Gặp gỡ người cao siêu sẽ phát triển nhanh chóng;
Do vậy mình nên noi theo người cao siêu hơn mình.

27 (7) Với Sự Ghê Tởm ...

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Người nên được nhìn bằng sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; (2) người nên được nhìn bằng sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần; và (3) người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là loại người nên được nhìn bằng sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người là vô đạo đức (bất lương), thuộc tính xấu ác, có hành vi không trong sạch và đáng ngờ, có hành động lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không sống độc thân mà tự xưng là độc thân, bên trong thói nát, suy đồi, trụy lạc. Người như vậy nên được nhìn bằng sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? Cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng tin đồn xấu về mình vẫn lưu truyền xung quanh, như: ‘Ông đó có những bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’ Giống như một con rắn mới bò qua đồng phân dơ ghê tởm, cho dù nó không ăn phân, nhưng người nó cũng bị dính dơ thúi; cũng giống như vậy, cho dù mình không làm theo loại người như vậy, nhưng tin đồn xấu về mình vẫn lưu truyền xung quanh, như: ‘Ông đó có những bạn bè xấu, đồng môn xấu, đồng đạo xấu.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn bằng sự ghê-tởm, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(2) “Và cái gì là loại người nên được nhìn bằng sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người dễ nóng giận và dễ bị

chọc tức. Ngay cả khi bị phê bình góp ý chút xíu người đó cũng mất bình tĩnh và trở nên tức tối, hung dữ, và cương ngạnh; người đó thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú.

Giống như một vết thương đang bùng mủ, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì máu mủ càng bùng ra nhiều hơn; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú.

Giống như khúc gỗ cây *tinduka* đang cháy, chỉ cần một cái que hay miếng nhọn chạm vào chút xíu thì nó càng bùng cháy kêu răng rắc; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú.

Giống như một hầm phân dơ thúi, chỉ cần một cái que hay một miếng nhọn chọt vào chút xíu thì nó càng bùng bốc mùi hôi thúi; cũng giống như vậy, có người dễ nóng giận và dễ bị chọc tức ... thể hiện sự tức tối, sự hung dữ, và sự cay cú.

Người như vậy nên được nhìn bằng sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? [Vì mình biết nghĩ:] ‘Người như vậy có thể sỉ nhục ta, chửi bới ta, và làm hại.’ Do đó, loại người như vậy nên được nhìn bằng sự xả-bỏ, không nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

(3) “Và cái gì là loại người nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần? Ở đây, có người là đức hạnh và thuộc tính cách thiện. Người như vậy thì nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần. Vì lý do gì? Cho dù mình không làm noi theo người đó, thì tin đồn tốt về mình vẫn được lưu truyền xung quanh, như: ‘Ông đó có bạn bè tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’. Do đó, loại người như vậy nên giao lưu, gặp gỡ, và ân cần.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

[*Tiếp tục là phần thi kệ giống như cuối kinh 3:26 ở trên.*]

28 (8) Lời Nói Như Phân ...

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có lời nói như phân, người có lời nói như hoa, và người có lời nói như mật.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có lời nói như phân? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vậy: ‘Này người tốt, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói không biết, điều không biết anh ta nói biết; điều nhìn thấy anh ta lại nói không nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta lại nói nhìn thấy.’ Như vậy anh ta đã cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay chỉ vì những lợi ích phàm tục nhỏ nhất.³⁰⁵ Đây được gọi là người có lời nói như phân.

(2) “Và cái gì là người có lời nói như hoa? Ở đây, có người khi được triệu tập tới một hội đồng, tới một hội nghị, tới chỗ có mặt những người thân thuộc của mình, tới hội đoàn của mình, hoặc tới tòa án, và được hỏi như một nhân chứng như vậy: ‘Này người tốt, hãy nói những gì anh biết’: rồi điều biết anh ta nói biết, điều không biết anh ta nói không biết; điều nhìn thấy anh ta nói nhìn thấy, điều không nhìn thấy anh ta nói không nhìn thấy.’ Như vậy anh ta không cố tình nói dối vì bản thân mình, hay vì người khác, hay vì những lợi ích phàm tục nhỏ nhất. Đây được gọi là người có lời nói như hoa.

(3) “Và cái gì là người có lời nói như mật? Ở đây, có người, sau khi đã dẹp bỏ lời nói gắt gỏng nạt nộ, người đó kiêng cử lời nói gắt gỏng nạt nộ. Người đó chỉ nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, như đi vào lòng, lịch sự, được nhiều người thích, được nhiều người đồng tình. Đây là người có lời nói như mật.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

29 (9) Đui Mù ...

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người đui mù, người một mắt, và người hai mắt.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người đui mù? Ở đây, có người thiếu loại con mắt để có thể kiếm được của cải (sự giàu có) chưa có được hay để gia tăng của cải đã có được, và người đó cũng thiếu luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất thiện và phẩm chất bất thiện, những phẩm chất vô tội lỗi và phẩm chất tội lỗi, những phẩm chất cao siêu và phẩm chất thấp kém, những phẩm chất sáng và tối với những phẩm chất ngược lại (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người đui mù.

(2) “Và cái gì là người một mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, nhưng người đó còn thiếu loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất thiện và phẩm chất bất thiện, những phẩm chất vô tội lỗi và phẩm chất tội lỗi, những phẩm chất cao siêu và phẩm chất thấp kém, những phẩm chất sáng và tối với những phẩm chất ngược lại (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người một mắt.

(3) “Và cái gì là người hai mắt? Ở đây, có người có được loại con mắt để có thể kiếm được của cải chưa có được và để gia tăng của cải đã có được, và người đó cũng có luôn loại con mắt để có thể biết được những phẩm chất thiện và phẩm chất bất thiện, những phẩm chất vô tội lỗi và phẩm chất tội lỗi, những phẩm chất cao siêu và phẩm chất thấp kém, những phẩm chất sáng và tối với những phẩm chất ngược lại (tối và sáng) của chúng. Đây được gọi là người hai mắt.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Loại người đui mù không kiếm được của cải,
Cũng không làm nghiệp phước thiện;

Nghèo thiếu cả hai loại con mắt,
Giống như quăng sự bất-phước vào cả hai phần đó.

Loại người một mắt giống như kẻ đạo đức giả,
Chỉ lo kiếm của cải, chân chánh có, bất chính có.
Bằng cách gian lận, bằng lời gian dối,
Mê đắm đục lạc, chỉ giỏi phần làm giàu.
Sau này xuống địa ngục, người một mắt nếm trái đọa đầy.

Loại người hai mắt được cho là tốt nhất.
Của cải của người đó³⁰⁶ kiếm được bằng tự thân nỗ lực,
Bằng cách chân chánh và chánh pháp.
Người đó bố thí với những ý-hành thiện lành.

Loại người này có tâm không phân vân, phân hướng.
Sẽ đi [tái sinh] tới một cảnh giới siêu xuất,
Sau khi tới đó, ở đó, người đó không còn ưu sầu.

Mình nên tránh xa loại người đui và người một mắt,
Nhưng mình nên giao hữu gặp gỡ loại người có hai mắt,
Đó là loại người tốt nhất.

30 (10) Bị Lộn Đầu...

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người có trí tuệ lộn đầu, người có trí tuệ trên bắp vế, và người có trí tuệ rộng lớn.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người có trí tuệ bị lộn đầu? Ở đây, có người thường đến chùa chiền [tu viện, tịnh xá] để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo. Những Tỳ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với

câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ chỉ ra (cho thấy) đời sống tâm linh (đời sống xuất gia) toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó không chú tâm (tác ý, lưu tâm) vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối.

“Giống như, khi một cái bình đựng nước bị úp lộn đầu, nước có chảy vào trong bình thì cũng tuôn chảy hết ra và không giữ lại giọt nào; cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Đến sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn không chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ bị lộn đầu.

(2) “Và cái gì là người có trí tuệ trên bắp vế? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Những Tỷ kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ chỉ ra (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó có chú tâm (tác ý, lưu tâm) vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối.

“Giống như, khi một người có nhiều thứ để trên bắp vế—như hột mè, gạo, bánh, và táo tàu—nếu người đó không để ý chú tâm khi đứng dậy, người đó sẽ làm rớt hết những thứ đó; cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo Nhưng sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó không còn chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ trên bắp vế.

(3) “Và cái gì là người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo. Những Tỷ

kheo chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; họ chỉ ra (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết. Trong khi đang ngồi nghe, người đó chú tâm (tác ý, lưu tâm) vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối.

“Giống như, khi một cái bình đựng nước được đặt thẳng đứng, nước có chảy vào trong đó thì vẫn còn nguyên trong đó, và không bị chảy mất; cũng giống như vậy, có người thường đến chùa chiền để lắng nghe Giáo Pháp từ những Tỷ kheo Và sau khi đứng dậy khỏi chỗ ngồi, người đó vẫn chú tâm vào cuộc pháp thoại ở lúc đầu, ở lúc giữa, và ở lúc cuối. Đây được gọi là người có trí tuệ rộng lớn.

“Này các Tỷ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

Người có trí tuệ lộn đầu, ngu ngốc và thiếu nhận biết,
 Hay đến gặp các Tỷ kheo [để nghe họ chỉ dạy Giáo Pháp].
 Nhưng người này không nắm bắt được gì,
 Từ cuộc pháp thoại: từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối;
 Bởi người đó thiếu hẳn trí tuệ.

Người có trí tuệ trên bấp về được cho là tốt hơn.
 Cũng thường xuyên đến gặp các Tỷ kheo [để nghe Giáo Pháp].
 Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ,
 Từ cuộc pháp thoại: từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối;
 Nhưng sau khi đứng dậy, người đó không còn hiểu gì,
 Quên mất hết những điều đã nghe học.

Người có trí tuệ rộng lớn được cho là tốt nhất.
 Cũng thường xuyên đến gặp các Tỷ kheo [để nghe Giáo Pháp].
 Trong khi ngồi nghe, người đó nắm bắt từng câu chữ,
 Từ cuộc pháp thoại: từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối.

Sau khi đứng đây, vẫn còn như vậy.

Loại người này có những sự chú tâm tốt nhất,
Tâm người đó không bị phân tâm, phân hướng;
Lưu tâm lưu giữ những điều đã nghe học.
Và thực hành đúng theo Giáo Pháp đã học,
Người đó có thể chấm dứt khổ đau.

NHÓM 4

THIÊN SỨ

31(1) *Như Trời Brahṃā*

“Này các Tỳ kheo, (1) những gia đình sống có vị trời [Brāhma] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (2) Những gia đình sống có các vị tổ sư khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. (3) Những gia đình sống có những bậc đáng cúng dường khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

“Này các Tỳ kheo, ‘vị trời’ [Brāhma] ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. ‘Các vị tổ sư’ (những vị thầy đầu tiên) ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. ‘Những bậc đáng cúng dường’ ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. Vì lý do gì? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian.”

Cha mẹ được gọi là “Trời” và “bậc tổ sư”.
Họ đáng được cúng dường bởi con cái,
Vì họ có lòng bi mẫn đối với con cái.

Do vậy người có trí nên kính trọng họ, và tôn vinh họ,
Phục vụ họ thức ăn thức uống, quần áo, và chỗ nằm,

Kính cần xoa bóp, và tắm tấp, và rửa chân cho họ.

Do phụng sự cha mẹ như vậy,
Người có trí được khen ngợi trong thế gian này,
Và sau khi chết người đó hưởng phước trong cõi trời.

32(2) Với Ānanda

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, liệu một Tỳ kheo có thể đạt tới trạng thái định-tâm trong đó: (1) người đó không còn tạo nên cái ‘ta’ (ngã kiến), tạo nên cái ‘của-ta’ (ngã sở kiến), và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự tự-ta (tự ngã) đối với cái thân-có-thức này; (2) người đó không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng (hình tướng) bên ngoài; và (3) người đó có thể chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người đã chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát) đó?”³⁰⁷

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt tới trạng thái định như vậy?”

“Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo biết suy nghĩ như vậy: ‘(Trạng thái) này là bình an, này là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặng mọi hành-vi (các hành tạo tác), là sự từ-bỏ mọi chấp-thủ (đính chấp về những sở hữu và về những quan điểm, những chứng đắc này nọ), sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Theo cách như vậy, này Ānanda, một Tỳ kheo có thể đạt tới trạng thái định như vậy trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn

tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này; trong đó người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả mọi đối-tượng bên ngoài; và người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó).

Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phần “*Những Câu Hỏi Của Puṇṇaka*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (Đáo Bỉ Ngạn) như sau:³⁰⁸

“Sau khi đã thấu hiểu những điều cao điều thấp trong thế giới,
Người đó không còn lo ngại bởi thứ gì trong thế gian.
Bình an, bình thản, hết bị phiền rối, hết mong cầu,
Ta nói rằng, người đó đã thoát khỏi sinh-già.”

33(3) Với Xá-lợi-phất³⁰⁹

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết; ta có thể chỉ dạy Giáo Pháp vừa ngắn gọn vừa chi tiết. Số người hiểu được cũng hiếm.”

“Giờ là đúng lúc, thưa đức Thế Tôn. Giờ là đúng lúc, thưa bậc Phúc Lành. Bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách ngắn gọn; bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách chi tiết, bậc Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp một cách vừa ngắn gọn vừa chi tiết.”

“Nếu vậy, này Xá-lợi-phất, các thầy nên tu tập bản thân như vậy:

(1) ‘Sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này;

(2) sẽ không có sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và (3) chúng ta sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó). Nay Xá-lợi-phất, chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.

“Nay Xá-lợi-phất, khi một Tỷ kheo không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với cái thân-có-thức này; khi người đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với tất cả những đối-tượng bên ngoài; và khi người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát đó của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, nhờ đó không còn sự tạo nên cái ‘ta’, sự tạo nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ đối với người chứng nhập và an trú trong (trạng thái giải thoát đó), thì người đó được gọi là một Tỷ kheo đã cắt đứt dục-vọng, đã lột bỏ gông-cùm, đã hoàn toàn phá bỏ sự tự-ta (tự ngã), đã làm nên sự diệt-khổ.

Và khi đề cập về trạng thái này, ta đã nói trong phân “*Những Câu Hỏi Của Udaya*”, thuộc chương “*Pārāyana*” (Qua Bờ Bên Kia, Đáo Bỉ Ngạn) như sau:³¹⁰

“Dẹp bỏ hết cả hai:
 Những nhận-thức về nhục dục (tham),
 Và sự phiền-bực về nhục dục (u),
 Xua tan sự đờ-dẫn (hôn trầm),
 Xua bỏ sự hối-tiếc (trạo hối);³¹¹

“Đi trước là sự điều tra tìm hiểu Giáo Pháp (trạch pháp),
 Tiếp theo có sự buông-xả và chánh-niệm được thanh lọc:
 Ta nói rằng, đây là sự giải-thoát nhờ trí-biết cuối cùng:

Chính là sự phá vỡ vô-minh.”³¹²

34(4) *Những Nguyên Nhân*

— “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp [kamma]. Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *tham* tác tạo, do tham sinh ra, do tham gây ra, do tham làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở nơi sự-sống (‘con người’, ‘cá thể’) mới được tái sinh. Nghiệp chín muồi ở đâu, ở đó nghiệp quả được nếm trải, trong kiếp này, hay kiếp sau, hay trong thời sau nữa.”³¹³

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *sân* tác tạo, do sân sinh ra, do sân gây ra, do sân làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở nơi sự-sống (‘con người’, ‘cá thể’) mới được tái sinh. Nghiệp chín muồi ở đâu, ở đó nghiệp quả được nếm trải, trong kiếp này, hay kiếp sau, hay trong thời sau nữa.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *si* tác tạo, do si sinh ra, do si gây ra, do si làm khởi sinh, sẽ chín muồi ở nơi sự-sống (‘con người’, ‘cá thể’) mới được tái sinh. Nghiệp chín muồi ở đâu, ở đó nghiệp quả được nếm trải, trong kiếp này, hay kiếp sau, hay trong thời sau nữa.

“Này các Tỳ kheo, ví như những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng, rồi được gieo xuống miếng đất đã được vun xới kỹ càng trong một cánh đồng tốt và nhận được nước mưa đúng mức: theo cách như vậy những hạt giống đó sẽ mọc lên, lớn lên, và trưởng thành. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do tham ... sân ... si tác tạo, do tham ... sân ... si sinh ra, do tham ... sân ... si gây ra, do tham ... sân ... si làm khởi

sinh, sẽ chín muồi ở nơi sự-sống (‘con người’, ‘cá thể’) mới được tái sinh. Nghiệp chín muồi ở đâu, ở đó nghiệp quả được nếm trải, trong kiếp này, hay kiếp sau, hay trong thời sau nữa.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

— “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân (khác) cũng làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-tham* tác tạo, do vô-tham sinh ra, do vô-tham gây ra, do vô-tham làm khởi sinh, sẽ bị loại bỏ khi tham biến mất; nó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.³¹⁴

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-sân* tác tạo, do vô-sân sinh ra, do vô-sân gây ra, do vô-sân làm khởi sinh, sẽ bị loại bỏ khi sân biến mất; nó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi nghiệp do *vô-si* tác tạo, do vô-si sinh ra, do vô-si gây ra, do vô-si làm khởi sinh, sẽ bị loại bỏ khi si biến mất; nó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Này các Tỳ kheo, ví như có những hạt giống còn nguyên vẹn, không bị hư, không bị hư hại bởi gió và nắng nóng, còn tốt tươi, được bảo quản kỹ càng. Rồi một người đem chúng đi đốt, đốt cháy thành tro, và quăng tung tro lên gió mạnh hoặc quăng rải chúng xuống sông chảy xiết. Theo cách như vậy thì những hạt giống đó sẽ bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai. Cũng giống như vậy, mọi nghiệp do vô-tham ... vô-sân ... vô-si tác tạo, do vô-tham ... vô-sân ... vô-si sinh ra, do vô-tham ... vô-

sân ... vô-si gây ra, do vô-tham ... vô-sân ... vô-si làm khởi sinh, sẽ bị loại bỏ khi tham ... sân ... si biến mất; nó bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.”

“Này các Tỳ kheo, đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

Khi một người phạm ngu tạo nghiệp vì tham, sân, si,
Mọi nghiệp người đó tác tạo, dù ít hay nhiều,
Sẽ được nếm trải ngay tại đây (ngay ở tác nhân),
Không ở đâu khác (không ở người khác).

Do vậy người có trí biết dẹp bỏ nghiệp,
Do tham, sân, si gây ra.
Một Tỳ kheo, sau khi khởi sinh sự hiểu-biết
(Về nghiệp nhân và nghiệp quả từ tham, sân, si)
Thì loại bỏ được những nơi đến (tái sinh) xấu dữ.

35(5) Với Hattaka

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, trên một đường mòn do bò đi đang phủ đầy thảm lá khô trong rừng cây siṃsapā (cây gỗ hồng, cây hương đàn). Lúc đó có (gia chủ, hoàng tử) Hatthaka ở xứ Āḷavī,³¹⁵ đang đi bộ dạo mát, nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở đó. Ông ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có ngon không?”

“Có, này hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, những đêm đông như vậy rất lạnh. Một tiết dài tám ngày tuyết rơi.³¹⁶ Chỗ này đất bị đạp nát bởi trâu bò qua lại,

lớp lá khô không còn dày, lá trên cây thì thừa thớt, mây áo cà-sa đầu che nổi cơn lạnh, và gió hiu hút thổi lạnh căm. Vậy mà đức Thế Tôn vẫn nói “Có, hoàng tử, ta ngủ ngon. Ta là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.”

“Vậy thì, này hoàng tử, ta sẽ hỏi ngài về vấn đề này. Ngài cứ trả lời nếu thấy được. Này hoàng tử, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người gia chủ hay con trai ông ta đang có ngôi nhà mái nhọn, được trát vừa bên trong và bên ngoài, các cửa chốt cài chặt và các cửa sổ đóng chặt. Bên trong nhà có bộ trường kỷ trắng, phủ bằng tấm vải len, phủ bằng tấm vải thêu hoa, phủ bằng tấm da hươu, có mái vòm ở trên đầu, gối đỏ ở hai đầu. Đèn dầu thấp sáng và có bốn người vợ hầu hạ ông ta một cách vô cùng sung sướng. Ngài nghĩ sao, liệu ông ta có ngủ ngon hay không, ngài nghĩ sao về điều này?”

“Ông ta sẽ ngủ ngon, thưa Thế Tôn. Ông ta sẽ là một trong những người ngủ ngon trong thế gian.”

(1) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ [hay con trai ông ta] có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *tham-dục*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *tham-dục*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai đã dẹp bỏ *tham-dục* đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(2) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ [hay con trai ông ta] có những cơn sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *sân-bực*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ sân-bực, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai đã dẹp bỏ sự sân-bực đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

(3) “Ngài nghĩ sao, này hoàng tử? Có thể bên trong ông gia chủ [hay con trai ông ta] có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *si-mê*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn.”

“Có thể bên trong ông gia chủ có những con sốt thuộc thân và thuộc tâm phát sinh từ *si-mê*, chúng sẽ giày vò ông ta nên ông ta sẽ ngủ không ngon; nhưng Như Lai đã dẹp bỏ sự *si-mê* đó, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy ta ngủ ngon.

Người ngủ ngon,
Là bà-la-môn đã chứng ngộ Niết-bàn; đã nguội tắt,
Không còn chấp thủ, không còn ô nhiễm bởi dục lạc.
Đã cắt bỏ mọi ràng buộc dính chấp,
Sau khi đã loại bỏ sự khổ sở trong tâm,
Người bình an ngủ ngon giấc,
Vì đã đạt tới sự bình an của tâm.³¹⁷

36(6) Ba Thiên Sứ³¹⁸

“Này các Tỷ kheo, có ba thiên sứ đưa tin này.³¹⁹ Ba đó là gì?

“Một người có hành động xấu ác, lời nói xấu ác, tâm ý xấu ác. Khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa

ngục. Ở đó những cai ngục bắt giữ người đó bằng hai tay và lôi người đó tới trước Diêm Vương [Yama, Dạ-ma vương], Vua Cõi Chết³²⁰, và tâu rằng: ‘Thưa đức vương, kẻ này không tôn kính cha mẹ, không tôn kính bậc tu hành và các bà-la-môn, không kính nể các bậc chú bác trong gia đình. Mong đức vương giáng hình phạt đích đáng cho kẻ này!’

(1) “Rồi, này các Tỳ kheo, Diêm Vương hỏi tội người đó, khảo xét người đó, và nói với người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ nhất: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-nhất xuất hiện giữa loài người hay không?’

“Và người đó trả lời: ‘Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.’

“Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy một phụ nữ hay đàn ông nào tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đốn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác?’

“Và người đó trả lời: ‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“Rồi Diêm Vương nói với người đó: ‘Này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với ngươi hay sao, một người thông minh và trưởng thành có biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị *già* đi và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt”?’

““Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“Rồi Diêm Vương lại nói: ‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt.

Vậy thì, người sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của người. Những hành động xấu ác của người không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè, hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình người đã làm nghiệp xấu ác, và người phải nếm trải nghiệp quả.’

(2) “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ nhất, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó về vị thiên sứ thứ hai: ‘Này kẻ kia, người có từng thấy vị thiên sứ thứ-hai xuất hiện giữa loài người hay không?’

“‘Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.

“‘Nhưng, này kẻ kia, bộ người chưa từng thấy một phụ nữ hay đàn ông nào bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu trầm trọng, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẵm lên và đặt xuống giường?’

“‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“‘Này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với người hay sao, một người thông minh và trưởng thành có biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị *bệnh* đau và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt”?’

“‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà người đã không làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt. Vậy thì, người sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của người. Những hành động xấu ác của người không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè, hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình người đã làm nghiệp xấu ác, và người phải nếm trải

nghiệp quả.’

(3) “Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ hai, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ ba: ‘Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-ba xuất hiện giữa loài người hay không?’

“‘Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.

“‘Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy một người phụ nữ hay đàn ông nào chết, mới chết một, hai, hay ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sinh thối?’

“‘Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.’

“‘Rồi, này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với ngươi hay sao, một người thông minh và trưởng thành có biết nghĩ: “Tôi cũng phải bị *chết* và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt”?’

“‘Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.’

“‘Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm những điều tốt bằng hành động, lời nói, tâm ý tốt. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Những hành động xấu ác của ngươi không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả.’

“Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ ba, người đó im lặng. Rồi những cai ngục đã (lần lượt) trừng trị anh ta ... (hành hạ, tra tấn, đầy đọa anh ta bằng những hình phạt hành xác khác nhau và kinh

khủng nhất mà chúng ta đã từng đọc và nghe về những tầng địa ngục và người đó phải sống trong địa ngục và nếm trải liên tục vô số những hình phạt đau đớn và kinh khủng nhất...), nhưng người đó vẫn không chết cho đến khi nào những nghiệp xấu ác chưa cạn hết.

....

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa Diêm Vương đã từng nghĩ: ‘Những ai trong đời làm những việc xấu ác sẽ trừng phạt bằng đủ loại nhục hình (khủng khiếp) khác nhau như vậy. Ôi, ước gì ta được tái sinh làm người! Rồi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian! Rồi ta được kính lễ Đức Thế Tôn! Rồi Đức Thế Tôn sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho ta, và ta sẽ đi đến hiểu được Giáo Pháp của Phật!’”

“Này các Tỳ kheo, ta đang không lặp lại điều gì ta đã nghe từ những tu sĩ hay bà-la-môn khác, mà ta đang nói về vấn đề ta đã tự mình thực sự biết, thực sự thấy, và thực sự hiểu.”

Dù được cảnh báo bởi những thiên thiên,
Người đời vẫn lơ tâm, làm ngơ suốt bao tháng năm dài,
Nên đã bị trả giá ở nơi cõi dưới.

Nhưng những người tốt ở đây,
Sau khi được cảnh báo bởi những thiên sứ,
Họ không còn lơ tâm, làm ngơ đối với Giáo Pháp thánh thiện;
Họ đã nhìn thấy sự hiểm họa của sự dính-chấp,
Là nguồn gốc của sinh-tử.
Sau khi được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp,
Trong sự tuyệt dứt sinh-tử:
Những bậc hạnh phúc đó đã đạt được sự an-toàn;
Họ đã đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này.
Sau khi đã vượt qua mọi sự thù ghét và và hiểm họa,
Họ đã siêu thoát khỏi mọi sự khổ đau.³²¹

37(7) *Tứ Đại Thiên Vương (1)*

“Này các Tỳ kheo, (1) vào ngày thứ tám của mỗi nửa-tháng, các vị quan thần và quân sư của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian³²² để coi trong loài người có nhiều hay ít người cư xử có hiếu với cha mẹ, cư xử kính trọng với những tu sĩ và bà-la-môn, tôn kính những bậc cha ông (lão thành), giữ giới những ngày bố-tát [uposatha], tăng thêm những ngày giữ giới, và làm những việc công đức.’³²³ (2) Vào ngày thứ mười bốn của hai tuần, những người con trai của tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian để coi trong loài người có nhiều hay ít người cư xử có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức có nhiều hay không.’ (3) Vào ngày thứ mười lăm của hai tuần, đích thân tứ đại thiên vương du hành khắp thế gian để coi trong loài người có nhiều hay ít người cư xử có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức có nhiều hay không.’

“Này các Tỳ kheo, nếu chỉ có ít người cư xử có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời ba mươi ba) khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi trời đó, như vậy: ‘Thưa các vị thiên thần, hiện có ít người cư xử có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức.’ Rồi, vì chuyện này, các thiên thần buồn bã, họ nói rằng: ‘Ôi chao, vậy là số chúng thiên thần sẽ suy giảm [tóp lại] và số chúng quỷ thần [asura, a-tu-la] sẽ tăng lên [phình ra]!’

“Nhưng nếu có nhiều người cư xử có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức, thì tứ đại thiên vương sẽ báo cho những thiên thần ở cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời ba mươi ba) khi họ đến gặp và ngồi xuống một bên trong sảnh đường Sudhamma (Thiện Pháp) ở cõi trời đó, như vậy: ‘Thưa các vị thiên thần, hiện có nhiều người cư xử

có hiếu với cha mẹ ... và làm những việc công đức.’ Rồi, vì chuyện này, các thiên thần vui mừng, họ nói rằng: ‘Ôi chao, vậy là số chúng thiên thần sẽ gia tăng [phình ra] và số chúng quỷ thần sẽ suy giảm [tóp lại]!’”

“Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, khi vua trời Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Đao-lợi, vị vua đã xướng lên bài kệ này:³²⁴

‘Người nào muốn giống ta,
Thì nên giữ giới bố-tát
Đầy đủ tám yếu-tố như vậy,
Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,
Và ngày thứ 8 của hai-tuần,
Và trong suốt lễ nửa-tháng đặc biệt.’³²⁵

“Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này đã bị đọc xướng sai, không được xướng đúng bởi Đế-thích, vua của những thiên thần. Nó đã bị đọc sai, không được đọc đúng. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, chưa phải đã hết tham, sân, si. Nhưng trong trường hợp một Tỳ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã tiêu diệt sạch sẽ những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỳ kheo đó mới phù hợp để nói rằng:

‘Người nào muốn giống ta,
Thì nên giữ giới bố-tát
Đầy đủ tám yếu-tố như vậy,
Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,
Và ngày thứ 8 của hai-tuần,
Và trong suốt lễ nửa-tháng đặc biệt.’

“Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo (A-la-hán) đó không còn tham, sân, si.”

38(8) *Tứ Đại Thiên Vương (2)*

“Này các Tỳ kheo, trong một lần thuở xưa, khi vua trời Đế-thích [Sakka], vua của các thiên thần, khi đang chỉ dẫn cho các thiên thần của cõi trời Dao-lợi, vị vua đã xướng lên bài kệ này:³²⁶

‘Người nào muốn giống ta,
Thì nên giữ giới bố-tát
Đầy đủ tám yếu-tố như vậy,
Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,
Và ngày thứ 8 của hai-tuần,
Và trong suốt nửa-tháng đặc biệt.’

“Nhưng, này các Tỳ kheo, bài kệ này đã bị xướng sai, không được xướng đúng bởi Đế-thích, vua của những thiên thần. Nó đã bị đọc sai, không được đọc đúng. Vì lý do gì? Vì Đế-thích, vua của những thiên thần, là chưa thoát khỏi sinh-già, chưa thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng; vị ấy chưa thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy. Nhưng trong trường hợp một Tỳ kheo là A-la-hán—người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những điều cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu cuối cùng, đã tiêu diệt sạch sẽ những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, là người đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng—thì vị Tỳ kheo đó mới phù hợp để nói rằng:

‘Người nào muốn giống ta,
Thì nên giữ giới bố-tát
Đầy đủ tám yếu-tố như vậy,
Vào ngày thứ 14, ngày thứ 15,

Và ngày thứ 8 của hai-tuần,
Và trong suốt nửa-tháng đặc biệt.’

“Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo (A-la-hán) đó là đã thoát khỏi sự sinh-già, thoát khỏi sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng; vị ấy đã thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

39(9) *Được Nuôi Dưỡng Tinh Tế*

— “Này các Tỳ kheo, ta được nuôi dưỡng một cách tinh tế, được nuôi dưỡng một cách tinh tế nhất, được nuôi dưỡng một cách cực kỳ tinh tế. Trong nơi ở của cha ta, những hồ sen được làm chỉ để cho ta thưởng ngoạn: một hồ có hoa sen xanh dương nở, một hồ hoa sen đỏ, và hồ thứ ba là hoa sen trắng.³²⁷ Ta chỉ dùng loại gỗ hương đàn đến từ Kāsi và khăn đóng, áo choàng, áo trên, quần dưới đều được làm từ lụa Kāsi.³²⁸ Ban ngày và ban đêm đều có mái che màu trắng để che nóng, che lạnh, ngăn bụi đất, cỏ rác và hơi sương phủ xuống đầu ta.

“Ta có ba cung điện: cung điện cho mùa đông, cung điện cho mùa hè, và cung điện cho mùa mưa.³²⁹ Ta ở bốn tháng mùa mưa trong cung điện mùa mưa, có những nhạc công đờn ca, không ai là đàn ông,³³⁰ và ta không bước ra khỏi cửa. Trong khi ở những nhà người khác, những người nô tỳ, người hầu, người làm được cho ăn cơm tấm, cháo chua, ở nơi của cha ta thì họ được cho ăn thịt, cơm gạo nướng, cơm trắng.

(1) “Sống giữa sự nguy nga tráng lệ và đời sống tinh tế như vậy, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Một người phàm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị già, luôn thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, mà quên nhìn tình cảnh mình rồi cũng bị vậy. Giờ ta cũng bị già và không thoát khỏi sự già. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhọc nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác già, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã

suy xét (quán chiếu) điều này, ta dẹp bỏ sự say sưa (sự ảo tưởng, sự kiêu ngạo, sự phù phiếm) của mình về tuổi trẻ (bền lâu).

(2) “[Lại nữa, ý nghĩ này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phạm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị bệnh, luôn thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh, mà quên nhìn tình cảnh mình rồi cũng bị vậy. Giờ ta cũng bị bệnh và không thoát khỏi sự bệnh. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác bệnh, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét (quán chiếu) điều này, ta dẹp bỏ sự say sưa của mình về sức khỏe (bền lâu).

(3) “[Lại nữa, ý nghĩ này đã xảy đến với ta:] ‘Một người phạm phu không được chỉ dạy, mặc dù mình cũng phải bị chết, luôn thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, mà quên nhìn tình cảnh mình rồi cũng bị vậy. Giờ ta cũng bị chết và không thoát khỏi sự chết. Trong tình cảnh như vậy, nếu ta cứ thấy chán chê, nhục nhã, và ghê tởm khi nhìn thấy người khác chết, thì điều đó không đúng đắn với ta.’ Sau khi ta đã suy xét (quán chiếu) điều này, ta dẹp bỏ sự say sưa của mình về sự sống (bền lâu).

— “Này các Tỷ kheo, có ba loại sự say sưa này.³³¹ Ba đó là gì? Sự say sưa (bị đầu độc, say xỉn; ỷ lại) với tuổi trẻ, sự say sưa với sức khỏe, và sự say sưa với sự sống. (1) Một người phạm phu không được chỉ dạy cứ say sưa với tuổi trẻ, cứ làm những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. (2) Một người phạm phu không được chỉ dạy say sưa về sức khỏe, cứ làm những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. (3) Một người phạm phu không được chỉ dạy cứ say sưa với sự sống, cứ làm

những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Do say sưa với tuổi trẻ, một Tỳ kheo từ bỏ việc tu tập và quay lại đời sống thấp tục; do say sưa với sức khỏe, từ bỏ việc tu tập và quay lại đời sống thấp tục; hoặc do so say sưa với sự sống, từ bỏ việc tu tập và quay lại đời sống thấp tục.

“Mọi người thế gian phải bị bệnh,
Bị già, bị chết,
Đó là lẽ tự nhiên,
Nhưng người phạm phu thì cảm thấy ghê sợ.

“Ta sẽ thật vô lý:
Nếu ta cảm thấy ghê sợ ghê tởm,
Với những chúng sinh mang bản chất đó,
Vì ta cũng mang bản chất như vậy mà.

“Trong khi ta đang sống như vậy,
Sau khi đã biết được trạng thái không còn chấp-thủ,
Ta đã vượt qua tất cả mọi sự say sưa phù phiếm—
Sự say sưa với tuổi trẻ, với sức khỏe, và với sự sống—
Sau khi ta đã nhìn thấy sự an-toàn trong sự từ-bỏ.

“Nhiệt huyết đó đã khởi sinh trong ta,
Ngay khi ta thấy rõ Niết-bàn.
Giờ ta không còn có thể mê đắm say sưa
Trong những khoái lạc giác quan.
Nhờ có đời sống tâm linh,
Ta chẳng bao giờ quay lại (tái sinh).”³³²

40(10) Ba Trách Vụ

“Này các Tỳ kheo, có ba trách vụ (trọng trách, chuyên môn... để tu hành) này. Ba đó là gì? Bản thân là trách vụ của một người tu, thế giới là trách vụ của một người tu, và Giáo Pháp là trách vụ của một người tu.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bản thân là trách vụ của một người tu? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu (suy xét) như vậy: ‘Ta xuất gia không phải để có được áo cà sa, thức ăn cúng dường, hay chỗ ở, hay để trở thành này thành nọ, nhưng [với tâm tư]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng. Ta đã chìm đắm trong khổ đau, bị đày đoạ bởi khổ đau. Mong sao có thể tìm thấy sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này.

“Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, sẽ không đứng đắn nếu ta lại tìm kiếm những dục-lạc (khoái lạc giác quan) giống như hay còn tệ hơn những dục-lạc mà ta đã từ bỏ để xuất gia.’ Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vậy: ‘Năng-lượng tinh tấn sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xìu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’ Sau khi đã lấy bản-thân mình làm trách vụ, người đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó giữ mình trong sự trong sạch (thanh tịnh). Đây được gọi là bản thân là trách vụ của một người tu.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thế giới là trách vụ của một người tu? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu (suy xét) như vậy: ‘Ta xuất gia không phải để có được áo cà sa ... nhưng [với tâm tư]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... Mong sao có thể tìm thấy sự chấm dứt toàn bộ đống

khổ này.’

“Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, ta có thể còn nghĩ những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, những ý nghĩ gây-hại. Nhưng cõi của thế giới thì bao la. Trong cái cõi bao la của thế giới, có những tu sĩ và bà-la-môn có công lực tâm linh (thần thông) và mắt thiên thánh (thiên nhãn), là những người có thể biết tâm của người khác. Họ nhìn thấy những thứ ở cách xa nhưng họ không bị nhìn thấy cho dù họ ở gần bên; bằng tâm mình họ biết tâm của người khác. Họ có thể biết ta như vậy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng vẫn còn bị hoen ố bởi trạng thái bất thiện.’ Cũng có những thiên thần có những thần thông và thiên nhãn, cũng là những người nhìn thấy tâm của người khác. Họ nhìn thấy những thứ từ cách xa, nhưng họ không bị nhìn thấy do dù họ ở gần bên; cũng bằng tâm mình họ biết tâm của người khác. Họ cũng có thể biết ta như vậy: ‘Nhìn người họ tộc này: mặc dù đã xuất gia vì niềm-tin, nhưng vẫn còn bị hoen ố bởi trạng thái bất thiện.’ Rồi Tỳ kheo đó quán chiếu như vậy: ‘Năng-lượng tinh tấn sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xìu; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’ Sau khi đã lấy thế giới làm trách vụ, người đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng những điều không tội lỗi; người đó giữ mình trong sự trong sạch. Đây được gọi là thế giới là trách vụ của một người tu.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp là trách vụ của một người tu? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán chiếu (suy xét) như vậy: ‘Ta xuất gia không phải để có được áo cà sa ... nhưng [với tâm tư]: ‘Ta đã chìm đắm trong sự sinh, già, chết ... Mong sao có thể tìm thấy sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này.’

“Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo,

có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí. Có những Tỷ kheo đồng đạo của ta là người biết và thấy. Là một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới-luật này, sẽ không đứng đắn nếu ta lười-biếng và lơ-tâm phóng dật.’ Rồi Tỷ kheo đó quán chiếu như vậy: ‘Năng-lượng tinh tấn sẽ được phát khởi trong ta, không yếu xù; sự chánh-niệm sẽ được thiết lập, không lu mờ; thân ta sẽ được tĩnh lặng, không quấy động; tâm ta sẽ đạt định và nhất điểm.’ Sau khi đã lấy Giáo Pháp làm trách vụ, người đó dẹp bỏ điều bất thiện và tu dưỡng điều thiện; người đó dẹp bỏ điều tội lỗi và tu dưỡng điều không tội lỗi; người đó giữ mình trong sự trong sạch. Đây được gọi là Giáo Pháp là trách vụ của một người tu.

“Này các Tỷ kheo, đây là ba trách vụ của người tu.”

Đối với người làm điều ác,
Không có nơi nào để “che giấu”.
Tự mình biết rõ tâm mình,
Là giả dối hay chân thật.

Đúng vậy, người chứng kiến nhưng coi thường cái ‘ta’ thiện,
Người che giấu cái ‘ta’ ác đang có bên trong mình.

Những thiên thần và Như Lai nhìn thấy những kẻ ngu
Hành động bất chính trong thế gian.
Bởi vậy hãy là bản thân là trách vụ, sống một cách chánh niệm;
Lấy thế giới là trách vụ, cảnh giác và thiền tập;
Lấy Giáo Pháp là trách vụ, thực hành đúng theo Giáo Pháp.
Thực sự tự thân nỗ lực, thì một sa-môn không bị sa sút.

Sau khi đã chinh phục Ma-vương và vượt qua kẻ hủy diệt,
Người nỗ lực đã dứt sạch sự sinh.
Bậc sa-môn trí hiền đó, là người hiểu biết thế giới,

Không còn dính líu với bất cứ thứ gì.

NHÓM 5

NHÓM NHỎ

41(1) Có Mặt

“Này các Tỳ kheo, khi ba thứ có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công đức. Ba đó là gì? (1) Khi niềm-tin có mặt, một người họ tộc được phú niềm-tin sẽ tạo nhiều công đức. (2) Khi hiện vật (thứ cúng dường...) có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công đức. (3) Khi những người đáng được cúng dường có mặt, thì một người họ tộc được phú cho niềm-tin sẽ tạo nhiều công đức.”

42(2) Ba Trường Hợp

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp một người có thể được hiểu là có niềm-tin và sự tự-tin. Ba đó là gì? Khi một người mong muốn gặp những người đức hạnh; khi một người mong muốn nghe Giáo Pháp; và khi một người sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm keo kiệt, rộng lòng cho-đi, giang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, tận tụy việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ. Trong ba trường hợp này, một người có thể được hiểu là có niềm-tin và sự tự-tin.”

Người thích gặp những người đức hạnh,
 Người thích nghe Giáo Pháp tốt lành,
 Người đã loại bỏ sự nhiễm tính keo kiệt,
 Thì được gọi là người được phú cho niềm-tin.

43(3) Ba Lợi Thế

“Này các Tỳ kheo, khi một người nhìn thấy ba lợi thế (thuận lợi, có lợi) là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác. Ba đó là gì? (1) Người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp.³³³ (2) Người nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Cả người dạy và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Sau khi nhìn thấy ba lợi thế này là đủ lý do để chỉ dạy Giáo Pháp cho người khác.”

44(4) Sự Trôi Chảy

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp cuộc nói chuyện (pháp thoại) sẽ trôi chảy. Ba đó là gì? (1) Khi người dạy Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (2) Khi người nghe Giáo Pháp trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. (3) Khi cả người dạy Giáo Pháp và người nghe Giáo Pháp đều trải nghiệm ý-nghĩa và Giáo Pháp. Trong ba trường hợp này thì sự nói chuyện sẽ trôi chảy.”

45(5) Người Có Trí...

“Này các Tỳ kheo, có ba điều này được đề nghị (khuyến làm) bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Ba đó là gì? (1) Sự cho-đi (bố thí) được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (2) Sự xuất-gia được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. (3) Sự chăm-lo cha-mẹ được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện. Đây là ba điều được đề nghị bởi những người trí, được đề nghị bởi những người thiện.”

Người tốt khuyến khích sự bố thí,

Sự vô hại, sự tự chủ, và sự thuần phục bản thân,
 Sự phục vụ cho cha mẹ,
 Và cho những bạn tu theo đời sống tâm linh,
 Là những người (có tâm) bình an.

Những việc thiện lành này,
 Người có trí phải theo đuổi.
 Ai thành bậc thánh nhân đã có được tâm-nhìn này,
 Sẽ đi tới cõi giới phúc lành.

46(6) Người Có Trí...

“Này các Tỳ kheo, khi những người xuất gia có đức hạnh sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công đức bằng ba cách. Ba đó là gì? Bằng hành động, lời nói, và tâm ý. Khi những người xuất gia có đức hạnh sống nương nhờ một ngôi làng hay quận thị thì những người dân ở đó tạo được nhiều công đức bằng ba cách như vậy.”

47(7) Có Điều Kiện ...

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc tính này định nghĩa trạng thái có điều kiện (hữu vi).³³⁴ Ba đó là gì? Sự khởi sinh (sinh) được nhìn thấy, sự biến mất (diệt) được nhìn thấy, và sự biến đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái có điều kiện.

“Này các Tỳ kheo, có ba đặc tính này định nghĩa trạng thái không còn điều kiện (vô vi).³³⁵ Ba đó là gì? Không có sự khởi sinh (sinh) được nhìn thấy, không có sự biến mất (diệt) được nhìn thấy, và không có sự biến đổi (vô thường) khi nó đang tồn tại được nhìn thấy. Đây là ba đặc tính định nghĩa trạng thái không còn điều kiện.”

48(8) Núi...

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalayas (Hy mã Lạp sơn), vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Chúng lớn lên về cành, lá và tán lá; (2) chúng lớn lên về vỏ cây và chồi; và (3) chúng lớn lên về gỗ mềm và gỗ lõi. Dựa trên núi Himalayas, vua của những ngọn núi, những cây sala to lớn lớn lên theo ba cách như vậy.

“Cũng giống như vậy, khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để lớn lên (trưởng thành, chín chắn) theo ba cách. Ba đó là gì? (1) Họ lớn lên về niềm-tin; (2) họ lớn lên về đức-hạnh; và (3) họ lớn lên về trí-tuệ. Khi người đứng đầu một gia đình được phú cho niềm-tin, những người trong gia đình dựa vào người đó để lớn lên theo ba cách như vậy.”

Giống như khi những cây lớn lên,
Dựa trên núi đá,
Giữa bao la rừng núi,
Có thể thành những cây đại vương thụ.
Cũng giống như vậy, khi một người đứng đầu gia đình,
Có được niềm-tin và đức-hạnh,
Thì vợ, con, thân quyến đều dựa theo ông để lớn lên;
Rồi bạn bè, họ hàng cũng dựa vào ông như vậy.

Những người nhìn thấy đức hạnh của ông ấy,
Tâm rộng lòng bố thí,
Và những việc làm phước thiện của ông ấy,
Họ noi gương ông ấy.

Ở đây, sau khi họ đã sống theo đúng Giáo Pháp,
Theo con đường dẫn đến đích tốt lành,

Những người thích cõi tiên bồng,
Sẽ được hưởng phước lạc như thiên thần trên cõi đó.

49(9) Sự Nhiệt Thành

“Này các Tỳ kheo, trong ba trường hợp này sự nhiệt thành nên được thực thi. Ba đó là gì? (1) Sự nhiệt thành nên được thực thi để không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh. (2) Sự nhiệt thành nên được thực thi để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh. (3) Sự nhiệt thành nên được thực thi để chịu đựng những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống. Trong ba trường hợp này sự nhiệt thành nên được thực thi.

“Khi một Tỳ kheo thực thi sự nhiệt thành để không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh, để làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh, và để chịu đựng những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đớn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống, thì người đó được gọi là người nhiệt thành, tinh táo, và có chánh niệm để làm nên sự chấm dứt khổ.”

50(10) Siêu Trộm

— “Này các Tỳ kheo, có ba yếu tố, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường. Ba đó là gì? Ở đây, một siêu trộm (1) dựa vào địa hình không bằng phẳng, (2) dựa vào sự rậm rạp, và (3) dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sông ngòi khó vượt qua và núi non hiểm trở. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào địa hình không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp (che khuất)? Ở đây, một siêu trộm dựa vào sự rậm rạp của ruộng mía, sự rậm rạp của cây lớn, của cây bụi, hay rừng lớn. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào sự rậm rạp che khuất.

(3) “Và theo cách nào một siêu trộm dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một siêu trộm dựa vào vua chúa hay những quan thần. Hẳn nghĩ: ‘Nếu có ai bắt được tội ta, vua chúa hay những quan thần đó sẽ bào chữa cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt được tội hẳn, vua chúa và những quan thần đó sẽ bào chữa cho hẳn và bỏ qua. Theo cách như vậy là siêu trộm dựa vào những người quyền lực.

“Có ba yếu tố này, một tay siêu trộm sẽ đột nhập nhà cửa ăn trộm, cướp bóc của cải, làm côn đồ, và cướp đường.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước. Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa trên căn cước không bằng phẳng, dựa vào sự rậm rạp, và dựa vào những người quyền lực.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa trên căn cước không bằng phẳng? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào căn cước không bằng phẳng.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo dựa vào sự rậm rạp (che mờ)? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), dung dưỡng cách-nhìn cực đoan. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào sự rậm rạp.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực? Ở đây, một Tỳ kheo xấu ác dựa vào vua chúa hay những

quan thần. Người đó nghĩ: ‘Nếu có ai bắt tội ta, vua chúa hay những quan thần đó sẽ bào chữa cho ta và bỏ qua.’ Và nếu có ai bắt tội Tỳ kheo đó, vua chúa và những quan thần đó sẽ bào chữa cho Tỳ kheo đó và bỏ qua. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo xấu ác dựa vào những người quyền lực.

“Có ba phẩm chất này, một Tỳ kheo xấu ác làm bản thân mình hư hỏng và tổn hại, người đó là đáng chê và đáng trách bởi những bậc trí hiền; và người đó tạo ra nhiều thất-phước.”

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1

NHỮNG BÀ-LA-MÔN

51(1) Hai Bà-la-môn (1)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, ở tuổi xế chiều, đang đến giai đoạn cuối đời, đã 120 tuổi; hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho bản thân mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!”

“Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già ... đã 120 tuổi, nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho bản thân mình. Thực vậy, thế gian này bị dẫn dắt (cuốn đi) bởi sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian bị dẫn dắt bởi già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về hành động, lời nói, và tâm ý (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương náu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ.”

Cuộc sống bị cuốn đi,
Cuộc đời là ngắn ngủi,
Không có nơi che chở cho người đã già.

Sau khi nhìn thấy rõ hiểm-họa trong cái chết,
Một người nên biết làm những việc phước đức,
Để mang lại hạnh phúc.³³⁶

Khi một người từ già [cuộc đời này],
Sự tự-chủ về hành động, lời nói, và tâm ý
Và những việc làm phước đức khi còn sống,
Mới là thứ dẫn dắt người đó đến an lạc.

52(2) Hai Bà-la-môn (2)

Lúc đó có hai bà-la-môn đã già ... hai ông đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng chúng tôi chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho bản thân mình. Mong Thầy Cồ-đàm khởi xướng và chỉ dạy cho chúng tôi theo một cách để nó dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng tôi!”

“Phải rồi, này các bà-la-môn, các bác đã già ... đã 120 tuổi. Nhưng các bác chưa làm điều gì tốt và thiện, cũng chưa tạo được một chỗ nương tựa cho bản thân mình. Thực vậy, thế gian này đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết. Nhưng mặc dù thế gian đang bốc cháy bằng sự già, bệnh, chết, khi một người đã ra đi thì sự tự-chủ về hành động, lời nói, và tâm ý (khi còn sống) sẽ cung cấp một nơi che chở, nơi nương náu, một hòn đảo, nơi nương tựa, và nơi phù hộ.”

Khi nhà ai bị cháy,
Nếu có thùng nước để thoát ra mới là hữu ích,
Chứ không phải những cửa cái đang bị cháy ở trong nhà.

Cũng vậy khi thế gian đang bốc cháy,
 Bằng sự già-chết.
 Nên biết thoát ra bằng sự bố-thí:
 Những thứ được cho đi là sự khéo thoát ra.³³⁷

Khi một người từ già [cuộc đời này]
 Sự tự-chủ về hành động, lời nói, và tâm ý,
 Và những việc làm phước-đức khi còn sống,
 Mới là thứ dẫn người đó đến niềm an lạc.

53(3) Một Bà-La-Môn Nọ

Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’³³⁸ Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi tham dục, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham dục được loại bỏ thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

(2) “Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân giận, với cái tâm bị ám muội bởi sân giận, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền.

Nhưng nếu dẹp bỏ sân giận, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

(3) “Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu dẹp bỏ si mê, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

54(4) Một Du Sĩ

Lúc đó có một du sĩ bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được. Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được.’ Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi

những người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi tham dục, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham dục được loại bỏ thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Người bị kích thích bởi tham dục, bị chinh phục bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi tham dục thì dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người bị kích thích bởi tham dục, bị chinh phục bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi tham dục thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

(2) “Một người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân ...

(3) “Một người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu si mê được loại bỏ thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ tâm và ưu phiền. Người bị kích thích bởi si mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê thì dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người bị kích thích bởi si mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê thì không hiểu được điều tốt cho mình, điều tốt cho người, hoặc điều tốt cho cả mình và người, đúng như nó thực là. Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy Giáo Pháp là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

55(5) Niết-Bàn

Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇī đến gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thường nghe nói: ‘Niết-bàn là có thể nhìn thấy được. Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được’. Theo cách nào là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí?”

(1) “Này bà-la-môn, một người bị kích thích bởi tham-dục, bị chinh phục bởi tham dục, với cái tâm bị ám muội bởi tham dục, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc làm khổ cả mình và người, và người đó ném trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu tham dục được loại bỏ thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, hoặc khổ cả mình và người, và người đó không ném trải sự khổ tâm và ưu phiền. Chính theo cách như vậy Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được ... được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.

(2) “Người đầy sân-giận, bị chinh phục bởi sân ...

(3) “Người bị si-mê, bị chinh phục bởi si mê, với cái tâm bị ám muội bởi si mê, cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ cả mình và người, và người đó ném trải sự khổ tâm và ưu phiền. Nhưng nếu dẹp bỏ si mê, thì người đó không cố ý làm khổ mình, làm khổ người, và làm khổ mình và người, và người đó không ném trải sự khổ tâm và ưu phiền. Theo cách như vậy Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu

lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.”

“Này bà-la-môn, khi một người trải nghiệm sự diệt-sạch tham, sự diệt-sạch sân, sự diệt-sạch si, thì cũng chính theo cách này, rằng Niết-bàn là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến thấy, có thể ứng dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi những người có trí.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

56(6) Dân Số Giảm

Lúc đó có một bà-la-môn giàu có đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi nghe những bà-la-môn trưởng lão, họ là những người già cả, đã gánh nặng năm tháng, là bậc thầy của những vị thầy, đã nói rằng: ‘Trong thời quá khứ thế gian này đông nghẹt dân chúng, gần như không có khoảng trống giữa họ. Những làng mạc, những thành thị, và những kinh thành san sát nhau đến nỗi những con gà có thể bay qua bay lại.’ Thầy Cồ-đàm, tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ,³³⁹ và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất?”³⁴⁰

(1) “Này bà-la-môn, thời bây giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc (tà pháp).³⁴¹ Hệ quả là, họ cầm vũ khí và chém giết lẫn nhau. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố

thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(2) “Lại nữa, thời bấy giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, trời không mưa đủ. Hệ quả là, nạn đói xảy ra, lúa gạo khan hiếm; mùa màng bị tàn phá (bởi sâu bọ) và biến thành rơm rạ. Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.

(3) “Lại nữa, thời bấy giờ người ta bị kích thích bởi tham-dục trái pháp, bị chinh phục bởi tham-lam bất chính, bị hành khổ bởi Giáo Pháp sai lạc. Khi điều này xảy ra, những quỷ dạ-xoa [yakkha] chúa đã thả những ác quỷ dạ-xoa dã man ra đường.³⁴² Nên nhiều người chết. Đây là một lý do tại sao trong thời hiện tại dân số giảm đi, sự giảm sút nhìn thấy rõ, và những làng mạc, phố thị, thành thị, quận thị đã biến mất.”

“Thật hay, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

57(7) *Du Sī Vaccha*

Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói như vậy: “Những thứ cúng dường chỉ nên được bố thí cho ta, không cho những người khác; những thứ cúng dường chỉ nên được bố thí cho những đệ tử của ta, không cho những người khác. Chỉ những thứ được cúng dường cho ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không; chỉ những thứ được

cúng dường cho những đệ tử của ta mới mang lại phước quả, những thứ được cúng dường cho những người khác thì không.”³⁴³ Có phải những người nói như vậy là nói đúng lời Thầy Cồ-đàm đã nói và họ không diễn dịch sai bằng những điều trái với sự thật (mà Thầy Cồ-đàm đã nói)? Có phải như vậy là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị người ta phê bình?³⁴⁴ Vì chúng tôi không muốn diễn dịch sai lời của Thầy Cồ-đàm.”

“Này Vaccha, ai nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm nói rằng: “Đồ cúng dường nên được cúng cho ta ... cho những đệ tử của ta thì mới có phước quả, cúng cho đệ tử của người khác thì không có”’ là họ không nói đúng những lời ta đã nói và họ đã diễn dịch sai bằng những điều trái với sự thật (mà ta đã nói). Ai ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người. Ba đó là gì? Người đó tạo ra sự cản trở (1) đối với người thí chủ đang tích tạo công đức, (2) đối với những người đang nhận đồ bố thí, và (3) đã tự làm bản thân mình bị tổn hại và tổn thương. Người ngăn cản người khác bố thí cúng dường là người đó tạo ra sự cản trở và trở ngại đối với ba người đó.

“Nhưng, này Vaccha, ta nói rằng người ta còn tạo được phước đức ngay cả khi đổ nước rửa chén vô đồng rác hay hàm phân với ý nghĩ ‘Mong cho những chúng sinh (vì sinh vật) trong đó dùng thứ này để sống!’ Vậy thì sự bố thí cúng dường cho người thì [tích tạo công đức] nhiều tới mức nào! Tuy nhiên, ta nói rằng, thứ gì được bố thí cúng dường cho người đức hạnh thì có nhiều phước quả hơn [thứ được cúng dường] cho những người thất đức. Và [người đáng được cúng dường nhất là] người đã dẹp bỏ được năm yếu-tố và có được năm yếu-tố.

“Năm yếu tố nào người đó đã dẹp bỏ? Đó là (năm chướng-ngại) tham-dục, ác-ý, sự đờ-đần và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Đây là năm yếu tố người đó đã dẹp bỏ.

“Và năm yếu tố nào người đó có được? Đó là giới-hạnh, thiên-

định, trí-tuệ, sự giải-thoát, và trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của một người đã tu tập xong [bậc vô học nhân]. Đây là năm yếu tố người đó có được.

“Chính theo cách như vậy, ta nói rằng thứ gì được bố thí cúng dường cho ‘người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố’ thì có rất nhiều phước quả.”

Trong một đàn bò,
Có con màu đen, con trắng, con đỏ, hay con vàng hung,
Màu đồng nhất hay có đốm, hay màu bò câu—
Dù được sinh ra màu gì, nhưng nếu được thuần hóa:
Thì nó có thể kéo xe nặng,
Có sức mạnh, sức nhanh.
Dù là bò màu gì,
Cũng bị gánh gông nặng ở cổ.

Trong nhân loại cũng vậy,
Có người là giai cấp chiến-sĩ,
Có người cấp bà-la-môn, người cấp nông-thương,
Người cấp hạ-tiện, hay hạng bần cùng đồ phân—
Dù được sinh ra là giai cấp nào, nhưng nếu được thuần tu:
Thì người đó vững chắc về Giáo Pháp, đức hạnh về hành vi,
Chân thật trong lời nói, biết xấu-hổ về mặt đạo đức;
Người đó loại bỏ được sự sinh-già,
Đã đạt đỉnh cao trong đời sống tâm linh,
Đã quăng bỏ gánh nặng, đã hết bị trói buộc,
Đã làm xong những gì cần phải làm,
Đã không còn ô-nhiễm;
Là người đã vượt trên mọi thứ [của thế gian],
Và đã chứng ngộ Niết-bàn, nhờ sự không-còn dính chấp:
Sự cúng dường này thực lớn lao,

Nếu được gieo trồng trong ruộng phước không tỳ vết như vậy.

Những người ngu không hiểu, ngu ngốc, thiếu học,
 Không để ý đến những bậc thánh,³⁴⁵
 Mà chỉ lo cúng dường những người ngoài đạo.
 Còn những người để ý đến những bậc thánh,
 Để ý đến những người trí được tôn trọng là bậc trí hiền,³⁴⁶
 Và những người có niềm-tin vào bậc Phúc Lành (Phật),
 Niềm-tin được cảm rễ rất sâu và được thiết lập vững vàng,
 Thì người đó sẽ được lên cõi những thiên thần,
 Hoặc được sinh ra trong những gia đình tốt đẹp.
 Còn những bậc trí thì từng bước tu tiến,
 Và chứng ngộ Niết-bàn.

58(8) Bà-la-môn Tikaṇṇa

Lúc đó có bà-la-môn tên là Tikaṇṇa đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Tikaṇṇa, trước mặt đức Thế Tôn, đã nói lời đề cao những bà-la-môn là những người đã thuần thực ba loại trí-biết [minh] (của Vệ-đà), như vậy: “Như vậy là những bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí; như vậy là những bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí.”

[Đức Thế Tôn đã nói:] “Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí?”

“Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha, thuộc huyết thống thanh khiết, không thể chê được và không bị vết nhơ về mặt sinh ra, suốt bảy đời cha ông phụ hệ. Ngài ấy là một người tụng đọc và lưu truyền những kinh kệ, là bậc thầy thông thuộc ba bộ kinh Vệ-đà [Veda] với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là

các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của các bậc đại nhân. Chính theo cách như vậy những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí.”

“Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba minh trí mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba minh trí theo giới luật Thánh Nhân đó.”

“Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Được”, bà-la-môn Tikaṇṇa đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Ở đây, này bà-la-môn, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người

đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

“Với sự đẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

(1) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] hồi nhớ những cõi kiếp quá khứ (tức mạng minh). Người đó nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sợ hãi và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sợ hãi và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Như vậy đó, người đó đã nhớ lại mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp quá khứ của mình.

“Đây là minh trí đầu tiên được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, sự hiểu-biết đích thực (chân trí) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong sự tu hành).

(2) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn,

dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh (thiên nhân minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách nhìn đúng đắn, thì khi thân người đó tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động của mình như vậy.

“Đây là minh trí thứ hai được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, sự hiểu-biết đích thực (chân trí) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong sự tu hành).

(3) “Khi tâm người đó đã được như vậy, đạt định, được thanh lọc, được thanh tẩy, không còn dính nhơ, không còn ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ dụng, vững vàng, và đạt tới sự bất lay động, người đó hướng nó tới trí-biết [minh] về sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó đã trực tiếp hiểu biết điều đó đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây

là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.’ Người đó đã trực tiếp hiểu biết điều đó đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm. Đây là sự chấm dứt những ô-nhiễm. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm.’

“Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi ô-nhiễm do nhục-dục, khỏi ô nhiễm do hiện-hữu, và khỏi ô nhiễm do vô-minh. Khi tâm đã được giải thoát thì có sự hiểu biết: ‘Nó được giải thoát’. Người đó đã trực tiếp biết rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Đây là minh trí thứ ba được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, sự hiểu-biết đích thực (chân trí) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong sự tu hành).

“Người có đức hạnh không còn sự lung lay,
Người tỉnh giác và thiền định,
Tâm người đó đã được điều phục,
Đạt nhất điểm, đạt chánh định;

“Bậc trí nhân, người xua tan bóng tối,
Người có ba minh trí, người chiến thắng thần chết;
Người được gọi là người dẹp bỏ tất cả,
Là ân nhân của những thiên thần và loài người;

“Người có được ba minh trí đó,
Là người sống không còn ngu mờ;
Họ tôn thờ bậc ấy, chính là Đức Phật Cồ-đàm,
Mang thân này lần cuối.

“Người biết rõ kiếp trước của mình,
Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì,
Là người đã đạt tới sự tiêu diệt tái sinh,
Là một bậc sa-môn đã hoàn thiện về trí-biết trực tiếp.”³⁴⁷

“Với ba loại minh trí này,
Một người là một bà-la-môn có ba minh trí.
Ta gọi đó là một bậc thầy về ba minh trí,
Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc thần chú.

“Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy một người là bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân.”

“Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba minh trí theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba minh trí theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

59(9) Bà-la-môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn tên là Jāṇussoṇī đến gặp ... và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, ai có đồ cúng tế, đồ cúng giỗ, đồ dâng cúng, hay đồ bố thí thì hãy nên cúng dường cho những bà-la-môn là những bậc thầy về ba minh trí.”³⁴⁸

[Đức Thế Tôn đã nói:] “Nhưng, này bà-la-môn, theo cách nào

những bà-la-môn mô tả về một bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí?”

“Ở đây, Thầy Cồ-đàm, một bà-la-môn được khéo sinh từ cả bên dòng mẹ và dòng cha ... [*y hết đoạn thứ ba trong kinh 3:58 kể trên*] ... và về tướng số của các bậc đại nhân. Chính theo cách như vậy những bà-la-môn mô tả một bà-la-môn là bậc thầy về ba minh trí.”

“Này bà-la-môn, một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với một bà-la-môn được gọi là bậc thầy về ba minh trí mà những bà-la-môn đã mô tả như vậy.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo một cách để làm rõ cách mà một bậc thầy về ba minh trí theo giới luật Thánh Nhân đó.”

“Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Được”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Ở đây, này bà-la-môn, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) ... [*y hết những đoạn mô tả này trong kinh 3:58 kể trên, cho tới chỗ:*] ...

“Đây là minh trí thứ ba được chứng ngộ bởi người đó. Vô-minh bị xua tan, sự hiểu-biết đích thực (chân trí) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, điều này xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (trong sự tu hành).

“Người hoàn thiện về giới hạnh và giữ giới,
Là người kiên định và bình tĩnh,
Người có tâm được kiểm soát,
Tâm nhất điểm và đạt chánh định;

“Người biết rõ những kiếp quá khứ,
Là người nhìn thấy tiên giới và đọa giới là gì,
Và đã đạt tới sự tiêu diệt tái sinh,
Là một sa-môn hoàn thiện về trí-biết trực-tiếp.

“Với ba loại minh trí này,
Một người là một bà-la-môn có ba minh trí.
Ta gọi đó là một bậc thầy về ba minh trí,
Chứ không phải loại (bà-la-môn) chỉ biết đọc thần chú.

“Này bà-la-môn, chính theo cách như vậy một người là bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân.”

“Thầy Cồ-đàm, như vậy một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân đó là hoàn toàn khác với một bậc thầy về ba minh trí theo định nghĩa của những bà-la-môn. Và một bậc thầy về ba minh trí theo định nghĩa của những bà-la-môn là không đáng bằng 1/16 của một bậc thầy về ba minh trí theo nghi luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

60(10) Bà-la-môn Saṅgārava

Lúc đó có bà-la-môn tên Saṅgārava đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Rồi, sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Saṅgārava đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng tế và khuyến khích những người khác thực hiện cúng tế. Giờ thì cả hai người, người cúng tế và người khuyến khích người khác thực hiện cúng tế, đều làm

việc công đức cho nhiều người, nhờ vào việc cúng tế. Nhưng một người rời bỏ gia đình và xuất gia để thuần phục chỉ bản thân mình, làm bình lặng chỉ bản thân mình, và để dẫn tới Niết-bàn chỉ cho bản thân mình. Trong trường hợp đó, người đó làm việc công đức chỉ cho bản thân mình, nhờ vào việc xuất gia.”

“Vậy thì, này bà-la-môn, ta sẽ hỏi ông về vấn đề này. Ông cứ trả lời nếu thấy được. Ông nghĩ sao, này bà-la-môn? Ở đây, một Như Lai khởi sinh trong thế giới, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Bậc ấy nói như vậy: ‘Này, đây là con đường, đây là đường đi. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực-tiếp, ta đã tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh³⁴⁹ và giờ công khai nó cho những người khác biết. Này bà-la-môn, ông cũng nên thực hành như vậy. Sau khi đã thực hành đúng theo nó, bằng trí-biết trực-tiếp, ông sẽ tự mình chứng ngộ tới đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh và an trú trong đó.’ Như vậy là vị thầy chỉ dạy Giáo Pháp này và người khác thực hành theo đó. Có nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn người thực hành như vậy. Ông nghĩ sao? Như trong trường hợp này, cái việc xuất gia là một việc làm công đức cho một người hay cho nhiều người?”

“Thầy Cồ-đàm, như trong trường hợp này, đây là một việc làm công đức cho nhiều người, việc công đức đó dựa vào sự xuất gia.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda (có mặt ngay đó) đã nói với bà-la-môn Saṅgārava:

“Này bà-la-môn, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn công tổn hại hơn (như giết động vật, nghi lễ cúng tế tổn công tổn của) mà lại có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Lúc đó bà-la-môn Saṅgārava nói với thầy Ānanda: “Tôi coi Thầy

Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.”³⁵⁰

Lần thứ hai thầy Ānanda nói với ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn công tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Nhưng lần thứ hai ông bà-la-môn vẫn trả lời: “Tôi coi Thầy Cồ-đàm và Thầy Ānanda là đáng tôn kính và đáng khen ngợi.”

Lần thứ ba thầy Ānanda lại hỏi ông bà-la-môn: “Này bà-la-môn, tôi không hỏi ông ai đáng được tôn kính và khen ngợi. Tôi đang hỏi ông, trong hai việc làm đó, theo ông việc nào là đơn giản hơn và ít tổn công tổn hại hơn mà có nhiều ích lợi và phước quả hơn?”

Nhưng lần thứ ba ông bà-la-môn vẫn cứ trả lời bằng câu như vậy. Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ trong đầu rằng: “Tới lần thứ ba thầy Ānanda đã hỏi như vậy mà ông bà-la-môn vẫn cứ ngập ngừng và không trả lời. Vậy để ta giải tỏa cho ông ta.” Rồi đức Thế Tôn đã nói với bà-la-môn Saṅgārava:

“Này bà-la-môn, trong buổi tọa đàm hôm nay, những quan thần của nhà vua đã nói về điều gì khi họ tụ tập và ngồi với nhau trong triều?”

“Thầy Cồ-đàm, buổi tọa đàm hôm nay đã nói về chuyện này: ‘Trước đây số Tỷ kheo thì ít nhưng có nhiều người biểu diễn những thần thông siêu nhân kỳ diệu. Thời bây giờ số Tỷ kheo thì nhiều nhưng có ít người biểu diễn những thần thông siêu nhân kỳ diệu.’ Đây là chuyện đã khởi lên trong buổi tọa đàm của các quan thần trong triều hôm nay.”

“Này bà-la-môn, có ba loại thần thông kỳ diệu. Ba đó là gì? Thần thông biến-hóa, thần thông đọc-tâm, và thần thông chỉ-giáo.”³⁵¹

(1) “Và, này bà-la-môn, cái gì là thần thông biến-hóa? Ở đây, một Tỷ kheo vận dụng nhiều loại năng lực tâm linh (thần thông) như: là một, người đó biến thành nhiều người; sau khi thành nhiều người, người đó

biến thành một người; người đó hiện hình và biến hình; người đó đi xuyên qua tường, xuyên qua thành, xuyên qua núi như đi qua khoảng không người đó chui xuống đất và chui lên như lặn rẽ trong nước; người đó đi trên mặt nước như đi trên đất; ngồi trên chân, người đó bay đi trong không gian như chim; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; người đó vận hành thân bay xa tới tận cõi trời [brahmā]. Đây được gọi là thần thông biến-hóa.

(2) “Và, này bà-la-môn, cái gì là thần thông đọc-tâm (người khác)? Có người, dựa vào một số dấu hiệu mạnh mẽ,³⁵² có thể tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu mạnh mẽ, mà do người đó nghe được âm thanh của người, của những phi nhân, hay của những thiên thần [đang nói] và tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu mạnh mẽ, mà do người đó nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ³⁵³ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [về vấn đề nào đó], và tuyên bố: ‘Ý nghĩ của ông là vậy; đó là điều ông đang nghĩ; tâm của ông đang như vậy, như vậy.’ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác.

“Lại nữa, có người không tuyên bố [trạng thái tâm] dựa vào những dấu hiệu mạnh mẽ, cũng không phải do nghe được âm thanh của người, của những phi nhân, hay của những thiên thần [đang nói], cũng không

phải do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [về một vấn đề nào đó], mà nhờ lấy tâm mình bao trùm tâm của một người đã chứng đắc trạng thái định không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), (định vô tâm tứ), và người đó hiểu rằng: ‘Những hành vi tâm của người này cũng được lộ nên ngay khắc sau người đó sẽ nghĩ ý nghĩ này.’³⁵⁴ Và thậm chí người đó tuyên bố nhiều lần, rằng chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác. Đây được gọi là sự kỳ diệu của sự đọc-tâm.

(3) “Và, này bà-la-môn, cái gì là thần thông chỉ-giáo? Ở đây, có người chỉ dạy [những người khác] như vậy: ‘Hãy nghĩ (quán, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách đó! Chú tâm vào điều này, đừng chú tâm vào điều đó! Đẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái đó!’ Đây được gọi là thần thông chỉ giáo.”³⁵⁵

“Này bà-la-môn, đây là ba loại thần thông kỳ diệu. Trong ba loại thần thông này, theo ông loại nào là siêu xuất và siêu phàm nhất?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, trong ba loại đó, loại (đầu tiên) mà người đó vận dụng nhiều loại năng lực tâm linh (thần thông) như: là một, người đó biến thành nhiều người ... vận hành thân bay xa tới tận cõi trời [brahmā], thì chỉ người biểu diễn thần thông trải nghiệm nó và sự kỳ diệu xảy ra chỉ đối với người đó. Theo tôi, đó chỉ giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

“Lại nữa, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ hai) mà người đó dùng để đọc ra trạng thái tâm của người khác dựa trên những dấu hiệu manh mối ... do nghe được âm thanh của người ... do nghe được âm thanh khuếch tán của ý nghĩ khi một người đang nghĩ (tâm) và soi xét (tứ) [một vấn đề nào đó] ... bằng cách lấy tâm mình bao trùm tâm của một người ... thì chỉ người biểu diễn thần thông trải nghiệm nó và sự kỳ diệu chỉ xảy ra đối với người đó. Theo tôi, đó cũng giống như một màn biểu diễn ảo thuật.

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, loại (thứ ba) mà người đó dùng để chỉ giáo [những người khác] như vậy: ‘Hãy nghĩ (quán, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách đó! ... Hãy dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái đó’, thì theo tôi, đây là loại siêu xuất và siêu phạm nhất trong ba loại thần thông, (vì người biểu diễn thần thông trải nghiệm nó và sự kỳ diệu xảy ra đối với nhiều người).

“Thật kỳ diệu và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, điều Thầy Cồ-đàm nói ra thật hay khéo! Chúng tôi coi Thầy Cồ-đàm là người có thể biểu diễn cả ba loại thần thông này. Bởi Thầy Cồ-đàm có thể vận dụng nhiều loại thần thông biến hóa.... Thầy Cồ-đàm có thể thực hiện thần thông đọc-tâm bằng cách lấy tâm mình bao trùm tâm của một người.... Và Thầy Cồ-đàm có thể chỉ giáo [những người khác]: ‘Hãy nghĩ (quán, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách đó! ... Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái đó’.”

“Chắc chắn như vậy, này bà-la-môn, lời của ông như đang moi móc và chọc ghẹo.³⁵⁶ Tuy nhiên, ta sẽ trả lời lại cho ông. (1) Đúng là ta có thể vận dụng nhiều loại thần thông biến hóa ... thân bay tới cõi trời [brahmā]. (2) Đúng là ta có thể lấy tâm mình người đó bao trùm tâm của một người đã chứng đắc trạng thái định không-còn ý nghĩ (tâm) và sự soi xét (tứ) ... Và thậm chí ta tuyên bố nhiều lần, chúng (những ý nghĩ, tâm trạng của người đó) chính là vậy, không khác’. (3) Và đúng là ta có thể chỉ giáo [những người khác] như vậy: ‘Hãy nghĩ (quán, niệm) theo cách này, đừng nghĩ theo cách đó! ... Dẹp bỏ trạng thái này, chứng nhập và an trú trong trạng thái đó’.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, ngoài Thầy Cồ-đàm có Tỳ kheo nào khác có thể thực hiện ba loại thần thông này không?”

“Có, không chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm hay năm trăm Tỳ kheo, thậm chí nhiều Tỳ kheo hơn có thể thực hiện ba thần thông này.”

“Nhưng những Tỳ kheo đó hiện đang ở đâu?”

“Ở ngay đây, này bà-la-môn, trong Tăng đoàn các Tỳ kheo này.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

NHÓM 2

NHÓM LỚN

61(1) *Chủ Thuyết Của Các Giáo Phái*

— “Này các Tỳ kheo, có ba chủ thuyết của các giáo phái³⁵⁷ mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi người có trí, thì chúng rốt cuộc cũng chỉ là sự không-làm-gì (không hành động, vô vi, vô tác).³⁵⁸ Đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ một chủ thuyết và quan điểm như vậy: [1] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do nghiệp đã làm trong quá khứ’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác thì nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy: [2] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả xảy ra đều do sự tạo tác của Thượng Đế’. Những tu sĩ và bà-la-môn khác nữa thì nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy: [3] ‘Dù người này trải nghiệm gì—sướng, khổ, hay không sướng không khổ—tất cả đều tự xảy ra chứ không do nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) nào cả’.³⁵⁹

(1) “Này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ chủ thuyết và quan điểm [1]—‘Tất cả đều xảy ra do nghiệp trong quá khứ’—³⁶⁰ và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ chủ thuyết

và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì những nghiệp trong quá khứ mà các vị có thể sát sinh, gian cấp, đánh vào tà dục tà dâm, nói dối nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, nói lời tầm phào tán dóc; cứ tham khát, ác ý, và nắm giữ quan điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’³⁶¹

“Những ai cả tin vào nghiệp quá khứ là tác nhân đích thực thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không hiểu biết đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô định hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ nhất của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy.

(2) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ chủ thuyết và quan điểm [2]—‘Tất cả đều xảy ra do sự tạo tác của Thượng Đế’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì sự tạo tác của Thượng Đế mà các vị có thể sát sinh ... nắm giữ quan điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’

“Những ai cả tin vào Thượng đế là tác nhân đích thực thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không hiểu biết đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô định hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ hai của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy.

(3) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã gặp những tu sĩ và bà-la-môn

nắm giữ chủ thuyết và quan điểm [3]—‘Tất cả đều tự xảy ra chứ không do nhân duyên nào cả’—và ta nói với họ: ‘Có đúng là các vị nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy?’ Khi ta hỏi như vậy, họ đã xác nhận là có. Rồi ta nói với họ: ‘Trong trường hợp như vậy, chỉ vì không phải do nhân duyên nào cả mà các vị có thể sát sinh ... nắm giữ quan điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.’

“Những ai cả tin vào nhân duyên không phải là tác nhân đích thực nào cả thì họ không còn mong muốn hay nhiệt thành làm những điều nên làm và tránh những điều không nên làm, và họ cũng không nỗ lực để làm gì cả. Vì do họ không hiểu biết đích thực điều gì nên làm và điều gì không nên làm, nên tâm họ vô hướng (rối rắm), họ không biết phòng hộ bản thân, và thậm chí nếu gọi họ là ‘tu sĩ’ thì cũng không hợp lệ gì cả. Đây là sự bác bỏ hợp lý thứ ba của ta đối với những tu sĩ và bà-la-môn nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy.

“Này các Tỳ kheo, đây là những chủ thuyết của các giáo phái mà cho dù có được hỏi, được chất vấn, được đối chứng, và được đưa đến kết luận bởi có trí, thì rốt cuộc chúng cũng chỉ là sự không-làm-gì.

— “Nhưng, này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm, không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Và cái gì là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm, không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí?

“‘Này là sáu yếu-tố’ (sáu giới): này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc’ (sáu xứ) ... ‘Này là mười tám sự xem-xét tâm’ ... ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy này là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

- “Khi ta nói điều này: ‘Này là sáu yếu-tố’: này các Tỳ kheo, đây

là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu yếu-tố: yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí, yếu tố không gian, và yếu tố thức. Khi ta nói ra điều này: ‘‘Này là sáu yếu-tố’: ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, thì chính do có sáu yếu tố đó nên ta đã nói điều đó.

- ‘‘Khi ta nói điều này: ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Có sáu cơ-sở tiếp xúc: mắt là một cơ sở tiếp xúc, tai là một cơ sở tiếp xúc, mũi là một cơ sở tiếp xúc, lưỡi là một cơ sở tiếp xúc, thân là một cơ sở tiếp xúc, và tâm là một cơ sở tiếp xúc. Khi ta nói ra điều này: ‘Này là sáu cơ-sở tiếp xúc’: ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, thì chính do có sáu cơ-sở tiếp xúc đó nên ta đã nói điều đó.

- ‘‘Khi ta nói điều này: ‘Này là mười tám sự xem-xét tâm’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người xem xét một hình-sắc là cơ sở vui-thích; người xem xét một hình-sắc là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hình-sắc là cơ sở xả-bỏ (không thích, không chê). Khi nghe một âm-thanh ... khi ngửi một mùi-hương ... khi nếm một mùi-vị ... khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc ... khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm, người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở vui-thích; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở ghét-chê; người xem xét một hiện-tượng thuộc tâm là cơ sở xả-bỏ. Khi ta nói ra điều này: ‘Này là mười tám sự xem-xét của tâm’: ... không bị bác bỏ ... bởi các tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, thì chính do có mười tám sự xem-xét của tâm đó nên ta đã nói điều đó.

- ‘‘Khi ta nói điều này: ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ dạy là không bị bác bỏ ... bởi những tu sĩ

và bà-la-môn có trí.’, vì lý do gì ta nói ra điều này? Tùy thuộc vào sáu yếu-tố (giới) nên xuất hiện sự nhập-thai [sẽ thành phôi thai]. Khi có sự nhập-thai, thì có phần danh-sắc; khi có phần danh-sắc là điều kiện (duyên), thì có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); khi có sáu cơ-sở cảm nhận là điều kiện, thì có sự tiếp-xúc (xúc); khi có sự tiếp-xúc là điều kiện, thì có cảm-giác (thọ). Bây giờ, vì do người (có) cảm nhận (cảm giác) nên ta nói: ‘Đây là sự khổ’, và ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, và ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, và ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự khổ? Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, phiền ưu, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm-uẩn bị dính chấp này chính là khổ. Đây được gọi là diệu đế về sự khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về nguồn-gốc khổ? Do có vô-minh là điều kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý (hành); do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức; do có thức là điều kiện, nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc (xúc); do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh-ra (sinh); do có sự sinh-ra là là điều kiện, nên có sự già và chết; rồi có sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn gốc của toàn bộ đồng khổ này. Đây được gọi là diệu đế về nguồn-gốc khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về sự chấm-dứt khổ? Khi vô-minh biến sạch và chấm dứt, thì không còn những sự tạo-tác cố-ý (hành); khi những sự tạo-tác cố-ý chấm dứt, thì không còn thức; khi thức chấm dứt, thì không còn phần danh-sắc; khi phần danh-sắc chấm

dứt, thì không còn sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); khi sáu cơ-sở cảm nhận chấm dứt, thì không còn sự tiếp-xúc (xúc); khi sự tiếp-xúc chấm dứt, thì không còn cảm-giác (thọ); khi cảm-giác chấm dứt, thì không còn dục-vọng (ái); khi dục-vọng chấm dứt, thì không còn sự dính-chấp (thủ); khi sự dính-chấp chấm dứt, thì không còn sự hiện-hữu (hữu); khi sự hiện-hữu chấm dứt, thì không còn sự sinh-ra; khi sự sinh chấm dứt, thì đâu còn sự già và chết; cũng đâu còn sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ đồng khổ này. Đây được gọi là diệu đế về sự chấm-dứt khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó chính là con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Khi ta nói ra điều này: ‘Này là bốn diệu đế’: này các Tỳ kheo, đây là Giáo Pháp được ta chỉ không bị bác bỏ, không bị ô nhiễm, không bị chê trách, và không bị bài trừ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.’, thì chính do có bốn diệu đế đó nên ta đã nói điều đó.”

62(2) *Những Hiểm Họa*

— “Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy nói về những hiểm-họa làm chia lìa mẹ và con. Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ hai làm chia lìa mẹ và con mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, mẹ không tìm thấy con và con không tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ ba làm chia lìa mẹ và con mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới.

“Đây là ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới.

— “Này các Tỷ kheo, có ba hiểm họa mà mẹ và con đôi lúc tìm thấy nhau mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới. Ba đó là gì?

(1) “Một thời thuở xưa có một trận đại hỏa hoạn. Khi trận đại hỏa hoạn xảy ra, nó thiêu rụi những làng mạc, quận thị, và thành phố. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố đang bốc cháy, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới.

(2) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận mưa lớn. Khi trận mưa lớn xảy ra, nó biến thành một trận đại lụt. Khi trận đại lụt xảy ra, những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi. Khi những làng mạc, quận thị, và thành phố bị cuốn đi, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phạm phu không được chỉ dạy nói tới.

(3) “Lại nữa, một thời thuở xưa có một trận bạo loạn giặc giã, khi đó mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn. Khi trận

bạo loạn xảy ra, mọi người ở vùng quê phóng lên xe cộ bỏ chạy tán loạn, đôi lúc mẹ tìm thấy con và con tìm thấy mẹ. Đây là hiểm họa thứ nhất không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

“Đây là ba hiểm họa có những lúc không làm chia lìa mẹ và con mà người phàm phu không được chỉ dạy nói tới.

— “Này các Tỳ kheo, có ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con. Ba đó là gì? Hiểm họa già, hiểm họa bệnh, và hiểm họa chết.

(1) “Khi con già đi, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi già, đừng để con tôi già đi!’ Và khi mẹ già đi, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi già, đừng để mẹ tôi già đi!’”. (Ai cũng bất lực trước sự già)

(2) “Khi con bệnh, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để con tôi bệnh!’ Và khi mẹ bệnh, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi bệnh, đừng để mẹ tôi bệnh!’”. (Ai cũng bất lực trước sự bệnh)

(3) “Khi con chết, mẹ không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi chết, đừng để con tôi chết!’ Và khi mẹ chết, con không thể làm gì để thỏa mong ước ‘Hãy để tôi chết, đừng để mẹ tôi chết!’”. (Ai cũng bất lực trước sự chết)

“Đây là ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.

“Này các Tỳ kheo, có một con đường, có một đường đi dẫn tới sự loại bỏ và sự thoát khỏi ba hiểm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con. Và cái gì là con đường và đường đi đó? Đó chính là con đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Đây là con đường và đường đi dẫn

tới sự loại bỏ và thoát khỏi ba hiểm họa đôi lúc mẹ và con tìm thấy nhau và ba hiểm họa làm chia lìa mẹ và con.”

63(3) Làng Venāgapura

Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành giữa những người Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó đến một ngôi làng của những bà-la-môn người Kosala, ngôi làng có tên là Venāgapura. Những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura nghe tin rằng:

“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con dòng họ Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, mới đến làng Venāgapura. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vậy: ‘Thế Tôn đó là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đi công khai nó cho mọi người biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; bậc ấy đã cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành đi gặp những vị A-la-hán đó.”

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Venāgapura đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính chào và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính chào và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Rồi bà-la-môn tên Vacchagotta ở làng Venāgapura nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, làm cách nào các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và màu da sáng trong như vậy. Giống như trái táo tàu màu vàng trong và sáng óng trong mùa thu. Giống như trái cọ dừa vừa được tách khỏi cùi có màu sáng trong, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và có màu sáng trong. Giống như một đồ trang sức được làm bằng vàng tinh, được khéo chế tác bởi thợ vàng tài ba và được rèn kỹ trong lò luyện vàng, rồi được đặt trên miếng vải gấm thêu, nó chiếu sáng, tỏa sáng, và phát sáng, các căn của Thầy Cồ-đàm tĩnh lặng và sáng trong.

“Mọi thứ tiện nghi xa xỉ và cao cấp—như ghế nệm, trường kỷ, khăn phủ viền long, khăn phủ nhiều màu sắc, khăn phủ màu trắng, khăn phủ bằng len có thêu văn hoa, mền bông, khăn phủ bằng len có thêu hình thú vật, khăn phủ bằng len có viền đôi, khăn phủ bằng len có viền đơn, mền bằng lụa, mền lụa được đính ngọc, mền có viền tơ lụa và được đính ngọc, tấm thảm sàn của vũ công, tấm thảm voi, tấm thảm ngựa, tấm thảm xe, tấm thảm bằng da sơn dương, tấm phủ bằng da hươu *kadali*, [giường] có lộng che ở trên và có hai gối đỏ ở hai đầu—Thầy Cồ-đàm chắc chắn có được chúng dễ dàng, một cách không khó khăn và rắc rối gì.”³⁶²

“Này bà-la-môn, người xuất gia thì hiếm khi có được những thứ tiện nghi xa xỉ và cao cấp đó, mà nếu họ có được thì họ cũng không được phép (nhận hay hưởng dụng).

“Nhưng, này bà-la-môn, có ba loại giường chiếu xa xỉ và cao cấp nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. Ba đó là gì? Giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi tiên, giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi trời Brahmā (phạm thiên), giường chiếu xa xỉ và cao cấp thánh thiện.³⁶³ Đây là ba loại giường chiếu xa xỉ và cao cấp nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì.”

(1) “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là chiếu xa xỉ và cao cấp của cõi tiên [thiên thân; tiên giới] mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?”

“Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y áo, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi, sau khi tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, ta an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Ta buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’.

“Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui (đi kinh hành), thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc cõi tiên.³⁶⁴ Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc

cõi tiên. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi tiên. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi tiên. Đây chính là giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi tiên mà nếu ta muốn ta sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. *(Thiền định sắc-giới tương ứng với các cõi tiên)*

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi tiên như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(2) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi trời Brahmā (phạm giới, phạm thiên giới) mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y áo, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lót thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi treo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi, (a) ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. (b) Ta an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (c) với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (d) với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy là, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, ta sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn ... sự tùy-hỷ ... sự buông-xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không thù ghét,

không ác ý.

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thuộc cõi trời Brahmā. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thuộc cõi trời Brahmā. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thuộc cõi trời Brahmā. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thuộc cõi trời Brahmā. Đây chính là giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi trời Brahmā mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. *(Bốn tâm vô-lượng tương ứng với cõi trời)*

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay giường chiếu xa xỉ và cao cấp thuộc cõi trời Brahmā như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

(3) Nhưng, Thầy Cồ-đàm, cái gì là chiếu xa xỉ và cao cấp thánh thiện (thuộc thánh giới, tức giải thoát giới hơn so với tiên giới và phạm giới) mà nếu Thầy muốn Thầy sẽ có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Ở đây, này bà-la-môn, khi ta đang sống độc lập trong một làng mạc hay phố thị, vào buổi sáng, ta mặc y áo, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng hay phố thị để khát thực. Sau khi đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, ta đi vô rừng. Ta gom cỏ hoặc lá cây lột thành chỗ ngồi và ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân và giữ thân thẳng đứng, ta thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Rồi ta hiểu như vậy: ‘Ta đã đẹp bỏ tham, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã đẹp bỏ sân, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Ta đã đẹp bỏ si, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.’³⁶⁵

“Rồi, này bà-la-môn, khi ta đang ở trong trạng thái đó, nếu ta đi tới đi lui, thì trong thời đó sự đi tới đi lui của ta là thánh thiện. Nếu ta đang đứng, thì trong thời đó sự đứng của ta là thánh thiện. Nếu ta đang ngồi, thì trong thời đó sự ngồi của ta là thánh thiện. Nếu ta đang nằm, thì trong thời đó sự nằm của ta là thánh thiện. Đây chính là giường chiếu xa xỉ và cao cấp thánh thiện mà nếu ta muốn ta có được ngay bây giờ, một cách không khó khăn và rắc rối gì. (*Trừ diệt tham, sân, si là tương ứng với thánh giới, trạng thái của bậc thánh giải thoát*)

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! Còn ai khác, ngoài Thầy Cồ-đàm, nếu muốn có thể có được ngay giường chiếu xa xỉ và cao cấp thánh thiện như vậy, một cách không khó khăn và rắc rối gì?

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như dựng đứng lại những thứ bị chúi đầu, khai mở những gì bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con từ hôm nay là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

64(4) *Du Sī Sarabha*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Bấy giờ, vào lúc đó có một du sĩ tên là Sarabha vừa mới rời bỏ Giáo Pháp và giới-luật này.³⁶⁶ Người đó đang nói với hội tăng chúng ở Rājagaha rằng: “Tôi đã từng học Giáo Pháp và giới-luật của những tu sĩ (sa-môn) tu theo ‘người con của họ Thích-ca’ (tức Phật). Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời bỏ Giáo Pháp và giới-luật đó.”

Rồi, vào buổi sáng, một số Tỷ kheo, mặc y áo, mang theo bình

bát và cà sa, và đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi họ nghe được du sĩ Sarabha nói như vậy với hội tăng chúng ở Rājagaha. Sau khi những Tỳ kheo đó đi khát thực trong thành Rājagaha, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ mới đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, du sĩ Sarabha, người đã rời khỏi Giáo Pháp và giới-luật này, đã nói với hội tăng chúng ở Rājagaha rằng: ‘Tôi đã từng học Giáo Pháp và giới-luật của những tu sĩ tu theo người con của họ Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời bỏ Giáo Pháp và giới-luật đó.’ Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đi đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā, và vì lòng bi mẫn, đến gặp du sĩ Sarabha (để chỉ giáo cho ông ta).” Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến khu ở của những du sĩ chỗ bờ sông Sappinikā. Đức Thế Tôn đến gặp du sĩ Sarabha, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình, và nói với ông ta: “Này Sarabha, có đúng là anh đã nói: ‘Tôi đã từng học Giáo Pháp và giới-luật của những tu sĩ tu theo người con của họ Thích-ca. Sau khi tôi đã học Giáo Pháp của họ, tôi đã rời bỏ Giáo Pháp và giới-luật đó’, phải không?”

Khi câu hỏi được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ im lặng.

Lần thứ hai đức Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha: “Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con họ Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh.” Nhưng lần thứ hai du sĩ Sarabha vẫn im lặng.

Lần thứ ba đức Thế Tôn đã nói với du sĩ Sarabha:³⁶⁷ “Này Sarabha, hãy nói ta nghe, theo cách nào anh đã học Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con họ Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn

toàn, ta sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, ta sẽ chúc mừng anh.” Nhưng lần thứ ba du sĩ Sarabha vẫn im lặng.³⁶⁸

Rồi những du sĩ ở đó đã nói với du sĩ Sarabha: “Thầy Cồ-đàm đã mở lòng cho anh để anh có thể vấn hỏi Thầy ấy bất cứ điều gì, này bạn hữu Sarabha. Hãy nói đi, này bạn hữu Sarabha! Theo cách nào anh đã học Giáo Pháp của những tu sĩ tu theo người con họ Thích-ca? Nếu anh chưa học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chỉ cho anh hoàn thành nó. Nhưng nếu anh đã học hết hoàn toàn, Thầy Cồ-đàm sẽ chúc mừng cho anh.” Khi lời này được nói ra, du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì.

Rồi đức Thế Tôn, sau khi hiểu được du sĩ Sarabha chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì, mới nói với những du sĩ ở đó:

(1) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Mặc dù ông tuyên bố là người đã giác ngộ hoàn toàn, nhưng ông chưa hoàn toàn giác ngộ về những điều này, hay điều nọ’, thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó.³⁶⁹ Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay cú; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.

(2) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Mặc dù ông tuyên bố là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, nhưng ông chưa tiêu diệt những ô-nhiễm này, hay ô-nhiễm nọ’, thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được

ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay cú; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.

(3) “Này các du sĩ, nếu có ai nói về ta: ‘Giáo Pháp của ông không dẫn người tu đến sự hoàn toàn diệt-khổ, là mục tiêu mà vì nó ông chỉ dạy Giáo Pháp đó’,³⁷⁰ thì ta sẽ hỏi người đó kỹ càng về vấn đề đó, sẽ vấn hỏi người đó, và đối chứng với người đó. Khi người đó được ta hỏi một cách kỹ càng, được vấn hỏi, được đối chứng, thì không thể nào và không thể hình dung được rằng người đó không bị một trong ba hậu quả là: (a) người đó sẽ trả lời câu hỏi một cách lảng tránh hoặc chuyển qua đề tài khác không liên quan; hoặc (b) sẽ thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay cú; hoặc (c) chỉ ngồi im lặng, bối rối, vai rũ xuống, mặt nhìn xuống đất, chán nản, và không nói gì như du sĩ Sarabha ở đây.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã cất lên tiếng gầm sư tử ba lần như vậy trong khu ở của những du sĩ bên bờ sông Sappinikā, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về.

Rồi, ngay sau khi đức Thế Tôn đã đi, những du sĩ đó đã cho du sĩ Sarabha một trận no đòn bằng lời nói,³⁷¹ [họ nói rằng:] “Giống như một con chó rừng già trong một khu rừng lớn mà có thể nghĩ rằng: ‘Ta sẽ rống lên tiếng gầm sư tử’, nhưng nó chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ăng như một con chó rừng mà thôi; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, bạn đã tuyên bố đồng đặc khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm rằng: ‘Ta sẽ rống tiếng gầm sư tử’, nhưng bạn chỉ có thể tru tréo và kêu ăng ăng như một con chó rừng. Này đạo hữu Sarabha, giống như một con gà con mà có thể nghĩ rằng: ‘Ta sẽ gáy như một con gà trống’, nhưng nó chỉ có thể kêu chim chirp như một con gà con; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, bạn tuyên bố đồng đặc khi không có mặt sa-

môn Cồ-đàm rằng: ‘Ta sẽ gáy như một con gà trống’, nhưng bạn chỉ có thể kêu chim chíp như một con gà con. Này đạo hữu Sarabha, giống như một con bò mà có thể nghĩ nó có thể rống lên tiếng gầm vang (như sư tử) trong một chuồng bò trống; cũng giống như vậy, này đạo hữu Sarabha, khi không có mặt sa-môn Cồ-đàm thì bạn nghĩ bạn có thể rống lên tiếng gầm vang.” [Theo cách như vậy] những du sĩ đó đã cho du sĩ Sarabha một trận đòn no bằng lời nói như vậy.

65(5) Những Người Kālāma Ở Kesaputtiya³⁷²

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó đang đến một quận thị có tên là Kesaputta³⁷³ của những người Kālāma. Những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin rằng:

“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con dòng họ Thích-ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-ca, vừa mới đến Kesaputta. Giờ tin tốt về Thầy Cồ-đàm đã truyền đi như vậy: ‘Thế Tôn đó là một A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đi công khai nó cho mọi người biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với câu chữ và ý nghĩa đúng đắn; bậc ấy đã cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và thanh khiết.’ Giờ sẽ tốt lành nếu đi gặp những vị A-la-hán đó.” (*giống lời đoạn thứ hai kinh 3:63 ở trên*)

Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số họ kính chào và ngồi xuống một bên; một số thì chào hỏi qua

lại với đức Thế Tôn và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ kính chào và ngồi xuống một bên; một số giới thiệu tên và họ tộc của mình và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. *(giống lời đoạn thứ ba kinh 3:63 ở trên)*. Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Ngài, có một số tu sĩ và bà-la-môn đến Kesaputta này. Họ giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phi báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Nhưng rồi có những tu sĩ và bà-la-môn khác đến Kesaputta, họ cũng giải thích và thuyết minh những giáo thuyết của họ, nhưng phi báng, chê bai, bài xích, chế nhạo những giáo thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi thấy bối rối và hoài nghi không biết ai trong số những vị thiện tu sĩ đó là người nói đúng và ai là người nói sai.”

(I)— “Này những người Kālāma, các người bị bối rối như vậy cũng phải, các người hoài nghi như vậy cũng phải. Sự nghi ngờ đã khởi sinh trong các người về một vấn đề còn làm bối rối. Này những người Kālāma, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ ‘Vị đó là sư thầy của chúng ta mà’.³⁷⁴ Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là không lành mạnh; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến nguy hại và khổ đau’, thì các người nên dẹp bỏ chúng.”

(1) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham-dục khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”³⁷⁵

“Mang lại nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người tham dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, nên người đó sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(2) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sân-giận khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người sân giận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, nên người đó sát sinh, lấy của không được cho, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(3) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi si-mờ khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại nguy hại, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người si mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, nên người đó sát sinh, lấy của không được cho, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Không lành mạnh, thưa Ngài” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Đánh chê trách, thưa Ngài” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Bị quở trách bởi bậc trí hiền, thưa Ngài” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không; các người thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau; chúng tôi thấy như vậy.”

“Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: ‘Này những người Kālāma, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là không lành mạnh; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến nguy hại và khổ đau’, thì các người nên dẹp bỏ chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

(II)— Này những người Kālāma, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng, này những người Kālāma, khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì các người nên sống theo chúng.”

(1) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, thì người đó không sát sinh, lấy của không được cho, tà dâm ngoại tình,

hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(2) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, thì người đó không sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

(3) “Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, thì người đó không sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa Ngài.”

“Này những người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Lành mạnh, thưa Ngài” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Không đáng chê trách, thưa Ngài” – “Bị quả trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” –

“Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thừa Ngài” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; các người thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; chúng tôi thấy như vậy.”

“Như vậy, này những người Kālāma, khi ta nói: ‘Này những người Kālāma, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào các người tự mình biết được: ‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì các người nên sống theo chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

“Rồi, này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn tham-muốn, không còn ác-ý, không còn ngu-mò (không còn tham, sân, si), thường rõ-biết (tỉnh giác), luôn có chánh-niệm, sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý.

(III)— “Này những người Kālāma, người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không còn thù ghét, không còn ác ý, và trong sạch như vậy, đã đạt được những sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

(a) “Sự bảo-an đầu tiên mà người đó đạt được là điều này (người đó biết): ‘Nếu có thế giới khác, và nếu nghiệp thiện và nghiệp ác có

nghiệp quả hay quả báo, thì khả năng là, khi thân tan rã, sau khi chết, ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’

(b) “Sự bảo-an thứ hai mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử không có thế giới khác, và nghiệp thiện hay nghiệp ác đều không có nghiệp quả hay quả báo gì, thì ngay ở đây, ngay trong kiếp này, ta vẫn giữ (duy trì) mình (sống) trong sự hạnh phúc, không thù ghét, và không ác ý, không bị khó khổ (rắc rối) gì.’

(c) “Sự bảo-an thứ ba mà người đó đạt được là điều này: ‘Nếu điều xấu dữ xảy đến cho những người làm nghiệp xấu ác. Vậy khi ta không hề có ý định xấu ác đối với ai, thì đâu sự khổ đau nào làm khổ ta, vì ta đâu làm nghiệp gì xấu ác?’³⁷⁶

(d) “Sự bảo-an thứ tư mà người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’³⁷⁷

“Này những người Kālāma, những ai có tâm theo cách như vậy, không còn thù ghét, không còn ác ý, không còn ô nhiễm, và trong sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.”

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Người đệ tử thánh thiện này, có tâm theo cách như vậy, không còn thù ghét, không còn ác ý, không còn ô nhiễm, và trong sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

“Sự bảo-an thứ nhất người đó đạt được là điều này ... [*lặp lại bốn sự bảo-an như trên, cho đến:*] ... Sự bảo an thứ tư người đó đạt được là điều này: ‘Giả sử điều xấu dữ không xảy đến với người làm nghiệp xấu ác. Thì ngay ở đây, ta vẫn nhìn thấy mình được thanh lọc về cả hai phương diện.’

“Thưa Thế Tôn, người đệ tử thánh thiện này có tâm theo cách như vậy, không còn thù ghét, không còn ác ý, không còn ô nhiễm, và trong

sạch như vậy, là đã đạt được bốn sự bảo-an như vậy ngay trong kiếp này.

“Thật hay khéo, Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn ... Chúng con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Mong Thế Tôn ghi nhớ chúng con từ nay đã quy y nương tựa cho đến cuối đời.”

66(6) *Sālha*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra [Migāramata]. Lúc đó có Sālha, cháu nội của Migāra, và Rohaṇa, cháu nội của Pekhuniya, đến gặp Ngài Nandaka, kính chào thầy ấy, và ngồi xuống một bên. Thầy Nandaka mới nói với Sālha:

— “Này, Sālha, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng, bởi tông phái truyền thừa, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; bởi sự lý luận theo lý lẽ, bởi lý luận do suy đoán, bởi sự nhận thấy có lý, bởi do chấp nhận một quan điểm sau khi xem xét kỹ nó; bởi bề ngoài (vị đó) có vẻ cao đạo, hay bởi do ý nghĩ ‘Vị đó là sư thầy của chúng ta mà’. Nhưng khi nào các con tự mình biết được: ‘Những điều này là không lành mạnh; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến nguy hại và khổ đau’, thì các con nên dẹp bỏ chúng.

(1) “Này Sālha, con nghĩ sao, có sự tham hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đó nghĩa là sự tham-muốn. Một người tham-dục, đây tham muốn; sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(2) “Này Sālha, con nghĩ sao, có sự sân hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đó nghĩa là sự ác-ý. Một người đầy thù-ghét, với một cái tâm đầy ác ý; sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(3) “Này Sālha, con nghĩ sao, có sự si hay không?”

“Có, thưa thầy.”

“Ta nói, đó nghĩa là sự vô-minh. Một si-mê, chìm đắm trong vô minh; sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, và nói dối nói sai; và người đó cũng khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này Sālha, con nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Không lành mạnh, thưa thầy” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Đáng chê trách, thưa thầy” – “Bị quả trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Bị quả trách bởi bậc trí hiền, thưa thầy” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau hay không; con thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Sālha, khi ta nói: ‘Này Sālha, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào con tự mình biết được: ‘Những điều này là không lành mạnh; những điều này là đáng chê trách (tội lỗi); những điều này là bị quả trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến nguy hại và khổ đau’, thì con nên dẹp bỏ chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

— Nay Sālha, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... hay bởi do ý nghĩ ‘Vị đó là sư thầy của chúng ta mà’. Nhưng, nay Sālha, khi nào con tự mình biết được: ‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì con nên sống theo chúng.”

(1) “Nay Sālha, con nghĩ sao? Khi sự vô-tham khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Nay Sālha, một người không tham-dục, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham; không sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(2) “Nay Sālha, con nghĩ sao? Khi sự vô-sân khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Nay Sālha, một người không sân-hận, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân; không sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

(3) “Nay những người Kālāma, con nghĩ sao? Khi sự vô-si khởi sinh trong một người, nó mang lại ích lợi hay nguy hại cho người đó?”

“Mang lại ích lợi, thưa thầy.”

“Này Sālha, một người không si-mê, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si; không sát sinh, gian cấp, tà dâm ngoại tình, hay nói dối nói sai; và người đó cũng không khuyến khích người khác làm vậy. Có phải điều đó sẽ dẫn người đó tới ích lợi và hạnh phúc lâu dài hay không?”

“Đúng vậy, thưa thầy.”

“Này Sālha, con nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?” – “Lành mạnh, thưa thầy” – “Đáng chê trách hay không đáng chê trách?” – “Không đáng chê trách, thưa thầy” – “Bị quở trách hay được khen ngợi bởi bậc trí hiền?” – “Được khen ngợi bởi bậc trí hiền, thưa thầy” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng, chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc hay không; con thấy sao?” – “Nếu chấp nhận và thực hiện chúng sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc; con thấy như vậy.”

“Như vậy, này Sālha, khi ta nói: ‘Này Sālha, đừng vội tin hay bị dẫn dắt bởi những lời truyền miệng ... Nhưng khi nào con tự mình biết được: ‘Những điều này là lành mạnh; những điều này là không đáng chê trách (không tội lỗi); những điều này là không bị quở trách bởi bậc trí hiền; những điều đó, nếu chấp nhận và thực hiện, sẽ dẫn đến ích lợi và hạnh phúc’, thì con nên sống theo chúng.’, thì chính vì lẽ đó nên ta đã nói như vậy.”

“Rồi, này Sālha, người đệ tử thánh thiện đó, là người không còn tham-dục, không còn ác-ý, không còn ngu-mờ (không còn tham, sân, si), thường rõ-biết (tỉnh giác), luôn có chánh-niệm, sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thể giới với một cái

tâm thấm đắm sự từ ... bi ... hỷ ... xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác ý.

“Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Có trạng thái này; có trạng thái thấp kém hơn; có trạng thái siêu xuất hơn; còn có một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức (tưởng; những thứ do tưởng mà có; tức đã diệt thọ-tưởng).’³⁷⁸ Khi người đó biết và thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi ô-nhiễm do nhục-dục, khỏi ô-nhiễm do hiện-hữu, và khỏi ô-nhiễm do vô-minh. Khi tâm được giải thoát thì có sự hiểu-biết: ‘[Nó] được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.’

“Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây có tham; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có sân; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành. Trước đây có si; đó là bất thiện. Giờ không còn nó; nên đây là thiện lành.’

“Như vậy đó, ngay trong kiếp này người đó sống không thèm khát, đã giải cơn khát và đã nguội tắt (dục vọng), đang trải nghiệm niềm chân phúc, đã làm bản thân mình thành thiên thánh (như trời brahma, phạm thiên).”³⁷⁹

67(7) Những Cơ Sở Để Nói Chuyện

“Này các Tỳ kheo, có ba cơ sở để nói chuyện. Ba đó là gì? (1) Khi nói về quá khứ, người ta nói: ‘Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ.’ (2) Khi nói về tương lai, người ta nói: ‘Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai.’ (3) Khi nói về hiện tại, người ta nói: ‘Như vậy xảy ra bây giờ, trong hiện tại.’

(A) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng (phù hợp) hay không có khả năng (không phù hợp) để nói

chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó không trả lời một cách dứt dạc; (b) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải (phân tích, phân biệt) và người đó trả lời mà không có sự phân giải; (c) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó không trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [nếu người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó không bỏ qua— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.³⁸⁰

— “Nhưng, (a) khi một người được hỏi một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc và người đó trả lời một cách dứt dạc; (b) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải và người đó trả lời sau khi có sự phân giải; (c) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại và người đó trả lời bằng câu hỏi lại; (d) [khi người đó được hỏi] một câu hỏi nên được bỏ qua và người đó bỏ qua— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(B) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó không đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó không đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó không đứng vững trong trình tự thảo luận— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó đứng vững trước lập trường của mình và lập trường đối kháng của người khác; (b) nếu người đó đứng vững trong ý đồ của mình; (c) nếu người đó đứng vững trong sự khẳng định của mình về một điều đã được biết; (d) nếu người đó đứng vững trong trình tự thảo luận— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(C) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó trả lời một cách tránh né, (b) chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) thể hiện sự bức tức, sự thù ghét, và cay cú— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không trả lời một cách tránh né, (b) không chuyển chủ đề nói chuyện qua một chủ đề khác không liên quan, và (c) không thể hiện sự bức tức, sự thù ghét, và cay cú— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(D) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có khả năng hay không có khả năng để nói chuyện. (a) Nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó cứ áp đảo lại [người hỏi], (b) hiếp đáp, (c) chế nhạo, và (d) bắt bẻ từng lỗi nhỏ [của người hỏi]— trong trường hợp như vậy người đó là không có khả năng để nói chuyện.

— “Nhưng, (a) nếu một người được hỏi một câu hỏi và người đó không áp đảo lại [người hỏi], (b) không hiếp đáp, (c) chế nhạo, và (d) không bắt bẻ từng lỗi nhỏ [của người hỏi]— trong trường hợp như vậy người đó là có khả năng để nói chuyện.

(E) “Này các Tỳ kheo, về mặt thảo luận, một người có thể hiểu là có điều kiện (duyên) trợ giúp hay không có điều kiện trợ giúp (cho cuộc thảo luận được thành công). (a) Một người không để tai lắng nghe là người không có điều kiện trợ giúp. (b) Người có điều kiện trợ giúp thì trực-tiếp biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều. Sau khi trực-tiếp biết một điều, hoàn-toàn hiểu một điều, dẹp bỏ một điều, và chứng ngộ một điều, người đó đạt tới sự giải-thoát đúng đắn.³⁸¹

“Này các Tỳ kheo, đây là mục tiêu của sự nói chuyện, mục tiêu

của sự thảo luận, mục tiêu của điều kiện trợ giúp, mục tiêu để lắng nghe, đó là: sự giải-thoát của tâm nhờ sự không-còn dính chấp.”

68(8) Những Giáo Phái Khác

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ của những giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) có thể hỏi các thầy: ‘Này các bạn, có ba điều này. Ba đó là gì? Tham, sân, và si. Đây là ba điều. Này các bạn, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, và sự phân biệt giữa chúng?’ Nếu các thầy được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn, làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói”.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy câu hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như sau: ‘Này các bạn, tham (tham dục, nhục dục) là ít đáng trách hơn (tội lỗi nhẹ) nhưng chậm phai biến; sân là rất đáng trách nhưng mau phai biến; si là rất đáng trách và chậm phai biến.’³⁸²

(1) “[Giả sử họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham dục đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: một đối tượng hấp dẫn. Đối với một người chú tâm kỹ càng (như lý tác ý) tới một đối tượng hấp dẫn, tham dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham dục chưa khởi sinh khởi sinh và tham dục đã khởi sinh càng

gia tăng và lớn mạnh.’

(2) “[Giả sử họ hỏi:] Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân bực chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân bực đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: một đối tượng khó ưa. Đối với một người chú tâm kỹ càng tới một đối tượng khó ưa, sân bực chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân bực đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân bực chưa khởi sinh thì khởi sinh và sân bực đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.’

(3) “[Giả sử họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho ngu si chưa khởi sinh thì khởi sinh và ngu si đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: sự chú tâm không kỹ càng (phi như lý tác ý). Đối với một người chú tâm không kỹ càng, ngu si chưa khởi sinh thì khởi sinh và ngu si đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.’

(1) “[Giả sử họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho tham dục chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: một đối tượng không hấp dẫn. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới một đối tượng không hấp dẫn, thì tham dục chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho tham dục chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’

(2) “[Giả sử họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho sân bực chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân bực đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ. Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới sự giải-thoát của tâm nhờ tâm-từ, thì sân bực chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân bực đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho sân bực chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sân bực đã

khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’

(3) “[Giả sử họ hỏi:] ‘Nhưng, này các bạn, cái gì là lý do làm cho ngu si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và ngu si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ?’ Thì các thầy nên trả lời: ‘Đó là: sự chú tâm kỹ càng (như lý tác ý). Đối với người chú-tâm một cách kỹ càng, thì ngu si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và ngu si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. Này các bạn, đây chính là lý do làm cho ngu si chưa khởi sinh thì không khởi sinh và ngu si đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.’”

69(9) *Những Góc Rẽ*

— “Này các Tỳ kheo, có ba loại góc rẽ [căn] bất thiện. Ba đó là gì? Góc rẽ bất thiện: tham; góc rẽ bất thiện: sân; góc rẽ bất thiện: si.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi sự tham đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người tham làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là bất thiện. Khi một người tham-dục, bị chi phối bởi tham, với một cái tâm bị ám muội bởi tham, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái có giả dối³⁸³—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ tham, do tham, khởi sinh từ tham, bị tác động (duyên) bởi tham.

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi sự sân đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người sân làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là bất thiện. Khi một người sân-hận, bị chi phối bởi sân, với một cái tâm bị ám muội bởi sân, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái có giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sân, do sân, khởi sinh từ sân, bị tác động

(duyên) bởi si.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự si đều là bất thiện. Mọi [nghiệp] một người si làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là bất thiện. Khi một người si-mê, bị chi phối bởi si, với một cái tâm bị ám muội bởi si, gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là bất thiện. Như vậy rất nhiều bản tính bất thiện xấu ác khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ si, do si, khởi sinh từ si, bị tác động (duyên) bởi si.

“Này các Tỳ kheo, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới-luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc ... phi giới luật? Người này gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó khinh ghét [người chỉ trích mình]; người đó không thừa nhận [tội lỗi của mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó không cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vậy do vậy, điều này là không đúng; do vậy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói không đúng lúc, người nói sai dối, người nói điều phi ích lợi, người nói điều phi Giáo Pháp, người nói điều phi giới-luật.

“Người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham ... sân ... si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sâu khổ, sự thống khổ, và cơn sốt (khổ não), và khi thân tan rã, sau khi chết, có thể bị tái sinh trong một nơi đến xấu dữ.

“Ví như một cây to đang bị bao che và quần nghẹt bởi ba loại dây

leo *māluvā* (dây leo tên là ‘chân lạc đà’). Coi như nó đã gặp khổ nạn, gặp tai họa, gặp khổ nạn và tai họa. Cũng giống như vậy, một người như vậy, bị chi phối bởi những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, với cái tâm bị ám muội bởi tham ... sân ... si, thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự sầu khổ, sự thống khổ, và cơn sốt (khô não), và khi thân tan rã, sau khi chết, có thể bị tái sinh trong một nơi đến xấu dữ. Đây là ba gốc rễ bất thiện.

— “Này các Tỳ kheo, có ba gốc rễ thiện. Ba đó là gì? Gốc rễ thiện: vô-tham; gốc rễ thiện: vô-sân; gốc rễ thiện: vô-si.

(1) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-tham đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô tham làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là thiện. Khi một người vô-tham, không bị chi phối bởi tham, với một cái tâm không bị ám muội bởi tham, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-tham, do sự vô-tham, khởi sinh từ sự vô-tham, bị tác động (duyên) bởi sự vô-tham.

(2) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-sân đều là thiện. Mọi [nghiệp] một người vô sân làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là thiện. Khi một người vô-sân, không bị chi phối bởi sân, với một cái tâm không bị ám muội bởi sân, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-sân, do sự vô-sân, khởi sinh từ sự vô-sân, bị tác động (duyên) bởi sự vô-sân.

(3) “Này các Tỳ kheo, mọi sự vô-si đều là thiện. Mọi [nghiệp]

một người vô si làm bằng hành động, lời nói, và tâm ý đều là thiện. Khi một người vô-si, không bị chi phối bởi si, với một cái tâm không bị ám muội bởi si, không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng những cách như: giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’, thì đó cũng là thiện. Như vậy rất nhiều bản tính thiện khởi sinh trong người đó đều được sinh ra từ sự vô-si, do sự vô-si, khởi sinh từ sự vô-si, bị tác động (duyên) bởi sự vô-si.

“Này các Tỷ kheo, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc, người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới-luật. Và tại sao người như vậy được gọi là người nói đúng lúc ... hợp giới-luật? Người này không gây ra khổ đau cho người khác dưới một cái cơ giả dối—bằng cách giết hại, bỏ tù, tịch thu, cấm đoán, hoặc xua đuổi—[người đó không nghĩ rằng] ‘Ta có quyền, ta muốn quyền hành’. Như vậy, khi nói về điều đúng với sự thật, người đó thừa nhận [tội lỗi của mình] và không khinh ghét [người chỉ trích mình]. Khi nói về điều trái với sự thật, người đó cố gắng để hiểu điều (người khác) đã nói với mình: ‘Do vậy do vậy, điều này là không đúng; do vậy do vậy, điều này là trái với sự thật’. Bởi vậy, người như vậy được gọi là người nói đúng lúc, người nói đúng theo sự thật, người nói điều ích lợi, người nói điều hợp Giáo Pháp, người nói điều hợp giới-luật.

“Người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay cơn sốt, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn.

“Ví như một cây to đang bị bao che và quấn nghệt bởi ba loại dây leo *māluvā*. Rồi một người đến mang theo cuộc xẻo và giở đựng.

Người đó chặt bỏ tận gốc những dây leo đó, đào bứng và nhổ sạch gốc rễ, ngay cả những cọng rễ non và sợi rễ. Người đó chặt những dây leo thành khúc nhỏ, chặt thành mảnh nhỏ, và băm thành vụn nhỏ. Rồi người đó phơi khô đồng vụn nhỏ dưới nắng và gió, rồi đốt cháy chúng, đốt hết thành tro, và quăng tro đi theo gió mạnh hoặc quăng xuống một dòng sông chảy xiết. Theo cách như vậy, ba loại dây leo *māluvā* đó đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một người như vậy đã dẹp bỏ những bản tính bất thiện xấu ác được sinh ra từ tham ... được sinh ra từ sân ... được sinh ra từ si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Người đó sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự sầu khổ, sự thống khổ, hay cơn sốt, và ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn. Đây là ba gốc rễ thiện.”

70(10) Những Ngày Lễ Bố-Tát

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (Migāramātā) (tức là nữ đại thí chủ Visākhā). Lúc đó, cô Visākhā là mẹ của Migāra, nhằm ngày lễ bố-tát [uposatha], đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với cô:

“Này Visākhā, sao cô đến vào giữa trưa như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, con đang trai giới ngày bố-tát (bát trai giới).”

“Này Visākhā, có ba loại bố-tát. Ba đó là gì? Bố-tát của người chăn bò, bố-tát của những người Ni-kiền-tử, và bố-tát của thánh nhân.

(1) “Và, này Visākhā, theo cách nào là sự trai giới bố-tát của

người chăn bò? Đây Visākhā, ví dụ như, vào buổi chiều người chăn bò trả đàn bò về cho chủ bò của họ. Người đó suy xét như vậy: ‘Bữa này những con bò ăn cỏ ở mấy chỗ như vậy và uống nước ở mấy chỗ như vậy. Ngày mai những con bò sẽ ăn cỏ ở mấy chỗ như kia và uống nước ở mấy chỗ như kia.’ Cũng giống như vậy, có người ở đây đang trai giới bố-tát suy xét như vậy: ‘Bữa nay tôi ăn mấy món ăn như vậy; bữa nay tôi đã ăn loại bữa ăn như vậy. Ngày mai tôi sẽ ăn mấy món ăn như kia; ngày mai tôi sẽ ăn loại bữa ăn như kia.’ Như vậy người đó trải qua một ngày với sự tham lam và ham muốn trong tâm. Theo cách như vậy là sự trai giới bố-tát của người chăn bò. Sự trai giới bố-tát của người chăn bò, theo cách như vậy, thì không mang lại kết quả và ích lợi, cũng không sáng sủa hay thâm thấp vào đâu.

(2) “Và, này Visākhā, theo cách nào là sự trai giới bố-tát của những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha, những người theo Kỳ-na giáo hay đạo Jain)? Đây Visākhā, có những tu sĩ được gọi là những Ni-kiền-tử. Họ chỉ dụ đệ tử của họ như vậy: ‘Này bạn tốt, hãy đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần [*yojana*] về phía đông. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía tây. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía bắc. Đặt cây gậy hướng về những chúng sinh sống cách đó hơn một trăm do-tuần về phía nam.’ Vậy đó, họ chỉ dụ đệ tử của họ hãy có lòng cảm thông và bi mẫn đối với những chúng sinh mấy chỗ đó thôi, chứ không đối với những chúng sinh khác. Nhằm ngày bố-tát, họ chỉ dụ đệ tử của họ như vậy: ‘Này bạn tốt, sau khi đã cởi bỏ tất cả quần áo qua một bên, hãy tụng rằng: ‘Ta không ở bất cứ đâu là của ai, cũng không ở bất cứ đâu có bất cứ gì là của ta.’³⁸⁴ Tuy nhiên, rõ ràng cha mẹ người đệ tử đó biết: ‘Đây là con của chúng tôi.’ Và người đó cũng biết: ‘Đây là cha mẹ của tôi’. Vợ con người đó biết: ‘Ông là người (cha, chồng) nuôi nấng của chúng tôi’. Và người đó cũng biết: ‘Đây là vợ và con của tôi’. Những người làm, người hầu, và

người giúp việc đều biết: ‘Đây là gia chủ của chúng tôi’. Và người đó cũng biết: ‘Đây là người làm, người hầu, và người giúp việc của tôi’. Như vậy đó, vào dịp đó lẽ ra họ nên được chỉ dụ bằng lẽ-thật, nhưng những người Ni-kiền-tử lại bị chỉ dụ bằng những lời-tụng sai trái. Rồi qua hết đêm đó, hôm sau họ lại đi chiếm dụng những thứ không được cho. Ta nói, đây là lấy của không được cho (trộm, cắp, gian, lận, ăn chặn, tham nhũng, manh mún...). Theo cách như vậy là sự trai giới bố-tát của những người Ni-kiền-tử. Sự trai giới bố-tát của những người Ni-kiền-tử, theo cách như vậy, thì không mang lại kết quả và ích lợi, cũng không sáng sủa hay thâm tháp vào đâu.

(3) “Và, này Visākhā, theo cách nào là sự trai giới bố-tát của thánh nhân?

(I) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực (tu tập).³⁸⁵ Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách khi cái đầu bị dơ dáy của một người được gội sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực.

“Và, này Visākhā, theo cách nào thì cái đầu bị dơ dáy của một người được gội sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực? Bằng cách dùng chất tẩy gội, đất sét, nước, và sự nỗ-lực thích hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái đầu bị dơ dáy của một người được gội sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā,

một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai như vậy: ‘[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Như Lai, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người trai giới bố-tát của trời Brahmā, là người sống với trời Brahmā, và nhờ sự tưởng niệm trời Brahmā nên tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ.³⁸⁶ Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực.

(II) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp, tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách thân bị dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực.

“Và, này Visākhā, theo cách nào cái thân bị dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực? Bằng cách dùng bàn chải tắm, bột vôi, nước, và sự nỗ-lực phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì cái thân bị dơ dáy của một người được tẩy sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Giáo Pháp như vậy: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm

về Giáo Pháp, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người trai giới bố-tát của Giáo Pháp, người sống với Giáo Pháp, và nhờ sự tưởng niệm Giáo Pháp nên tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực.

(III) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách áp dụng nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực; đó gồm, bốn cặp hạng người, tám loại người—Tăng Đoàn này của những đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được kính lễ, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực

“Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng cách áp dụng sự nỗ-lực? Bằng nhiệt (nước) nóng, phân bỏ, nước, và sự nỗ-lực phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy thì tấm vải dơ dáy được giặt sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn như vậy: ‘[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về Tăng Đoàn, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm

được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người trai giới bố-tát của Tăng Đoàn, người sống với Tăng Đoàn, và nhờ sự tưởng niệm Tăng Đoàn nên tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực.

(IV) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách áp dụng nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về đức-hạnh [giới-hạnh] của mình [là không bị sút mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về đức-hạnh của mình như vậy, tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách một tấm gương bị dơ dáy được chùi sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực.

“Và, này Visākhā, theo cách nào một tấm gương bị dơ dáy được chùi sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực? Bằng cách dùng dầu, tro, khăn vải, và sự nỗ-lực phù hợp của người đó. Chính theo cách như vậy tấm gương bị dơ dáy được chùi sạch bằng cách dùng sự nỗ-lực. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về đức-hạnh [giới hạnh] của mình [là không bị sút mẻ, hoàn thiện, không bị tỳ vết, không bị nhiễm dơ, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi bậc trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.] Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về đức-hạnh của mình như vậy, tâm của người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực.

(V) “Này Visākhā, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách

dùng nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách áp dụng nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên-thần như vậy: ‘[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33), những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma), những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita), những thiên thần thích sáng tạo (hóa lạc thiên), những thiên thần kiểm soát những sáng tạo bởi những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên), và những thiên thần cao hơn nữa.³⁸⁷ Ta cũng có niềm-tin (tín) như những thiên thần đó đã có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó; ta cũng có đức-hạnh (giới) ... sự học-hiểu (học)³⁸⁸ ... sự bố thí (thí) ... trí-tuệ (tuệ) như những thiên thần đó có mà nhờ đó khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, đức-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ, y như cách vàng dơ tạp được tinh lọc bằng cách dùng sự-nỗ lực.

“Và, này Visākhā, theo cách nào vàng dơ tạp được tinh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Bằng cách dùng lò rèn, muối, phấn đồ, ống thổi, và kiềm để kẹp, và sự nỗ-lực thích hợp của người đó. Chính theo cách như vậy vàng tạp dơ được tinh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Cũng giống như vậy, cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực. Và theo cách nào cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực? Ở đây, này Visākhā, một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về những thiên thần như vậy: ‘[Có những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương ... khi họ qua đời ở thế gian này, họ đã được tái sinh ở trên đó.]’ Khi một người đệ tử thánh thiện tưởng niệm về niềm-tin, đức-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ có trong mình và có trong những thiên thần, tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ

khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Đây được gọi là một người đệ tử thánh thiện là người trai giới bố-tát của những thiên-thần, là người sống với những thiên-thần, và nhờ sự tưởng niệm về những thiên-thần nên tâm người đó trở nên yên-tĩnh, niềm hoan-hỷ khởi sinh, và những ô-nhiễm của tâm được dẹp bỏ. Chính theo cách như vậy cái tâm bị ô-nhiễm được thanh lọc bằng cách dùng sự nỗ-lực.

(TÁM TRAI GIỚI BỐ-TÁT:)

(I) (1) “Này Visākha, người đệ tử thánh thiện này biết quán chiếu như vậy.³⁸⁹ ‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử sát sinh*; dẹp bỏ gây gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và *kiêng cử sự sát sinh*; dẹp bỏ gây gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]’ (*không sát sinh*)

(2) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử gian cấp*, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian cấp (trộm, cắp, gian lận, manh mún, tham những...). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và *kiêng cử gian cấp*; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian cấp.... Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]’ (*không gian cấp, trộm, gian, lận, tham những, manh mún...*)

(3) “‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử hành vi dâm dục* và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, *kiêng cử giao hợp*, *kiêng cử mọi hành vi dâm dục* của người phạm (dù là chính dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm...). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly,

kiêng cử giao hợp, kiêng cử mọi hành vi dâm dục của người phạm.... Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không dâm dục*)

(4) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử nói dối, nói sai sự thật*; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cử nói dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không nói dối, nói sai*)

(5) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và *kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại*, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cử rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không uống rượu bia hay dùng những chất độc hại như ma túy, thuốc lá...*)

(6) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày,³⁹⁰ kiêng cử ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cử ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không ăn quá một bữa ăn một ngày, ăn trước giờ Ngọ, không ăn phi thời*)

(7) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán *kiêng cử múa, hát, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp*, và *kiêng cử việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp*. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cử việc múa, hát, đàn trống, nhạc kịch không

thích hợp, và kiêng cử việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không múa hát, tuồng kịch, trang điểm, son phấn, làm đẹp...*)

(8) “[Khi còn sống, những bậc A-la-hán đẹp bỏ và *kiêng cử nằm ngòì trên giường ghé cao và sang trọng*; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ đẹp bỏ và kiêng cử việc nằm trên giường cao và sang trọng; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] (*không nằm ngòì trên giường ghé cao sang, sung sướng*)

“Này Visākhā, theo cách như vậy là sự trai giới bố-tát của thánh nhân. Khi một người đã trai giới bố-tát của thánh nhân, theo cách như vậy, thì sẽ mang lại kết quả và ích lợi, sáng lạng và thấm nhập.

(II) “Nó (sự trai giới bố-tát) mang lại kết quả và ích lợi tới mức nào? Nó sáng lạng và thấm nhập tới mức nào? Này Visākhā, ví dụ như có người có được sự thống trị và đế quyền của mình đối với 16 nước lớn có chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy báu,³⁹¹ đó là [các nước của dân tộc] Āṅga, người Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāśi, Kosala (Kiền-tát-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kamboja: thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này (*tám phần trai giới từ (1)-(8) nói trên*). Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người là thấp kém so với niềm hạnh-phúc ở cõi trời đó gồm những nước của những người Āṅga, người Magadha (Ma-kiệt-đà), người Kāśi, người Kosala (Kiền-tát-la), người Vajji (Bạt-kỳ), người Malla, người Ceti, người Vaṅga, người Kuru, người Pañcāla, người Maccha, người Sūrasena, người Assaka, người Avanti, người Gandhāra, và người Kamboja:³⁹² thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát

toàn bộ tám chi phần vừa mới nói ra. Vì lý do gì? Vì sự đê vương cõi người là kém cõi hơn nhiều so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương:³⁹³ 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvātimsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.

– “Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy. Nay Visākhā, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn bộ tám chi phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền cõi người là kém cõi so với niềm hạnh phúc cõi trời.”

Không sát sinh; không gian cấp (trộm, gian, lận, tham những);

Không nói dối nói sai; không rượu, bia, hút, chích;
 Không cữ dâm dục, cả chính dâm, tà dâm;
 Không ăn ban đêm, không ăn phi thời.
 Không trang điểm, đeo vòng hoa, súc nước hoa, phấn sáp;
 Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất;
 Đây được người ta gọi là ngày bố-tát tám trai giới
 Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khô.

Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyển,
 Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,
 Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
 Chúng chiếu sáng bầu trời, soi sáng khắp mọi phương.

Mọi của cải trong cõi giới này—
 Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,
 Vàng sừng bò hay vàng núi,
 Và vàng thiên nhiên được gọi là *hataka*—³⁹⁴

Tất cả những thứ đó cũng không bằng một phần mười sáu,
 So với sự tuân-giữ tám giới bố-tát (bát quan trai giới).
 Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy),
 Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.

Bởi vậy, những người nam hay nữ có đức-hạnh,
 Do đã luôn tuân giữ đầy đủ tám trai giới của những ngày bố-tát,
 Sẽ đi—một cách không còn gì đáng chê,
 Và sau khi đã tu tạo những công đức tạo ra hạnh-phúc—
 Sẽ đi lên một cõi trời (sau khi chết).

NHÓM 3

ĀNANDA

71(1) Channa

Lúc đó có du sĩ tên Channa đến gặp Ngài Ānanda và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này bạn hữu Ānanda, các ông có chỉ định (chủ trương) dẹp bỏ tham, sân, si, hay không?”³⁹⁵

“Chúng tôi có, này bạn hữu.”

“Nhưng, cái gì là sự nguy-hại các ông đã nhìn thấy mà các ông đã chỉ định sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

(1) “Này bạn hữu, người ta bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi tham được dẹp bỏ, người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ đau và ưu phiền.

“Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái; (ba tà nghiệp). Nhưng, khi tham bị dẹp bỏ, người ta không dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người bị kích thích bởi tham-dục, bị chi phối bởi tham, với cái tâm bị ám muội bởi tham, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi tham bị dẹp bỏ, người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Tham-dục dẫn tới sự mù-quáng, sự mất tầm-nhìn, và sự thiếu hiểu-biết; tham là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn.

(2) “Người đầy sân-hận, bị chi phối bởi sân, với cái tâm bị ám muội bởi sân ...

(3) “Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu phiền. Nhưng, khi si được dẹp bỏ, người ta không cố ý làm khổ mình, làm khổ người khác, hay làm khổ cho cả mình và người, và người đó không nếm trải sự khổ đau và ưu phiền.

“Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái; (ba tà nghiệp). Nhưng, khi si bị dẹp bỏ, người ta không dính vào những hành động sai trái, lời nói sai trái, và tâm ý sai trái. Người bị si-mê, bị chi phối bởi si, với cái tâm bị ám muội bởi si, thì không hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, hay sự tốt lành cho cả mình và người. Nhưng, khi si bị dẹp bỏ, người ta hiểu được đúng như nó thực là điều gì là sự tốt lành cho mình, sự tốt lành cho người khác, và sự tốt lành cho cả mình và người. Si-mê dẫn tới sự mù-quáng, sự mất tầm-nhìn, và sự thiếu hiểu-biết; si là trở ngại cho trí-tuệ, là đồng hành của khổ-sở, và không dẫn tới Niết-bàn.

“Sau khi đã nhìn thấy những nguy-hại trong tham, sân, si như vậy, chúng tôi đã chỉ định sự (tu tập để) dẹp bỏ tham, sân, si.”

“Nhưng này bạn hữu, có con đường (đạo) nào, có đường đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Này bạn hữu, có một con đường, có một đường đi dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si.”

“Nhưng, cái gì là con đường đó, cái gì là đường đi đó dẫn tới sự dẹp bỏ tham, sân, si?”

“Đơn giản đó con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh

Đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là con đường, là đường đi dẫn tới sự đẹp bỏ tham, sân, si.”

“Con đường này thật hay, này bạn hữu; đường đi này thật hay để dẫn tới sự đẹp bỏ tham, sân, si. Này bạn hữu Ānanda, nhiều đó cũng đã đủ để (người tu) chuyên cần (tu tập).”

72(2) Người Ājīvaka

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita (được cúng dường bởi gia chủ Ghosita). Lúc đó có một gia chủ, là một đệ tử theo phái những người Ājīvaka,³⁹⁶ đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy, và ngồi xuống một bên, và nói với thầy ấy:

“Thầy Ānanda, Giáo Pháp của ai được giảng bày một cách hay khéo? (2) Ai trong thế gian đang tu tập phương cách tốt lành? (3) Ai trong thế gian là những bậc phúc-lành?”³⁹⁷

“Này gia chủ, vậy tôi sẽ hỏi chú về vấn đề này. Chú cứ trả lời nếu thấy được.

(1) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự đẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo? Theo ý chú thì thấy sao?”

“Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự đẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(2) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đang tu tập để đẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách (đường lối, phương pháp) tốt lành? Theo chú thì thấy sao?”

“Những ai đang tu tập để đẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành. Theo tôi thì thấy như vậy.”

(3) “Này gia chủ, chú nghĩ sao? Có phải những ai đã đẹp-bỏ tham,

sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành (thiện thệ)? Theo chú thì thấy sao?”

“Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành. Theo tôi thì thấy như vậy.”

“Này gia chủ, như vậy là chú đã tuyên bố: ‘Giáo Pháp của ai mà chỉ dạy sự dẹp-bỏ tham, sân, si là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo.’ Chú đã tuyên bố: ‘Những ai đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian.’ Và chú đã tuyên bố: ‘Những ai đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, là những bậc phúc-lành trong thế gian.’”

“Thưa thầy, thật đáng ngạc nhiên, thật tuyệt vời; ở đây không có sự ca tụng Giáo Pháp của mình hay sự chê bai Giáo Pháp của người khác, mà chỉ có sự chỉ dạy Giáo Pháp theo đúng ý nghĩa [trong phạm vi (chức năng)] của nó. Chỉ tuyên bố ý nghĩa, chứ không đưa bản ngã (của người giảng dạy) vào trong đó.³⁹⁸

“Thưa thầy Ānanda, các thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp để dẹp-bỏ tham, sân, si, nên Giáo Pháp của thầy là (giáo pháp) được giảng dạy một cách hay khéo. Các thầy đang tu tập để dẹp-bỏ tham, sân, si là đang tu tập phương cách tốt lành trong thế gian. Các thầy đã dẹp-bỏ tham, sân, si, đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để chúng không còn khởi sinh trong tương lai, như vậy các thầy là những bậc phúc-lành trong thế gian.

“Thật hay khéo, thưa thầy! Thật tuyệt vời, thưa thầy! Thánh tăng Ānanda đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau, cứ như thầy ấy đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn chúi đầu, khai mở những

điều bị che dấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy mọi thứ. Thầy Ānanda, giờ con xin quy y nương tựa theo Đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỷ kheo. Mong thánh tăng Ānanda ghi nhận con là một đệ tử tại gia từ hôm nay đã quy y nương tựa đến cuối đời.”

73(3) Người Họ Thích-Ca

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người họ Thích-ca [Sakya] ở kinh đô Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan, Nigrodha). Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đã từ lâu, con hiểu Giáo Pháp được đức Thế Tôn chỉ dạy như vậy: ‘Sự hiểu-biết (trí biết, minh) chỉ xảy đến đối với người đạt định, không xảy đến đối với người thiếu định.’ Thưa Thế Tôn, có phải sự định-tâm có trước sự hiểu-biết, hay sự hiểu-biết có trước sự định-tâm?”

Lúc đó Ngài Ānanda chợt có ý nghĩ này: “Đức Thế Tôn mới vừa khỏi bệnh, nhưng ông Mahānāma họ Thích-ca hỏi một câu hỏi rất sâu xa như vậy. Vậy ta nên dắt ông Mahānāma họ Thích-ca này ra chỗ khác và chỉ dạy Giáo Pháp cho ông ta.”

Rồi thầy Ānanda đã nắm tay ông Mahānāma họ Thích-ca ra chỗ khác, và nói với ông ta: “Đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân (còn tu) và giới-hạnh của bậc vô học nhân (tu xong), về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.

(1) “Và, này chú Mahānāma, cái gì là giới-hạnh của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế bởi Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo], có đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu hành trong những giới-luật đó. Đây được gọi là giới-hạnh của một người học nhân.

(2) “Và cái gì là sự định-tâm của một người học nhân?³⁹⁹ Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền)... [*tiếp tục y hết đoạn này trong kinh 3:58 ở trên, cho đến:*] ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự định-tâm của người học nhân.

(3) “Và cái gì là trí-tuệ của người học nhân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu đúng thực như nó là: ‘Đây là khổ ... [*tiếp tục y hết đoạn này trong kinh 3:12 ở trên, cho đến:*] ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’’ Đây được gọi là trí-tuệ của người học nhân.

“Đến khi người đệ tử thánh thiện này đã hoàn thiện như vậy về giới-hạnh, về sự định-tâm, và về trí-tuệ (giới, định, tuệ), với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.⁴⁰⁰

“Này chú Mahānāma, chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về phần giới-hạnh của người học nhân và giới-hạnh của bậc vô học nhân, về sự định-tâm của người học nhân và sự định-tâm của bậc vô học nhân, về trí-tuệ của người học nhân và trí-tuệ của bậc vô học nhân.”

74(4) Người Ni-Kiên-Tử

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly)

trong sảnh đường có mái nhọn trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm). Lúc đó có ông Abhaya và ông Paṇḍitakumāra người Licchavi đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy và ngồi xuống một bên.⁴⁰¹ Rồi ông Abhaya người Licchavi đã nói với thầy Ānanda:

“Thưa thầy, Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình biết-hết và thấy-hết và có sự hiểu-biết và tầm-nhìn bao trùm hết (sự toàn tri toàn kiến), [ông ta nói]: ‘Khi tôi đang đi, đang đứng, đang ngủ, và đang thức, đối với tôi sự hiểu-biết và tầm-nhìn là thường trực và liên tục có mặt đối với tôi.’⁴⁰² Ông ta chủ trương sự chấm dứt nghiệp cũ bằng cách hành xác và phá bỏ cây cầu bằng cách không tạo thêm nghiệp mới nào nữa.⁴⁰³ Như vậy là, nhờ chấm dứt nghiệp, nên khổ chấm dứt. Nhờ chấm dứt khổ, nên cảm-giác chấm dứt. Nhờ chấm dứt cảm-giác nên tất cả mọi sự khổ đau đều bị phai-mòn (phai biến). Đây là cách vượt qua khổ đau bằng cách thanh lọc nhờ sự phai-mòn có thể trực tiếp nhìn thấy được ngay trong kiếp này.⁴⁰⁴ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

“Này Abhaya, đây là ba loại thanh lọc nhờ sự phai-mòn đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để (vì sự) thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này Abhaya, một Tỳ kheo có giới-hạnh ... [*tiếp tục y hệt đoạn (1) trong kinh 3:73 ở trên, cho đến:*] ... sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần.⁴⁰⁵ Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(2) “Này Abhaya, sau khi một Tỳ kheo đã hoàn thiện về giới-hạnh

như vậy, người đó tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) ... [*tiếp tục như đoạn này trong kinh 3:58 ở trên, cho đến:*] ... tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.

(3) “Này Abhaya, sau khi Tỳ kheo đó đã hoàn thiện về giới-hạnh và sự định-tâm như vậy, rồi, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Người đó không tạo thêm nghiệp mới nào và người đó chấm dứt nghiệp cũ sau khi đã tiếp xúc và tiếp xúc nó nhiều lần. Sự phai-mòn đó là có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu lực tức thì, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng ngộ bởi người có trí.”⁴⁰⁶

“Này Abhaya, đây là ba loại thanh lọc nhờ sự phai-biến đã được thuyết giảng một cách đúng đắn bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác là người biết và thấy, để làm trong sạch chúng sinh, để vượt qua sự buồn sâu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp (pháp tu), để chứng ngộ Niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, ông Paṇḍitakumāra người Liccivachi đã nói với ông Abhaya người Liccivachi rằng: “Này ông bạn Abhaya, ông không biết cảm ơn⁴⁰⁷ thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy hay sao?”

“Này ông bạn, làm sao tôi có thể không cảm ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách hay khéo của thầy ấy? Nếu ai không biết ơn thầy Ānanda vì những lời đã được tuyên thuyết một cách

hay khéo như vậy của thầy ấy, đầu người ấy chắc sẽ bể ra!”

75(5) Nên Được Khuyến Khích

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần được chú ý (chăm sóc...), dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong ba điều. Ba đó là gì?

(1) “Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Đức Phật như vậy: ‘[Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người thuần phục tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, một bậc Giác Ngộ (Phật), bậc Thế Tôn.]’

(2)) “Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Giáo Pháp như vậy: ‘[Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, mời người đến để thấy, có thể áp dụng được, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.]’

(3) “Họ nên được khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong niềm-tin bất lay chuyển về Tăng Đoàn như vậy: ‘[Tăng Đoàn của những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh trực, đang tu tập cách thức chân thực; đó gồm, bốn cặp hạng người, tám loại người—Tăng Đoàn này của những đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được kính lễ, là ruộng phước vô thượng ở trên đời.]’

“Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn (tứ

đại)—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người đệ tử thánh thiện đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người đệ tử thánh thiện này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật, còn có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma ngạ quỷ. Điều đó là không thể có.

“Này Ānanda, có thể có sự biến-đổi trong bốn yếu-tố lớn—yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, và yếu tố—nhưng không thể có sự biến-đổi nào bên trong một người đệ tử thánh thiện đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Trong ngữ cảnh này, sự biến-đổi muốn nói tới ở đây là: người đệ tử thánh thiện này, người đã có-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn, còn có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cảnh giới súc sinh, hay trong cõi hồn ma ngạ quỷ. Điều đó là không thể có.

“Này Ānanda, những ai mà thầy có lòng bi mẫn với họ và những ai nghĩ thầy cần được chú ý, dù đó là bạn bè hay đồng nghiệp, người thân hay họ hàng, thì họ nên được thầy khuyến khích, giải quyết và thiết lập trong ba điều đó.”

76(6) *Sự Hiện Hữu*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”⁴⁰⁸

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong cõi thấp xấu. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.⁴⁰⁹

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong cõi ở giữa. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muồi trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *thức* được thiết lập trong cõi cao thượng. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

“Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

77(7) Ý Chí và Khát Vọng

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... (*tất cả tương tự như kinh kể trên*):

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hiện-hữu, sự hiện-hữu’.
Thư Thế Tôn, theo cách nào là có sự hiện-hữu?”

(1) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muối trong cõi dục giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi dục giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *ý-chí và khát-vọng*⁴¹⁰ được thiết lập trong cõi thấp xấu. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(2) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muối trong cõi sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi sắc giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *ý-chí và khát-vọng* được thiết lập trong cõi ở giữa. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

(3) “Này Ānanda, nếu không có nghiệp chín muối trong cõi vô sắc giới, thì liệu có thấy sự hiện-hữu nào trong cõi vô sắc giới hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Như vậy, này Ānanda, đối với những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị gông cùm bởi dục-vọng, thì nghiệp là ruộng đồng, thức là hạt giống, và dục-vọng là hơi ẩm để cho *ý-chí và khát-vọng* được thiết lập trong cõi cao thượng. Theo cách như vậy là có sự sản sinh ra sự hiện-hữu mới trong tương lai.

“Này Ānanda, theo cách như vậy là có sự hiện-hữu.”

78(8) Sự Thiết Lập

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào, ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, có phải tất cả giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh [tu hành, phạm hạnh] sẽ kết quả tốt khi chúng được thiết lập thành cột-lối?”⁴¹¹

“Không phải hoàn toàn là vậy, thưa Thế Tôn.”

“Vậy thì, này Ānanda, hãy phân giải ra coi.”

“Thưa Thế Tôn, ví dụ có người tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cột-lối. Nếu những phẩm chất bất thiện gia tăng và những phẩm chất thiện suy giảm, thì sự tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cột-lối, sẽ không kết quả tốt. Nhưng, nếu những phẩm chất bất thiện suy giảm và những phẩm chất thiện gia tăng, thì sự tu dưỡng giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống [thanh bản], và đời-sống tâm linh, thiết lập chúng thành cột-lối, sẽ kết quả tốt.”

Đây là điều thầy Ānanda đã nói. Vị Sư Thầy đã đồng ý. Rồi thầy Ānanda, do nghĩ ‘Vị Thầy đã đồng ý’ nên đã kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn hướng bên phải của mình, và đi ra.

Rồi không lâu sau khi thầy đi, Đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo: “Này các Tỷ kheo, thầy Ānanda còn là một học nhân, nhưng không dễ gì tìm được người ngang bằng với thầy ấy về trí-tuệ.”

79(9) Những Mùi Hương

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Ba đó là gì? Mùi hương của rễ cây, mùi hương của lõi cây, và mùi hương của hoa. Ba mùi hương này bay theo gió, không bay ngược gió. Có mùi hương nào bay theo gió, bay ngược gió, vừa bay theo gió vừa bay ngược gió?”

“Có, này Ānanda, một loại mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, vừa bay theo gió vừa bay ngược gió.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, đó là mùi hương nào?”

“Ở đây, này Ānanda, trong làng nào hay quận thị nào có một người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng; người đó có giới-hạnh và có tính cách thiện, kiêng cử sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói sai, và uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật; và người đó sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm tính ti-tiện, rộng lòng bố-thí, hai tay mở rộng, vui thích sự từ-bỏ, tận tâm làm việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ—trong trường hợp đó, những những tu sĩ và bà-la-môn ở khắp nơi đều nói lời ca ngợi, họ nói rằng: ‘Trong làng đó hay trong quận thị đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng ... vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’

“Những thiên thần và những loài phi nhân⁴¹² đều nói lời ca ngợi, họ nói rằng: ‘Trong làng đó hay trong quận thị đó có người đàn ông hay phụ nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng ... vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.’

“Này Ānanda, đây là mùi hương bay theo gió, bay ngược gió, vừa bay theo gió vừa bay ngược gió.”

Hương thơm của bông hoa, của cây *tagara*,⁴¹³

Hay của hoa lài đều không bay ngược gió.

Nhưng tiếng thơm của người thiện thì bay ngược gió:

Tiếng thơm của người thiện lan tỏa khắp mọi phương.⁴¹⁴

80(10) Đệ Tử Abhibhū

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, trước mặt đức Thế Tôn con đã nghe điều này, trước mặt đức Thế Tôn con đã học điều này: ‘Abhibhū, một đệ tử của Đức Phật Sikhī, khi đang ở trong cõi trời Brahmā (phạm thiên), đã truyền giọng nói của mình qua toàn hệ mười ngàn thế giới.’⁴¹⁵ Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì có thể truyền giọng nói đi bao xa?”

“Này Ānanda, vị ấy là một đệ tử; còn những Như Lai là không thể đo lường.”⁴¹⁶

Lần thứ hai Lần thứ ba (thầy Ānanda vẫn lặp lại từ đầu câu hỏi trên) ... (Đức Phật mới nói:)

“Này Ānanda, thầy có nghe nói về hệ mười ngàn thế giới nhỏ chưa?”

“Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn. Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành. Xin Đức Thế Tôn hãy thuyết giảng. Sau khi nghe được lời dạy từ đức Thế Tôn, những Tỳ kheo sẽ ghi nhớ trong tâm.”

“Được rồi, này Ānanda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Hệ một ngàn thế giới là trong đó mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu sáng mọi phương bằng ánh sáng của chúng thì được gọi là hệ một ngàn thế giới **nhỏ** (hệ **tiểu** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp

một.⁴¹⁷ Trong hệ một ngàn thế giới nhỏ đó, có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi vua Tu-di [Sineru], một ngàn châu Jambudīpa (Diêm-phù-nề), một ngàn châu Aparagoyāna (Tây Ngưu Hóa châu), một ngàn châu Uttarakuru (Bắc Cu Vô châu), một ngàn châu Pūbbavideha (Đông Thắng Thần châu),⁴¹⁸ và một ngàn lần bốn đại dương; một ngàn lần tứ đại (thiên) vương, một ngàn cõi trời [của các thiên thần được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, một ngàn cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), một ngàn cõi trời Yāma (Dạ-ma), một ngàn cõi trời Tusita (Đâu-suất), một ngàn cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa Lạc thiên), một ngàn cõi trời của những thiên thần kiểm soát những thành quả của những thiên thần sáng tạo (Tha Hóa tự tại thiên), một ngàn cõi trời brahmā (Phạm thiên).

(2) “Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới nhỏ thì được gọi là hệ một ngàn thế giới **trung** (hệ **trung** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp hai; (= gồm một triệu thế giới nhỏ).

(3) Một hệ thế giới lớn gấp một ngàn lần hệ một ngàn thế giới trung thì được gọi là hệ một ngàn thế giới **lớn** (hệ **đại** thiên ngân hà), là hệ thế giới cấp ba; (= gồm một triệu thế giới trung). Nay Ānanda, Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.”

— “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó?”

“Ở đây, nay Ānanda, Như Lai dùng ánh sáng (hào quang) của mình phủ chiếu hết hệ một ngàn thế giới lớn đó. Khi những chúng sinh ở đó nhận thấy ánh sáng đó, Như Lai sẽ phát ra giọng nói của mình và làm cho họ nghe được âm thanh giọng nói đó. Nay Ānanda, chính theo cách như vậy Như Lai có thể truyền giọng nói của mình bao xa tùy theo ý mình trong hệ một ngàn thế giới lớn đó.”⁴¹⁹

Sau khi điều này được nói ra, thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật là thiện phúc cho con! Con thật có phúc khi có một vị Sư Thầy thật uy lực và uy dũng.”

Sau khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã nói với thầy Ānanda: “Này đạo hữu Ānanda, điều gì đối với thầy khiến thầy nói vị Sư Thầy của mình thật uy lực và uy dũng?”⁴²⁰

Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn đã nói với thầy Udāyī: “Đừng nói vậy, Udāyī! Đừng nói vậy, Udāyī!”⁴²¹ Này Udāyī, nếu thầy Ānanda có chết khi chưa sạch hết tham-dục, thì nhờ có niềm-tin của thầy ấy, thầy ấy sẽ bảy lần làm vua của những thiên thần trên cõi trời và bảy lần làm đại vương trong cõi Diêm-phù-nê [Jambudīpa] này. Tuy nhiên, thầy Ānanda sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng ngay trong kiếp này.”.

NHÓM 4

TU SĨ (SA-MÔN)

81(1) Những Tu Sĩ

“Này các Tỳ kheo, có ba bốn-phận của tu sĩ (sa-môn) nên được thực hành bởi tu sĩ. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn. Đây là ba bốn-phận của tu sĩ nên được thực hành bởi tu sĩ. (giới, định, tuệ)

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao

hơn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

82(2) Con Lừa⁴²²

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một con lừa đang theo sau một đàn bò, [nó nghĩ]: ‘Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà.’ (1) Nhưng tướng mạo nó không giống bò, (2) tiếng kêu của nó không giống tiếng kêu của bò, và (3) dấu chân của nó không giống dấu chân của bò. Nhưng nó cứ đi theo sau đàn bò, [và nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là bò mà, ta cũng là bò mà.’

“Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nọ đi theo sau Tăng Đoàn, [nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

(1) Nhưng mong muốn của người ấy về việc nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn thì không giống những Tỳ kheo khác; (2) mong muốn của người ấy về việc nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn thì không giống những Tỳ kheo khác; (3) mong muốn của người ấy về việc nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn thì không giống những Tỳ kheo khác. Nhưng người đó cứ đi theo sau Tăng Đoàn, [và nghĩ rằng]: ‘Ta cũng là Tỳ kheo mà, ta cũng là Tỳ kheo mà.’

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

83(3) Ruộng Đồng

“Này các Tỳ kheo, đối với một nông dân có ba phạm sự căn bản này. Ba đó là gì? (1) Ở đây, trước tiên người nông dân cày bừa kỹ lưỡng ruộng đồng. (2) Kế tiếp, người đó gieo giống đúng lúc. (3) Và sau đó, người đó dẫn nước và thoát nước khi cần thiết. Đây là ba phạm sự căn

bản của một nông dân.

“Cũng giống như vậy, có ba bồn-phận căn bản của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn. Đây là ba bồn-phận căn bản của một Tỳ kheo (giới, định, tuệ).

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn ... sự tu tập thiền-định cao hơn ... sự tu tập trí-tuệ cao hơn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

84(4) Người Vajji

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có một Tỳ kheo người Vajji (Bạt-kỳ) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới-luật tu hành cần phải đọc tụng. Con không thể tu tập cho xuê trong những giới-luật đó.”

“Này Tỳ kheo, liệu thầy có thể tu ba phần tu tập, đó là: (1) sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-tuệ cao hơn, hay không?”

“Dạ, con có thể, thưa Thế Tôn.”

“Nếu vậy, này Tỳ kheo, hãy tu ba phần tu tập đó: tu tập giới-hạnh cao hơn, tu tập thiền-định cao hơn, và tu tập trí-tuệ cao hơn. Khi thầy tu tập trong ba sự tu tập đó, thầy sẽ dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy sẽ không làm điều gì bất thiện hoặc nương theo điều gì xấu ác.”

Rồi, không lâu sau lần đó, vị Tỳ kheo đó đã tu tập được phần giới-

hạnh cao hơn, thiên-định cao hơn, và trí-tuệ cao hơn. Khi thầy ấy đã tu tập trong ba phần tu tập đó, thầy ấy đã dẹp bỏ tham, sân, si. Với sự dẹp bỏ tham, sân, si, thầy ấy đã không còn làm điều gì bất thiện hoặc nương theo điều gì xấu ác.”

85(5) Một Học Nhân

Lúc đó có một Tỳ kheo đã đến gặp và kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘Một học nhân, một học nhân.’ Theo cách nào là một học nhân?”

“Này Tỳ kheo, người đó tu học (tu tập) nên được gọi là một học nhân. Và người đó tu học về cái gì? Người đó tu học phần giới-hạnh cao hơn; người đó tu học phần thiên-định cao hơn; người đó tu học phần trí-tuệ cao hơn. Này Tỳ kheo, người đó tu học nên được gọi là một học nhân.”

Khi người học nhân tu tập,
Theo con đường chánh trực,
Trí-biết về diệt-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh trước,
Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán).⁴²³

Vậy đó, khi những gông-cùm hiện hữu bị tiêu diệt,
Đối với người được giải thoát bằng trí-biết trực-tiếp (tự trí),
Thì có trí-biết khởi sinh rằng:
“Sự giải-thoát của ta là không còn lay chuyển.”⁴²⁴

86(6) Tiến Trình Tu Tập (1)

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới-luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho

bản thân thì tu tập trong những giới-luật này. Tất cả những giới-luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-tuệ cao hơn. Đây là ba phần tu tập mà tất cả những giới-luật đó đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân.⁴²⁵ Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó.⁴²⁶ Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh,⁴²⁷ thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị tái sinh vào cảnh giới thấp xấu, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của vị ấy.

2- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên) và cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ.

3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta

không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), vị ấy là bậc tự động tái sinh (vào một cõi trời), sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian. (bậc thánh Bát-lai)

4- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và nhỏ, và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ, bằng trí-biết trực-tiếp, sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm (không còn ô-nhiễm), sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. (bậc A-la-hán)

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự hoàn thiện. Ta nói, những giới-luật tu hành này là không hề vô ích [cần cõi].”

87(7) Tiến Trình Tu Tập (2)

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới-luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới-luật này. Tất cả những giới-luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập

giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-tuệ cao hơn. Đây là ba phần tu tập mà tất cả những giới-luật đó đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. **(i) (a)** Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành người tái sinh tối đa bảy kiếp nữa, sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thần và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ.⁴²⁸ **(b)** Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành người (tái sinh) từ gia đình này sang gia đình khác, sau khi lang thang và trôi giạt làm người từ hai đến ba kiếp trong những gia đình tốt, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ. **(c)** Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), người đó thành bậc một-hạt-giống, sau khi được tái sinh một lần nữa làm người, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ. **(ii)** Với sự phá-sạch ba gông-cùm (đầu tiên), và cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc Nhất-lai, sau khi quay trở lại thế gian chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ.

2- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những

giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ nỗ-lực (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn ngay sau khi tái sinh ... thành người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp sau.⁴²⁹

3- “Một Tỳ kheo khác hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với sự phá-sạch mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Vây đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự hoàn thiện. Ta nói, những giới-luật tu hành này là không hề vô ích [cần cố].”

88(8) Tiến Trình Tu Tập (3)

“Này các Tỳ kheo, mỗi kỳ nửa-tháng có tới hơn 150 giới-luật tu hành cần phải đọc tụng; những người họ tộc mong muốn sự tốt lành cho chính mình thì tu tập trong những giới-luật này. Tất cả những giới-luật này được bao gồm trong ba phần tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-

tuệ cao hơn. Đây là ba phần tu tập mà tất cả những giới-luật đó đều được bao gồm trong đó.

1- “Ở đây, một Tỷ kheo hoàn thành về giới-hạnh, nhưng về thiền-định và trí-tuệ chỉ mới tu tập tới một trình độ phải chăng. Người đó còn phạm vào những giới-luật nhẹ và khôi phục bản thân. Vì lý do gì? Vì ta không nói người đó không có khả năng (phạm tội nhẹ và nhỏ) đó. Nhưng, đối với những giới-luật là căn bản của đời sống tâm linh, là tương thích (thích đáng, tương trọng) với đời sống tâm linh, thì giới-hạnh của người đó vững vàng và ổn định. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành đó, người đó tu tập trong những giới-luật đó. Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

2- “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó (tức thánh quả A-la-hán),⁴³⁰ thì với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), người đó thành một người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau. Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự phá-sạch năm gông-cùm nhẹ đô, người đó thành một người chứng ngộ ngay sau khi tái sinh ... thành người chứng ngộ Niết-bàn không cần nỗ-lực (thêm) ... thành người chứng ngộ Niết-bàn nhờ nỗ-lực (thêm) ... thành người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 5 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bất-lai)

3- (a) “Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự tiêu-diệt sạch sẽ ba gông-cùm (đầu tiên), cộng với sự giảm-thiểu tham, sân, si, người đó thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ. (b) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự tiêu-

diệt sạch sẽ ba công-cùm (đầu tiên), người đó thành người ‘một-hạt-giống’ chứng ngộ, (tức là) sau khi tái sinh một lần nữa làm người, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ. (c) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự tiêu-diệt sạch sẽ ba công-cùm (đầu tiên), người đó thành người (Nhập-lưu) tái sinh ‘từ gia đình này sang gia đình khác’ rồi chứng ngộ, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt từ hai hay ba lần nữa trong các gia đình tốt, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ. (d) Nếu người đó không chứng ngộ và thâm nhập trạng thái đó, thì với sự tiêu-diệt sạch sẽ ba công-cùm (đầu tiên), người đó thành người chứng ngộ ‘trong tối đa bảy kiếp’, (tức là) sau khi lang thang và trôi giạt làm những thiên thần và làm người trong tối đa bảy kiếp, vị ấy sẽ chấm dứt sự khổ.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, người tu tập từng phần thì thành đạt từng phần; người tu tập toàn phần thì đạt tới sự hoàn thiện. Ta nói, những giới-luật tu hành này là không hề vô ích [cần cố].”

89(9) Những Phần Tu Tập (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-tuệ cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là giới-hạnh cao hơn? Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những giới-hạnh đó. Đây được gọi là sự tu tập giới-hạnh cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập thiền-định (tu tập tâm) cao hơn? Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự tu tập thiền-định cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập trí-tuệ cao hơn? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây được gọi là sự tu tập trí-tuệ cao hơn.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba phần tu tập.”

90(10) Những Phần Tu Tập (2)

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tu tập này. Ba đó là gì? (1) sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) sự tu tập trí-tuệ cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là giới-hạnh cao hơn? Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những giới-hạnh đó. Đây được gọi là sự tu tập giới-hạnh cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập thiền-định (tu tập tâm) cao hơn? Ở đây, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất-thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Đây được gọi là sự tu tập thiền-định cao hơn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập trí-tuệ cao hơn? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.”

Năng lượng, mạnh mẽ, và kiên định,
Thiền tập, có chánh niệm, các căn được phòng hộ,
Người nên tu tập giới-hạnh bậc cao,

Thiên-định (tâm) bậc cao, và trí-tuệ bậc cao.

Trước sao, sau vậy; sau sao, trước vậy;
Dưới sao, trên vậy; trên sao, dưới vậy;
Ngày sao, đêm vậy; đêm sao, ngày vậy,
Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương,
Với sự định-tâm vô lượng.⁴³¹

Họ gọi vị ấy là bậc học nhân đang trên đường đạo,
Hành vi đạo đức của người đó được thanh lọc.
Họ gọi vị ấy là bậc giác-ngộ trong thế gian,
Một bậc trí hiền đã hoàn thành sự tu-tập.

Đối với người được giải-thoát bằng sự tiêu-diệt dục-vọng,
Chính bằng sự chấm-dứt của thức,
Nên sự giải-thoát của tâm
Giống như sự thổi tắt một ngọn đèn.⁴³²

91(11) Ở Paṇkadhā

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành ở xứ những người Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó đến thị trấn Paṇkadhā của những người Kosala. Rồi đức Thế Tôn trú lại gần Paṇkadhā.

Bấy giờ, vào lúc đó có Tỷ kheo tên Kassapagotta, là dân cư ở Paṇkadhā. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỷ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành. Rồi, trong lúc đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... làm hoan hỷ các Tỷ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành, Tỷ kheo Kassapagotta trở nên bất nhẫn và cay cú, [cho rằng]: “Vị sa-môn này (tức Phật) quá nghiêm khắc”.⁴³³

Rồi, sau khi trú ngụ ở Paṅkadhā ít lâu theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Rājagaha (Vương-xá). Sau thời gian đi du hành, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Rājagaha. Ở đó, tại Rājagaha, đức Thế Tôn trú trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Còn đối với Tỳ kheo Kassapagotta, không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, cảm thấy đầy lo-lắng và hối-tiếc, [nghĩ rằng]: “Đúng là vô phúc và mất mát cho ta, trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành, mà ta lại bất nhẫn và cay cú, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Giờ ta phải đi gặp đức Thế Tôn để thú tội với bậc ấy.”

Rồi Tỳ kheo Kassapagotta đã thu dọn chỗ ở, mang theo bình bát và cà sa, lên đường đi Rājagaha. Cuối cùng thầy ấy cũng đến Rājagaha và đi đến Đỉnh Núi Kền Kền. Thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, trong lần vừa rồi khi đức Thế Tôn đang ở thị trấn Paṅkadhā của những người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành. Trong khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... làm hoan hỷ các Tỳ kheo, mà con lại trở nên bất nhẫn và cay cú, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Rồi, sau khi trú ngụ ở Paṅkadhā ít lâu theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến Rājagaha. Không lâu sau khi đức Thế Tôn rời khỏi thị trấn đó, con đầy lo-lắng và hối-tiếc, [nghĩ rằng]: ‘Đúng là vô phúc và mất mát cho ta khi đức Thế Tôn đang chỉ dạy ... làm hoan hỷ các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành, mà con lại bất nhẫn và cay cú, [cho rằng]: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Cho nên giờ con phải đến gặp đức Thế Tôn để thú tội với đức Thế Tôn.’

“Thưa Thế Tôn, con đã phạm một tội trong đó, khi đức Thế Tôn

đang chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỷ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành, mà con lại bắt nắn và cay cú một cách thật ngu xuẩn, ngu đần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Thừa Thế Tôn, con xin đức Thế Tôn hãy chấp nhận tội của con đã được nhìn thấy là một tội, để con biết ngăn chặn (giữ giới) nó trong tương lai.”

“Chắc chắn rồi, này Kassapa, thầy đã phạm vào một tội trong đó, khi ta đang chỉ dạy, khuyến khích, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỷ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến những giới-luật tu hành, mà thầy lại bắt nắn và cay cú một cách thật ngu xuẩn, ngu đần, và không thiện khéo, với ý nghĩ rằng: ‘Vị sa-môn này quá nghiêm khắc’. Nhưng do thầy đã nhìn thấy sự phạm tội của mình là sự phạm tội, và thực thi tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, nên chúng ta chấp nhận lời thú tội đó. Bởi điều đó cho thấy có sự phát triển trong giới-luật Thánh Nhân rằng người (phạm tội) nhìn thấy sự phạm tội của mình là một tội, thực thi tu sửa nó theo đúng Giáo Pháp, và ngăn chặn (giữ giới) nó trong tương lai.

A—(1) “Này Kassapa, nếu một Tỷ kheo thâm niên⁴³⁴ không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỷ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật, và đúng lúc đối với những Tỷ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỷ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỷ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỷ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với ông ta, và những người kết giao với ông ta sẽ làm theo gương ông ta. Nếu họ theo gương ông ta, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỷ kheo thâm niên đó.

(2) “Này Kassapa, nếu một Tỷ kheo trung niên ... (3) “Này

Kassapa, nếu một Tỷ kheo tân niên không muốn tu tập và không nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó không khuyến khích việc huấn luyện những Tỷ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó không nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật, và đúng lúc đối với những Tỷ kheo mong muốn tu tập, thì ta không nói lời đề cao loại Tỷ kheo tân niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỷ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỷ kheo tân niên đó thì họ sẽ thân giao với ông ta, và những người thân giao với ông ta sẽ làm theo gương ông ta. Nếu họ theo gương ông ta, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho họ. Do vậy ta không nói lời khen ngợi loại Tỷ kheo tân niên đó.

B— (1) “Này Kassapa, nếu một Tỷ kheo thâm niên mong muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỷ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật, và đúng lúc đối với những Tỷ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỷ kheo thâm niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỷ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỷ kheo thâm niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người kết giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỷ kheo thâm niên đó.

(2) “Này Kassapa, nếu một Tỷ kheo trung niên ... (3) “Này Kassapa, nếu một Tỷ kheo tân niên muốn tu tập và nói lời đề cao sự tu tập; nếu người đó khuyến khích việc huấn luyện những Tỷ kheo không muốn tu tập; và nếu người đó nói lời khen ngợi đúng thật, chân thật, và đúng lúc đối với những Tỷ kheo mong muốn tu tập, thì ta sẽ nói lời đề cao loại Tỷ kheo tân niên đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỷ kheo khác mà nghe ta khen ngợi loại Tỷ kheo tân niên đó thì họ sẽ kết giao với thầy ấy, và những người thân giao với thầy ấy sẽ làm theo gương thầy ấy. Nếu họ theo gương thầy ấy, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Do vậy ta mới nói lời khen ngợi loại Tỷ kheo tân

niên đó.”

NHÓM 5

HỘT MUỐI

92(1) *Cấp Thiết*

“Này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một nông dân.⁴³⁵ Ba đó là gì? (1) Trước nhất, người nông dân phải nhanh chóng cày kỹ và bừa kỹ ruộng đất. (2) Tiếp theo, người đó nhanh chóng gieo hạt giống. (3) Và tiếp theo, người đó nhanh chóng tưới nước và xả nước cho ruộng đất. Đây là ba công việc cấp thiết của một người nông dân.

“Người nông dân này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này cây cối của ta, bữa nay phải mọc lên! Ngày mai lớn lên! Ngày một đơm bông kết quả!’ Thay vì vậy, nhờ có sự biến đổi của mùa vụ nên mới có các thời cây mọc, cây lớn lên, và cây đơm hoa kết quả.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo. Ba đó là gì? (1) Nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn, (2) nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn, và (3) nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn. Đây là ba công việc cấp thiết của một Tỳ kheo.

“Tỳ kheo này không có thần lực hay thần thông nào để dùng nó mà ra lệnh: ‘Này tâm của ta, bữa nay phải được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không-còn dính-chấp; hay ngày mai phải được giải thoát ... hay ngày một phải được giải thoát!’ Thay vì vậy, nhờ Tỳ kheo này tu tập phần giới-hạnh cao hơn, phần thiền-định cao hơn, và phần trí-tuệ cao hơn nên mới có thể đến lúc nào đó tâm vị ấy sẽ được giải thoát nhờ sự không-còn dính-chấp.

“Do vậy, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ có mong muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập giới-hạnh cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập thiền-định cao hơn; chúng ta sẽ có ham muốn mạnh mẽ để nhận lãnh sự tu tập trí-tuệ cao hơn.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

93(2) Sự Tách Ly

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác (khác đạo, ngoại đạo) quy định ba loại sự tách-ly. Ba đó là gì? Sự tách ly đối với y-áo, sự tách ly đối thức-ăn khát-thực, và sự tách ly đối với chỗ-ở tiện nghi.⁴³⁶

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-áo là như vậy: họ mặc y áo làm từ sợi cây gai, y áo làm từ vải pha sợi gai, y áo làm từ giẻ rách; y áo làm từ vỏ cây, từ da dê núi, từ những miếng da dê núi; y áo làm từ cỏ *kusa*, làm từ vải làm từ vỏ cây, hay vải làm từ dăm gỗ; một tấm mền làm từ lông thú hay len lông thú, một tấm phủ làm từ lông cánh chim cú. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với y-áo là như vậy.

“Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vậy: họ ăn rau xanh, hạt kê, gạo nương, vỏ khoai, rong rêu, cám gạo, cặn gạo, bột mè, cỏ lá, hoặc phân bò. Họ sống nhờ ăn rễ cây rừng và trái cây; họ sống nhờ ăn trái cây rụng. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với thức-ăn là như vậy.

“Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vậy: họ sống trong rừng, dưới gốc cây, ở nghĩa địa, ở những nơi ở trong rừng sâu hay rừng già; ở ngoài trời, ở đồng rơm, ở trong kho chứa rơm rạ. Những du sĩ khác đạo quy định sự tách-ly đối với chỗ-ở tiện nghi là như vậy.

“Đây là ba loại sự tách-ly mà những tu sĩ giáo phái khác quy định.

“Còn theo Giáo Pháp và giới-luật này, này các Tỳ kheo, có ba loại sự tách-ly mà một Tỳ kheo phải có được. Ba đó là gì?

“Ở đây, (1) một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó đã dẹp bỏ sự thất-đức (trái giới hạnh, bất chính) và giữ mình tách ly khỏi sự thất-đức đó. (2) Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến); người đó đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và giữ mình tách ly khỏi những tà-kiến đó.⁴³⁷ (3) Người đó là người đã tiêu diệt ô-nhiễm; người đó đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm đó.

“Khi một Tỳ kheo có giới-hạnh, là người đã dẹp bỏ sự thất-đức và giữ mình tách ly khỏi sự thất-đức; khi người đó là người có chánh-kiến, là người đã dẹp bỏ tà-kiến, và giữ mình tách ly khỏi những tà-kiến; khi người đó đã tiêu diệt ô-nhiễm, là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị ấy được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người tinh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.

“Này các Tỳ kheo, ví như có một nông dân khi ruộng lúa nương của ông ta đã chín vàng. Người nông dân đó phải nhanh chóng gặt chúng. Rồi nhanh chóng gom bó chúng lại. Rồi nhanh chóng chở về sân đập lúa. Rồi nhanh chóng chất chúng lên, đập chúng, loại bỏ thân rom, loại bỏ rạ nát, và quạt sảy cho ra lúa sạch. Rồi nhanh chóng đưa lúa sạch qua chỗ khác, giã chúng, và loại bỏ vỏ trấu. Theo cách như vậy, người nông dân có được những hạt gạo là thứ tốt-nhất, đã đạt được thứ cốt-lõi, là tinh-túy, được thiết lập trong thứ cốt-lõi.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có giới-hạnh ... là người có chánh-kiến ... là người đã dẹp bỏ mọi ô-nhiễm, và giữ mình tách ly khỏi những ô-nhiễm, thì vị ấy được gọi là người đã chứng đắc điều tốt-nhất, đã chứng đắc điều cốt-lõi, là người thanh-khiết, được thiết lập trong điều cốt-lõi.”

94(3) Mùa Thu⁴³⁸

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như, vào mùa thu, khi trời trong và không mây, mặt trời mọc lên sẽ xua tan màn đêm tối khỏi không gian khi nó phát sáng và chiếu sáng; cũng giống như vậy, khi con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không còn dính bụi, không còn dính nhiễm, khởi sinh bên trong người đệ tử thánh thiện, rồi cùng với sự khởi sinh tầm-nhìn, thì người đệ tử thánh thiện dẹp bỏ được ba gông-cùm (đầu tiên): (1) quan điểm về cái ‘ta hiện hữu’ (thân kiến), (2) sự nghi-ngờ, và (3) sự mê tín những tập tục, luật cấm và lễ nghi cúng bái (giới cấm thủ).⁴³⁹

“Tiếp sau đó, người đó từ bỏ hai trạng thái tham và sân; rồi, tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái gồm có sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly, có đi kèm ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ). Này các Tỳ kheo, nếu người đệ tử thánh thiện có qua đời trong lúc đó, thì cũng không còn gông-cùm nào trôi buộc vị ấy quay lại thế gian này nữa.”⁴⁴⁰

95(4) Hội Chúng

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hội (tăng) chúng.⁴⁴¹ Ba đó là gì? Hội chúng những người ưu việt, hội chúng bị chia rẽ, và hội chúng hòa hợp.

(1) “Và cái gì là hội chúng những người ưu việt? Ở đây, trong loại hội chúng này những Tỳ kheo trưởng lão *không* sống xa hoa và loi lỏng, không để tụt lùi và thực hiện đời sống tách ly lánh trần; họ phát khởi năng lượng tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Những người kế tục sau họ noi gương làm theo họ. Rồi tới phiên những người sau cũng *không* sống xa hoa và loi lỏng; cũng không để tụt lùi và thực hiện đời sống tách ly lánh trần; họ phát khởi năng lượng tu tiến để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những

điều chưa thành tựu được, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ được. Đây được gọi là hội chúng những ưu việt.

(2) “Và cái gì là hội chúng bị chia rẽ? Hội chúng trong đó các Tỷ kheo hay tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ: đó được gọi là hội chúng bị chia rẽ.

(3) “Và cái gì là hội chúng hòa hợp? Hội chúng trong đó các Tỷ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ: đó được gọi là hội chúng hòa hợp.

“Khi những Tỷ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công đức. Trong thời đó, những Tỷ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người hoan hỷ, thì sự khoan khoái khởi sinh. Với một người có tâm khoan khoái, thân trở nên tĩnh lặng. Người có thân tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh phúc. Với người cảm thấy hạnh phúc, tâm trở nên đạt định.

“Giống như, khi trời mưa và nước mưa xuống trên đỉnh núi, nước chảy xuống theo dốc núi và đổ đầy những khe núi, khe suối, khe lạch; sau khi tích đầy nó chảy ra những ao hồ; rồi tích đầy nó chảy ra những hồ lớn; rồi tích đầy nó chảy ra những con suối; rồi tích đầy nó chảy ra những con sông; và rồi tích đầy nó chảy ra biển cả; cũng giống như vậy, này các Tỷ kheo, những Tỷ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, thì trong thời đó họ tích tạo nhiều công đức. Trong thời đó, những Tỷ kheo an trú trong một cõi trời, đó là, sự giải-thoát của tâm nhờ sự tùy-hỷ. Khi một người hoan hỷ, thì sự khoan khoái khởi sinh. Với một người có tâm khoan khoái, thân trở

nên tĩnh lặng. Người có thân tĩnh lặng thì cảm thấy hạnh phúc. Với người cảm thấy hạnh phúc, tâm trở nên đạt định

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại hội chúng.”

96(5) *Thuần Chung (1)*

“Này các Tỳ kheo, có được ba yếu tố thì một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương quyền. Ba đó là gì? Ở đây, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua có được vẻ đẹp, sức mạnh, và tốc độ. Có được ba yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của nhà vua xứng đáng là của vua ... là một yếu tố của vương quyền.

“Cũng giống như vậy, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ba đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo có được vẻ đẹp, sức mạnh, và tốc độ.

(1) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được vẻ-đẹp? Ở đây, một Tỳ kheo có giới-hạnh; người đó sống được giới hạnh bởi Pātimokkha [giới luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nói nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những giới luật đó. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được vẻ đẹp.

(2) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được sức-mạnh? Ở đây, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và để đạt được những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn đấu, không lơ lãng khỏi bốn phận tu đường những phẩm chất thiện. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được sức mạnh.

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

97(6) Thuần Chứng (2)

[Tất cả giống hệ kinh 3:96 kể trên, chỉ khác nhau về yếu tố thứ (3) như sau:]

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, với sự tiêu diệt năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo thành bậc tự động tái sinh (trong một trong năm cõi trời trong sạch; tịnh cư thiên; thành Bất-lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn ở đó chứ không còn quay lại thế gian. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

98(7) Thuần Chứng (3)

[Tất cả giống hệ kinh 3:96 ở trên, chỉ khác nhau về yếu tố thứ (3) như sau:]

(3) “Và theo cách nào là một Tỳ kheo có được tốc-độ? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, một Tỳ kheo đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó

an trú trong đó. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có được tốc độ.

“Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà ... là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

99(8) *Vải Làm Từ Vỏ Cây*

(I) “Này các Tỳ kheo, khi còn mới, tấm vải làm từ vỏ cây⁴⁴² là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi (còn) được mặc,⁴⁴³ tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Khi đã cũ, tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, khó chịu khi tiếp xúc, và ít giá trị. Họ chỉ dùng vải cũ làm từ vỏ cây để lau chùi xoong nồi hoặc quăng nó ra đồng rác.

(1) (i)⁴⁴⁴ “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo tân-niên là thất đức, thuộc tính cách xấu. Ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là thô ráp, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu với người đó, nương tựa vào người đó, phục vụ người đó, và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là khó chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này không mang lại phước quả hay lợi ích lớn lao nào cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói rằng, đây được coi là sự ít giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên là thất đức ...

(3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên là thất đức, thuộc tính cách xấu, ta nói rằng, đây được coi là sự thô ráp của người đó ... sự khó chịu (cái hại, cái khổ) khi tiếp xúc của người đó ... sự ít giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là ít giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

“Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với người đó: ‘Này người ngu si, kém cỏi, điều gì cho thầy cái quyền phát biểu? Thầy nghĩ mình cũng được phép phát biểu hay sao?’ Rồi người đó bất mãn, nổi giận và nói ra những lời mà dựa theo đó Tăng đoàn có thể trục xuất người đó, giống như quăng bỏ một tấm vải làm từ vỏ cây ra ngoài đồng rác vậy.⁴⁴⁵

(II) “Này các Tỳ kheo, khi còn mới, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi được mặc, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Khi đã cũ, tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, dễ chịu khi tiếp xúc, và có giá trị. Họ còn dùng vải cũ làm từ lụa Kāsi để bao quần những châu báu hoặc cất giữ nó trong hộp có hương thơm.

(1) (i) “Cũng giống như vậy, nếu một Tỳ kheo tân-niên có giới-hạnh, thuộc tính cách thiện, ta nói, đây được coi như vẻ đẹp của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là đẹp, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(ii) “Đối với những ai giao lưu với người đó, nương tựa vào người đó, phục vụ người đó, và theo gương người đó, thì điều đó sẽ dẫn tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu cho họ. Ta nói rằng, đây được coi là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó. Giống như tấm vải làm từ vỏ cây là dễ chịu khi tiếp xúc, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(iii) “Khi người đó nhận y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang và chu cấp cho người bệnh, thì sự [nhận lấy] này sẽ mang lại phước quả hay lợi ích lớn lao cho những người cúng dường [những thứ đó]. Ta nói

rằng, đây được coi là sự có giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

(2) “Nếu một Tỳ kheo trung-niên có giới-hạnh ...

(3) “Nếu một Tỳ kheo thâm-niên có giới-hạnh, thuộc tính cách thiện, ta nói, đây được coi là vẻ đẹp của người đó ... là sự dễ chịu (cái lợi, cái lạc) khi tiếp xúc của người đó ... là sự có giá trị của người đó. Giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi là có giá trị, ta nói, người này cũng giống hệt vậy.

“Nếu một Tỳ kheo thâm-niên như loại đó phát biểu giữa Tăng đoàn, các Tỳ kheo sẽ nói với nhau: ‘Này các quý thầy hãy giữ im lặng. Vị Tỳ kheo trưởng lão đang nói về Giáo Pháp và giới-luật.’ Những lời nói của vị ấy nên được bảo lưu, giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi nên được cất giữ trong hộp có hương thơm vậy.”⁴⁴⁶

“Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ giống như tấm vải làm từ lụa Kāsi, không giống vải làm từ vỏ cây.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

100 (9) Hột Muối

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Người ta tạo nghiệp theo cách gì, họ sẽ nếm trải nghiệp quả một cách y hệt chính xác theo cách đó’, nếu đúng là như vậy thì không thể có đời sống tâm linh và không thấy cơ hội nào để hoàn toàn diệt khổ.”⁴⁴⁷ Nhưng nếu họ nói như vậy: ‘Người ta tạo nghiệp được nếm trải theo cách gì (sướng hay khổ), họ sẽ nếm trải nghiệp quả theo cách đó (sướng hay khổ)’, trong trường hợp này thì có thể có đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để hoàn toàn diệt khổ.”⁴⁴⁸

(I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người đã tạo những nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; có người khác cũng tạo những

nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục? Ở đây, có người không tu dưỡng thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí tuệ (tuệ); người đó là hạn hẹp và thuộc tính cách ti tiện,⁴⁴⁹ và người đó sống trong khổ đau.⁴⁵⁰ Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều? Ở đây, có người biết tu dưỡng thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó là không hạn hẹp và thuộc tính cách cao cả, và người đó sống vô hạn lượng.⁴⁵¹ Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy, nó (quả báo) sẽ được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.⁴⁵²

(1) “Giả sử một người bỏ một hột muối vô một chén nhỏ đựng nước. Này các Tỷ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm lượng nước nhỏ trong cái chén⁴⁵³ bị mặn và khó uống phải không?”

“Đúng vậy, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì nước trong chén là hạn hẹp, nên hột muối làm nó mặn và khó uống.”

“Nhưng giả sử một người bỏ hột muối xuống sông Hằng. Này các Tỷ kheo, các thầy nghĩ sao? Hột muối đó làm cho nước sông Hằng mặn và khó uống phải không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Vì sông Hằng chứa nước lượng nước rất lớn, nên hột muối không làm nó mặn và khó uống.”

— “Cũng giống như vậy, này các Tỷ kheo, có người ở đây đã tạo nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; trong khi có người khác tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu ít hay

nhiều.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục? Ở đây, có người không tu dưỡng về thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí tuệ (tuệ); người đó chỉ hạn hẹp và thuộc tính cách ti tiện, và người đó sống trong khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều? Ở đây, có người biết tu dưỡng về thân, giới-hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó không hạn hẹp và thuộc tính cách cao cả, và người đó sống không hạn chế. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy, nó (quả báo) sẽ được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền [đồng *kahāpaṇa*], một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền; trong khi đó có người khác không bị bắt tù vì [ăn cắp] số tiền y hết vậy.

454

“Loại người nào bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người như vậy bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền.

“Loại người nào không bị bắt tù vì [ăn cắp] nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền? Ở đây, có người giàu có, giàu có mọi thứ của cải. Người như vậy không bị bắt tù vì nửa đồng tiền, một đồng tiền, hay một trăm đồng tiền.

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người đã tạo những nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; có người khác cũng tạo những nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu còn

ít hay nhiều.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục? Ở đây, có người không tu dưỡng về thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí tuệ (tuệ); người đó chỉ hạn hẹp và thuộc tính cách ti tiện, và người đó sống trong khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy nhưng nó (quả báo) được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều? Ở đây, có người biết tu dưỡng về thân, đức hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó không hạn hẹp và thuộc tính cách cao cả, và người đó sống không hạn chế. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hết như vậy, nó (quả báo) sẽ được ném trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

(3) “Này các Tỳ kheo, như trường hợp một người buôn cừu hay người bán thịt, ai trong họ có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người ăn cắp cừu của ông ta; nhưng không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội một người khác cũng ăn cắp cừu của ông ta.

“Loại người nào mà người buôn cừu hay người bán thịt có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừu của ông ta? Người nghèo khó, nghèo mọi thứ của cải. Người buôn cừu hay người bán thịt có thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (nghèo) như vậy vì ăn cắp cừu của ông ta.

“Loại người nào mà người buôn cừu hay người bán thịt không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội vì ăn cắp cừu của ông ta? Người giàu có, giàu có mọi thứ của cải. Người buôn cừu hay người bán thịt không thể xử tội chết, bắt tù, hay phạt tội người (giàu) như vậy vì ăn cắp cừu của ông ta; ông ta chỉ có thể năn nỉ người đó: ‘Thưa ngài, làm ơn trả lại cừu hay trả tiền cừu cho tôi.’

— “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có người đã tạo những

nghiệp xấu nhỏ nhưng nó dẫn người đó tới địa ngục; có người khác cũng tạo những nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó (quả báo) được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu còn ít hay nhiều.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ dẫn người đó tới địa ngục? Ở đây, có người không tu dưỡng về thân, giới-hạnh (giới), tâm (định), và trí tuệ (tuệ); người đó chỉ hạn hẹp và thuộc tính cách ti tiện, và người đó sống trong khổ đau. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu dù nhỏ, nó dẫn người đó tới địa ngục.

“Loại người nào tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy nhưng nó (quả báo) được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút nào, lấy đâu còn ít hay nhiều? Ở đây, có người biết tu dưỡng về thân, đức hạnh, tâm, và trí tuệ. Người đó không hạn hẹp và thuộc tính cách cao cả, và người đó sống không hạn chế. Một người như vậy khi tạo nghiệp xấu nhỏ y hệt như vậy, nó (quả báo) sẽ được nếm trải hết ngay trong kiếp này, không còn chút [dư] nào, lấy đâu ít hay nhiều.

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Người ta tạo nghiệp theo cách gì, họ sẽ nếm trải nghiệp quả một cách y hệt chính xác theo cách đó’, nếu đúng là như vậy thì không thể có đời sống tâm linh và không thấy cơ hội nào để hoàn toàn diệt khổ. Nhưng nếu họ nói như vậy: ‘Người ta tạo nghiệp được nếm trải theo cách gì (khổ hay sướng), họ sẽ nếm trải nghiệp quả theo cách đó (khổ hay sướng)’, trong trường hợp như vậy thì có thể có đời sống tâm linh và thấy có cơ hội để hoàn toàn diệt khổ.”

101 (10) Người Đãi Vàng

“Này các Tỳ kheo, có những thứ thô lớn trong vàng thô, như: đất, đá mịn, đá sỏi. Giờ người đãi vàng [hay người học việc của ông ta] trước tiên đổ vàng thô vào máng, và rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ

và loại bỏ những thứ thô lớn, còn lại những thứ thô vừa trong vàng thô, như: đá mặt mịn và cát thô. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô vừa, còn lại những thứ thô nhỏ, như: cát mịn và bụi đen. Người đãi vàng lại rửa, chà, làm sạch nó. Sau khi đã lọc bỏ và loại bỏ những thứ thô nhỏ, giờ còn lại những hột vàng thô.

“Giờ tới phiên người thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] đổ những hạt vàng thô vào trong nồi nấu, và thổi lửa, và nấu chảy nó ra, và tinh cát nó. Nhưng sau khi đã nấu tan chảy như vậy, vàng vẫn chưa được lẫn tũ và tạp chất vẫn chưa hoàn toàn được loại bỏ. Vàng vẫn chưa được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng (ánh kim); giờ vàng vẫn còn giòn (dễ gãy) và chưa đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác.

“Nhưng người thợ nấu vàng tiếp tục thổi lửa, nấu chảy ra, và tinh cát nó, đến một lúc vàng sẽ lẫn tũ và tạp chất hoàn toàn được loại bỏ. Lúc này vàng đã được dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, đã dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người thợ nấu vàng dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý ông—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miện bằng vàng—thì ông đều có thể làm được.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo hết mình tu tập phần thiên-định [tâm] cao hơn, lúc đó vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô lớn, như: *hành động, lời nói, và tâm ý sai trái*. (2) Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô lớn đó. Sau khi làm được vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô vừa, như: *những ý nghĩ tham dục, ý nghĩ ác ý, ý nghĩ gây hại*. (3) Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô vừa đó. Sau khi làm được như vậy, vẫn còn trong mình những ô-nhiễm thô nhỏ, như: *những ý nghĩ về người thân quyến thuộc*,⁴⁵⁵ *những ý nghĩ về xứ sở*

*đất nước, và những ý nghĩ về danh tiếng của mình.*⁴⁵⁶ Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực thì dẹp bỏ được, xua tan, chấm dứt, và xóa sổ những ô-nhiễm thô nhỏ đó. Sau khi đã làm được vậy, vẫn còn những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp như:⁴⁵⁷ *nào là sự định-tâm không được bình-an và siêu-phàm, không đạt được nhờ sự vắng-lặng hoàn toàn,*⁴⁵⁸ *không đạt tới sự hợp-nhất, mà chỉ được chế ngự và kiểm soát bằng sự trấn-áp mạnh [những ô-nhiễm].*⁴⁵⁹

“Nhưng, này các Tỳ kheo, rồi sẽ đến một lúc khi tâm của người tu từ trong nội tại được vững chắc, bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. Giờ sự định-tâm đó là bình-an và siêu-phàm, đạt được nhờ sự vắng-lặng hoàn toàn, và đạt tới sự hợp-nhất; chứ không chỉ được chế ngự và kiểm soát bằng sự trấn-áp mạnh [những ô-nhiễm].⁴⁶⁰ Lúc đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy, người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.⁴⁶¹

(1) “Nếu người đó ước muốn:⁴⁶² ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại năng-lực tâm linh (thần-thông biến hóa) khác nhau: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền třeo chân; tay sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(2) “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần*’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(3) “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi *hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ* (tha tâm thông). Tôi *hiểu được* một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm cao thượng là cao thượng, và tâm không cao thượng là không cao thượng; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, tối thượng, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát’,⁴⁶³ thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(4) “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi có thể *nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình* (túc mạng minh); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (tôi nhớ rõ) “Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.”—Cầu cho tôi có thể nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.

(5) “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi, với yếu-tố mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy* những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi *hiểu được* cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: “Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”— Cầu cho tôi, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

(6) “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi, sau khi tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, tôi sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, tôi sẽ an trú trong đó’, thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp.”

102 (11) *Thọ Nấu Vàng*⁴⁶⁴

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hết mình tu tập phần thiên-

định [tâm] cao hơn, thì có những lúc nên để sự chú-tâm tới ba dấu-hiệu (tướng).⁴⁶⁵ (1) Có những lúc nên để sự chú-tâm tới dấu hiệu định-tâm, (2) có những lúc nên để sự chú-tâm tới dấu hiệu nỗ-lực, và (3) có những lúc nên để sự chú-tâm tới dấu hiệu buông-xả.

1- “Nếu một Tỷ kheo hết mình tu tập thiền-định [tâm] cao hơn mà chỉ chú tâm tới dấu hiệu định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú tâm tới dấu hiệu nỗ-lực thì có thể tâm người đó ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú tâm tới dấu hiệu buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt-định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng, khi một Tỷ kheo hết mình tu tập thiền-định [tâm] cao hơn có những lúc chú tâm tới dấu hiệu định-tâm, có những lúc chú tâm tới dấu hiệu nỗ-lực, có những lúc chú tâm tới dấu hiệu buông-xả, thì tâm người đó sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và tỏa sáng, được dẻo dai và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.

“Này các Tỷ kheo, giả sử, một thợ nấu vàng [hay người học việc của ông ta] sẽ chuẩn bị lò lửa, đun nóng nồi nấu vàng, lấy kiềm gắp những cục vàng bỏ vô nồi nấu. Rồi, có những lúc ông ta thổi lửa nó, có những lúc ông ta phun nước lên nó, và có những lúc ông ta canh chừng nó. Nếu người thợ nấu vàng chỉ lo thổi (khè) lửa lò nấu thì có thể vàng bị nấu quá lửa (như cháy khô). Nếu ông ta chỉ lo phun nước lên nó thì có thể vàng bị nguội (như không tan chảy để tinh cất được). Nếu ông ta chỉ lo canh chừng nó thì có thể sẽ không đạt tới độ tinh cất đúng đắn (như do thiếu lửa, thiếu nước). Nhưng nếu người thợ nấu vàng có những lúc thổi lửa lò nấu, có những lúc phun nước lên nó, có những lúc canh chừng nó, thì vàng sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và phát sáng, sẽ thành dẻo dai và đạt phẩm chất một cách phù hợp để chế tác. Rồi người thợ nấu vàng dùng nó để làm bất cứ trang sức nào theo ý ông—như vòng đeo tay, bông tai, dây chuyền, hay vương miện bằng vàng—thì ông đều có thể làm được.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo hết mình tu tập thiền-định [tâm] cao hơn, người đó nên có những lúc để sự chú tâm tới ba dấu-hiệu. Có những lúc người đó nên chú tâm tới dấu hiệu định-tâm, có những lúc nên chú tâm tới dấu hiệu nỗ-lực, và có những lúc nên chú tâm tới dấu hiệu buông-xả.

2- “Nếu một Tỳ kheo hết mình tu tập thiền-định [tâm] cao hơn mà chỉ chú tâm tới dấu hiệu định-tâm thì có thể tâm người đó sẽ ngã hướng lười-biếng. Nếu người đó chỉ chú tâm tới dấu hiệu nỗ-lực thì có thể tâm người đó ngã hướng bất-an. Nếu người đó chỉ chú tâm tới dấu-hiệu buông-xả thì có thể tâm người đó sẽ không đạt-định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. Nhưng, khi một Tỳ kheo hết mình tu tập thiền-định [tâm] cao hơn có những lúc chú tâm tới dấu hiệu định-tâm, có những lúc chú tâm tới dấu hiệu nỗ-lực, có những lúc chú tâm tới dấu hiệu buông-xả, thì tâm người đó sẽ thành dễ uốn nắn, dễ sử dụng, và tỏa sáng, được dẻo dai và đạt định một cách phù hợp để dẫn tới sự tiêu-diệt ô-nhiễm. Rồi, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy người đó có khả năng, bằng trí-biết trực-tiếp, chứng ngộ bất kỳ trạng thái nào mà người đó hướng tâm mình tới đó.

3- “Nếu người đó ước muốn: ‘Cầu cho tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau ... *[tiếp tục y hệt 6 đoạn “ước muốn” như kinh 3:101 kể trên, cho đến:]* ... thì người đó có khả năng chứng ngộ điều đó, khi đang có một cơ-sở thích hợp như vậy.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1 SỰ GIÁC NGỘ

103 (1) *Trước Kia*

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: (1) ‘Cái gì là sự thỏa-thích trong thế gian? (2) Cái gì là sự nguy-hại trong thế gian? (3) Cái gì là sự giải-thoát khỏi thế gian?’⁴⁶⁶

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự vui sướng và thích thú khởi sinh tùy thuộc vào thế giới: đây là sự thỏa-thích trong thế gian. Mà thế giới là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy-hại trong thế gian. Và sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thế giới: đây là sự giải-thoát khỏi thế giới.’

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā ... và loài người.

“Sự hiểu-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

104 (2) Sự Thỏa Thích (1)⁴⁶⁷

(1) Nay các Tỳ kheo, ta quyết tâm tìm ra sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa-thích có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự thỏa-thích trong thế gian với xa tới mức nào.

(2) “Ta quyết tâm tìm ra sự nguy-hại trong thế gian. Mọi sự nguy-hại có trong thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự nguy-hại trong thế gian với xa tới mức nào.

(3) “Ta quyết tâm tìm ra sự giải-thoát khỏi thế gian. Mọi sự giải-thoát khỏi thế gian—ta đã tìm thấy. Ta đã rõ ràng nhìn thấy bằng trí tuệ sự giải-thoát khỏi thế gian với xa tới mức nào.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là, thì ta tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā ... và loài người.

“Sự hiểu-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

105 (3) *Sự Thỏa Thích* (2)

“Này các Tỳ kheo, (1) nếu không có sự thỏa-thích trong thế gian thì chúng sinh đâu say mê với nó; nhưng bởi vì có sự thỏa-thích trong thế gian nên chúng sinh mới say mê với nó. (2) Nếu không có sự nguy-hại trong thế gian thì chúng sinh đâu chán ngán (hết say mê, tỉnh ngộ) với nó; nhưng bởi vì có sự nguy-hại trong thế gian nên chúng sinh chán ngán với nó. (3) Nếu không có sự giải-thoát khỏi thế gian thì chúng sinh đâu (có thể) thoát khỏi thế gian; nhưng bởi vì có sự giải-thoát khỏi thế gian nên chúng sinh mới (có thể) giải thoát khỏi thế gian.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi chúng sinh chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, thì họ chưa giải thoát khỏi thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người; họ không được thoát ly khỏi nó, không được giải thoát khỏi nó, cũng họ không được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản (của vòng luân-hồi). Nhưng khi chúng sinh đã trực-tiếp biết sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, sự nguy-hại là sự nguy hại, sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, thì họ giải thoát khỏi thế giới này có thể giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā ... và loài người; họ đã được thoát ly khỏi nó, đã được giải thoát khỏi nó, và họ được sống với một cái tâm không-còn những rào-cản.”

106 (4) *Những Tu Sĩ*⁴⁶⁸

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được (1) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy hại, và (3) sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là: những người này ta không coi là tu sĩ trong số những tu

sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị này, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ [sa-môn] hay mục tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được (1) sự thỏa-thích trong thế gian là sự thỏa thích, (2) sự nguy-hại là sự nguy hại, và (3) sự giải-thoát khỏi thế gian là sự giải thoát, đúng như chúng thực là: những người này ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ [sa-môn] hay mục tiêu của bà-la-môn.”

107 (5) La Khóc

“Này các Tỳ kheo, (1) trong giới-luật của Thánh Nhân, ca hát là la khóc. (2) Trong giới-luật của Thánh Nhân, nhảy múa là điên khùng. (3) Trong giới-luật của Thánh Nhân, cười quá lộ, cười lòi răng, là trò con nít. Do vậy, này các Tỳ kheo, đối với sự ca hát và nhảy múa, hãy phá bỏ chúng như phá bỏ cây cầu. Khi nào các thầy thấy hân hoan với Giáo Pháp, chỉ cần mỉm cười nhẹ nhàng.”⁴⁶⁹

108 (6) Không Thỏa Mãn Hết

“Này các Tỳ kheo có, có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết (đã thềm, hết thềm). Ba đó là gì? (1) Sự ngủ. (2) Sự uống rượu nặng, rượu nhẹ (hay dùng những chất gây nghiện). (3) Quan hệ tính dục. Có ba sự hưởng thụ không bao giờ thỏa mãn hết.”

109 (7) Mái Nhà Nóc Nhọn (1)

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc [Anāthapiṇḍika] đến gặp đức Thế

Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông rằng:

— “Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý [ba nghiệp] đều không được phòng hộ.

“Với người có những việc làm, lời nói, và tâm ý [sự làm, sự hành động] không được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý bị ô nhiễm.⁴⁷⁰ Với người có những việc làm, lời nói, và tâm ý bị ô nhiễm thì những hành động, lời nói, và tâm ý bị lụn bại [thối rữa]. Người có những việc làm, lời nói, và tâm ý bị lụn bại sẽ không có cái chết tốt lành.

“Ví như một mái nhà có nóc nhọn được lợp một cách tồi tệ: rồi đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị hư hỏng; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách bị lụn bại.

“Cũng giống như vậy, khi cái tâm không được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý không được phòng hộ ... Người có những việc làm, lời nói, và tâm ý bị lụn bại thì không có cái chết tốt lành.

— “Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý được phòng hộ.

“Với người có những việc làm, lời nói, và tâm ý được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý không bị ô nhiễm. Với người có những việc làm, lời nói, và tâm ý không bị ô nhiễm thì những hành động, lời nói, và tâm ý không bị lụn bại [thối rữa]. Người có những việc làm, lời nói, và tâm ý không bị lụn bại thì có cái chết tốt lành.

“Ví như một mái nhà có nóc nhọn được lợp một cách khéo léo: rồi đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách được bảo vệ; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị hư hỏng; đỉnh mái nhà, những thanh xà, và tường vách không bị lụn bại.

“Cũng giống như vậy, khi cái tâm được phòng hộ thì những hành động, lời nói, và tâm ý được phòng hộ ... Người có những việc làm, lời nói, và tâm ý không bị lụn bại sẽ có cái chết tốt lành.”

110 (8) Mái Nhà Nóc Nhọn (2)

[Giống hệt kinh kể trên, chỉ khác là những tính từ “không được phòng hộ”, “bị ô nhiễm”, “lụn bại” được thay bởi một tính từ là “hư hỏng” [hư bại, thất bại, không được].]

111 (9) Những Nguyên Nhân (1)

— “Này các Tỷ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? Tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; si là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi tham, được sinh ra từ tham, được gây ra bởi tham, khởi sinh từ tham, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự khởi sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp.”⁴⁷¹

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi sân ...

(3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi si, được sinh ra từ si, được gây ra bởi si, khởi sinh từ si, đều là bất thiện và đáng chê trách và kết quả thành khổ đau. Nghiệp đó dẫn tới sự khởi sinh nghiệp, không dẫn tới sự chấm dứt nghiệp.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.”⁴⁷²

— “Này các Tỷ kheo, có ba nguyên nhân [khác] này làm khởi sinh nghiệp.”⁴⁷³ Ba đó là gì? Vô-tham là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-sân là một nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp; vô-si là một

nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.

(1) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-tham, được sinh ra từ vô-tham, được gây ra bởi vô-tham, khởi sinh từ vô-tham, đều là thiện lành và không bị chê trách và kết quả thành an lạc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự khởi sinh nghiệp.

(2) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-sân ...

(3) “Mọi nghiệp được tạo tác bởi vô-si, được sinh ra từ vô-si, được gây ra bởi vô-si, khởi sinh từ vô-si, đều là thiện lành và không bị chê trách và kết quả thành an lạc. Nghiệp đó dẫn tới sự chấm dứt nghiệp, không dẫn tới sự khởi sinh nghiệp.

“Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

112 (10) Những Nguyên Nhân (2)

— “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân này làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. (2) Tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. (3) Tham muốn khởi sinh liên qua tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. (Tức chỉ những thứ kích thích tham dục trong quá khứ, trong tương lai và trong hiện tại).

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người ta trong tâm cứ nghĩ và suy xét về những thứ trong quá khứ vốn là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Khi người đó làm vậy thì tham muốn khởi sinh. Khi tham muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông cùm. Chính theo cách như vậy tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người ta trong tâm cứ nghĩ về và suy xét về những thứ trong tương lai vốn là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Khi người đó làm vậy thì tham muốn khởi sinh. Khi tham muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông cùm. Chính theo cách như vậy tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người ta trong tâm cứ nghĩ về và suy xét về những thứ trong hiện tại vốn là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Khi người đó làm vậy thì tham muốn khởi sinh. Khi tham muốn phát sinh, người đó bị gông cùm bởi những thứ đó. Sự say mê của tâm là cái ta gọi là gông cùm. Chính theo cách như vậy tham muốn khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

“Đây là ba nguyên nhân làm khởi sinh nghiệp.”⁴⁷⁴

— “Này các Tỳ kheo, có ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp. Ba đó là gì? (1) Tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. (2) Tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. (3) Tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã xuyên phá (màn tối, vô minh)

bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy.⁴⁷⁵ Chính theo cách như vậy tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong quá khứ là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã xuyên phá (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách như vậy tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong tương lai là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục? Người hiểu được kết quả tương lai của những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục. Sau khi hiểu được kết quả tương lai, người đó tránh bỏ nó. Sau khi đã tránh bỏ nó, người đó trở nên chán-bỏ trong tâm, và sau khi đã xuyên phá (màn tối, vô minh) bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Chính theo cách như vậy tham muốn không khởi sinh liên quan tới những thứ trong hiện tại là cơ sở cho tham muốn và nhục dục.

“Đây là ba nguyên nhân [khác] làm khởi sinh nghiệp.”

NHÓM 2

RÓT VÀO CẢNH GIỚI ĐÀY ĐỌA

113 (1) *Rót Vào Cảnh Giới Đầy Đọa*

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người bị rớt vào cảnh giới đầy đọa, bị rớt vào địa ngục, nếu họ không dẹp bỏ điều [tội lỗi] này. Ba đó là gì? (1) Người không sống độc thân nhưng tuyên bố mình sống độc thân; (2) người vu khống người khác thực sự sống độc thân là không sống độc thân; (3) người nắm giữ một giáo-lý và cách-nhìn như vậy: ‘Dục-lạc thì chẳng gì là tội lỗi’, và người đó sa ngã trong sự thụ hưởng dục-lạc. Đây là ba loại người bị rớt vào cảnh giới đầy đọa, bị rớt vào địa ngục, nếu họ không dẹp bỏ điều [tội lỗi] này.”

114 (2) Hiếm Thay

“Này các Tỳ kheo, sự xuất hiện [hiện thị, có mặt] của ba người này là hiếm thay trong thế gian. Ba đó là gì? (1) Hiếm thay trong thế gian có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) Hiếm thay trong thế gian có người chỉ dạy Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai. (3) Hiếm thay trong thế gian có người biết ơn và nhớ hơn. Sự xuất hiện của ba người này là hiếm thay trong thế gian.”

115 (3) Không Thể Đo Lường

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy trong thế gian. Ba đó là gì? Người dễ được đo lường, người khó đo lường, và người không thể đo lường.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người dễ được đo lường? Ở đây, có người là bất an, bộp chộp, bản thân vô tích sự, nói nhiều, nói búa xua này nọ, tâm trí rối loạn, không có sự rõ-biết (thiếu tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lan man, với các căn buông lỏng (không được kiềm chế, không phòng hộ). Đây được gọi là người dễ được đo lường.

(2) “Và cái gì là người khó đo lường? Ở đây, có người không bắt an, không bộp chớp, bản thân không vô tích sự; người đó không nói chiều, không nói búa xua này nọ; người đó có sự chánh-niệm được thiết lập và thường rõ-biết, có đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, với các căn được kiểm chế. Đây được gọi là người khó đo lường.

(3) “Và cái gì là người không thể đo lường (vô lượng)? Ở đây, có người là bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm. Đây được gọi là người không thể đo lường.

“Đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

116 (4) Bất Lay Động

“Này các Tỳ kheo, ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, với sự vượt-trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai-biến của những nhận-thức về độn-chạm giác-quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, có người chứng nhập và an trú trong cảnh xứ (cơ sở) vô biên của không gian (không vô biên xứ). Người đó thường thức [vị ngọt của] cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa thích trong đó. Nếu người đó vững chắc trong nó, tập trung (chú định) trong nó, thường an trú trong nó, và không bị lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ vô biên của không gian. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc cảnh xứ vô biên của không gian là 20.000 đại kiếp. Người phạm phu đó sẽ ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ thiên thần ở đó, người đó lại quay xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hoặc xuống cảnh giới nga quý đầy đọa thống khổ.⁴⁷⁶ Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ ở đó, họ sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn

cuối cùng (bát niết-bàn) ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa vị thánh đệ tử và người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.⁴⁷⁷

(2) “Lại nữa, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, có người chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ). Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa thích trong đó. Nếu người đó vững chắc trong nó, tập trung (chú định) trong nó, an trú trong nó, và không bị lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ vô biên của thức. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc cảnh xứ vô biên của thức là 40.000 đại kiếp. Người phạm phu đó sẽ ở cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hoặc xuống cảnh giới hồn ma ngạ quỷ bị đầy đọa. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ ở đó, họ sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa thánh đệ tử và người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

(3) “Lại nữa, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] ‘không có gì’, có người chứng nhập và an trú trong cảnh xứ trống không (vô sở hữu xứ). Người đó thường thức cảnh giới đó, ham muốn cảnh giới đó, và tìm thấy sự thỏa thích trong đó. Nếu người đó vững chắc trong nó, tập trung (chú định) trong nó, an trú trong nó, và không bị lạc rớt khỏi nó khi chết, thì người đó được tái sinh trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ trống không. Tuổi thọ của những thiên thần thuộc cảnh xứ trống không là 60.000 đại kiếp. Người phạm phu đó sẽ ở cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ thiên thần ở đó, người đó đi xuống địa ngục, xuống cõi súc sinh, hoặc xuống

cảnh giới hồn ma nga quỷ bị đầy đọa. Nhưng những đệ tử của đức Thế Tôn cũng ở trong cảnh giới đó suốt trọn kiếp, và khi hết tuổi thọ ở đó, họ sẽ chứng ngộ luân Niết-bàn cuối cùng ngay trong cảnh giới hiện-hữu đó. Đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa người đệ tử thánh thiện và người phạm phu không được chỉ dạy, đó là, sự khác nhau về nơi-đến sau đó và sự còn tái-sinh hay không.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người được thấy có trong thế gian.”

117 (5) Những Thất Bại và Thành Tựu

— “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát sinh, gian cấp, tà dục tà dâm, nói dối nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng nộ nạt, và nói lời tán dóc tầm phào. Đây được gọi là sự thất bại về giới-hạnh.

(2) “Và cái gì là sự thất bại về tâm? Ở đây, có người đầy lòng tham-muốn và có một cái tâm ác-ý. Đây được gọi là sự thất bại về tâm.

(3) “Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có tầm-nhìn sai trái như vậy: ‘Không thứ gì (cần) phải bỏ thí, không thứ gì phải dâng hiến, không thứ gì phải cúng dường; không có phước quả hay nghiệp quả gì cho những hành động tốt hay xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không có mẹ, không có cha; không có những chúng sinh tái sinh một cách tự động (lên cõi trời); trong thế gian không có những tu sĩ và bà-la-môn nào là có đạo đức chân chính và sự tu tập chân chính, và sau khi tự mình đã giác ngộ thế giới này và thế giới khác bằng trí-biết trực-tiếp, họ công bố cho người khác biết.’ Đây được gọi là sự thất bại về

cách-nhìn, (không có được chánh-kiến).

“Do có sự thất bại về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm ... Do có sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

— “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không sát sinh, không gian cấp, không tà dục tà dâm, không nói dối nói sai, không nói lời gây chia rẽ, không nói lời gắt gỏng nộ nạt, và không nói lời tán dóc tầm phào. Đây được gọi là sự thành tựu về giới-hạnh.

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về tâm? Ở đây, có người không có tham-muôn và có một cái tâm không ác-ý. Đây được gọi là sự thành tựu về tâm.

(3) “Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) và có tầm-nhìn đúng, như vậy: ‘Có thứ (cần) được bỏ thí, có thứ cần được dâng hiến, có thứ cần được cúng dường; có phước quả và nghiệp quả cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh tái sinh một cách tự động (lên cõi trời); trong thế gian có những tu sĩ và bà-la-môn nào có đạo đức chân chính và sự tu tập chân chính, và sau khi tự mình đã giác ngộ thế giới này và thế giới khác bằng trí-biết trực-tiếp, họ công bố cho người khác biết.’ Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn, (có chánh kiến).

“Do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

118 (6) Súc Sắc

— “Này các Tỳ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về giới-hạnh, sự thất bại về tâm, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về giới-hạnh? Ở đây, có người sát sinh ... (2) ... (3) ... [*giống đoạn (1), (2), (3) trước trong kinh 3:117 kể trên*]

“Do có sự thất bại về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Do có sự thất bại về tâm ... Do có sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Cũng giống như hột súc sắc (nặng),⁴⁷⁸ khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống; cũng giống như vậy, do có sự thất bại về giới-hạnh ... sự thất bại về tâm ... sự thất bại về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) bị tái sinh trong cảnh giới đầy đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

— “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về giới-hạnh, sự thành tựu về tâm, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về giới-hạnh? Ở đây, có người không sát sinh ... (2) ... (3) ... [*giống đoạn (1), (2), (3) sau trong kinh 3:117 kể trên*]

“Do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Cũng giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống; cũng giống như vậy, do có sự thành tựu về giới-hạnh, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó (chắc chắn) được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Do có sự thành tựu về tâm ... Do có sự thành tựu về cách-nhìn, khi thân tan rã, sau khi chết, những chúng sinh đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Này các Tỷ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

119 (7) Hành Động...

— “Này các Tỷ kheo, có ba sự thất bại này. Ba đó là gì? Sự thất bại về hành-động, sự thất bại về sự mưu-sinh, và sự thất bại về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thất bại về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có người sát sinh ... nói lời tán dóc tầm phào (*phạm năm giới, như hai kinh kể trên*). Đây được gọi là sự thất bại về hành động, (không có chánh-nghiệp).

(2) “Và cái gì là sự thất bại về sự mưu-sinh (hạnh)? Ở đây, có người có sự công việc mưu sinh sai trái và nuôi sống bản thân bằng loại sự mưu sinh sai trái đó. Đây được gọi là sự thất bại về sự mưu sinh,

(không có chánh-hạnh).

(3) “Và cái gì là sự thất bại về cách-nhìn (kiến)? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) và có tầm-nhìn không đúng, như vậy: ‘Không thứ gì (cần) phải bỏ thí ... *[giống như đoạn (3) phần thứ nhất trong kinh 3:117 ở trên]* ...’ Đây được gọi là sự thất bại về cách-nhìn, (không có chánh-kiến).

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thất bại.

— “Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về hành-động, sự thành tựu về sự mưu-sinh, và sự thành tựu về cách-nhìn.

(1) “Và cái gì là sự thành tựu về hành-động (nghiệp)? Ở đây, có người không sát sinh ... không nói lời tán dóc tầm phào (*không phạm năm giới, như hai kinh kể trên*). Đây được gọi là sự thành tựu về hành-động, (có chánh-nghiệp).

(2) “Và cái gì là sự thành tựu về sự mưu-sinh (hạnh)? Ở đây, có người có sự công việc mưu sinh chân chính và nuôi sống bản thân bằng loại sự mưu sinh chân chính đó. Đây được gọi là sự thành tựu về sự mưu sinh, (có chánh-hạnh).

(3) “Và cái gì là sự thành tựu về cách-nhìn? Ở đây, có người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và có tầm-nhìn đúng, như vậy: ‘Có thứ (cần) được bỏ thí ... *[giống đoạn (3) phần thứ hai trong kinh 3:117 ở trên]* ...’ Đây được gọi là sự thành tựu về cách-nhìn, (có chánh-kiến).

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự thành tựu.”

120 (8) Sự Trong Sạch (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch của hành-động [thân], sự trong sạch của lời-nói, sự trong sạch của tâm.

(1) “Và cái gì là sự trong sạch của hành-động? Ở đây, có người kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cấp, và kiêng cử tà dục tà dâm. Đây được gọi là sự trong sạch của hành-động.

(2) “Và cái gì là sự trong sạch của lời-nói? Ở đây, có người kiêng cử nói dối nói sai, nói lời gây chia rẽ, nói lời gắt gỏng, và nói dóc tầm phào. Đây được gọi là sự trong sạch của lời-nói.

(3) “Và cái gì là sự trong sạch của tâm? Ở đây, có người không có tham-muốn, không có ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là sự trong sạch của tâm.

“Này các Tỷ kheo, đây là ba sự trong sạch.”

121 (9) Sự Trong Sạch (2)

“Này các Tỷ kheo, có ba sự trong-sạch (thanh tịnh) này. Ba đó là gì? Sự trong sạch của hành-động [thân], sự trong sạch của lời-nói, sự trong sạch của tâm.

(1) “Và cái gì là sự trong sạch của thân? ... [như kinh kể trên]

(2) “Và cái gì là sự trong sạch của lời-nói? ... [như kinh kể trên]

(3) “Và cái gì là sự trong sạch của tâm?⁴⁷⁹ Ở đây, (i) khi có tham-dục bên trong một Tỷ kheo, người đó hiểu: ‘Có tham dục trong ta’; hoặc khi không có tham-dục bên trong mình, người đó hiểu: ‘Không có tham dục trong ta’; và người đó cũng hiểu được cách tham dục chưa khởi khởi sinh, cách tham dục đã khởi sinh được dẹp bỏ, cách tham dục được dẹp bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.

(ii) “Khi sự ác-ý có bên trong mình ... (iii) khi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn có bên trong mình ... (iv) khi sự bất-an và hối-tiết có bên trong mình ... (v) khi sự nghi-ngờ có bên trong mình, người đó hiểu: ‘Có sự nghi ngờ trong ta’; và người đó cũng hiểu được cách sự nghi ngờ chưa khởi khởi sinh, cách sự nghi ngờ đã khởi sinh được dẹp bỏ, cách sự nghi

ngờ được đẹp bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. Đây được gọi là sự trong sạch của tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba sự trong sạch.”

Trong sạch về thân, trong sạch về lời-nói,

Trong sạch về tâm, không còn ô-nhiễm:

Được gọi là người thanh tịnh,

Đã thành tựu về sự thanh lọc,

“Người đã tẩy sạch sự xấu ác”.

122 (10) Sự Khôn Ngoan

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự khôn ngoan này. Ba đó là gì? Sự khôn ngoan về hành-động, sự khôn ngoan về lời-nói, và sự khôn ngoan về tâm.

(1) “Và cái gì là sự khôn ngoan về hành-động? Ở đây, có người kiêng cử sát sinh, kiêng cử gian cắp, kiêng cử tà dục tà dâm. Đây được gọi là sự khôn ngoan về hành động.

(2) “Và cái gì là sự khôn ngoan về lời-nói? Ở đây có người kiêng cử lời nói dối nói sai, lời nói gây chia rẽ, lời nói gắt gỏng nộ nạt, và lời nói tán dóc tầm phào. Đây được gọi là sự khôn ngoan về lời nói.

(3) “Và cái gì là sự khôn ngoan về tâm? Ở đây, một Tỳ kheo, với sự đã tiêu diệt ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây được gọi là sự khôn ngoan về tâm.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại sự khôn ngoan.”

Bậc hiền trí về thân, bậc hiền trí về lời-nói,

Bậc hiền trí về tâm, không còn ô-nhiễm:

Được gọi là người hiền trí,
Đã thành tựu về sự khôn ngoan,
“Người đã dẹp bỏ tất cả”.

NHÓM 3

BHARAṆḌU⁴⁸⁰

123 (1) *Kusinārā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā (Câu-thi-na), trong khu rừng rậm Baliharaṇa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo ...

— “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống phụ thuộc vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ hay con trai của ông ta đến gặp Tỳ kheo đó và thỉnh mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ hay con trai của ông ta. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và gia chủ đó [hay con trai của ông ta] tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Điều này xảy đến với thầy ấy: ‘Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!’ (2) Điều này xảy đến với thầy ấy: ‘Mong sao sau này vị gia chủ này sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!’ (3) Thầy ấy dùng thức ăn khi tâm bị dính theo thức ăn, mê thích nó, bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và không hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ tham-dục liên quan đến nó; người đó nghĩ những ý nghĩ ác-ý; thầy đó nghĩ những ý nghĩ gây-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là không có

phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là lơ tâm phóng dật.

— “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống phụ thuộc vào một xóm làng hay thị xã. Một gia chủ hay con trai của ông ta đến gặp Tỳ kheo đó và thỉnh mời thầy ấy đến dùng cơm trưa ngày mai. Nếu muốn, Tỳ kheo đó chấp chận lời mời. Rồi đêm qua đi, vào buổi sáng Tỳ kheo đó mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nơi ở của gia chủ hay con trai của ông ta. Thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và gia chủ đó [hay con trai của ông ta] tự tay phục vụ và làm vui lòng thầy ấy bằng nhiều món ngon khác nhau. (1) Điều này không xảy đến với thầy ấy: ‘Thiệt là tốt, vị gia chủ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau!’ (2) Điều này không xảy đến với thầy ấy: ‘Mong sao sau này vị gia chủ này sẽ tự tay phục vụ và làm vui lòng ta bằng nhiều món ngon khác nhau y như vậy!’ (3) Thầy ấy dùng thức ăn mà tâm không bị dính theo thức ăn, không mê thích nó, không bị cuốn hút trong nó một cách mù quáng; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó và hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Thầy đó nghĩ những ý nghĩ từ-bỏ liên quan đến nó; người đó nghĩ những ý nghĩ thiện-ý; thầy đó nghĩ những ý nghĩ vô-hại. Ta nói rằng, những thức ăn cúng dường cho một Tỳ kheo như vậy là có phước quả lớn lao. Vì lý do gì? Vì Tỳ kheo đó là có chú tâm ý tứ.”

124 (2) *Tranh cãi*

— “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã, và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, **ta thấy khó chịu đến mức không muốn nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó, lấy chi còn muốn đi đến đó.** Ta kết luận về họ như vậy: ‘Chắc chắn, những vị đó đã dẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã dẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ (buông bỏ), những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã

đẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo tranh luận và cãi vã và rơi vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những lời lẽ xiên xỏ, ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị đó đã đẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều khác.’

— “Này các Tỳ kheo, mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, *ta thấy dễ chịu như muốn đi đến đó, chứ không chỉ thích nghĩ [hướng sự chú tâm] tới đó*. Ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị ấy đã đẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’

“Cái gì là ba điều họ đã đẹp bỏ? Đó là những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, và những ý nghĩ gây-hại: đó là ba điều họ đã đẹp bỏ. Cái gì là ba điều họ đã dung dưỡng? Đó là những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ thiện-ý, và những ý nghĩ vô-hại: đó là ba điều họ đã dung dưỡng. Mỗi khi các Tỳ kheo sống trong sự hòa đồng, một cách hòa hợp, không có những tranh chấp, hòa hiệp với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ, ta kết luận rằng: ‘Chắc chắn, những vị đó đã đẹp bỏ ba điều và dung dưỡng ba điều.’”

125 (3) *Đền Gotamaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Ngôi Đền Gotamaka.⁴⁸¹ Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo...

“Này các Tỳ kheo, (1) ta chỉ dạy Giáo Pháp là thông qua trí-biết trực-tiếp (nhờ tự trí), không phải không thông qua trí-biết trực-tiếp (không phải nhờ tha trí). (2) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là có cơ-sở, không phải không có cơ-sở. (3) Ta chỉ dạy Giáo Pháp là có tính chất giải độc, không phải không có tính chất giải độc (độc: tham, sân, si).⁴⁸² Do ta chỉ

dạy Giáo Pháp thông qua trí-biết trực-tiếp, không phải không thông qua trí-biết trực-tiếp; do ta chỉ dạy Giáo Pháp là có cơ-sở, không phải không có cơ-sở; do ta chỉ dạy Giáo Pháp có tính chất giải độc, không phải không có tính chất giải độc, nên sự khởi xướng của ta nên được thực thi, sự chỉ dạy của ta nên được thực thi. Bấy nhiêu cũng đủ cho các thầy hân hoan, đủ cho các thầy vui mừng, đủ cho các thầy hoan hỷ rằng: ‘Đức Thế Tôn đã giác ngộ toàn thiện! Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo! Tăng Đoàn đang tu tập đạo tốt lành!’”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo vui mừng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn. Và trong khi lời này đã được nói ra, hệ một ngàn thế giới rung chuyển.

126 (4) *Bharaṇḍu*

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa những người Kosala (Kiều-tát-la), lúc đó đang đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ). Ông Mahānāma (Đại Danh) là người họ tộc Thích-ca [Sakya] đã nghe nói: “Đức Thế Tôn mới đến Kapilavatthu”. Lúc đó ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này Mahānāma, chú hãy đi tìm một chỗ nghỉ thích hợp ở Kapilavatthu để chúng ta có thể ở qua đêm ở đó.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi vô thành Kapilavatthu, tìm khắp trong thành nhưng không thấy chỗ nào thích hợp để đức Thế Tôn ở qua đêm. Vì vậy ông quay trở lại và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khắp trong thành Kapilavatthu không có chỗ nào thích hợp để Thế Tôn nghỉ qua đêm. Nhưng có ông Bharaṇḍu người Kālāma, trước đây từng là người cùng tu [đồng phạm hạnh, cùng là tu

sĩ tâm linh]⁴⁸³ với Thế Tôn, [ông ấy đang ở đây]. Thế Tôn có thể nghỉ qua đêm ở nơi ẩn cư của ông ấy.”

“Được Mahānāma, hãy đi trải tấm lót cho ta (nằm).”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Mahānāma đáp lại. Rồi ông đi đến chỗ ẩn cư của Bharanḍu, chuẩn bị tấm lót nằm, đặt sẵn nước rửa chân, rồi quay lại chỗ đức Thế Tôn, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con đã trải bị tấm lót nằm, và chuẩn bị nước rửa chân. Giờ Thế Tôn có thể tùy tiện đến đó.”

Rồi đức Thế Tôn đã đi đến chỗ ẩn cư của Bharanḍu, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và rửa chân. Lúc đó ý nghĩ này đã xảy đến với ông Mahānāma: “Lúc này không hợp ở lại đây với đức Thế Tôn, vì Thế Tôn đã mệt. Ngày mai mình ghé thăm Thế Tôn.” Rồi ông kính chào đức Thế Tôn, đi vòng quanh giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và ra về. Rồi, sau khi đêm đã qua, sáng hôm sau ông Mahānāma đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn mới nói với ông:

“Này Mahānāma, có ba loại thầy được thấy trong thế gian. Ba đó là gì?

(1) “Ở đây, này Mahānāma, có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc (khoái lạc giác quan), nhưng không dạy về thân-sắc hay cảm-giác. (2) Có thầy dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc và thân-sắc, nhưng không dạy về cảm-giác. (3) Có thầy thì dạy phải hoàn-toàn hiểu về dục-lạc, thân-sắc, và cảm-giác. Đây là ba loại thầy được thấy có trong thế gian. Vậy mục tiêu của ba loại thầy này là giống nhau hay khác nhau?”

Khi điều này được nói ra, Bharanḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma”. Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma”.

Lần thứ hai ... Lần thứ ba, Bharañḍu người Kālāma đã nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là giống nhau, này ông Mahānāma”. Nhưng đức Thế Tôn nói với ông Mahānāma: “Hãy nói là khác nhau, này Mahānāma”.

Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với Bharañḍu: “Sa-môn Cồ-đàm đã nói ngược với ta ba lần như vậy trước mặt người có nhiều ảnh hưởng như ông Mahānāma họ Thích-ca. Vậy tốt hơn ta nên rời khỏi Kapilavatthu”.

Sau đó ông Kālāma đã đi khỏi Kapilavatthu. Sau khi đi khỏi Kapilavatthu, ông đã đi luôn và không bao giờ quay lại đó.

127 (5) *Hatthaka*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, khi đêm đã khuya, vị thiên thần trẻ tên Hatthaka,⁴⁸⁴ chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đã gặp, [tâm nghĩ:] “Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn”, nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ. Giống như bơ hay dầu, khi đổ ra cát, sẽ chìm xuống, rã xuống, và không trụ yên một chỗ; cũng giống như vậy, thiên thần trẻ Hatthaka, [tâm thì nghĩ:] “Ta sẽ đứng trước mặt đức Thế Tôn”, nhưng vị ấy đã chìm xuống, rã xuống, và không thể trụ yên một chỗ.

Lúc đó đức Thế Tôn nói với Hatthaka: “Này Hatthaka, hãy tạo thân thô tế.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Hatthaka đáp lại. Rồi vị ấy tạo một thân thô tế (như người thường), kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị ấy:

“Này Hatthaka, bây giờ tiên có còn ôn tập những giáo lý (của Phật) mà tiên đã tập luyện trong quá khứ khi còn là con người, hay

không?”

“Thưa Thế Tôn, bây giờ con vẫn ôn tập những giáo lý mà con đã tập luyện trong quá khứ khi còn là con người; và có những giáo lý con không thể ôn tập vì con đã không tập luyện (tụng học) trong quá khứ khi còn là con người.⁴⁸⁵ Cũng như đức Thế Tôn giờ sống xung quanh có những Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, những đệ tử tại gia nam và nữ, những vua chúa và quan thần, những đạo sư khác đạo và đệ tử của họ, con giờ sống xung quanh có những thiên thần trẻ khác. Những thiên thần trẻ từ xa đến gặp con, [họ nghĩ:] ‘Chúng ta sẽ nghe Giáo Pháp từ thiên thần trẻ Hatthaka.’

“Thưa Thế Tôn, con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều. Ba đó là gì? (1) Về việc gặp gỡ đức Thế Tôn chưa đủ nhiều; (2) về việc nghe Giáo Pháp tốt lành chưa đủ nhiều; (3) về việc phục vụ Tăng Đoàn chưa đủ nhiều. Con đã chết khi chưa làm đủ và chưa thỏa lòng về ba điều này.

“Con chưa làm đủ về ba việc:

Gặp gỡ đức Thế Tôn,
Nghe Giáo Pháp thiện lành,
Và phục vụ Tăng Đoàn.

“Tu tập phần giới-hạnh cao hơn,

Con hoan hỷ trong việc nghe Giáo Pháp.

Hatthaka đã đi tới [tái sinh trong] cõi trời Aviha,⁴⁸⁶

Khi chưa làm đủ ba việc đó.”

128 (6) Sự Làm Ô Nhiễm

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu vườn nai ở Isipatana; (Isipatana có nghĩa là: nơi những thiên thần hạ thế). Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang

theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khát thực. Trong khi đang đi khát thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán,⁴⁸⁷ đức Thế Tôn đã nhìn thấy một Tỳ kheo bắt mẫn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài,⁴⁸⁸ tâm trí rối loạn, không có sự rõ-biết (không tỉnh giác), không đạt định, với một cái tâm lan man, với các căn buông lỏng (không được kiềm chế, không phòng hộ). Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô nhiễm bản thân mình. Này Tỳ kheo, ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm mình ô nhiễm và dính đầy mùi hôi thối, điều đó là không tránh khỏi.”

Rồi, sau khi được đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) như vậy, Tỳ kheo đó đã có được một cảm-nhận về sự cấp-bách.⁴⁸⁹

Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực trong thành Bārāṇasī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sáng nay ta đã mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi vô thành Bārāṇasī để khát thực. Trong khi đang đi khát thực gần nơi có cây vả người ta cột trâu bò để bán, ta đã nhìn thấy một Tỳ kheo bắt mẫn, [đang tìm kiếm] sự thỏa-thích ở bên ngoài, tâm trí rối loạn, không có sự rõ-biết, không đạt định, với một cái tâm lan man, với các căn buông lỏng. Sau khi nhìn thấy Tỳ kheo đó, ta đã nói với thầy ấy: ‘Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo! Đừng làm ô nhiễm bản thân mình. Này Tỳ kheo, ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm mình ô nhiễm và dính đầy mùi hôi thối, điều đó là không tránh khỏi.’ Rồi, sau khi được khởi xướng như vậy, Tỳ kheo đó đã có được một cảm-nhận về sự cấp-bách.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo ở đó đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, ‘sự làm ô-nhiễm’ nghĩa là gì? ‘Mùi hôi thối’ nghĩa là gì? Và ‘ruồi nhặng’ nghĩa là gì?”

(1) “Này Tỳ kheo, thèm-muốn là ‘sự làm ô-nhiễm’. (2) Ác-ý là ‘mùi hôi thối’. (3) Những ý-nghĩ bất thiện xấu ác là ‘ruồi nhặng’. Ruồi nhặng sẽ đuổi theo và tấn công kẻ đã tự làm mình ô nhiễm và dính đầy mùi hôi thối, điều đó là không tránh khỏi.”

Ruồi nhặng—những ý-nghĩ từ tham dục—
Sẽ bám theo những người:
Không kiểm chế các giác quan,
Không kiểm chế mắt và tai.

Một Tỳ kheo bị ô nhiễm,
Bị dính mùi hôi thối,
Thì ở xa Niết-bàn,
Và chỉ gặt hái sự phiền khổ.

Dù ở trong làng hay trong rừng,
Kẻ ngu, người vô trí
Vốn đã không đạt được sự bình an cho mình,
Cứ đi quanh quẩn với ruồi nhặng bám theo.

Nhưng những người thành tựu về giới-hạnh,
Những người vui thích trí-tuệ và sự bình-an,
Người bình an thì sống một cách hạnh phúc,
Sau khi đã diệt hết ruồi muỗi.

129 (7) A-nậu-lâu-đà (1)

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà [Anuruddha] đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Giờ, thưa Thế Tôn, với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, con nhìn thấy những phụ nữ,

khi thân tan rã, sau khi chết, hầu hết họ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Một người phụ nữ do có những phẩm chất nào mà do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục?”

“Này A-nậu-lâu-đà, khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Ba đó là gì?

“Này A-nậu-lâu-đà, ở đây, (1) buổi sáng một phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm dính nhiễm tính keo-kiệt. (2) Buổi trưa cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi tính ghen-ty. (3) Và buổi tối cô ta sống ở nhà với một cái tâm bị ám muội bởi nhục-dục. Khi một phụ nữ có ba phẩm chất này thì do đó, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.”

130 (8) A-nậu-lâu-đà (2)

Lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà [Anuruddha] đến gặp Ngài Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với nhau. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, ở đây, với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới. Sự nỗ-lực được phát khởi trong tôi; không xù giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lơ mờ (rõ rệt, minh mẫn); thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm. Nhưng tâm của tôi vẫn chưa đạt sự giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.”

[Thầy Xá-lợi-phất nói:] (1) “Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, khi thầy nghĩ: ‘Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi đã quan sát khắp hệ một ngàn thế giới’: đây là sự tự-ta (ngã mạn) của thầy.

(2) “Và khi thầy nghĩ: ‘Sự nỗ-lực được phát khởi trong tôi, không xiù giảm; sự chánh-niệm của tôi được thiết lập, không lơ mờ; thân của tôi tĩnh lặng, không quấy động; tâm của tôi đạt định và nhất điểm’: đây là sự bất-an của thầy.

(3) “Và khi thầy nghĩ: ‘Nhưng tâm của tôi vẫn chưa đạt sự giải-thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp’: đây là sự hối-tiếc của thầy.

“Sẽ tốt lành nếu thầy dẹp bỏ ba tâm tính này và ngừng chú tâm (tác ý) tới chúng. Thay vì vậy, hãy hướng tâm tới yếu tố bất-tử.”

Thời sau đó, thầy A-nậu-lâu-đà đã dẹp bỏ những tâm tính đó và ngừng chú tâm đến chúng. Thay vì vậy, thầy ấy hướng tâm mình tới yếu tố bất-tử. Sau đó, sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, không bao lâu sau đó thầy A-nậu-lâu-đà, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ đỉnh-cao vô thượng của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy đã biết rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện hữu này nữa.”

Và Ngài A-nậu-lâu-đà đã trở thành một trong những A-la-hán.

131 (9) Bị Che Đậy

“Này các Tỳ kheo, có ba thứ phát triển (phát huy) khi được che đậy, không công khai. Ba đó là gì? (1) Phụ nữ phát triển (lớn lên tốt

đẹp) khi được che đậy, không công khai.⁴⁹⁰ (2) Những bài tụng (bùa chú) của những bà-la-môn phát triển (truyền bá) khi được che đậy, không công khai. (3) Và những cách-nhìn sai lạc (tà kiến) phát triển khi được che đậy, không công khai. Đây là ba thứ phát triển khi được che đậy, không công khai.

“Này các Tỳ kheo, có ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Ba đó là gì? (1) Mặt trăng chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (2) Mặt trời chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. (3) Giáo Pháp và giới-luật được đức Thế Tôn tuyên thuyết chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy. Đây là ba thứ chiếu sáng khi được hiển lộ, không che đậy.”

132 (10) Đường Kẻ Khắc Lên Đá

“Này các Tỳ kheo, có ba loại người này được thấy có trong thế gian. Ba đó là gì? Người giống như đường kẻ khắc lên đá; người giống như đường kẻ khắc lên đất; và người giống như đường kẻ khắc lên nước.

(1) “Và cái gì là người giống như đường kẻ khắc lên đá? Ở đây, có người thường giận dữ, và sự sân giận của người đó kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đá không dễ gì được xóa đi nhanh bởi gió và nước, nó sẽ còn đó trong một thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ và sự sân giận đó kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đá.

(2) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất? Ở đây, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận của người đó không kéo dài trong thời gian lâu. Giống như đường kẻ khắc lên đất dễ được xóa đi nhanh bởi gió và nước, và sẽ không còn đó trong thời gian lâu; cũng giống như vậy, có người thường giận dữ, nhưng sự sân giận đó không kéo dài trong thời gian lâu. Đây được gọi là loại người giống như đường kẻ khắc lên đất.

(3) “Và cái gì là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước? Ở đây, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng với họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Giống như đường kẻ được khắc lên nước sẽ biến mất nhanh và không hề kéo dài trong bao lâu; cũng giống như vậy, có người, ngay cả khi bị người khác nói một cách thô bạo và gắt gỏng, bị người khác nói theo những cách khó chịu khó ưa, mà người đó vẫn giữ những sự giao hảo thân thiện với họ, vẫn hòa đồng họ, và vẫn chào hỏi khi gặp họ. Đây là loại người giống như đường kẻ khắc lên nước.

“Này các Tỷ kheo, đây là ba loại người thấy có trong thế gian.”

NHÓM 4

MỘT CHIẾN BINH

133 (1) Một Chiến Binh

“Này các Tỷ kheo, có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ (công cụ) của vua, và được cho là một yếu tố của vương. Ba đó là gì? Ở đây, một chiến binh là người giỏi bắn xa, là người bắn chính xác, và là người bắn phá được vật thể lớn. Có được ba yếu tố này, một chiến binh xứng đáng là của vua, là một thứ của vua, và được cho là một yếu tố của vương. Cũng giống như vậy, có được ba yếu tố này, một Tỷ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Ba đó là gì? Ở đây, một Tỷ kheo là người giỏi bắn xa, là người bắn chính xác, và là người bắn phá được vật thể lớn.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa? Ở đây, mọi thể-sắc—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi thể-sắc đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo-tác cố-ý ... mọi thức—dù thuộc quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, ưu hay nhược, xa hay gần—bằng trí-tuệ chánh đúng, một Tỳ kheo nhìn thấy mọi cảm-giác ... thức đúng như chúng thực là: ‘Đây không phải là của-ta, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là bản ngã của ta’. Theo cách này một Tỳ kheo là người giỏi bắn xa.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn chính xác? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’ ... ‘Đây là sự chấm dứt khổ’ ... ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là một người bắn chính xác.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là người bắn phá được vật thể lớn? Ở đây, một Tỳ kheo phá vỡ đồng vô-minh lớn. Theo cách như vậy một Tỳ kheo là người bắn phá vật thể lớn.

“Có được ba yếu tố này, một Tỳ kheo là xứng đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào, là ruộng công đức cao nhất trong thế gian.”

134 (2) Hội Chúng

“Này các Tỳ kheo, có ba loại hội (tăng) chúng này. Ba đó là gì?

(1) Hội chúng được huấn luyện bằng cách nói khoa trương vô ích, (2) hội chúng được huấn luyện bằng cách đặt câu hỏi vắn đáp, và (3) hội

chúng được huấn luyện theo những giới hạn. Có ba loại hội chúng này.”⁴⁹¹

135 (3) *Bạn*

“Này các Tỷ kheo, một người nên giao lưu với bạn (đạo hữu) có được ba yếu tố này. Ba đó là gì? (1) Đó là, một người cho đi thứ khó cho. (2) Người đó làm điều khó làm. (3) Người đó nhẫn nhịn chịu đựng điều khó chịu đựng. Một người nên giao lưu với bạn có được ba yếu tố (đức tính) này.”

136 (4) *Khởi Sinh*

(1) “Này các Tỷ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy luật đó, tính ổn định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp, đường lối cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều kiện (hữu vi) đều là vô thường’. Một bậc Như Lai đã tỉnh thức (giác ngộ) và thấu suốt (đột phá) tới điều này. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều kiện đều là vô thường’.”⁴⁹²

(2) “Này các Tỷ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy luật đó, tính ổn định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp, đường lối cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều kiện (hữu vi) đều là khổ’. Một Như Lai giác ngộ tới điều này và thấu suốt tới điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều kiện đều là khổ’.

(3) “Này các Tỷ kheo, dù Như Lai có khởi sinh hay không thì vẫn tồn tại quy luật đó, tính ổn định (như như, chắc chắn) đó của Giáo Pháp,

đường đi cố định đó của Giáo Pháp, (đó là): ‘Mọi thứ có điều kiện (hữu vi) đều là vô ngã’. Một Như Lai giác ngộ tới điều này và thấu suốt tới điều này, và sau đó bậc ấy giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên thuyết nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm sáng tỏ nó như vậy: ‘Mọi thứ có điều kiện đều là vô ngã’.”

137 (5) Mền Làm Bằng Tóc

“Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại vải dệt tồi tệ nhất. Nó lạnh trong cái lạnh, nóng trong cái nóng, xấu xí, hôi hám và khó chịu khi chạm vào. Cũng giống như vậy, giáo lý của Makkhali được cho là tồi tệ nhất trong tất cả các học thuyết của các tu sĩ và bà-la-môn khác nhau. Này các Tỳ kheo, mền làm bằng tóc được cho là loại vải dệt tồi tệ nhất.⁴⁹³ Người nông cạn như Makkhali chỉ dạy chủ thuyết và quan điểm như vậy: ‘Không nghiệp, không hành vi, không nỗ lực tinh tấn.’

(1) “Này các Tỳ kheo, những đức Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong quá khứ đã chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp [hành động], chủ thuyết về hành vi (sự hành động, việc được làm), chủ thuyết về nỗ lực tinh tấn. Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Không nghiệp, không hành vi, không nỗ lực tinh tấn.’

(2) “Những đức Thế Tôn, những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác trong tương lai cũng sẽ chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành vi, chủ thuyết về nỗ lực tinh tấn. Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Không nghiệp, không hành vi, không nỗ lực tinh tấn.’

(3) “Trong hiện tại, ta là A-la-hán, bậc Toàn Giác, và ta chỉ dạy chủ thuyết về nghiệp, chủ thuyết về hành vi, chủ thuyết về nỗ lực tinh tấn. Nhưng người nông cạn Makkhali lại nói ngược lại những điều đó [và tuyên bố]: ‘Không nghiệp, không hành vi, không nỗ lực tinh tấn.’

“Giống như một cái bẫy được gài đặt ở cửa sông sẽ mang lại sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn và thảm họa cho nhiều loài cá; cũng giống như vậy, người nông cạn Makkhali, là ‘một cái bẫy’, đúng như nó thực là, đã khởi sinh trong thế gian này vì sự nguy hại, sự khổ đau, tai nạn và thảm họa của nhiều chúng sinh.”

138 (6) Sự Thành Tựu

“Này các Tỳ kheo, có ba sự thành tựu này. Ba đó là gì? Sự thành tựu về niềm-tin (tín), sự thành tựu về giới-hạnh (giới), và sự thành tựu về trí-tuệ (tuệ). Có ba sự thành tựu này.”

139 (7) Sự Tăng Trưởng⁴⁹⁴

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tăng trưởng này. Ba đó là gì? Sự tăng trưởng về niềm-tin (tín), sự tăng trưởng về giới-hạnh (giới), và sự tăng trưởng về trí-tuệ (tuệ). Có ba sự tăng trưởng này.”

140 (8) Ngựa (1)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy ba loại ngựa non hoang dã (chưa thuần hóa) và ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đó đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa non hoang dã?

(1) Ở đây, một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và (hình thể) không được cân đối. (2) Một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại ngựa non hoang dã có được tốc độ, vẻ đẹp, và được cân

đôi. Đây là ba loại ngựa non hoang dã.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã? (1) Ở đây, một loại người giống ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối. (2) Một loại người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối. (3) Và một loại người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó cứ lưỡng lự, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được (không được cúng dường) y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không được cân đối.

(2) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang dã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không được cân đối.

(3) “Và theo cách nào là một người giống như ngựa non hoang đã có tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được (từng sự thật) đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’, ‘Đây là nguồn gốc khổ’, ‘Đây là sự chấm dứt khổ’, và ‘Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không lưỡng lự. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa non hoang dã.”

141 (9) Ngựa (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa tốt và ba loại người giống ba loại ngựa tốt. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối. Đây là ba loại ngựa tốt.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống ba loại ngựa tốt? (1) Ở đây, loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối. (2) Loại người giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối. (3) Loại người giống như loại ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

(1) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp, và không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần

kiết sử), một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi trời trong sạch), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc thánh Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Nhưng khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó ngáp ngừng, không trả lời. Đây là sự không có vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó không có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, nhưng không có vẻ đẹp và sự cân đối.

(2) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi trời trong sạch), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc thánh Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngáp ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Nhưng người đó không có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự không được cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ và vẻ đẹp, nhưng không có sự cân đối.

(3) “Và theo cách nào một người là giống như ngựa tốt có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự tiêu diệt sạch sẽ năm gông-cùm nhẹ đô (năm gông cùm đầu, hạ phần kiết sử), một Tỳ kheo trở thành bậc tái sinh tự động (trong một cõi trời trong sạch), và sẽ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng ở đó chứ không quay lại thế gian này nữa (bậc thánh Bất-lai). Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngáp ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người

đó có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa non hoang đã có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa tốt.”

142 (10) Ngựa (3)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc và ba loại người giống ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc. Hãy lắng nghe ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc? Ở đây ... *[Tiếp tục như đoạn này kinh trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”]* ...

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ba loại người giống như ba loại ngựa thuần chủng xuất sắc? ... (2) ... *[Tiếp tục như đoạn này kinh trên, chỉ thay “ngựa tốt” bằng “ngựa thuần chủng xuất sắc”]*.”

(3) “Và theo cách nào là một người thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối? Ở đây, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, một Tỳ kheo ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Đây là tốc độ của người đó, ta nói vậy. Và khi được hỏi một câu hỏi thuộc về Giáo Pháp hay giới-luật, người đó trả lời, chứ không ngập ngừng. Đây là vẻ đẹp của người đó, ta nói vậy. Và người đó có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men và chu cấp khi bệnh. Đây là sự cân đối của người đó, ta nói vậy. Theo cách như vậy là một người giống như ngựa thuần chủng xuất sắc có được tốc độ, vẻ đẹp, và sự cân đối.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người giống như ba loại ngựa

thuần chủng xuất sắc.”

143 (11) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (1)⁴⁹⁵

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trong khu ở của những du sĩ, chỗ khu kiếm ăn của bầy công. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng (rốt ráo), đã dành được sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi sự trôi-buộc (của luân hồi), đã sống đời sống tâm linh tốt cùng, đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (1) Đồng (uẩn, tập hợp) giới-hạnh của bậc vô học nhân, (2) đồng thiền-định của bậc vô học nhân, và (3) đồng trí-tuệ của bậc vô học nhân.⁴⁹⁶ Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

144 (12) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (2)

(Như kinh kể trên) ...

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng (rốt ráo), đã dành được sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi sự trôi-buộc (của luân hồi), đã sống đời sống tâm linh tốt cùng, đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (1) Thần thông biến-hóa, (2) thần thông đọc-tâm (của người khác), và (3) thần thông chỉ-dạy (giáo hóa). Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

145 (13) Chỗ Kiếm Ăn Của Chim Công (3)

(Như kinh kể trên) ...

“Này các Tỳ kheo, có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người: là người đã đạt tới kết-cuộc tốt cùng (rốt ráo), đã dành được sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi sự trôi-buộc (của luân hồi), đã sống đời sống tâm linh tốt cùng, đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng. Ba đó là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí), và (3) sự giải-thoát đúng đắn. Có được ba phẩm chất này, một Tỳ kheo là bậc nhất trong những thiên thần và loài người ... đã đạt được đỉnh-cao tốt cùng.”

NHÓM 5

PHÚC LÀNH

146 (1) Bất Thiện

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục như thể được đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? Hành động bất thiện, lời nói bất thiện, và tâm ý bất thiện; (ba phần nghiệp bất thiện). Có ba phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.

“Có được ba phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói thiện lành, và tâm ý thiện lành; (ba phần nghiệp thiện). Có được ba phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời, như thể được đưa thẳng lên đó.”

147 (2) Đáng Chê Trách

[Y hệt kinh 3:146 kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành

“đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không đáng chê trách” (vô tội lỗi).]

148 (3) Đáng Chê Trách

[Y hệt kinh 3:146, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không đúng đắn” (bất chính) và “thiện lành” thành “đúng đắn” (chân chính).]

149 (4) Không Trong Sạch

[Y hệt kinh 3:146, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

150 (5) Bị Hư Tổn (1)

“Này các Tỳ kheo, có ba phẩm chất này, một người ngu, dở, xấu ác duy trì bản thân mình bị hư hỏng và tổn thương (về tâm, về đức hạnh); người đó là đáng chê trách và bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều thất đức. Ba đó là gì? Hành động bất thiện, lời nói bất thiện, và tâm ý bất thiện. Có ba phẩm chất này ... người đó tạo nhiều thất đức.

“Có được ba phẩm chất, người trí, giỏi, tốt thiện giữ bản thân mình không bị hư hỏng và tổn thương; người đó là không bị chê trách và không bị quở trách bởi người trí hiền; người đó tạo nhiều phước đức. Ba đó là gì? Hành động thiện lành, lời nói bất lành, và tâm ý thiện lành. Có được ba phẩm chất này ... người đó tạo nhiều phước đức.”

151 (6) Bị Hư Tổn (2)

[Y hệt kinh 3:150 kể trên, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “đáng chê trách” (tội lỗi) và “thiện lành” thành “không bị chê trách”

(vô tội lỗi).]

152 (7) Bị Hư Tổn (3)

[Y hệt kinh 3:150, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không đúng đắn” (bất chính) và “thiện lành” thành “đúng đắn” (chân chính).]

153 (8) Bị Hư Tổn (4)

[Y hệt kinh 3:150, chỉ thay các tính từ “bất thiện” thành “không trong sạch” (bất tịnh) và “thiện lành” thành “trong sạch” (thanh tịnh).]

154 (9) Kính Lễ

“Này các Tỳ kheo, có ba loại kính lễ. Ba đó là gì? Kính lễ bằng thân (hành động), bằng lời nói, và bằng tâm. Đây là ba loại kính lễ.”

155 (10) Buổi Sáng Tốt Lành

“Này các Tỳ kheo, những chúng sinh nào có hành vi thân, lời nói và tâm tốt lành vào buổi sáng thì có được buổi sáng tốt lành. Những chúng sinh có hành vi thân, lời nói và tâm tốt lành vào buổi chiều thì có được buổi chiều tốt lành. Những chúng sinh có hành vi thân, lời nói và tâm tốt lành vào buổi tối thì có được buổi tối tốt lành.”

Thực là thuận nhiên và phúc lành,
Một sớm mai hạnh phúc và sự thức dậy hoan hỷ,
Một giây phút quý giá và một giờ phút chân phúc,
Sẽ đến với những ai cúng dường thức ăn,
Cho những bậc chân tu.

Hành động và lời nói chánh trực,

Ý nghĩ và mưu cầu chánh trực:
 Khi một người làm điều chánh trực,
 Người đó đạt được phước lợi chánh trực.

Những người hạnh phúc đó đạt được phước lợi đó,
 Sẽ đi đến tăng trưởng trong giáo lý của Phật.
 Tôi cầu chúc anh chị và người thân quyến thuộc,
 Được mạnh khỏe và hạnh phúc!

NHÓM 6

NHỮNG CÁCH THỨC TU TẬP⁴⁹⁷

156 (1) [*Sự Thiết Lập Chánh Niệm*]⁴⁹⁸

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trung đạo.”⁴⁹⁹

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? Ở đây, có người nắm giữ chủ thuyết và quan điểm như vậy: ‘Dục-lạc (khoái lạc giác quan) thì chẳng có tội lỗi gì’. Đây được gọi là “cách tu thô tục”.

(2) “Và cái gì là cách tu thiêu đốt? Ở đây,⁵⁰⁰ có những người cứ đi lỏa thể, không theo những quy ước tập tục; họ hay liếm tay, không đến khi được yêu cầu, không dùng khi được yêu cầu; họ không nhận thức ăn được mang đến (cho họ), hay thức ăn được làm để cho họ, hoặc lời mời đến dùng bữa; họ không nhận thức ăn từ nồi, từ bát, được đưa qua cửa chính, được đưa qua cây gậy, được đưa qua cái chày, hoặc từ hai người ăn chung, từ phụ nữ có thai, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở chung chạ với đàn ông, từ chỗ thức ăn được thông báo phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không chấp nhận ăn cá hay thịt; họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ,

hay thức uống lên men.

“Họ chỉ đến khát tự ở một nhà và ăn chỉ một miếng; họ đến khát thực hai nhà và ăn chỉ hai miếng ... họ đến khát thực bảy nhà và ăn chỉ bảy miếng. Họ sống nhờ ăn một đĩa một ngày, ăn hai đĩa một ngày ... ăn bảy đĩa một ngày. Họ nhận thức ăn một lần trong một ngày, một lần trong hai ngày ... một lần trong bảy ngày; cứ vậy thậm chí tới một lần trong hai tuần, họ sống thực hành cách nhận thức ăn theo những khoảng thời gian đã định như vậy.

“Họ là người ăn rau xanh, hạt kê, gạo nướng, vỏ khoai, rong rêu, cám gạo, cặn gạo, bột mè, cỏ lá, hoặc phân bò. Họ sống nhờ ăn rễ cây rừng và trái cây; họ sống nhờ ăn trái cây rụng.

“Họ mặc y áo làm từ sợi cây gai, y áo làm từ vải pha sợi gai, y áo làm từ giẻ rách; y áo làm từ vỏ cây, từ da dê núi, từ những miếng da dê núi; y áo làm từ cỏ *kusa*, làm từ vải làm từ vỏ cây, hay vải làm từ dăm gỗ; một tấm mền làm từ lông thú hay len lông thú, một tấm phủ làm từ lông cánh chim cú.

“Họ là người nhổ tóc nhổ râu, theo đuổi cách thực hành nhổ tóc nhổ râu. Họ là người đứng liên tục, không chịu ngồi. Họ là người ngồi xỏm liên tục, luôn giữ tư thế ngồi xỏm. Họ là người dùng mền làm từ gai nhọn, họ lót mền gai nhện làm giường ngủ của mình. Họ sống theo đuổi sự thực hành tắm trong nước ba lần một ngày, kể cả ban đêm. Như vậy họ sống thực hành nhiều cách khác nhau để làm khổ và hành hạ thân xác. Đây được gọi là “cách tu thiêu đốt”.

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỷ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự

phiền-buồn đối với thế giới. Đây được gọi là “cách tu trung-đạo”.

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

157 (2) – 162 (7) [Sự Nỗ Lực ...] ⁵⁰¹

[157] “Này các Tỳ kheo, có ba cách tu này. Ba đó là gì? Cách tu thô thiển, cách tu thiêu đốt, và cách tu trong đạo.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu thô thiển? ... *[tiếp tục y hệt kinh 3:156 kể trên]* ... Đây được gọi là cách tu thô thiển.

(2) “Và cái gì là cách tu thiêu đốt? ... *[tiếp tục y hệt kinh 3:156 kể trên]* ... Đây được gọi là cách tu thiêu đốt.

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phần đầu.

“Người đó khởi tạo mong-muốn dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... duy trì những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, không làm chúng sa sút, gia tăng, phát triển, và hoàn thiện chúng; người đó tạo nỗ lực, phát khởi năng lượng tinh tấn, áp dụng tâm mình, và phần đầu. (Tứ chánh cần)

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

[158] ... *[Từ kinh [158] đến [162]: đoạn (1) và (2) giống hệt như kinh 3:156 ở trên, và tiếp tục những đoạn (3) của các kinh lần lượt như dưới đây:]*

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập cơ sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* và

những hành vi nỗ lực. Người đó tu tập cơ-sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ sự *nỗ-lực* (tinh tấn) và những hành vi phần đầu. Người đó tu tập cơ-sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ *tâm* và những hành vi phần đầu. Người đó tu tập cơ-sở năng lực tâm linh có-được sự định-tâm nhờ sự *điều-tra* (trạch pháp) và những hành vi phần đầu. (Tứ thần túc)

[159] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỷ kheo tu tập căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. (Ngũ căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ)

[160] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỷ kheo tu tập năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí-tuệ. (Ngũ lực: tín, tấn, niệm, định, tuệ)

[161] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỷ kheo tu tập yếu tố (giúp) giác ngộ là chánh-niệm, yếu tố giác ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp), yếu tố giác ngộ là sự nỗ-lực, yếu tố giác ngộ là sự hoan-hỷ, yếu tố giác ngộ là sự tĩnh-lặng, yếu tố giác ngộ là sự định-tâm, yếu tố giác ngộ là sự buông-xả. (Thất giác chi: niệm, trạch, tấn, hỷ, tĩnh, định, xả)

[162] ...

(3) “Và cái gì là cách tu trung đạo? Ở đây, một Tỷ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng

đẫn, sự định-tâm đúng dẫn. (Bát chi thánh đạo)

“Này các Tỳ kheo, có ba cách tu như vậy.”

NHÓM 7

NHÓM “NHỮNG ĐƯỜNG NGHIỆP” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

163 (1) — 182 (20)⁵⁰²

[163] “Này các Tỳ kheo, người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó. Ba đó là gì? (1) Người sát sinh, (2) xúi giục người khác sát sinh, và (3) tán đồng việc sát sinh. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.”

[164] “Này các Tỳ kheo, người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó. Ba đó là gì? (1) Người kiêng cử sát sinh, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử sát sinh, và (3) tán đồng sự kiêng cử sát sinh. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

[165] “ ... (1) Người gian cấp (trộm, cắp, cướp, gian, lận, lừa, giựt, tham nhũng, manh múngh...), (2) xúi dục người khác gian cấp, và (3) tán đồng việc gian cấp ...

[166] “ ... (1) Người kiêng cử gian cấp (trộm, cướp, gian, lận, lừa, giựt, ăn chặn, tham nhũng, manh múngh...), (2) khuyên bảo người khác kiêng cử gian cấp, và (3) tán đồng sự kiêng cử gian cấp ...

[167] “ ... (1) Người có dính tà dục tà dâm, (2) xúi giục người khác tà dục tà dâm, và (3) tán đồng sự tà dục tà dâm ...

[168] “... (1) Người kiêng cử tà dục tà dâm, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử tà dục tà dâm, và (3) tán đồng sự kiêng cử tà dục tà dâm ...

[169] “ ... (1) Người nói dối nói sai, (2) xúi giục người khác nói dối nói sai, và (3) tán đồng sự nói dối nói sai ...

[170] “ ... (1) Người kiêng cử nói dối nói sai, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử nói dối nói sai, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói dối nói sai ...

[171] “ ... (1) Người nói lời gây chia rẽ, (2) xúi giục người khác nói lời gây chia rẽ, và (3) tán đồng sự nói lời gây chia rẽ ...

[172] “ ... (1) Người kiêng cử nói lời gây chia rẽ, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử nói lời gây chia rẽ, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói lời gây chia rẽ ...

[173] “ ... (1) Người nói lời gắt gỏng, (2) xúi giục người khác nói lời gắt gỏng, và (3) tán đồng sự nói lời gắt gỏng, nạt nộ ...

[174] “ ... (1) Người kiêng cử nói lời gắt gỏng, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử nói lời gắt gỏng, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói lời gắt gỏng, nạt nộ ...

[175] “ ... (1) Người nói lời vô ích tầm phào, (2) xúi giục người khác nói lời vô ích tầm phào, và (3) tán đồng sự nói lời vô ích tầm phào

...

[176] “ ... (1) Người kiêng cử nói lời vô ích tầm phào, (2) khuyên bảo người khác kiêng cử nói lời vô ích tầm phào, và (3) tán đồng sự kiêng cử nói lời vô ích tầm phào ...

[177] “ ... (1) Người đầy sự thèm khát (tham), (2) xúi giục người khác thèm khát, và (3) tán đồng sự thèm khát ...

[178] “ ... (1) Người không thèm khát, (2) khuyên bảo người khác không nên thèm khát, và (3) tán đồng sự không thèm khát ...

[179] “ ... (1) Người đầy sự ác ý (sân), (2) xúi giục người khác có ác ý, và (3) tán đồng sự ác ý ...

[180] “ ... (1) Người không có sự ác ý, (2) khuyên bảo người khác không nên ác ý, và (3) tán đồng sự không ác ý ...

[181] “ ... (1) Người nắm giữ cách nhìn sai lạc (tà kiến), (2) xúi giục người khác theo cách nhìn sai lạc, và (3) tán đồng cách nhìn sai lạc. Người có ba phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục như thể bị đưa thẳng xuống đó.”

[182] “ ... (1) Người nắm giữ cách nhìn đúng đắn (chánh kiến), (2) khuyên bảo người khác theo cách nhìn đúng đắn, và (3) tán đồng cách nhìn đúng đắn. Người có được ba phẩm chất này được ký thác trong cõi trời như thể được đưa thẳng lên đó.”

NHÓM 8

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC⁵⁰³

183 (1)

“Này các Tỳ kheo, để dẫn tới *trí-biết trực-tiếp* về tham, ba điều (ba pháp)⁵⁰⁴ cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định-tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và sự định-tâm không mong cầu (vô nguyện định).⁵⁰⁵ Để dẫn tới *trí-biết trực-tiếp* về tham, ba điều (ba pháp) này cần được tu tập.”

184 (2) — 352 (20)

“Này các Tỳ kheo, để dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* về tham ... *sự phá-sạch* tham ... *sự dẹp-bỏ* tham ... *sự tiêu-diệt* tham ... *sự biến-mất* của tham ... *sự phai-biến* của tham ... *sự chấm-dứt* tham ... *sự buông-bỏ* tham ... *sự từ-bỏ* tham, ba điều (ba pháp) đó cần được tu tập.

“Này các Tỳ kheo, để dẫn tới *trí-biết trực-tiếp* ... *sự hoàn-toàn hiểu* ... *sự phá-sạch* ... *sự dẹp-bỏ* ... *sự tiêu-diệt* ... *sự biến-mất* ... *sự phai-biến* ... *sự chấm-dứt* ... *sự buông-bỏ* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự hỗn-xược ... sự ganh-ty ... sự ti-tiền ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự nhiễm-độc ... sự lơ-tâm phóng dật, ba điều (ba pháp) cần được tu tập. Ba đó là gì? Sự định-tâm tính không (không định), sự định-tâm vô dấu hiệu (vô tướng định), và định-tâm không mong cầu (vô nguyện định). Để dẫn tới *trí-biết trực-tiếp* ... *sự từ-bỏ* sân ... si ... sự lơ-tâm phóng dật, ba điều (ba pháp) này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.”

—HẾT QUYỂN 3—

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản **PTS**)

Ce: phiên bản Tích Lan (= *Buddha Jayanti Tripitaka Series*, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: *Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: *Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja: = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Pet = Petakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ưng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsīnī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như VẬY* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vbh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bò-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiền sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các

luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

283 [Lời câu cuối được ghi khác nhau trong các phiên bản. **Ce** ghi là *apadāna-sobhinī paññā*, **Be** *apadānasobhanī paññā*, và **Ee** *apadāne sobhati paññā*. **Mp** giải thích: “Nghĩa là, người ngu và người khôn được biết thông qua hành-vi của họ” (*bālā ca paṇḍitā ca attano attano cariten’eva pākaṭā hontī ti attho*). (Câu cuối này được đưa vào dường như hơi lạ, vì nó không liên quan mấy về nghĩa của hai mệnh đề trên).] (339)

284 ► (Về số “ba” và tên *Quyển* “Ba”: coi chú thích đầu tiên của *Quyển* “Một”, sự giải thích tương tự về các số thứ tự và tên của *QUYỂN* kinh từ “Một” ... “Mười”).

285 [Nguyên văn: *Bālalakkhaṇāni bālanimittāni bālāpadānāni*. **Mp** giải thích: “Đó là những phương tiện để nhận biết (một người).”] (340)

286 [Phiên bản **Ee** thì bỏ luôn đoạn kết này trong các kinh từ **3:03–07**.] (341)

287 [**Mp** giải thích: “*Bất-thuận, không hòa thuận, không thuận-theo*” (*anānulaṃkhe*) có nghĩa là không thuận theo Giáo Pháp. ‘*Hành động bất thuận*’ thô thiển như sát sanh ...; hoặc ‘*hành động bất thuận*’ vi tế hơn như sự thờ cúng vái lạy bốn phương tám hướng, hay sự lễ cúng (thức ăn, nhang đèn...) cho những hồn qua ngạ quỷ. ‘*Lời nói bất thuận*’ thô thiển là như lời nói láo, nói dối ...; hoặc vi tế hơn như lời nói léo, nói kiêu đánh lạc hướng, ví dụ: một người không muốn cho hay giúp đỡ người khác thì nói gạt người khác là mình không có gì để cho để giúp. ‘*Tâm ý bất thuận*’ thô thiển như sự mong mỏi, sự khao khát, sự cầu cho có được (chứ không tự thân tu tập hay làm để có được); hoặc vi tế hơn như sự giải thích một chủ-đề (đề-mục) thiền nào đó một cách không đúng.” Riêng cái ý giải thích cuối cùng này, **Mp** cũng minh họa bằng câu chuyện một trưởng lão được ghi trong **Vism 296**, 12–16, **Ppn 9.6**, ông đã dạy một thanh niên thiền quán tâm-từ đối với vợ của anh ta. Kết quả là khi anh ta thiền, tâm anh ta bị chi phối bởi nhục-dục nên cứ tức giận suốt đêm vào bức tường của căn phòng đang ngồi thiền. Tôi dịch chữ *anānulaṃkhesu dhammesu* đúng theo cách dịch của **Mp**, nhưng riêng *dhammesu* cũng có nghĩa là “những giáo lý” và cũng có thể đó là nghĩa nguyên thủy của lời kinh.] (342)

288 [Ở đây, nói về một Tỳ kheo, “*nơi thứ hai*” là: sự hiểu-thấu Bốn Diệu Đế, là dấu hiệu của sự chứng nhập thánh quả Nhập-lưu; còn “*nơi thứ ba*” là: sự tiêu-diệt ô-nhiễm tức là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán.] (343)

289 (Đoạn mô tả về giai cấp thấp hèn này cũng có trong các kinh **4:85**, **6:57**.)

290 [**Ce** ghi là *macalappatto*; **Ee** ghi là *macalapatto*; **Be** ghi là *acalappatto*. Trong kinh **4:87 §1** chúng ta thấy chữ *samaṇamacalo*, về chữ này coi chú thích (778). Ở đây **Mp** giải thích rằng: “Khi người con cả—người sẽ được phong vương nhưng chưa được phong vương—còn là một đứa bé thì nó chưa biết gì... Nhưng tới lúc 16 tuổi, đã mọc râu, thì được gọi là ‘*người đã đạt tới sự vững chãi*’ (nguyên văn là ‘*sự bất lay động*’). Tức lúc này đã có thể trị vì vương quốc.”.] (345)

291 [**Mp** giải nghĩa chữ *dhamma* ở đây có nghĩa là giáo pháp của ‘*mười đường nghiệp thiện*’ (*dasakusalakammaphadhammo*). Cách giải nghĩa này là quá hẹp, cho dù rõ ràng đúng là chữ “*Dhamma*” ở đây không có nghĩa là Giáo Pháp của Phật. Hơn nữa, nguyên lý phổ quát về tính-thiện và chân lý về đức-hạnh là không phụ thuộc vào tôn giáo nào, (đó là sự thật trong thế gian). Dựa trên Giáo Pháp (hiển nhiên) như vậy, vị vua quay chuyển bánh xe cung cấp sự bảo-vệ chân chánh (*dharmika*) cho tất cả mọi chúng-sinh trong cõi ông ta trị vì.] (346)

292 [**Mp** giải thích: “Vị vua thiết lập sự quay chuyển bánh xe chỉ bằng phương tiện là Giáo Pháp ‘*mười đường nghiệp thiện*’.” Ở đây **Ce** và **Be** ghi động từ là *vatteti*, nhưng ở bên dưới khi nói về Đức Phật thì ghi là *pavatteti*; còn **Ee** thì ghi động từ *pavatteti* cho cả hai.] (347)

293 [Nguyên văn: *Kenaci manussabhūtena paccatthikena pāṇinā*. Nghĩa gốc là: “*Bởi một chúng sinh hung bạo (như quỷ dữ, quỷ thần...) đã thành người.*” **Mp** giải thích: “Những thiên thần được cho có thể làm bất cứ điều gì họ muốn (không gì cản được). Cho nên họ không bao gồm trong nghĩa này, ở đây chỉ nói đến “con người”. Điều này khác với trường hợp của Phật, bánh xe của Phật (Pháp luân) là không thể bị quay ngược đảo ngược bởi bất kỳ chúng sinh nào, kể cả những thiên thần quỷ thần.”.] (348)

294 [**Ce** và **Ee** ghi tên vua (và kinh) như vậy. Nhưng **Be** ghi tên vua này là Sacetana.] (349)

295 [Nguyên văn: *Apaṇṇakapaṭipadam*. **Mp** đưa ra một dãy những chữ đồng nghĩa: “con đường (cách thức) không làm lỗi, con đường đã định, con đường

giải thoát, con đường nhân quả, con đường thiết yếu, con đường tuyệt đẹp, con đường bất trở ngại, con đường dẫn lối (đến kết quả), con đường thuận theo Giáo Pháp” (*aviraddhapaṭipadam ekaṃsapaṭipa-dam niyyānika-paṭipadam kāraṇapaṭipadam sārappaṭipadam maṇḍapaṭipadam apaccanī-kapaṭipadam anulomapaṭipadam dhammānudhammapaṭi-padam*). *Apaṇṇaka*, theo nghĩa tương tự như trên, chữ này cũng được thấy tương tự trong các kinh **4:71**, **4:72**, và **10:46**. Nó cũng xuất hiện trong tên của kinh **MN 60**.] (352)

296 [Trong kinh **SN 35:239** (quyển 4) cũng có nói về ba sự tu-tập này là “đã đặt xong nền-móng cho sự tiêu diệt ô-nhiễm.” (So sánh lời chỗ này của hai kinh, kinh trong **AN** gần như giống kinh trong **SN**, chỉ khác là trong **AN** không có các ví dụ).] (353)

297 [“*Những người thiện giỏi về các chủ đề đại cương*” (*mātikādhara*). **Mp** giải thích là đồng nghĩa với “*những người thiện giỏi hai chủ đề đại cương*” (*dvemātikādhara*), trong đó **Mp-t** nhận dạng đó là hai chủ đề (*mātikā*) về Tỳ kheo và Tỳ kheo ni [vì những giới luật trong Giới Bồn Pātimokkha là dành cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni], hoặc hai chủ đề là *Luật Tạng* (*Vinaya*) và *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma*). Những *mātikā* là những danh mục những nguyên lý và thực hành thể hiện một cách hệ thống Giáo Pháp (*Dhamma*). Chữ *mātikādhara* cũng được nói đến 1 lần trong bộ kinh dài **DN**, 2 lần trong bộ kinh vừa **MN** [trong cùng một kinh], không có trong bộ kinh liên kết **SN**, và 12 lần trong bộ kinh tạng chi **AN**, điều này cho thấy những bài kinh nói về “*những người thiện giỏi về các chủ đề đại cương*” là tương đối có sau, hoặc có thể chỉ được bổ sung sau này. Về tính chất và vai trò của những người này, mời coi quyển **Warder 1980**: trang 218–24.] (354)

298 [Để đọc những giảng giải chính thức về ba loại người này, mời đọc các kinh **MN 70.17–19**. Ba hạng người này đều là bậc học nhân (*sekha*) từ chặng Nhập-lưu cho đến thánh đạo A-la-hán. Nếu tính chung thuộc hạng học-nhân, họ không khác nhau về cấp bậc cao thấp hay mục tiêu cuối cùng, nhưng họ khác nhau về *các căn chủ lực* của họ. *Người thân chứng* (*kāyasakkhi*) thể hiện ưu thế về thiên định và chứng đắc “những tầng giải thoát vô sắc giới bình an”. *Người đạt tới cách-nhìn*, hay *người chứng đắc tầm-nhìn* (*dīṭhippatta*) thể hiện ưu thế trí-tuệ và không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới. *Người được giải thoát nhờ niềm-tin* (*saddhāvimutta*) thể hiện ưu thế về niềm-tin (tín) và không chứng đắc những tầng giải thoát vô sắc giới. Bởi vì ba hạng người này có thể nằm trong các hạng thánh nhân từ bậc Nhập-lưu tới thánh đạo A-la-hán, cho nên họ không thể được phán đoán là siêu xuất hơn hay thấp kém hơn chỉ dựa vào hạng chung là bậc học-nhân. Để có thể phán đoán ai là siêu xuất

và thấp kém hơn thì phải dựa vào cấp bậc của họ trong 6 cấp bậc của bậc học-nhân (từ cấp Nhập-lưu đến cấp thánh đạo A-la-hán).

Người thân chứng khi chứng đắc A-la-hán là người “*được giải thoát bằng cả hai phương diện*” (*ubhatobhāgavimutta*; bằng sự giải thoát vô nhiễm của tâm và sự giải thoát nhờ-trí tuệ). Còn hai loại người kia khi chứng đắc A-la-hán là người “*được giải thoát nhờ trí-tuệ*” (*paññāvimutta*). Về hai loại A-la-hán giải thoát này, coi thêm kinh **MN 70.15–16.**] (355)

299 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”).

300 [Cả **Be** và **Ee** đều ghi câu này như vậy. Nhưng chỉ riêng câu này **Ce** ghi khác như vậy: “*một người đã (chứng đắc) đạt tới chánh-kiến’ là một bậc A-la-hán hoặc là một người đang tu tập để chứng A-la-hán*” (*svāssa arahā vā arahattāya paṭipanno*). Nhưng, theo cách phân loại được ghi trong kinh **MN 70**: cả ba, ‘*người thân chứng*’, ‘*người được giải thoát nhờ niềm-tin*’, và ‘*người chứng đắc cách-nhìn*’, đều chưa loại bỏ hết những ô-nhiễm (*āsava*) của mình, do vậy họ chưa phải là A-la-hán.]] (357)

301 [*Okkamati niyāmaṃ kusalesu dhammesu sammattaṃ*: ‘*lộ trình của sự chân chánh đã được định xong*’, hay ‘*lộ trình đã định*’ gồm có sự chân chánh. Đây là một thuật ngữ dùng để chỉ sự bước vào con đường thánh đạo siêu-thể. **Mp** giải thích đó là: “*Đạo lộ (lộ trình) đã được định xong của [gồm có] sự chân-chánh trong những phẩm chất thiện lành*”: sự chân chánh trong những phẩm-hạnh thiện lành nằm trong sự chứng nhập vào thánh đạo.” Mặc dù chữ “*sự chân chánh trong những phẩm chất thiện lành*” nghe có vẻ dư thừa, nhưng ý ở đây muốn chỉ sự hòa quyện và sức mạnh của những phẩm-chất thiện lành cần phải có để chứng nhập vào dòng thánh đạo. Để đọc thêm về thuật ngữ này trong bộ kinh **AN**, mời đọc thêm các kinh **5:151–53** và **6:86–88**. Coi thêm đây kinh **SN 25:01–10** (quyển 3), trong đó có nói rằng: bằng cách *bước vào* hay *nhập vào* ‘*đạo lộ đã được định xong*’ của sự chân chánh (*sammattaniyāma*), người tu chứng nhập vào cõi thánh và trở thành một bậc tu căn-trí (*dhammānusārī*) hay một bậc tu căn-tín (*saddhānusārī*).]] (358)

302 [*Subhakinhā*: cõi trời hào quang chói lọi (Biên tịnh thiên), đây là cõi trời tương ứng với cảnh giới của tầng thiền định thứ ba. Coi thêm kinh **4:123.**]

(360)

303 [**Mp** giải thích: “Những chúng sinh trong cõi thấp ở đây là chỉ những hồn ma ngạ quỷ trong những cung điện (*vemānikapetā*). Lúc thì họ trải nghiệm sự sung sướng nơi cung điện (thay vì ở ngoài chốn hoang liêu, lạnh lẽo), lúc thì họ nếm trải nghiệp quả [đau khổ]; họ nếm trải cả sướng và khổ.”] (361)

304 [Sự “*hiếu được (giác ngộ) bốn Diệu Đế*” là chỉ sự chứng đắc Nhập-lưu. Còn bên dưới, sự “*tiêu diệt ô-nhiễm*” là chỉ sự chứng đắc A-la-hán.] (362)

305 [Đây là một định nghĩa tiêu chuẩn về *lời nói gian dối* thuộc *mười đường nghiệp bất thiện*, như cũng được ghi trong kinh **10:176** (quyển 4) thuộc phần nghiệp bất thiện. Còn “*lời nói như hoa*”, kể dưới, là định nghĩa tiêu chuẩn về *lời nói chân thật* thuộc phần nghiệp thiện.] (364)

306 [Chữ *dhanam* (của cải, tài sản) là đúng trong phiên bản **Ce** và **Be**. **Ee** ghi *dhammam* là rõ ràng sai.] (365)

307 [**Mp** giải thích hợp ngữ *ahaṅkāramamaṅkāramānānusayā* là “*sự tạo nên cái ‘ta’ là do những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự tạo nên cái ‘của-ta’ là do dục-vọng (tham muốn cho cái ‘ta’ của mình), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta. Đây là những ô-nhiễm liên quan tới ‘bản thân mình’ và ‘người khác’.*” **Mp** giải thích chữ *bahiddhā ca sabbanimittesu* (tất cả những đối-tượng bên ngoài) chính là gồm: năm đối-tượng giác quan; những quan-điểm trường tồn (thường kiến) và khác; con người; và Giáo Pháp. **Mp** gọi trạng thái định-tâm (*samādhi*) này là loại định chứng quả A-la-hán (*arahatta-phalasamāpatti*).] (366)

308 [Đó là kinh **Sn 1048**. Chương “*Pārāyana*” (Đáo Bĩ Ngạn, Vượt Qua Bờ Kia) là chương thứ năm và cuối cùng của quyển *Kinh Tập*, thuộc *Bộ Kinh Ngắn* (*Tiểu Kinh Bộ*).] (367)

309 [**Ee** coi kinh này thuộc bài kinh trước, và do vậy dồn 2 kinh này thành 1 kinh. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức phân thành 2 kinh như vậy. Như vậy từ chỗ này trở đi, số kinh của tôi tăng hơn số kinh trong **Ee** một số.] (368)

310 [Đó là kinh **Sn 1106–7**.] (369)

311 [Lời kệ chỗ này ám chỉ sự dẹp bỏ 5 chướng-ngại, nhưng chỉ ghi ra bốn chướng-ngại (thiếu chướng ngại nghi-ngờ).] (370)

312 [Mp coi chỗ này là thánh quả A-la-hán dựa trên cơ sở tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), được gọi ý bằng cụm chữ *upekkhāsatisamuddham* (có sự buông-xả + sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết), đó là định nghĩa theo công thức kinh điển về các yếu-tố của tầng thiền định thứ tư.] (371)

313 [Có mấy chỗ khác nhau về cách ghi: **Ce** ghi là *diṭṭhe vā dhamme, upapajje vā, apare vā pariyāye*; **Be** ghi là *diṭṭhe vā dhamme upapajja vā apare vā pariyāye*; **Ee** ghi *diṭṭh’ eva dhamme upapajje vā apare vā pariyāye*. **Mp** nói rằng: “Điều này được nói để chỉ rằng nghiệp là [thuộc loại] được ném trải trong kiếp này, hoặc được ném trải trong kiếp sau, hoặc được ném trải trong một thời kiếp sau nữa.”

- Về sự giảng giải trong Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*) theo ba thời kiếp như vậy, mời đọc lại chỗ **CMA 205**.

- Một số học giả dựa vào những bản kinh sơ cổ khác nhau đã luận giải rằng thực ra chỉ có 02 thời kiếp nghiệp quả được ném trải là: trong kiếp này hoặc trong kiếp sau. Tuy nhiên, tôi vẫn dịch theo cách hiểu của luận giảng. Tôi dựa vào cách ghi có 03 thời kiếp hơn là chỉ có 02 thời kiếp những nghiệp quả chín muồi.... Sự công nhận nghiệp quả có thể chín muồi trong 03 thời kiếp không phải là của riêng Trường Lão Bộ (*Theravāda*) mà cũng được thấy trong các luận giải của hệ thống Vi Diệu Pháp của phái Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivāda Abhidharma*). Những định nghĩa về ba loại nghiệp quả—ví dụ, trong *Abhidharma Mahāvibhāṣā Śāstra* (A-tỳ-đạt-ma Đại-tỳ-bà-sa luận) ở **T XXVII 592a22–593b8**, và *Abhidharmakośa* (A-tì-đạt-ma-câu-xá luận) ở **T XXIX 81c10–16**—đều ghi giống hệt với bản Pāli (03 thời kiếp nghiệp quả), và do vậy có lẽ chúng đã được ghi trước khi các trường phái ly khai.] (372)

314 [Câu này phải được dịch một cách cẩn thận! Đối với một A-la-hán—người đã loại bỏ tham, sân, si—thì những nghiệp trước đó, dù là nghiệp tốt hay xấu, vẫn có thể chín muồi trong kiếp cuối cùng. Nhưng do không còn tái sinh nữa, nên khi vị A-la-hán đó qua đời thì những nghiệp quá khứ cũng chết theo (vô hiệu). Cho nên câu này không có ý nói rằng ‘những nghiệp quá khứ của một A-la-hán không thể chín muồi khi vị ấy đang sống’, nhưng ý nói nghiệp cũ sẽ trở nên vô hiệu (không còn nữa) khi một A-la-hán qua đời; bởi vì không còn sự liên-tục hiện-hữu nữa nên không có chỗ để những nghiệp quả có thể khởi sinh.

- Nhà sư Brahmāli có viết rằng: “Chắc hẳn có sự khác biệt giữa sự vô-sân (*alobha*) và trạng thái khi ‘tham đã biến mất’ (*lobhe vigata*). Vô-sân chắc chỉ

cái động cơ đằng sau một hành-động, còn trạng thái khi ‘*tham đã biến mất*’ là chỉ sự bừng-sạch của tham—chỉ có thể đạt được bởi bậc thánh Bất-lai hay thậm chí bậc A-la-hán. Chỉ khi chúng ta nhìn dưới ánh sáng của sự khác biệt này thì câu này mới rõ nghĩa.”] (373)

315 [Về gia chủ Hatthaka, mời coi lại kinh **1:251** và chú thích ở đó.] (376)

316 [*Antarattṭhako himapātanāsamayo*. **Mp** giải thích đó là: “Một thời tiết tám ngày tuyết rơi. Nó gồm bốn ngày cuối cùng của tháng Māgha và bốn ngày đầu của tháng Phagguṇa [khoảng khoảng giữa tháng 2 dương lịch.] (377)

317 [Những thi kệ này cũng được nói cho gia chủ Cấp Cô Độc trong kinh **SN 10:08.**] (378)

318 [Một phiên bản giống kinh này là kinh **MN 130**, nhưng kinh đó nói về 4 thiên sứ, bắt đầu bằng sự-sinh.] (379)

319 [**Mp** giải thích: “Người già, người bệnh, và xác chết được gọi là ‘ba vị thiên sứ’ (*devadūta*) bởi vì những hình ảnh đó làm phát khởi một *cảm-nhận về sự cấp-bách*.”] (380)

320 [Theo truyền thuyết đây là thần chết và là quan tòa định tội quyết định vận mệnh của người chết.] (381)

321 (Tám câu cuối của thi kệ này cũng có trong thi kệ của kinh **6:23.**)

322 [“*Ngày thứ tám của mỗi nửa-tháng*” tức là ngày thứ ¼ (bán bán nguyệt) của tháng âm lịch, tức gồm có *ngày trăng bắt đầu tròn lên* và *ngày trăng bắt đầu khuyết đi*. “*Bốn đại vương*” hay *Tứ Đại Thiên Vương* (*catumahārājāno*) là bốn vị vua trời trị vì bốn cõi trời thấp nhất trong sáu cõi trời dục-giới. Chúng ta thấy ở đây một thứ tự được xếp hạng là: vào ngày thứ 8, ‘những quan thần’ gồm cả những quân sư (*amaccā pārisajjā*) thanh tra thế gian; vào ngày thứ 14 [ngày trước ngày rằm và trước ngày mùng 1 âm lịch] ‘các con trai’ (*puttā*) thanh tra thế gian; và vào ngày thứ 15, tức ngày rằm và ngày mùng 1 âm lịch, ‘bốn vị vua trời’ thanh tra thế gian (để coi có nhiều người cư xử hiếu thảo với cha mẹ.... hay không).] (384)

323 [**Mp**: Khi họ tuân thủ “*giữ giới bố-tát*” (*uposatha*) là họ thụ giới những “yếu tố” bố-tát 8 lần trong một tháng. “*Tăng thêm những ngày giữ giới*” (*paṭijāgaranti*) là, trong một nửa-tháng họ giữ giới những ngày đón trước và

những ngày theo sau (*paccuggamanānugamana*) bốn ngày bố-tát. Khi đón trước ngày bố-tát thứ 5, họ thụ giới ngày bố-tát thứ 4; và theo sau ngày bố-tát thứ 5, họ thụ giới ngày bố-tát thứ 6. Khi đón trước ngày bố-tát thứ 8, họ thụ giới ngày bố-tát thứ 7; và theo sau ngày bố-tát thứ 8, họ thụ giới ngày bố-tát thứ 9. Đón trước ngày bố-tát thứ 14, họ thụ giới ngày bố-tát thứ 13, và theo sau ngày bố-tát thứ 14, họ thụ giới ngày lại bố-tát bắt đầu [của nửa-tháng kế tiếp]. Họ “làm những việc công đức” (*puññāni karonti*) bằng nhiều cách: bằng cách quy y nương tựa (Tam Bảo), đều đặn tuân giữ các giới-hạnh, cúng dường bông hoa, lắng nghe Giáo Pháp, cúng dường đèn, xây dựng chỗ ăn ở (cho tăng, ni hoặc những người nghèo khó) ... Sau khi đi *du hành khắp thế gian* [những quan thần và những quân sư ... của bốn vị vua trời] ghi lại tên của những người làm công đức trên trang giấy làm bằng vàng và trình lên bốn vị vua.” Để đọc thêm đầy đủ về những giới hạnh và thực hành những ngày bố-tát, mời coi thêm các kinh **3:70** và **8:41, 8:42.**] (385)

324 [Tôi làm theo **Be** về cách phân chia giữa kinh này và kinh kế tiếp. **Ce** và **Ee** thì lấy câu này làm câu đầu của kinh **3:38** (= kinh **3:37** trong phiên bản của **Ee**) và đoạn thứ hai bắt đầu từ câu “*Này các Tỳ kheo, ngày xưa...*” (*bhūtapubbam bhikkhave*)—gồm nhiều đoạn nhỏ bên dưới—là sự liên tục của kinh này. Tuy nhiên, **Be** lấy đoạn đầu tiên kể về vua trời Đế-thích làm đoạn liên tục của kinh **3:37**, và đoạn thứ hai để làm đoạn mở đầu cho kinh **3:38**. Phiên bản kinh này trong Hán Tạng là **SĀ 1117** (T II 295c10–296a23) cũng làm giống **Be** về chỗ này, nhưng lại sát nhập hai mệnh đề về vua Đế-thích và Tỳ kheo được giải thoát.] (386)

325 [“*Suốt nửa tháng đặc biệt*” (*pāṭihāriyapakkha*). **Mp** nói rằng họ thụ giới bố-tát liên tục suốt ba tháng an cư mùa mưa (kiết hạ) (*antovasse temāsam*); nếu mà họ không thực thi nổi như vậy, thì họ sẽ giữ giới bố-tát suốt nguyên tháng sau kiết hạ, giữa hai ngày Lễ Mời (lễ Tự Tứ), hoặc ít nhất trong suốt hai-tuần sau ngày Lễ Mời thứ nhất. “*Lễ Mời*” (*pavāraṇa*) là dịp, vào cuối kỳ an cư kiết hạ, khi những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni “mời” (*pavāreti*) những người đồng-đạo của mình tự khai báo những lỗi lầm của mình (nếu có) trong thời gian an cư kiết hạ. Luận giảng **Spk I 307,9–16**, khi giảng luận về chữ *pāṭihāriyapakkha* trong kinh **SN 10:05**, có giải thích thuật ngữ này theo một nghĩa rộng hơn. Mời coi lại chú thích ở kinh đó.] (387)

326 [**Be** coi câu này là câu bắt đầu của kinh **3:38**. Điều kỳ lạ là **Be** lại đặt tên cho kinh là “*Kinh Thứ Hai về Tứ Đại Thiên Vương*” cho dù bài kinh không đề cập gì về tứ đại thiên vương cả.] (388)

327 [**Mp** định nghĩa *paduma* là sen trắng (*paṇḍarapadumaṃ*) và *puṇḍarīka* là sen đỏ (*rattapadumaṃ*). Tuy nhiên, **SED** chỉ định nghĩa *puṇḍarīka* là một bông sen [đặc biệt là sen trắng] cho rằng chữ đó có nghĩa chung là “trắng”. Rất nhiều nguồn tôi tra cứu cũng định nghĩa *puṇḍarīka* là sen trắng.] (389)

328 [Kāśi là một trong 16 bang của Ấn Độ, có thủ phủ là Bārāṇasī (Ba-la-nại), (Vùng Ba-la-nại là nơi Đức Phật nói bài thuyết giảng đầu tiên, kinh Chuyển Pháp Luân cho nhóm những người bạn tu Kiều-trần-như).] (390)

329 [Có 3 mùa ở miền bắc Ấn Độ: mùa đông khoảng từ tháng 11 đến tháng 3, mùa nóng từ tháng 3 đến tháng 7, và mùa mưa từ tháng 7 đến tháng 11. **Mp** nói cung điện mùa đông có tới 9 tầng, 9 tầng đó thấp để giữ nhiệt ẩm; cung điện mùa hè có 5 tầng cao để lưu thông gió mát; và cung điện mùa mưa có 7 tầng cao vừa để giữ cho nhiệt độ trung bình.] (391)

330 [*Nippurisehi*. **Mp** nói không phải chỉ những nhạc công nhạc sĩ mà tất cả mọi người làm ở mọi vị trí trong các cung điện đều là phụ nữ (*itthiyo*). Như vậy bốn tháng không gặp người đàn ông nào.] (392)

331 [**Ee** lấy câu này để làm câu bắt đầu của bài kinh mới, tức là kinh **3:39** theo cách đánh số theo phiên bản của nó. Nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi đoạn này chỉ là sự liên tục của bài kinh được dẫn dắt bằng chuyện Đức Phật nhớ lại đời sống được nuôi dưỡng tinh tế trong cung đình khi còn là thái tử. Trong **Ce** và **Be**, toàn bộ bài kinh này là kinh **3:39**, cho nên cho tới ngay câu này thì ba phiên bản đều đang mang số (lượng) bài kinh giống nhau, đều là 39.] (394)

332 [**Mp** diễn dịch: những câu trong đoạn cuối thi kệ là chỉ sự nỗ-lực của Phật khởi sinh khi đang ngồi dưới gốc Cây Bồ-Đề (nơi và ngày Phật giác ngộ).] (397)

333 [**Mp** giải thích *trải nghiệm ý-nghĩa* (*atthapaṭisaṃvedī*) là “trải nghiệm sự giảng giải (luận giảng) ý-nghĩa đó bằng sự hiểu-biết” (*aṭṭhakatham nāṇena paṭisaṃvedī*) và “trải nghiệm Giáo Pháp” (*dhammapaṭisaṃvedī*) là “trải nghiệm Giáo Pháp của kinh điển” (*pālīdhammam paṭisaṃvedī*). Điều này rõ ràng là áp đặt một sự phân biệt mới cho những thuật ngữ cũ. Tuy nhiên, trong khi 02 chữ này thường được đi cặp với nhau, sự khác biệt rõ ràng giữa chữ *attha* và *dhamma* đã không được nói ra rạch ròi trong các bộ kinh Nikāya. Thực ra, bản thân mỗi chữ ở đây cũng lơ mờ (trong cặp chữ) và do vậy những sắc thái của chúng càng làm phức tạp thêm mối quan hệ giữa chúng. *Attha* biểu thị ý nghĩa, ích lợi, sự tốt đẹp, và mục tiêu; còn *dhamma* có thể biểu thị giáo lý,

hệ thống tu tập, bản chất của mọi sự, và chân lý được nói đến bởi giáo lý. Như vậy sự tương phản giữa chữ *dhamma* và *attha* có thể được nhìn thấy là quan hệ giữa giáo lý đã được lập trình và ý nghĩa của nó, quan hệ giữa sự thực hành và mục tiêu của nó, và quan hệ giữa giáo lý và ích lợi mà nó mang lại.] (403)

334 [Nguyên văn: *saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni*, nghĩa gốc là “ba đặc tính có điều kiện (hữu vi) của trạng thái có điều kiện (hữu vi).” Và bên dưới là *asaṅkhatassa asaṅkhatalakkhaṇāni*, nghĩa gốc là “ba đặc tính không còn điều kiện (vô vi) của trạng thái không còn điều kiện (vô vi).” Tôi dịch những thuật ngữ này theo cách như vậy để tránh tạo cho người đọc có cảm tưởng sai là bản thân những đặc tính đó là có điều kiện (hữu vi) hoặc không có điều kiện (vô vi). Thay vì vậy, chúng chỉ góp phần quyết định (định nghĩa) một trạng thái như vậy là hữu vi hay vô vi, mà thôi.] (405)

335 [Tôi làm theo phiên bản **Ee**, ghi hai mệnh đề nói về những đặc tính của trạng thái hữu vi và trạng thái vô vi như hai phần của 1 kinh. **Ce** và **Be** thì phân hai mệnh đề thành 2 kinh khác nhau, và do vậy nó tính thành 11 bài kinh trong NHÓM kinh này. Kệ *uddāna* có ghi chữ “*saṅkhatam*” (hữu vi) nhưng không có chữ “*asaṅkhatam*” (vô vi), có vẻ giống theo cách của **Ee**. Tới chỗ này thì sự đánh số kinh của tôi là đúng theo **Ee**, nhưng tụt một số so với **Be**; [**Ce** thì không đánh tiếp số kinh mà bắt đầu NHÓM kinh mới bằng số “1”. Điều thú vị là, bài kinh tương đương trong Hán tạng **EĀ 22.5** (đại tạng **T II 607c13–c23**) chỉ đề cập đến những đặc tính của trạng thái hữu vi; không có mệnh đề hay phần kinh tương ứng đề cập những đặc tính của trạng thái vô vi.] (406)

336 [Trong kinh **SN 1:03**, thi kệ này được nói bởi một thiên thần, rồi thiên thần đó được Đức Phật “đánh chính” lại bằng một bài kệ lần lượt nói về “người đi tìm sự bình an” cho đến sự “bỏ mọi nhử của thế gian” (*lokāmisam pajahe santipekkho*).] (408)

337 [Bài kệ này và bài kệ sau cũng có trong kinh **SN 1:41**.] (409)

338 [*Sandiṭṭhiko dhammo*] (410)

339 [*Tanuttam paññāyati*. Nghĩa gốc: “sự giảm bớt (dân số) được nhìn thấy.”] (412)

340 [Nguyên văn: *Gāmāpi agāmā honti, nigamāpi anigamā honti, nagarāpi anagarā honti, janapadāpi ajanapadā honti*. Nghĩa gốc: “những làng mạc trở thành không làng, những phố thị thành không phố thị, những thành thị thành

không thành thị, và những tình lý thành không tình lý.”] (413)

341 [Mp: “Tham dục trái pháp (*adhamma-rāga*): bản thân tính tham dục đã ngược với Giáo Pháp (*adhamma*) rồi, nhưng nó không phải là ‘trái pháp, phi pháp, trái phép’ nếu cái tham đó là tham của cái tiền bạc... của chính mình. Nó chỉ là ‘trái pháp, phi pháp, trái phép’ khi tham những của cái tiền bạc này nọ... của người khác. Sự tham lam bất chính (*visama-lobha*): mặc dù tham lam đã không bao giờ là chân chánh cho được, nhưng ở đây tham lam một thứ gì thuộc về mình thì được gọi là sự tham lam đúng đắn. Sự tham lam của của người khác thì được gọi là sự tham lam không đúng đắn, không chân chánh. Giáo Pháp sai lạc (*micchā-dhamma*, tà pháp): là mê theo những thứ ngoài cơ sở (?) tham dục bình thường.” Chỗ cuối này **Mp-t** giải thích thêm đó là: “Sự mê theo mấy cơ sở tham dục (*rāgassa vatthutthānam*) ngoài những cơ sở tham dục được cho là mức độ thông thường (được chấp nhận) của thế gian.”] (414)

342 [Tôi đọc theo **Be**, **Ee**, và **Mp** [**Ce** và **Be**] nguyên văn: *yakkhā vāle amanusse ossajjanti*. Phiên bản **Ce** của **AN** ghi chữ *manusse* thay vì *amanusse*. *Yakkha* (dạ-xoa) là những loài quỷ dữ, nhiều lúc được mô tả là giết người và nuốt trọng xác chết, nhưng chúng cũng có khả năng hướng thiện và thậm chí có thể giác ngộ Giáo Pháp. **Mp**: “‘Những *yakkha*’ là những *yakkha* cai trị (tức những *yakkha* chúa điều khiển những *yakkha* dã man khác). Chúng thả những *yakkha* hung bạo trên khắp đường đi của con người, và khi những con ác quỷ *yakkha* đó gặp cơ hội, chúng sẽ lấy mạng của con người” (*yakkhā ti yakkhādhipatino*. *Vāle amanusse ossajjanti ti caṇḍayakkhe manussapathe vissajjenti, te lad-dhokāsā mahājanam jīvitakkhayam pāpentī*). Mặc dù tôi hiểu theo **Mp**, nhưng tôi vẫn thắc mắc có còn bản gốc nào diễn dịch động từ ở thể thụ động và đặt tất cả những danh từ thực thể ở dạng số nhiều chỉ danh như: *yakkhā vālā amanussā ossajjanti*. Nghĩa là “Những *yakkha*—là chúng sinh phi nhân, dã man—được thả ra.”] (415)

343 (Lời xuyên tạc hay vu khống này cũng được ghi trong kinh **8:12**, đoạn Đức Phật khuyên bảo tướng quân Siha khi vị tướng đang xin quy y Tam Bảo.)

344 [Nguyên văn câu hỏi này là: *Kacci te bhoto gotamassa vuttavādino ca bhavantam gotamam abhūtena abbhācikkhanti, dhammassa cānudhammam byākaronti, na ca koci sahadhammiko vādānupāto gārayham thānam āgac-chati*. Cả ba phiên bản đều ghi giống vậy, chỉ có vài chỗ biến đổi là chữ *vādānupāto* thay cho chữ *vādānupāto*. Tôi đã từng thảo luận về đoạn “câu hỏi” khuôn mẫu này một cách chi tiết trong *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương ưng kinh bộ), kinh **SN 12:24**, chú thích số (72) ở đoạn [1], (trang 747 bản tiếng Anh **CDB**)

(*), nhưng giờ tôi tin rằng những luận giảng Pāli đã sai lầm khi coi chữ *vādānupāta* (hay *vādānupāda*) có nghĩa là “*hệ quả của lời khẳng định của họ*”. Giờ tôi chỉ coi chữ này đơn giản là đồng nghĩa chữ *gārayham tñānam* mà thôi.” ...]

- (*) (Người dịch Việt không dịch chú giải rất dài này ở kinh SN 12:24, vì thiết nghĩ về tiếng Việt dịch từ bản tiếng Anh của thầy TKBD đã hoàn toàn rõ nghĩa đối với người đọc bình thường, không quá cần thiết phải truy tìm từ nguyên sâu xa như vậy. Thầy TKBD đã nhiệt thành khổ công làm vậy vì thầy ấy muốn dịch lại một cách chính xác nhất mọi câu chữ từ tiếng gốc Pali sang tiếng Anh để cập nhật lại toàn Kinh Tạng *Nikaya* cho người đọc trên thế giới). (416)

³⁴⁵ [Mp cho rằng “*những bậc thánh*” (*sante*) ở đây là chỉ những bậc tối thượng (*uttamapurise*): những vị Phật, Phật Duyên Giác (*paccekabuddha*), và A-la-hán.] (417)

³⁴⁶ [*Sappaññe dhīrasammate*. Mp giải thích chữ này như có nghĩa là “*được tôn trọng, được vinh danh bởi những người có học*” (*paṇḍitehi sammate sambhāvite*), nhưng tôi thì cho chữ *dhīrasammate* có nghĩa là “*được tôn trọng, được vinh danh bởi những người có trí [bậc trí hiền]*”]. (418)

³⁴⁷ [Câu thi kệ này cũng xuất hiện trong kinh Pháp Cú, Dh 423 a–d, ám chỉ ba minh trí.] (419)

³⁴⁸ [Mp giải thích: đồ cúng tế: *yañña*: “*một thứ được cho đi, đồ bố thí*” (*deyyadhamma*) [mặc dù nó đã được xếp vào loại vật phẩm cúng dường thứ tư]; đồ cúng giỗ: *saddha* (Phạn: *śrāddha*): “*bữa cơm tưởng niệm người chết*” (*mataka-bhattam*); đồ dâng cúng: *thālipāka*: “*bữa cơm cúng dường những bậc xuất chúng*” (*varapurisānam dātābbayuttam bhattam*), nhưng theo SED thì chữ *svsthālī*, *sthālipāka* có nghĩa rõ ràng là món gạo hay lúa mì nấu trong sữa, hay món cháo sữa được cúng dường một cách cung kính; và đồ bố thí, thứ được bố thí: *deyyadhamma*: “*bất cứ thứ gì có thể được bố thí; phẩm vật bố thí, hiện vật cúng dường*.”] (420)

³⁴⁹ [Nguyên văn: *anuttaram brahmacariyogadham*. Mp: “*Niết-bàn là ‘đỉnh cao tối thượng của đời sống tâm linh’, là chỗ dựa tối thượng của đời sống tâm linh, đó là (thánh) đạo dẫn tới (thánh) quả A-la-hán*” (*arahattamagasaṅkhātassa brahma-cariyassa anuttaram ogadham utta-mapatiṭṭhābhūtam nibbānam*). Trong kinh MN 44.29, chữ *nibbānogadham* được dùng chung với chữ *nibbānaparāyanam* và *nibbānapariyosānam* cho thấy ba chữ là như đồng

nghĩa với nhau. **It—a I 112,11–12**, thì giải thích chữ *nibbānogadhadhagāmī* (cũng giống trong kinh **AN** này) bằng một câu điển đạt là *nibbānasaṅkhātamaṃ ogadham paṭiṭṭham pāram gacchati* (“*nó đi đến bờ bên kia, là chỗ dựa, là đỉnh cao gồm có Niết-bàn*”). Cách giải thích này cũng đồng nhất với những luận giảng khác, cũng ủng hộ cách tôi dịch chữ *nibbānogadha* là “*đỉnh cao trong/là Niết-bàn*”, chứ không dịch là “*sự nhập vào hay nhảy vào Niết-bàn*” như những người dịch trước kia đã dịch. Tôi dịch chữ *amatogadha* trong *Bộ Kinh Liên Kết* [các kinh **SN 45:139, 46:184, 48:42, 48:44**, vân vân] là “*với sự bất-tử là nền tảng của nó*”, cách dịch này là không được thỏa mãn cho lắm. Tôi biết ơn Thầy Vanarata đã góp ý về chữ này.] (421)

350 [**Mp**: “Ông ta không muốn trả lời câu hỏi của thầy Ānanda, cho nên ông ta cứ chuyển đề tài thành những lời ca ngợi như vậy.”] (422)

351 [*Iddhipāṭihāriyaṃ ādesanāpāṭihāriyaṃ anusāsanāpāṭihāriyaṃ*. Câu này cũng có trong kinh dài **DN 11.3–8.**] (423)

352 [Nguyên văn: *nimittena ādisati*. **Mp** giải thích đây chỉ là dạng mạnh mẽ không liên quan trực tiếp, mà có lẽ là một *cử chỉ* hay một *biểu hiện* trên mặt một người—thời hiện đại gọi là “*ngôn ngữ thân thể*”—lộ ra cho một người giỏi quan sát có thể đoán được trạng thái tâm của một người đó.] (424)

353 [Nguyên văn: *vitakkavipphārasaddaṃ sutvā*. **Mp** giải thích là: “*Sau khi nghe được âm thanh của những người lẩm bẩm trong khi đang ngủ hay đang mê, [âm thanh] khởi sinh bởi sự khuếch tán của ý nghĩ*.” Tôi nghĩ rằng **Mp** đã lạc đề ở chỗ này. Bởi vì những ví dụ trong bài kinh là theo thứ tự từ thô tế đến vi tế, tức cái sau là vi tế hơn cái trước. Tôi nghĩ rằng ý kinh ở đây muốn chỉ một âm thanh vi tế được phát tán ra bởi ý nghĩ thay vì bằng lời nói.] (425)

354 [Chỗ này chắc hẳn đang chỉ tầng thiền định thứ hai hoặc cao hơn.] (426)

355 [**Mp** cho các ví dụ như: “*Nghĩ những ý nghĩ vô tham, đừng nghĩ ý nghĩ tham dục... Chú tâm vào (sự thực) vô thường (khổ, vô ngã)... đừng chú tâm vào sự (sự ảo) thường hằng (sướng, hữu ngã).... Dẹp bỏ nhục dục (khoái lạc giác quan) và chứng nhập thánh đạo và thánh quả vượt khỏi thế gian (siêu thế).*”] (427)

356 [Nguyên văn: *āsajja upanīya vācā bhāsītā*. Chữ *āsajja* thường có nghĩa là “*đã tán công, đã công kích*”, nhưng nghe quá mạnh bạo ở trong ngữ cảnh này. **Mp** thì chỉ bẻ nguyên một câu để diễn nghĩa câu nói của Phật chứ không giải

thích gì về mặt từ nghĩa học, câu đó như vậy: “Lời của ông đã nói đã động vào những đức hạnh của ta và đã chọt vào trú xứ của những đức hạnh của ta” (*mama guṇe ghaṭṭetvā mam’eva guṇānaṃ santikaṃ upanītā vācā bhāsītā*). Do vậy tôi nghĩ rằng những lời nói của bà-la-môn chỉ là cách ông tìm hiểu để biết chắc về Phật, chứ ông ta không có ý xúc phạm Phật. Nên lời kinh chép lại chỗ này có lẽ không xác đáng hay phù hợp cho lắm.] (428)

357 [“*Chủ thuyết của các giáo phái*” là dịch chữ *titthāyatanāni*, nghĩa gốc là “những cơ sở của các giáo phái”. Chữ *tittha* (Phạn: *tīrtha*), nghĩa gốc là một bãi còn cạn của con sông, được dùng để chỉ những giáo thuyết tôn giáo, có lẽ theo cái nghĩa là những giáo lý cung cấp một “bãi cạn” để vượt qua dòng chảy “những ô-nhiễm” và vượt tới bờ giải thoát bên kia [coi kinh **MN 34**, trong đó ẩn dụ này đã chi phối một bài thuyết giảng ngắn]. **Mp** giải thích rằng những giáo phái (*tittha*) ngoại đạo có 62 quan-điểm này nọ (tà kiến) [coi thêm kinh dài **DN 1.1.29–3.29**]; những giáo chủ của các giáo phái đó (*titthakara*) là những người thành lập những quan điểm đó; và những đệ tử của các giáo phái đó (*titthiya*) là những người đồng tình với những quan điểm đó. Những sư thầy lớn của giáo phái Jain (hay Kỳ-na giáo của những người Ni-kiền-tử) thì được gọi trong tiếng Phạn là *tīrthaṅkara*.] (429)

358 [Nguyên văn câu này: *Parampi gantvā akiriyāya saṇṭhahanti*. **Mp** giải thích chữ *param* bằng chữ *paramparā* (dòng, tông).... Nhưng khó nhìn ra nghĩa này có liên quan gì đến ngữ cảnh lời kinh. Vì chữ *param* cũng có thể có nghĩa là “sau đó, nữa, sau nữa”, cho nên dường như ý kinh muốn chỉ những lập trường đó, cho dù có nói gì thêm nữa, có bàn luận thêm nữa, thì chúng cũng kết cuộc bằng sự vô-tác hay vô-vi (không làm gì, không hành động) mà thôi. Dựa trên cách hiểu này, tôi dịch chữ *parampi gantvā* là “được đưa đến kết luận.” Còn chữ *saṇṭhahanti* nghĩa gốc là “dừng lại ở chỗ”.] (430)

359 [Ba chủ thuyết này lần lượt là: thuyết của đạo Jain (Ni-kiền-tử), thuyết hữu thần, và thuyết phi nhân-duyên. Thuyết phi nhân-duyên ở chỗ khác trong kinh tạng được cho là của Makkhali Gosāla [coi kinh **1:319, 3:137**].] (431)

360 [**Mp**: “Họ khẳng khẳng rằng một người trải nghiệm những cảm-giác gì chỉ là do những nghiệp đã tạo ra trong quá khứ”. Liên quan chỗ này, coi thêm kinh **SN 36:21**, trong đó Phật giải thích 8 nguyên nhân gây ra bệnh tật khổ đau, và chỉ có 1 nguyên nhân là do nghiệp quá khứ chín muồi thành nghiệp quả.] (432)

361 [Trong kinh **MN 14.15–19** và **MN 101**, Đức Phật đã chất vấn những người phái Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha) bằng những luận điểm ngược lại với chủ thuyết của

họ chỉ coi mọi cảm-giác đều do nghiệp quá khứ gây ra.] (433)

362 [Tên các loại giường, nệm, mền và những vật dụng tiện nghi, tôi dựa theo cách dịch của tiến sĩ Horner trong bản dịch Luật Tạng **Vin I 192,14–19** (1951, 4:256–57). Bà đã dựa vào những diễn dịch của mình ở **Sp V 1086,1–1087,12**, vốn cũng tương thích với diễn dịch của **Mp II 292–93**.] (442)

363 [Nguyên văn: *Dibbaṃuccāsayanamahāsayanam, brahmaṃuccāsayanamahāsayanam, ariyaṃ uccāsayanamahāsayanam*.] (443)

364 [Nguyên văn: *So ce ahaṃ, brāhmaṇa, evaṃbhūto caṅkamāmi, dibbo me eso tasmim samaye caṅkamo hoti*. **Mp** nói sự đi tới đi lui là thuộc cõi thiên thần là khi, sau khi đã chứng nhập trong bốn tầng thiền định, Phật đi tới đi lui (đi kinh hành); và sự đi tới đi lui của Phật là thuộc cõi thiên thần là khi, sau khi thoát ra khỏi bốn tầng thiền định, Phật đi tới đi lui. Điều này *đường như* có nghĩa rằng sự đi lại có thể xảy ra ngay cả khi cái tâm đang ở trong trạng thái tầng thiền định. Tuy nhiên, điều này mâu thuẫn với định nghĩa công thức rằng tầng thiền định là một trạng thái chìm sâu không bị gián đoạn trong một đối-tượng thiền, trong đó những chuyển động theo ý chí như đi lại thì không thể nào diễn ra được. **Mp-t** giải thích trường hợp thứ nhất của **Mp** [đi tới đi lui sau khi chứng nhập trong tầng thiền định] có nghĩa là Phật đi tới đi lui *lập tức ngay sau khi* thoát ra khỏi tầng thiền định; còn trường hợp thứ hai là [đi tới đi lui sau khi thoát khỏi tầng thiền định] có nghĩa là Phật đi tới đi lui sau khi đã thoát ra khỏi tầng thiền định *vào một lúc nào đó trước đó*. Những chú thích này cũng áp dụng tương tự cho trường hợp “*giường chiếu thuộc cõi trời brahma*” và “*giường chiếu thánh thiện*”.] (444)

365 [**Mp** diễn dịch: “Điều này là chỉ tham dục được loại bỏ trong thánh đạo A-la-hán ngay hiện trường của sự đại giác ngộ (của Phật). Bằng cách quán tưởng lại, Phật muốn chỉ sự chứng đắc thánh quả.”] (445)

366 [**Mp** giải thích rằng du sĩ này đã từng được những du sĩ cử đi giả dạng xin thụ giới thành Tỳ kheo trong Tăng đoàn để học những ‘bí quyết thành công’ của Tăng đoàn [bởi họ nghĩ (Tăng đoàn hay Phật) có dùng bùa thuật gì đó để thu hút nhiều đệ tử như vậy], và sau khi học xong sẽ quay về chỉ lại cho đoàn du sĩ. Sau khi thụ giới Tỳ kheo, du sĩ Sarabha đã kết luận rằng Giới Luật Tăng Đoàn [Pātimokkha] chính là chìa khóa thành công của Tăng đoàn. Sau khi học Pātimokkha, ông ấy đã quay về với những du sĩ và kể lại rằng ông đã học Giáo Pháp của những đệ tử của Phật. Phần bối cảnh câu chuyện giống hệt như câu chuyện trong kinh *Susīma Sutta*, **SN 12:70** (quyển 2), chỉ khác ở phần kết cục.]

(446)

367 [Ee có ghi thêm một dòng chữ này: “*mayā kho Sarabha paññāyati samānānaṃ Sakyaputtiyānaṃ dhammo*”, nghĩa là: “*Này Sarabha, Giáo Pháp của những sa-môn tu theo người con họ Thích-ca đã được nhìn thấy bởi ta.*” **Be** thì bỏ dòng chữ này trong ngoặc đơn, nhưng **Ce** thì không ghi dòng chữ này.] (447)

368 [Trong kinh **MN 35.13–14, 27–28, 32–35** có ghi rằng: “Nếu ai, khi được Như Lai hỏi một câu hỏi có lý đến lần thứ ba mà vẫn không trả lời, thì đầu người đó bẻ tung thành 7 mảnh.” Tuy nhiên, trong kinh này, du sĩ Sarabha không trả lời câu hỏi của Phật sau ba lần được hỏi, nhưng đầu của ông ta vẫn nguyên vẹn và không có mối họa nào xảy ra với ông ta.] (448)

369 [Lưu ý, ở đây điều tuyên bố (1) chính là sự tự-tin (*vesārajjā*) thứ nhất trong 04 sự tự-tin của Như Lai, coi thêm kinh **AN 4:08**. Kế dưới, điều tuyên bố (2) là sự tự-tin thứ hai của Như Lai; còn điều tuyên bố (3) thì lại là sự tự-tin thứ tư của Như Lai. Sự tự-tin thứ ba của Như Lai không có ghi trong kinh này.] (449)

370 [Nguyên văn: *Yassa kho pana te atthāya dhammo desito so na niyyāti takkarassa sammā dukkhakkhayāyā ti*. **Mp** coi chữ *yassa atthāya* có nghĩa là “*mục đích mà vì nó*” Giáo Pháp được chỉ dạy và nhận dạng đó là *sự tiêu-diệt tham, sân, si*; và diễn dịch “*Giáo Pháp*” ở đây chính là sự thiên-quán về sự ô-uế không hấp dẫn của thân....] (451)

371 [Nguyên văn: *Vācāya sattitodakena sañjambharim akamsu*. **Be** và **Ee** thì ghi chữ *sannitodakena* thay cho chữ *sattitodakena* trong **Ce**. Bản Hán tạng [T II 250c8] chỗ này chỉ ghi đơn giản: “*họ quả trách và phê phán thẳng vô mặt ông ta*” (面前呵責毀訾).] (453)

372 [Phiên bản **Be** ghi tên kinh là **Kesamutti**; có nghĩa là: những người ở quận thị Kesaputta; đó là những người họ tộc Kālāma sống ở quận thị đó. Cho nên bài kinh này nổi tiếng hơn với cái tên “*The Kālāma Sutta*” (Kinh Những Người Kālāma). Bản Hán Tạng tương đương là **MĀ 16** (Đại Tạng **T I 438b13–439c22**), có khác nhau ít nhiều với phiên bản Pāli...] (455)

373 [Luận giảng [Mp] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bờ một khu rừng. Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người Kālāma trong thị trấn, và do đó những người Kālāma được tiếp cận với nhiều loại học

thuyết, triết lý. Sự mâu thuẫn của các quan điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi ngờ và bối rối cho họ.]

374 [Một loạt 10 sự hiểu biết không đầy đủ (không tự biết chắc) này có thể được phân thành ba nhóm: (1) *Nhóm thứ nhất*, gồm 4 lý do đầu tiên: là 4 giả định dựa theo truyền thống, truyền thừa. Gồm có “lời truyền miệng” (*anussava*): thường được hiểu là Phật đang chỉ những truyền tụng của kinh Vệ-đà; “tông giáo” (*paramparā*), là sự truyền thừa những giáo lý hay sự kể truyền của những sư thầy; “lời đồn đại” (hay lời thuật lại, kể lại; *itikirā*): là những ý kiến chung hay những đồng thuận phổ biến; và “kinh sách” hay “tuyển tập kinh điển” (*piṭakasampadā*): được cho là những lời “y kinh” không thể nào sai. Trong thời Phật sống, những điều như vậy chỉ được truyền miệng (dân gian) hơn là viết ra. (2) *Nhóm thứ hai* bao gồm 4 sự hiểu biết kế tiếp gồm có yếu tố lý luận suy lý, ý nói tất cả những suy luận suy lý đó đều dựa trên giả thuyết mà ra; đó là sự khác nhau so với sự suy luận suy lý của Đức Phật, đó là dựa trên sự quán xét thực nghiệm. (3) *Nhóm thứ ba*, gồm hai sự hiểu biết cuối cùng, gồm hai loại dính líu yếu tố cá nhân: một là “bởi vẻ bề ngoài của người nói có vẻ cao đạo, xuất sắc” (*bhabbarūpatā*): là sự thu hút của người nói [có lẽ gồm cả tướng mạo, oai nghi, biểu hiện, tính chất bên ngoài của người đó]; hai là thẩm quyền của người nói: do đó là vị thầy của mình [tiếng Pāli *garu* là đồng nghĩa chữ *guru* của tiếng Phạn.] (457)

375 [Theo Đức Phật, tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện (*akusalamūlāni*), nó nằm ẩn bên dưới những hành vi bất thiện thất đức và tất cả những trạng thái ô nhiễm của tâm; coi thêm kinh **3:69**. Bởi vì mục tiêu của giáo lý của Phật là Niết-bàn, là sự tiêu-diệt tham, sân, si [kinh **SN 38:10**, quyển 4], Đức Phật đã tinh tế dẫn dắt những người Kālāma đồng khẳng định theo giáo lý của Phật một cách đơn giản bằng cách kêu họ tự mình suy xét trải nghiệm của chính mình (hơn là tin ở những điều nghe từ bên ngoài); và Phật không cần phải bắt họ tin suông lời của Phật là đúng.] (458)

376 [Điều này chắc chắn chưa phải là trực quan khách quan, ít nhất là trong kiếp hiện tiền, bởi vì những trường hợp “điều xấu dữ xảy ra với người làm nghiệp tốt” vẫn đầy rẫy, không thể đếm hết.] (459)

377 [Nguyên văn: *Idhāhaṃ ubhayen’eva visuddhaṃ attānaṃ samanupassāmi*. Nghĩa chính xác của chữ “về cả hai phương diện” vẫn chưa hoàn toàn rõ rệt đối với tôi. **Mp** diễn dịch đại ý là: “Vì tôi không làm điều xấu ác, và điều xấu ác cũng không được làm bởi người khác đối với tôi” (*yañca pāpaṃ na karomi, yañca karotopi na karīyati*).” Tuy nhiên, đối với tôi dường như ý của bài kinh

đang nói về hai loại sự thanh lọc bản thân, đó là: (1) không làm những điều xấu ác, và (2) tu dưỡng tâm trong sạch bằng cách tu tập bốn trạng thái tâm vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]. Nghĩa này cũng giống như nghĩa trong bản Hán tạng tương đương vậy.] (460)

378 [Nguyên văn: *Atthi idaṃ, atthi hīnaṃ, atthi paṇītaṃ, atthi imassa saññāga-tassa uttari nissaraṇaṃ*. Câu này cũng có trong kinh **MN 7.17**, trong đó câu này cũng theo sau những câu nói về bốn tâm vô lượng. **Mp** giải nghĩa: “*Có trạng thái này*”: là chỉ năm-uẩn, chỉ cái *sự thật về khổ* (diệu đế về khổ); “*có trạng thái thấp kém hơn*”: là chỉ *sự thật về nguồn-gốc khổ* (diệu đế về nguồn gốc khổ); “*có trạng thái siêu xuất hơn*”: là chỉ *sự thật về con-đường dẫn đến sự diệt khổ* (diệu đế về bát thánh đạo); và; “*một sự giải-thoát nữa vượt khỏi mọi thứ dính líu nhận-thức*”: là chỉ *Niết-bàn*, là *sự thật về sự diệt khổ* (diệu đế về diệt khổ).] (642)

379 [Nguyên văn: *brahmabhūtena attanā viharati*. Cách diễn tả trong đoạn cuối này cũng có trong kinh **4:198**, và trong kinh **MN 51.5**. Đường như Đức Phật thường cố ý chọn dùng chung chữ (cùng thuật ngữ) với những từ ngữ của bộ *Upanishad* (*Áo Nghĩa Thư* của Vệ-đà) cho mục đích giảng giải giáo lý của mình. (Như những trạng thái thiên-thánh hay vô-lượng thì lấy chữ trời *brahma* (phạm thiên) để mô tả nó như thuộc cõi trời, bởi vì đó là cảnh giới cao siêu nhất, đáng mơ ước nhất (bởi đa số người dân) theo giáo lý của các tôn giáo đương thời của Ấn Độ lúc đó).] (463)

380 [Có 4 phương pháp đặt câu hỏi; coi thêm kinh **4:42**. **Mp**: “(1) Một câu hỏi nên được trả lời một cách dứt dạc” (*ekamsavyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải mắt là vô thường?*”, thì nên được trả lời một cách dứt dạc: “*Đúng, mắt là vô thường*”. (2) Một câu hỏi nên được trả lời sau khi có sự phân giải (phân tích, phân biệt) (*vibhajjavākyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải sự vô thường là mắt?*”, thì nên được trả lời bằng sự phân giải: “*Không chỉ là mắt, mà tai, mũi, lưỡi... cũng đều là vô thường*.” (3) Một câu hỏi nên được trả lời bằng câu hỏi lại (*paṭipucchāvākyākaraṇīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải mắt có cùng bản chất như tai?*”, thì người nghe nên trả lời bằng câu hỏi lại: “*Về phương diện nào mới được?*” Nếu người hỏi nói: “*Về phương diện nhìn thấy*”, thì nên trả lời: “*Không đúng*” (vì tai đâu có nhìn thấy). Nhưng nếu người hỏi nói: “*Về phương diện vô thường*”, thì nên trả lời: “*Đúng*” (vì tất cả chúng đều là vô thường). (4) Một câu hỏi nên được bỏ qua (*thapanīya pañha*) là, ví dụ, “*Có phải linh hồn là một với thể xác?*”, thì nên được bỏ qua, không trả lời, chỉ cần nói “*Điều này đã không được tuyên bố bởi Như Lai*”.

Theo ý kiến của tôi, ví dụ tốt hơn về loại câu hỏi thứ hai ở trên là cách Đức Phật đã trả lời cho Subha trong kinh **MN 99.4**; trả lời cho bà-la-môn Ujjaya trong kinh **AN 4:39**; và cách trả lời của gia chủ Vajjiyamāhita cho những du sĩ trong kinh **AN 10:94**] (464)

381 [Mp diễn dịch: “Người đó trực tiếp biết một điều, đó là một *Giáo Pháp* thiện lành, là *con đường thánh đạo*. Người đó hoàn-toàn hiểu một điều, đó là *diệu đế về khổ*. Người đó dẹp bỏ một điều, đó là tất cả *mọi tâm tính bất thiện*. Người đó chứng ngộ một điều, đó là *thánh quả A-la-hán* hay *diệu đế về sự diệt-khổ*. Bằng những phương tiện là sự hiểu-biết (trí biết, minh) như vậy, người đó đạt tới sự giải-thoát, sự giải-thoát bằng thánh quả A-la-hán.”] (467)

382 [Mp minh họa cách tham là “ít đáng trách hơn” bằng ví dụ như hôn nhân: nó vốn cũng xuất phát từ tham dục nhục dục, nhưng được xã hội chấp nhận và do vậy được người ta coi là ‘ít đáng trách hơn và nghiệp quả nhẹ hơn’. Nhưng do tham là dính với khoái-lạc, nên nó là khó loại bỏ. Còn sân và si đều là “*rất đáng trách*” và có nghiệp quả nặng nề. Tuy nhiên, sân dính với sự ưu phiền, khó chịu, và chúng sinh thì chỉ thích sự khoái lạc nên họ sẽ tự nhiên co khuynh hướng loại bỏ sự sân bức (cho nên nó sẽ được loại bỏ nhanh hơn hai độc tính kia). Còn si, những ý nghĩ ngu si ngu mờ vô minh, do chúng thường bắt rễ từ dục-vọng, tà-kiến, hay sự tự-ta (ngã mạn) nên nó là khó loại bỏ.] (471)

383 [Nguyên văn: *asatā dukkhaṃ upadāhati*. Mp [của Ce] giải thích: “*Người đó tạo ra khổ đau bằng sự giả dối, bằng thứ không có thật, sau khi nói về những khuyết điểm không có thực*” (?) (*abhūtena avijjamānena yaṃ kiñci tassa abhūtaṃ dosaṃ vatvā dukkhaṃ uppādeti*). Lưu ý ở đây Mp coi chữ *asatā* là đồng nghĩa với chữ *abhūtena*. Trong cả lời kinh và trong Mp, phiên bản Be đều ghi là *uppādayati*, còn Ce và Ee ghi là *upadāhati*.] (472)

384 [Nguyên văn câu này là: *Nāhaṃ kvaṇa, kassaci kiñcanatasmim, na ca mama kvaṇa, kaṭṭhaci kiñcanatātthi*. Các phiên bản Ce, Be, và Ee ghi câu công thức này với một số chữ khác nhau ít nhiều. Ở đây tôi đọc theo Ce và dựa theo kinh **4:185**. Mục đích của công thức này, theo như ý bài kinh này, là để làm thâm nhuần tư tưởng phi-sở-hữu: một trong những giới-hạnh căn bản của đạo Jain. Phật cũng dạy công thức này—như đã được truyền dạy trong những cộng đồng người tu thiền quán—dùng nó như một phương tiện để loại bỏ “*sự tạo nên cái-ta*” (tự ngã) và “*sự tạo nên cái của-ta*” (ngã chấp) (để nhấn mạnh cái ‘ta’ là giả lập và vô ngã, không có cái ‘ta’ thường hằng nào, và không có thứ gì thường hằng thuộc về của-ta). Coi thêm chú thích ở kinh **4:185**, ở đoạn (4), chú thích (896), để biết thêm các chi tiết khác.] (476)

385 [Nguyên văn: *Upakkilittṭhassa visākhe cittassa upakkamena pariyodapanā hoti. Mp* giải thích: “Tại sao Phật nói như vậy? Bởi vì sự trai giới bố-tát sẽ không có nhiều kết quả nếu người đó trai giới với một cái tâm bị ô nhiễm; nhưng sẽ có rất nhiều kết quả tốt nếu người đó trai giới với một cái tâm đã được thanh lọc. Phật nói câu như vậy là để đưa vào những đề-mục thiền được dùng để thanh lọc cái tâm.” Theo sau ngay đây là 05 trong 06 sự tưởng-niệm (quán niệm, quán tưởng) tiêu chuẩn (*cha anussatiyo*; coi kinh **6:10**, vân vân...) của Phật giáo. Vì lý do nào đó ở đây sự tưởng-niệm thứ sáu, *tưởng niệm về sự bố-thí* (*cāgānussati*), đã bị bỏ đi. Mới nhìn chúng ta có thể cho đó là lỗi do quá trình truyền thừa qua hàng ngàn năm. Nhưng, trong phiên bản tương ứng của Hán Tạng, **MÃ 202** [Đại Tạng Kinh **T I 770a16–773a1**] cũng thiếu luôn sự tưởng-niệm này, điều đó cho thấy rằng sự bỏ đi đó—cho dù là vô tình hay cố ý—đã dẫn dắt tới việc phân ly giữa những người theo trường phái *Vibhajjavāda* [*Phân Biệt Thuyết Bộ*: họ là thủy tổ của Trường Lão Bộ (Theravāda)] và những người theo trường phái *Sarvāstivāda* (*Nhất Thiết Hữu Bộ*). Thật hay là, trong kinh Hán Tạng **MÃ 202** có ghi 08 giới được nói ra trước 05 sự tưởng-niệm nói trên; trong khi đó trong phiên bản Pāli thì thứ tự ngược lại: 05 sự tưởng-niệm lại được nói ra trước 08 giới. Nếu nói cho công tâm thì thứ tự trong bản Hán tạng có vẻ phù hợp với những giáo lý Phật giáo hơn: tức coi đức-hạnh là phần cần có trước, là cơ sở để tu tập thiền.] (477)

386 [**Mp** giải thích: “Ở đây Đức Phật Toàn Giác là người được gọi là trời *Brahmā*” (*brahmā vuccati sammā sambuddho*); (có lẽ do Trời Brahmā (Phạm Thiên) được cho là hình ảnh của đáng cao nhất theo tín ngưỡng của Bà-la-môn và đại chúng vào thời Đức Phật; cũng như tín ngưỡng dân gian Việt Nam thời xa xưa cũng coi “ông Trời” là đáng quyết định tất cả mọi sự trong thế gian vậy.)] (478)

387 [Sáu cõi này là sáu cõi trời dục-giới. Những thiên thần cao hơn là chỉ những thiên thần thuộc những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới.] (479)

388 (Sự “*học-hiểu*” (học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu tri), “*trực-tiếp biết*” (tự trí, thấy biết).)

389 [Từ chỗ này, Phật giảng giải về 08 giới-hạnh mà những Phật tử tại gia tuân thủ trong những ngày lễ bố-tát. 08 giới này (bát quan trai giới) cũng được ghi lại trong các kinh **AN 8:41–45**. Dễ thấy rằng, 08 giới này gần giống như 10 giới sa-di; chỉ khác ở đây coi như giới thứ bảy và thứ tám nhập thành một, và

không có giới thứ mười của sa-di [kiêng cử nhận vàng, bạc, tiền...].] (480)

390 [Nguyên văn: *ekabhaddika*. Chữ này có thể dịch là “*ăn trong một phần/thời của ngày*”. **Mp** giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.” (Y hết chú thích (931) ở đoạn (iv) của kinh **4:37**)] (481)

391 [Nguyên văn tiếng Pāli của **Ce**: *pahūtasattaratanānaṃ*; **Be**: *pahūtarattaratanānaṃ*; **Ee**: *pahūtamahāsattaratanānaṃ*. **Mp Ce** và **Be** đọc là *pahūtarattaratanānaṃ*, nhưng **Mp** của **Ee** lại ghi –*satta-* (thay vì –*ratta-*). **Mp** diễn dịch là: “*Có được nhiều thứ phi nhiều quý báu gồm trong ratta; nghĩa là chứa đầy những thứ thuộc bảy báu; nhiều đến nỗi có thể ước theo tỷ lệ là: nếu diện tích của cõi Diêm-phù-nề [Jambudīpa] (chỉ lục địa bán đảo Ấn Độ) bằng diện tích mặt cái trống bheri, thì số lượng bảy báu sẽ bằng thiết diện vòng thắt lưng của một người.*” Như vậy là có sự mơ hồ về cách dùng đuôi chữ –*satta-* hay –*ratta-*. **Mp-t** thì nói chữ *ratta* nghĩa là: thứ quý, chất quý báu (*rattasaddo ratanapariyāyo*), nhưng lại nói rằng: đúng theo kinh điển gốc thì ghi là *pahūta-sattaratanānaṃ*. Tôi dịch chỗ này theo cách ghi cuối này.] (482)

392 [Hầu hết những lân bang này đều nằm trong lục địa bán đảo Ấn Độ, chỉ riêng nước Gandhāra và Kamboja là nằm ở vùng tây bắc phía trên, tức tương ứng với những phần của nước Pakistan và Afghanistan ngày nay.] (483)

393 [Bắt đầu chỗ này là 06 đoạn nói về 06 cõi trời dục-giới theo quan điểm về vũ trụ (của Phật giáo).] (484)

394 [**Mp**: “*vàng sừng bò*” (*siṅḡisuvanna*) là vàng có màu giống màu của sừng bò (*gosīṅgasadisa*). “*Vàng núi*” (*kañcana*) là vàng được tìm thấy ở vùng núi. “*Vàng thiên nhiên*” (*jātarūpa*) là vàng màu ánh kim, màu vàng ròng, màu biểu tượng của vị Phật. Chữ *haṭṭaka* có nghĩa gốc là ‘vàng được tha đi bởi loài kiến’.] (487)

395 [Tôi dịch câu này theo dạng câu hỏi, mặc dù trong kinh gốc câu này không có phân từ nghi vấn.] (489)

396 [Những người Ājīvaka là người theo đạo Ājīvaka của giáo chủ Makkhali Gosāla. Giáo phái này chủ trương nhất mực thuyết định-mệnh và nhấn mạnh

sự hành xác khổ hạnh một cách cực đoan.] (490)

397 [Ở đây và bên dưới chữ *sugatā* (bậc phúc lành, thiện thế) được dùng ở dạng số nhiều. Như vậy trong ngữ cảnh này chữ này có một nghĩa rộng hơn nghĩa thông thường là dùng để chỉ Đức Phật.] (491)

398 [Nguyên văn: *Attho ca vutto, attā ca anupanīto*. Chỗ này có sự chơi chữ giữa chữ *attho* (ý nghĩa) và chữ *attā* (cái ta, bản ngã).] (492)

399 [Phiên bản **Ee** bị thiếu câu hỏi này.] (493)

400 [**Mp** diễn dịch như vậy: “Sau khi đã giảng giải về giới, định, tuệ của người học nhân (*sekha*), thầy Ānanda giảng giải về giới, định, tuệ của bậc vô học nhân (*asekha*) bằng thánh quả A-la-hán như vậy: ‘Sự hiểu-biết của thánh quả (quả trí) của bậc vô học nhân khởi sinh sau sự hiểu-biết (trí) của định và tuệ. Sự định-tâm của thánh quả trong một bậc vô học nhân khởi sinh sau sự hiểu-biết (trí) của tuệ (minh sát) của bậc học nhân.’” (tức người học nhân tu thiện tuệ (minh sát) cho đến khi đạt được sự hiểu-biết (trí) của minh sát tuệ đó, rồi sau đó mới khởi sinh định của bậc vô học nhân, sau khi người học nhân đã chứng thánh quả thành bậc vô học nhân).] (494)

401 [Những người Licchavi là họ tộc nắm quyền chủ chốt của nước cộng hòa Vajji (Bạt-kỳ) thời đó, (là nền cộng hòa đầu tiên trên thế giới!), là nước có thủ đô là Vesālī (Tỳ-xá-ly, hay Vệ-sá-ly).] (495)

402 [Về cách Ni-kiền-tử Nātaputta tuyên bố mình là một bậc toàn tri toàn kiến như vậy, coi thêm kinh **MN 76.21– 22**.] (496)

403 [Nguyên văn: *So purāṇānaṃ kammānaṃ tapasā byantībhāvaṃ paññāpeti navānaṃ kammānaṃ akaraṇā setughātaṃ*. **Mp**: “Ông ta tuyên bố sự tiêu-diệt nghiệp cũ bằng cách hành xác khổ hạnh (*āyūhitakammānaṃ*) và sự không tích lũy nghiệp mới trong hiện tại. “*Sự phá bỏ cây cầu*” hay “*cắt cầu*” (*setughātaṃ*) là sự phá bỏ yếu-tố và sự phá bỏ điều-kiện (duyên) tạo ra nó (*padaghātaṃ paccayaghātaṃ*, phá duyên).” Ở đây coi như có nghĩa là sự tiêu diệt những sự tích lũy nghiệp mới và những điều kiện (duyên) của chúng. **SED** cho rằng chữ *setu* ở đây có nghĩa như sự trôi-buộc, gông-cùm: nghe cũng hữu lý chỗ này.] (497)

404 [Nguyên văn: *Evam etissā sandiṭṭhikāya nijjarāya visuddhiyā samatikkamo hoti*. Sự phai-biến (phai-dần, phai-mòn) (*nijjarā*) của nghiệp cũ thông qua cách

hành xác khổ hạnh là khái niệm căn bản của đạo Jain (Kỳ-na giáo) của những người Ni-kiền-tử.] (498)

⁴⁰⁵ [Nguyên văn: *So navañca kammaṃ na karoti, purāṇañca kammaṃ phussa phussa vyanṭīkaroti. Mp* giải nghĩa: “Người đó không tích lũy nghiệp mới. Còn ‘nghiệp cũ’ là nghiệp được tích lũy trong quá khứ. Sau khi đã tiếp xúc nó nhiều lần, người đó làm nó biến mất. Điều này có nghĩa là sau khi đã tiếp xúc nhiều lần với sự tiếp-xúc do nghiệp quả của nó, người đó tiêu diệt nghiệp đó.”] (499)

⁴⁰⁶ [**Mp** nhận dạng 03 giai đoạn *phai-mòn* (phai dần, phai biến) chính là 04 sự chứng đắc thánh quả. **(i)** Sự mô tả “một Tỳ kheo là giới-hạnh” là sự “phai-biến” thứ nhất, theo **Mp**, là chỉ những thánh đạo và thánh quả thấp [Nhập-lưu và Nhất-lai]—vì những vị đệ tử ở những giai đoạn này được cho là đã hoàn thiện về mặt giới-hạnh (*giới*). **(ii)** Sự phai-biến thứ hai là sự mô tả một Tỳ kheo đã chứng đắc được bốn tầng thiền định sắc giới, là chỉ thánh đạo và thánh quả thứ ba [Bát-lai], được mô tả là người đã hoàn thiện về mặt thiền-định (*định*). Và **(iii)** sự phai-biến thứ ba là sự mô tả một Tỳ kheo đã đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm, là chỉ thánh quả A-la-hán, đó là bậc A-la-hán đã hoàn thiện về mặt trí-tuệ (*tuệ*). **Mp** cũng có đề cập một cách diễn dịch khác, cho rằng tất cả ba loại thanh-lọc nhờ sự phai-biến chỉ là những mô tả về thánh quả A-la-hán, dựa trên cơ sở quy chiếu là giới-hạnh, thiền-định, và trí tuệ của bậc A-la-hán. Để đọc thêm về mối liên quan giữa ba phần tu-tập (giới, định, tuệ) và bốn thánh-quả, mời đọc thêm kinh **3:86**.] (500)

⁴⁰⁷ [Nguyên văn: *abbhanumodasi*. Nghĩa gốc: vui mừng theo, đồng tình, hoan hỷ theo.] (501)

⁴⁰⁸ [*Bhava*: sự hiện-hữu. Đây chỉ sự hiện hữu (sự có mặt và sống) ở một trong ba cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới). Niết-bàn được gọi là sự chấm-dứt hiện-hữu (*bhavanirodha*), tức chấm dứt sự hiện hữu cá thể, tức không còn tái sinh trong các cõi hiện hữu nữa. (Đó là mục tiêu rốt ráo của đạo Phật!)] (503)

⁴⁰⁹ [Nguyên văn câu cuối này: *Āyatim punabbhavābhiniḍḍatti hoti. Mp* nói rằng, *thức trong vai trò là hạt giống* (*bīja*, chủng tử) ở đây là thức chủ động theo nghiệp (*abhisankhāravīññāṇam*), đồng khởi sinh với nghiệp. Còn câu nói *dục-vọng là hơi ả* (*sneha*) là một cách chơi chữ. Chữ *sneha*, trong tiếng Pāli, có thể vừa có nghĩa là hơi ả, vừa có nghĩa là sự luyến ái (tình cảm); theo cái nghĩa luyến ái thì chữ *sneha* có lúc được dùng như đồng nghĩa của dục-vọng. Tiến trình tái sinh ở đây cũng được mô tả một cách tương tự như trong kinh **SN 5:09**, **SN 12:64**, **SN 22:53**, **SN 22:54**. Còn “cõi thấp xấu” (*hīnā dhātu*)

chính là cõi dục-giới. Tương tự, tiếp tục bên dưới, “cõi ở giữa” hay cõi nằm giữa, cõi trung gian (*majjhimā dhātu*) là cõi sắc-giới, và “cõi cao thượng” (*pañitā dhātu*) là cõi vô-sắc-giới. Con đường của Đức Phật là vượt thoát khỏi sự tái sinh trong tất cả những cõi đó; (tức không còn tái sinh nữa, đạt tới trạng thái vô sinh, Niết-bàn).] (504)

410 [Nguyên văn: *cetanā patit̐hitā patthanā patit̐hitā*. **Mp** giải thích đó là: “Ý chí do nghiệp và khát vọng do nghiệp”.] (505)

411 [(A) Nguyên văn cả câu là: *Sīlabbatam jīvitam brahmacariyam upat̐thānasāram*. Theo thứ tự này, không rõ chữ *upat̐thānasāra* (i) là một phần thực hành song hành với ba phần thực hành ghi trước nó, hay nó (ii) chỉ là chữ bổ nghĩa cho mỗi phần thực hành đó. **Mp** thì luận giải theo kiểu nghĩa (ii), đó là, coi nó như có nghĩa là “sự thiết-lập” của ba phần thực hành đó (*giới-hạnh, sự trì-giới, lối-sống thanh bản*), lấy chúng làm cốt-lõi hay thiết-yếu của đời-sống tâm-linh: *Upat̐thānena sāram ‘idam varam idam niṭṭhā’ ti evam upat̐thitan* (“Thiết lập chúng là thiết-yếu, sau khi đã thiết lập [với sự cam kết] rằng chúng là siêu xuất, là mục tiêu”).

- (B) Thứ tự những phần này cũng giống trong kinh **Ud 6:08**, 71,29–32. **Ud-a 351**,9–17, [cho phép cả hai cách diễn dịch: là một chữ bổ nghĩa hay là một phần thực-hành của tu sĩ đều được] có lẽ là “sự thực hiện” một số phần thực hành của tu sĩ. Nói chung lại, ba [hay bốn] thuật ngữ (trong kinh **Ud** đó) đều thể hiện *cực đoạn hành-xác khổ hạnh* mà nhiều sự thực-hành cụ thể được mô tả đầy trong đoạn (2) của kinh **3:156**, trong đó chúng được gọi là “*cách tu thiêu đốt*”. Cực đoạn ngược lại là *cực đoạn thụ hưởng dục-lạc*, là quan điểm cho rằng không có nguy-hại gì trong những khoái-lạc giác-quan, quan điểm này dẫn tới cách thực hành chạy theo dục-lạc như đã được tả trong đoạn (1) của kinh **3:156**, trong đó nó được gọi là “*cách tu thô tục*”. Con “*cách tu trung-đạo*” của Phật, được tả trong đoạn (2) của kinh **3:156**, là tránh bỏ cả 2 cực đoạn nói trên.] (506) (Người dịch Việt không rõ tại sao chú thích này lại đưa thêm vào phần luận giải (B).)

412 [Phiên bản **Ce** và **Ee** đều ghi là *devatāpi’ssa amanussā*. **Be** thì không có chữ *amanussā* (chúng sinh phi nhân: không phải những thiên thần cũng không thuộc dạng hồn ma nga quỷ)] (507)

413 [Tên của một loại cây bụi người ta lấy thân nó nghiền thành bột hương thơm.] (508)

414 [Thi kệ này cũng có trong kinh Pháp Cú **Dhp 54.**] (509)

415 [Coi thêm kinh **SN 6:14.** “*Truyền giọng nói của mình*” là dịch nghĩa chữ *sarena viññāpesi*, nghĩa gốc đúng hơn là “*giao tiếp bằng giọng nói của mình*”.] (510)

416 [Nguyên văn câu này: *Sāvako so Ānanda appameyyā tathāgatā.* **Mp** diễn dịch: “Đức Phật nói như vậy là ý rằng: ‘Này Ānanda, tại sao thầy nói điều này? Vị ấy là một đệ tử được thiết lập trong sự hiểu-biết một phần (chưa toàn trí). Nhưng những Như Lai thì, sau khi đã hoàn thành 10 sự toàn-thiện (ba-la-mật) và đã chứng đắc sự toàn-trí, là không thể đo lường được, là vô lượng. Trú xứ, tầm vóc, và năng lực của một đệ tử là một chuyện, còn tầm vóc của những vị Phật là khác nhiều. Giống như đem so sánh thì giống như một chút đất trong móng tay so với đất của địa cầu vậy.’”] (511)

417 [*Cūḷanikā lokadhātu:* (tạm dịch) hệ mười ngàn thế giới nhỏ, tiểu thiên hà. **Mp**: “*Đây (được ví như?) là trú xứ (lãnh địa) của một đệ tử (hàng thành tựu)*” (*ayaṃ sāvakassa visayo*).] (512)

418 [Đây là bốn châu lục, thuộc bốn phương cõi: đông, tây, nam, bắc.] (513)

419 [Có lẽ đoạn kinh này đã đánh dấu một bước quan trọng dẫn tới đỉnh cao sùng kính Đức Phật? Giọng kinh này có mùi vị giống như những phần mở đầu của các tập kinh (trước tác) của Đại Thừa, như *Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma-puṇḍarīka)* và *Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Pañcaviṣatiprajñāpāra-mitā)*, hơn là mùi vị của kinh bộ Nikāya tiếng Pāli.] (515)

420 [**Mp** nhận dạng: “Đây là trưởng lão Lāludāyī [một người hay quậy rối bốc đồng trong Tăng Đoàn]. Nghe nói rằng trước kia ông đã từng bức tức khi trưởng lão Ānanda khi được cử làm thị giả của Phật. Do vậy, giờ ông ta có cơ hội để trả đũa, nên ngay sau lời tuyên thuyết như tiếng gầm sư tử của Phật, ông ta liền cố chọc phá niềm-tin của trưởng lão Ānanda, như kiểu muốn dập tắt một ngọn nến đang cháy, hay đâm vào mõ một con bò đang đi lạc, hay up đồ một cái bát đựng đầy thức ăn.] (516)

421 [**Mp** diễn dịch câu này: “Đức Phật nói câu này (với thầy Udāyī) giống như một người nhân-tử muốn nói đi nói lại cho người kia đang đứng bấp bênh sắp té ngay mép vực sâu. (Chỉ đường khẩn cấp): ‘Hãy đi hướng này, bước qua hướng này’.”] (517)

⁴²² [Ee coi kinh này là một phần tiếp theo của kinh kể trên, nhưng Ce và Be thì tách ra thành một kinh riêng. Do vậy, từ kinh này trở đi, sự đánh số kinh của tôi sẽ thiếu một số so với Be và hơn một số so với Ee.] (518)

⁴²³ [Mp giải thích: “Trí-biết về sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận minh) khởi sinh trước (*khayasmiṃ paṭhamam ñāṇam*): đây là trí-biết thứ nhất về thánh đạo khởi sinh, được gọi là trí-biết về sự tiêu-diệt bởi vì đó là sự hiểu-biết đi kèm thánh đạo, được gọi là sự tiêu-diệt bởi vì nó tiêu diệt những ô-nhiễm. Lập tức theo sau là trí-biết cuối cùng (*tato aññānantarā*): ngay sau trí-biết về thánh đạo thứ tư (thánh đạo A-la-hán) khởi sinh, lập tức thánh quả A-la-hán khởi sinh.”] (520)

⁴²⁴ [Mp giải thích: “Trí-biết khởi sinh (*ñāṇam ve hoti*): đây là loại trí-biết hồi nhớ lại” (*paccavekkhaṇañāṇa*) (quán chiếu lại sau khi giác ngộ); coi thêm Vism 676, Ppn 22.19–21.] (521)

⁴²⁵ [Nguyên văn: *Khuddānukhuddakāni sikkhāpadāni*. Theo như kinh DN 16.6.3, không lâu trước khi qua đời, Phật đã cho phép những Tỷ kheo, nếu họ muốn, họ có thể bãi bỏ những điều luật nhẹ và nhỏ này. Tuy nhiên, theo như Luật Tạng của kỳ Kết Tập Kinh Điển lần thứ nhất, những Tỷ kheo không biết chắc những giới-luật nào là nhẹ và nhỏ nhất, cho nên họ đã đồng quyết định giữ nguyên tất cả [coi Vin II 287,29–288,35]. Mp, khi luận giảng về bài kinh AN này, đã nói rằng: “Những vị thầy chuyên sâu về Đại Tăng Chi Kinh Bộ này có nói rằng: ‘Ngoài bốn loại điều luật về những tội *pārājika* [những tội bị trục xuất khỏi Tăng Đoàn] thì tất cả những tội còn lại đều là tội nhẹ và tội nhỏ.’” (*ime pana aṅguttaramahānikāyavaḷaṇṇanaka-ācariyā ‘cattāri pārājī-kāni thapetvā sesāni sabbānipi khuddānukhuddakāni’*).] (522)

⁴²⁶ [Nguyên văn câu này: *Na hi m’ettha, bhikkhave, abhabbatā vuttā*. Mp diễn dịch nghĩa như vậy: “Này các Tỷ kheo, ta không nói rằng một thánh nhân không thể rớt vào một tội như vậy và không thể được khôi phục.” (*bhikkhave na hi mayā ettha evarūpaṃ āpattiṃ āpajjane ca vuṭṭhāne ca ariyapuggalassa abhabbatā kathitā*)] (523)

⁴²⁷ [Nguyên văn: *Tāni ādibrahmacariyikāni brahmacariyasārubbāni*. Mp giải thích: “Những giới-luật đó là căn bản đối với đời sống tâm linh: đó là ba giới-luật tu hành chính là nền tảng căn bản đối với đời sống tâm linh của thánh đạo. Tương thích với đời sống tâm linh: nghĩa là những giới-luật đó là tương thích, thích đáng đối với đời sống tâm linh của bốn thánh đạo” (*ādibrahmacariyikāni ti maggabrahmacariyassa ādibhūtāni cattāri mahā-sīlasikkhāpadāni*;

brahmacaryasārūppānī ti tāni yeva catummaggabrahma-cariyassa sārūppāni anucchavikāni.)] (524)

428 [Ở đây, (a) là hạng đầu tiên và chậm tiến nhất trong ba hạng của chặng thánh Nhập-lưu. Hai hạng còn lại (b) và (c) được nói ngay sau câu này. Tên tiếng Pāli của ba hạng này lần lượt là: *sattakkhattuparama*, *kolaṃkola*, và *ek-abījī*. (Và tiếp theo (d) là bậc thánh Nhất-lai).] (525)

429 [Ở đây chỉ ra năm hạng của bậc thánh Bất-lai, được trình bày từ hạng chậm tiến nhất cho đến hạng tinh anh nhất. Để coi thảo luận đầy đủ hơn về chỗ này, mời coi thêm kinh 7:55.] (526)

430 [Nguyên văn: *Taṃ vā pana anabhisambhavaṃ appaṭivijjhaṃ*. **Mp** giải nghĩa là: “Nếu người đó không đạt tới và thâm nhập thánh quả A-la-hán đó” (*taṃ arahattaṃ apāpuṇanto appaṭivijjhanto*).] (527)

431 [**Mp**, sau khi giảng luận về bài kệ này và bài kệ trước, đã nói rằng: “*Trước sao, sau vậy*”: là trước đây người đó tu ba phần tu tập (giới, định, tuệ) thì sau cũng tu tập ba phần tu tập đó; “*Sau sao, trước vậy*” cũng nghĩa tương tự và đảo lại thứ tự. “*Dưới sao, trên vậy*” nghĩa là: người tu nhìn thấy phần dưới thân là ô-úe (không hấp dẫn), nhìn lên phần trên thân cũng thấy như vậy; “*Trên sao, dưới vậy*” là tương tự đảo lại. “*Ngày sao, đêm vậy*”: tu ba phần tu tập cả ban ngày và ban đêm; “*Đêm sao, ngày vậy*” là tương tự đảo lại. “*Sau khi đã vượt trên tất cả mọi phương*” là bằng cách dùng đối-tượng (thiền); “*với sự định-tâm vô lượng*” là với loại định-tâm của thánh đạo A-la-hán.”] (528)

432 [**Mp**: “Đây là sự giải-thoát của tâm của một bậc A-la-hán, xảy ra bằng sự chấm-dứt thức cuối cùng. Nó giống như sự thổi tắt hoàn toàn một ngọn đèn. Nó (ngọn lửa) đã đi về đâu là không thể thấy được; chỉ là sự đi đến một trạng thái không thể nhận thấy được (*apaṇṇattikabhāvūpagamano yeva hoti*).”] (530)

433 [Nguyên văn: *adhisallikhatev’āyaṃ samaṇo*. **Mp** không giúp gì giải nghĩa chữ *adhisallikhati*, chỉ giải thích câu này bằng câu “*atīviya sallikkhitaṃ katvā saṇhaṃ saṇhaṃ katheti*”. **DOP** thì diễn dịch là: “*quá mức chu đáo, quá mức cẩn thận*”. Chữ này cũng có ghi trong một ngữ cảnh tương tự trong kinh **MN I 449,12–13**.] (531)

434 [Bài kinh không lộ rõ “ba” vấn đề là gì, nhưng tôi cho rằng đó là nói về (phân biệt) ba loại Tỳ kheo thâm niên, trung niên, và tân niên (nên mới được

kết tập trong Quyển “Ba” này).] (532)

435 [Nguyên văn chữ này là: *accāyikāni*. Tôi dịch đúng theo cách giải nghĩa trong **Mp-t** là: *sīgham pavattabbāni*: “được chăm sóc nhanh”.] (534)

436 [**Mp**: “*Sự tách ly đối với y áo (cīvarapaviveka)*: là tách ly khỏi những ô-nhiễm (như tham thích, ham muốn) đối với y áo; (như thích tốt chê xấu, thích mặc cà sa mới, đẹp, được cắt may đường hoàng, tôn tạo oai nghi...). Và giải thích tương tự đối với thức ăn, chỗ ở.”] (535)

437 [**Mp** nói: “Chỗ này chỉ sự loại bỏ (tà-kiến) bằng thánh đạo Nhập-lưu.”] (536)

438 [**Ee** đã nhầm khi gán kinh này thành đoạn sau của kinh kể trên. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi kinh này là một kinh riêng.] (537)

439 [**Mp** giải thích con mắt Giáo Pháp hay pháp nhãn (*dhammacakkhu*) là chiếu theo khái niệm thời-khắc chứng đạo được trải nghiệm bằng “con mắt của thánh đạo Nhập-lưu là mắt ‘nhìn thấu’ Giáo Pháp của bốn Diệu Đế”.] (538)

440 [Lời diễn đạt này thường là chỉ sự chứng đắc thánh quả Bất-lai. Tuy nhiên, **Mp** nhận dạng người đệ tử này là loại “*Bất-lai thiền định*” (*jhānānāgāmī*) (*Bất-lai nhờ chứng đắc tầng thiền định*): đó là, một người Nhập-lưu hay Nhất-lai cũng chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới (*jhānā*). Mặc dù loại người tu như vậy vẫn chưa loại bỏ 2 gông-cùm tham và sân, nhưng nhờ có chứng đắc tầng thiền định nên người đó hướng tới được tái sinh trong cõi trời sắc-giới và sẽ chứng Niết-bàn luôn từ cõi đó, không còn tái sinh xuống lại cõi dục-giới nào nữa.] (539)

441 [Kinh này như gộp lại các phần của hai kinh **AN 2:43** và **2:44**.] (540)

442 [Tôi dịch chữ *potthako* chỗ này dựa theo luận giải của **Mp** là: *vākamaya-vattham*.] (541)

443 [Lời kinh dùng chữ *majjhimo*, nghĩa gốc là “có tuổi trung niên”; (có lẽ theo nghĩa không còn mới (trẻ) cũng chưa bị quá cũ (già): ý chỉ thời gian còn đang được mặc.)] (542)

444 [Trong kinh này có hai phần: mỗi phần (I) nói về loại Tỳ kheo thất đức và (II) loại Tỳ kheo đức hạnh. Trong mỗi phần lại phân thành 3 loại Tỳ kheo theo hạng tuổi: (1) tân niên, (2) trung niên, (3) thâm niên. Rồi trong mỗi hạng tuổi

lại nói về 3 điều là: (i) bản thân người đó, (ii) ảnh hưởng của người đó đối với những người quan hệ với người đó, và (iii) công đức mà thí chủ đạt được khi cúng dường cho loại người đó—tất cả đều là 3: 3 loại người, 3 loại tuổi, và 3 loại công đức (khi cúng dường cho 3 loại người đó).] (543)

⁴⁴⁵ [Theo phiên bản **Ee** thì đến câu này là hết bài kinh, và đoạn sau là qua bài kinh mới (kinh số 98 theo **Ee**). Nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi đoạn kế tiếp dưới đây nói về “*vải làm từ lụa Kāsi*” là đoạn tiếp theo của bài kinh này. Vì vậy, từ giờ sự đánh số kinh của tôi chỉ còn nhiều hơn số của **Ee** một số. (Chẳng hạn, số của bài kinh “*Hột Muối*” kế tiếp của tôi là 100, của **Ee** là 99).] (544)

⁴⁴⁶ [Nguyên văn câu cuối này: *Tassa taṃ vacanaṃ ādheyyaṃ gacchati gandhakaraṇḍake va naṃ kāsikavatthaṃ nikkhipanti*. Câu cuối này có trong phiên bản **Ee**, để trong ngoặc, nhưng trong **Ce** và **Be** thì không có. Tuy nhiên, theo **Pp 34,37–35,1**, khi diễn tả về loại người như lụa *kāsi* thì ghi là “*tayo kāsikavatthūpamā puggalā*” thì có câu này, [nhưng không có chữ *nikkhipanti*]. Tôi lấy câu này từ **Ee** để đưa vào kinh này, vì rõ ràng ví dụ này (*vải làm từ lụa Kāsi nên lưu giữ trong hộp có hương thơm*: là loại có giá trị) là hợp lý để đối lại với câu cuối ở đoạn trên nói về sự “*trục xuất một Tỳ kheo thất đức*” giống như *tắm vải làm từ vỏ cây thô ráp, khó chịu, ít giá trị nên quăng ra đồng rác*: loại không có giá trị gì.] (545)

⁴⁴⁷ [Lập trường đầu tiên, bị bác bỏ bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: “*Yo, bhikkhave, evaṃ vadeyya, ‘yathā yathā ‘yaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā taṃ paṭisaṃvediyatī’ ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacari-yavāso na hoti, okāso na paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya*.” Và lập trường thứ hai, được xác nhận bởi Đức Phật, nguyên văn Pāli là: *Yo ca kho, bhikkhave, evaṃ vadeyya, ‘yathā yathā vedanīyaṃ ayaṃ puriso kammaṃ karoti tathā tathā ‘ssa vipākam paṭisaṃvediyatī’ ti, evaṃ santaṃ, bhikkhave, brahmacari-yavāso hoti, okāso paññāyati sammā dukkhassa antakiriyāya*.

- Ở đây, sự khác nhau chính xác của hai lập trường là gì thì không tự thể hiện rõ trong lời kinh. **Mp** chỉ ra bằng giải thích lập trường thứ nhất như vậy: “*Một cách y hết chính xác như vậy*” nghĩa là: nếu có người nói ‘Người ta ném trái nghiệp quả y hết như cách đã tạo ra nó’, thì, do không có cách gì ngăn chặn nghiệp quả sau khi tạo nghiệp, người đó chắc chắn ném trái mọi nghiệp mình đã tạo ra. “*Nếu đúng là như vậy thì không thể có đời sống tâm linh*” nghĩa là: nghiệp được ném trái khi tái sinh, nó đã được ‘định đoạt’ *trước khi* người đó đi tu theo đạo Phật, nên có đi tu hay không đi tu thì nghiệp quả cũng vẫn xảy

ra; (và do vậy có đi tu cũng không chuyển hóa được nghiệp nào, cũng vô ích.). “*Và không thấy cơ hội nào để hoàn toàn diệt khổ*” nghĩa là: trong trường hợp đó, (liên tục) có sự tích lũy nghiệp và sự nếm trải nghiệp quả bởi người tạo nghiệp, như vậy đâu thấy có cơ hội nào để chấm dứt khổ đau của vòng luân hồi.

- Cái lý mà luận giảng **Mp** đang muốn nói ở đây, dường như, là: nếu một người *phải* nếm trải kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được nếm trải sau khi tái sinh kiếp sau và kết quả của mọi nghiệp mình đã tạo ra thuộc loại sẽ được nếm trải trong những kiếp sau nữa, thì có lẽ người đó *phải* tiếp tục tái sinh kiếp sau và tiếp tục tái sinh những kiếp sau nữa, để nếm trải những nghiệp quả đó. Nếu đúng là như vậy, thì do những nghiệp đó trước sau sẽ chín muồi, thì người đó *phải* tiếp tục ở mãi trong vòng luân-hồi để nếm trải những nghiệp quả đó; (và như vậy là không có chuyện đi tu là có khả năng chấm dứt sự tái sinh!)

- Nhưng cách diễn dịch trên cũng không có bằng chứng xác đáng nào từ lời kinh, mà đó chỉ là cách diễn dịch theo ý của luận giảng mà thôi. Thay vì vậy, dường như cái nghĩa lời kinh muốn nói là một người không nhất thiết *phải* nếm trải nghiệp quả *một cách chính xác theo cách* mà người đó đã tạo nghiệp đó (như, ví dụ, nếu một người giết người thì không nhất thiết *phải* bị giết lại). Từ đó suy ra rằng, cái lý ở đây là, khi nghiệp thiện và bất thiện của một người chín muồi, thì nghiệp quả *phải* được nếm trải một cách tương ứng là sướng và khổ, cho dù cái *định lượng* hay mức độ sướng và khổ không nhất thiết phải chính xác tương xứng với mức độ nặng nhẹ của những nghiệp đó, (như, ví dụ, một người giết người không nhất thiết *phải* bị giết lại, nhưng nghiệp quả người đó phải nếm trải là khổ đau, như sợ hãi, ăn năn, khổ tâm, khủng khiếp... vì nghiệp giết người mình đã gây ra).] (546)

⁴⁴⁸ [**Mp** giải thích chỗ này theo thuật ngữ của *thuyết* trong Vi Diệu Pháp Tạng (*Abhidhamma*), rằng nghiệp được tạo ra bởi những tâm tác-hành hay tâm đồng-lực (*javana-citta*), gồm bảy đồng lực (*javana*): là những sự kiện chủ động theo ‘nghiệp thuộc tâm’ trong tiến trình nhận biết. *Javana đầu* là loại được nếm trải ngay trong kiếp này (*ditṭhadhammavedanīya*); nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp này, nó sẽ tiêu mất luôn (*ahosi*). *Javana* thứ bảy được nếm trải trong kiếp sau, sau khi tái sinh (*upapajjavedanīya*), và nếu nó không có cơ hội chín muồi trong kiếp sau, nó sẽ tiêu mất luôn. Còn năm *javana giữa* được trải nghiệm trong những thời gian nào đó sau kiếp sau (*aparapariyāyavedanīya*), nghĩa là chúng có thể chín muồi bất cứ lúc nào sau kiếp sau.... khi người tạo nghiệp còn tái sinh trong vòng luân-hồi. Do *thuyết* này phát sinh khá

lâu sau thời kết tập đầu tiên các kinh bộ Nikāya, nên nó có lẽ có lẽ không phải truyền đạt ý và nghĩa của đoạn kinh này. Như tôi đã giải thích trong chú thích (546) kể trên, lời kinh dường như chỉ đơn giản nói rằng: *khi một người tạo nghiệp ác, người đó sẽ nếm trải quả báo là đau khổ nhiều hay ít; không nhất thiết “hàm lượng và mức độ” đau khổ phải là tương xứng với mức độ (ác) của nghiệp.* Ngược lại, *người tạo nghiệp thiện sẽ nếm trải nghiệp báo là vui sướng.* Nhờ có sự không tương xứng giữa nghiệp và quả, sự không nhất thiết phải “ăn ngang miếng trả ngang miếng” này nên mới ‘có cửa’ hay ‘có cơ hội’ để một người có thể tu tập con đường đạo: để có thể có cơ hội vượt qua hoặc làm giảm bớt mức độ quả báo của những nghiệp quá ác quá nặng và để có thể có cơ hội đạt tới sự chấm-dứt khổ trong vòng luân-hồi. Cách diễn dịch này có vẻ cũng phù hợp luôn với ví dụ nổi tiếng trong bài kinh này.

- Bản Hán tạng tương đương của kinh này [**MÃ 11** (trong Đại Tạng Kinh **T I 433a12–434a11**)] cũng không nói rõ sự khác nhau rõ ràng của hai lập trường này...] (547)

449 [Nguyên văn: *paritto appātumo*. **Mp** giải thích: “Người đó là hạn hẹp (hạn chế) vì những hạn chế về giới-hạnh của mình (*parittaguno*). Cái “ta” của người đó (*ātumā*) là ở trong thân người đó (*attabhāvo*); dù thân có to lớn mức nào, người đó vẫn có ‘tính cách ti tiện’ bởi do hạn chế về giới-hạnh của mình.” Chữ *ātuma* (danh từ) là dạng thay thế của chữ *atta* (danh từ) (Phạn: *ātman*). **Mp** nhận dạng chữ này đồng nghĩa chữ *attabhāva*. Bản tương đương của Hán tạng giải thích chỗ này [trong Đại tạng kinh **T I 433a28**] nghĩa là “*tuổi thọ của người đó rất ngắn (hạn hẹp)*” (壽命甚短).] (548)

450 [Lời kinh gốc: *appadukkhavihārī*, không hợp với ngữ cảnh chỗ này cho lắm. **Mp** giải thích [một cách không mấy thuyết phục về hai câu cuối tả về loại người đó] như vậy: “Người đó sống trong sự khổ đau vì nghiệp xấu nhỏ của người đó” (*appakenapi pāpena dukkhavihārī*). Tôi chỉnh lại lời kinh gốc chỗ này đơn giản hơn là *dukkhavihārī*. Có thể là tiếp ngữ *appa* đã được đưa vào do lỗi truyền tụng dựa theo chữ *appamāṇavihārī*, như sẽ được giải thích trong chú thích kế tiếp.] (549)

451 [Nguyên văn câu này: *Aparitto mahattā* [phiên bản **Be** dùng chữ: *mahatto*]. **Mp** (của **Ce**) giải thích: “Người đó là vô hạn vì giới-hạnh người đó là không hạn chế, hạn hẹp; cho dù thân người đó có nhỏ bé, người đó vẫn có ‘tính cách lớn’ nhờ sự lớn lao của những giới-hạnh của người đó” (*guṇamahantatāya mahattā*). **Mp** gom hết mấy điều này để hàm chỉ người đang được tả là một A-la-hán, nhưng điều này là trái với thuyết của Vi Diệu Pháp Tạng (*Abhidhamma*)

đã định nghĩa một A-la-hán thì không còn tạo nghiệp gì nữa. Lại nữa, bản tương đương của Hán tạng giải thích chỗ này [trong Đại tạng kinh **T I 433b11**] nghĩa là “*tuổi thọ của người đó rất dài (vô hạn)*” (壽命極長).] (550)

⁴⁵² [Đó là không còn nghiệp dư (phần nghiệp còn lại) nào được ném trải trong những kiếp sau.] (551)

⁴⁵³ [**Be** bị thiếu chữ *udakamallake* chỗ này.] (522)

⁴⁵⁴ [*Kahāpaṇa*: đồng tiền chính dùng ở miền bắc Ấn Độ thời Phật.] (553)

⁴⁵⁵ [Tôi đọc theo **Ce** và **Be** là *ñātivitakko*, khác với **Ee** là *jātivitakko*: *những ý nghĩ về giai cấp [xã hội]*.] (556)

⁴⁵⁶ [Nguyên văn: *anavaññattipaṭisaṃyutto vitakko*. Nghĩa đen là: “*ý nghĩ liên quan tới sự muốn mình không bị kinh thường*”. Còn thấy trong luận giảng tương đương của Hán tạng [**SĀ 1246** (thuộc Đại tạng **T II 341c12–13**)] thì dịch là “*ý nghĩ về sự tái sinh ở cõi trời*” (生天覺).] (557)

⁴⁵⁷ [“*Những ý nghĩ liên quan Giáo Pháp*”: *Dhammavitakkā*. **Mp** giải thích đây là những ý nghĩ liên quan tới 10 sự sa sút của minh-sát (*dasa vipassa-n ’upakilesavitakkā*), nhưng dường như lời kinh đơn giản chỉ sự suy xét hay quán chiếu về giáo lý hay về chủ đề thiền mà thôi.] (558)

⁴⁵⁸ [Có nhiều sự luận giải khác nhau về câu này về mặt từ nguyên, ngữ nghĩa bởi các **Mp** của **Be**, **Ce**, **Ee**... Tuy nhiên, **Mp** đưa ra hai nghĩa này: “*nó (sự định-tâm) đạt được nhờ sự vắng-lặng hoàn toàn của những ô-nhiễm, hoặc nó đã đạt được sự vắng-lặng hoàn toàn của những ô-nhiễm (kilesapaṭippas-saddhiyā laddhattā kiles-apaṭippassaddhibhāvaṃ vā laddhattā)*.”] (559)

⁴⁵⁹ [Một số luận giải ngữ nghĩa hơi khác nhau ít nhiều giữa các **Mp** của các phiên bản. Theo **Be** dịch nghĩa câu này là: “... *nhưng nó [định] chỉ đạt được tới vậy khi [những ô-nhiễm] được kiềm chế bên trong bằng cách trấn áp mạnh [chúng]*”, (tức trạng thái định này chỉ là tạm thời, nếu không trấn áp mạnh những ô-nhiễm thì không đạt đến trạng thái định vắng-lặng hoàn toàn như vậy).] (560)

⁴⁶⁰ [Phiên bản **Ce** và **Ee** ghi là: *na sasaṅkhāraniggayhavāritavato*; Còn **Be** thì ghi tiếp vĩ ngữ cuối của cụm chữ này là *–gato*. Bản Hán tạng của kinh này, **SĀ 1246 (T II 341c21–22)** thì có ghi câu này: “*Tỳ kheo đó chứng đắc sự định-tâm*

không cần được duy trì bằng nỗ lực; người đó chứng đắc sự bình-an và sự siêu-phàm, trạng thái hạnh phúc tịch lặng, trong đó mọi ô-nhiễm đều bị tiêu diệt.” (比丘得諸三昧。不為有行所持。得寂靜勝妙。得息樂道。一心一意。盡諸有漏). (561)

461 [Nguyên văn cả câu cuối là: *Yassa yassa ca abhiññā sacchikaraṇīyassa dhammassa cittaṃ abhininnāmeti abhiññā sacchikiriya tatra tatveva sakkhibhabbatam pāpuṇāti sati sati āyatane*. **Mp** giải thích “cơ-sở thích hợp” là “những nhân quá khứ và tầng thiền định đắc được trong hiện tại, và những thứ khác, đều là cơ sở cho những trí-biết trực-tiếp (tự trí)” (*pubbahetusāṅkhāte ceva idāni ca paṭiladdhabbe abhiññāpādakajjhānā-dibhede ca sati sati kāraṇe*). Cách diễn đạt này cũng có trong **Vism 371,26–33**, **Ppn 11.122**, và được luân giảng trong **Vism-mhṭ** (VRI ed. I 429). **Vism 376,28– 378,2**, **Ppn 12.14–19**, giải thích cơ-sở (thích hợp) cho trí-biết trực-tiếp (tự trí, minh) chính là cái tâm đạt định vốn đã đắc được 8 phẩm chất, đó là: nó (1) được thanh lọc, (2) được thanh tẩy, (3) không còn dính nhiễm, (4) hết những ô-nhiễm (lậu hoặc), (5) dễ uốn nắn, (6) dễ sử dụng, (7) vững chắc, và (8) đã đạt tới sự bất lay động. Nói cách khác, nói rằng “đạt định” có thể được coi là phẩm chất đầu tiên và sự “vững chắc và đạt tới sự bất lay động” cùng với nhau cấu thành phẩm chất thứ tám.] (562)

462 [Ngay đây bắt đầu ghi đoạn kinh mẫu nói về sáu loại trí-biết trực-tiếp (sáu tự trí, *abhiññā*). Năm trí-biết (minh) đầu có được giảng giải trong **Vism**, chương 12 và 13.] (563)

463 [Chỗ này tôi dịch theo **Ce** và **Be**, nói về cái tâm giải thoát trước cái tâm không được giải thoát; **Ee** thì đặt thứ tự ngược lại.] (564)

464 [**Ee** coi kinh này như phần tiếp tục của kinh trước; nhưng **Ce** và **Be** thì tách thành kinh riêng như vậy; rõ ràng đây là cách đúng. Như vậy, sang kinh kế tiếp, thì sự đánh số kinh của tôi lại nhiều hơn **Ee** hai số.] (565)

465 [Nguyên văn: *tīṇi nimittāni*. **Mp** giải thích đó là “ba nguyên nhân” (*tīṇi kāraṇāni*). Ba dấu hiệu (*nimitta*) được ghi ra là: *samādhinimitta*, *pagga-ha-nimitta*, và *upekkhānimitta*.] (566)

466 [Trong *Bộ Kinh Liên Kết* [**SN**] thì mẫu lời kinh này và mẫu đoạn kinh tiếp theo cũng được dùng y hệt để nói về bốn yếu-tố (tứ đại) [**SN 14:31–33**], nói về năm-uẩn [**SN 22:26–28**], và nói về sáu cơ-sở cảm-nhận [**SN 35:13–18**].] (567)

467 [**Ee** coi kinh này là sự tiếp tục của kinh kể trên, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi nó là một kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn **Ee** 3 số.] (568)

468 [Lại nữa, **Ee** coi kinh này là sự tiếp tục của kinh kể trên, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi nó là một kinh riêng như vậy. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lúc này nhiều hơn **Ee** bốn số.] (568)

469 [Nguyên văn câu kết cuối về sự ca hát và nhảy múa: *Setughāto gūte, set-ughāto nacce*. **Mp** giải thích là: “*Hãy phá bỏ cái cây cầu tạo điều-kiện cho sự ca hát. Người đó thể hiện: ‘Đẹp bỏ sự ca hát và nguyên nhân ca hát’. Cách giải thích tương tự đối với sự nhảy múa.*” Về chữ *setughāto*, coi thêm chú thích (497) ở đoạn thứ hai của kinh **3:74** ở trên giải thích thêm về sự ‘*phá bỏ điều kiện, phá duyên*’. Nguyên văn câu cuối là: *Alaṃ vo dhamma-ppamoditānaṃ satam sitam sitamattāya*. **Mp** giải thích là: “Khi có lý do để cười [vì hân hoan, vui mừng với Giáo Pháp] thì đúng đắn là chỉ nên cười nhẹ vừa đủ lộ đường giữa hai hàng răng (tức đầu răng) để thể hiện mình vui lòng, (chứ không mở miệng để lộ cả hai hàm răng hay gốc răng).] (570)

470 [Tôi dùng chữ “việc-làm” (công việc, cái sự làm, hạnh) là dịch chữ *kam-manta* và chữ “hành-động” (nghiệp) là dịch chữ *kamma*. Trong ngữ cảnh này dường như hai chữ không thực sự khác nhau về nghĩa, lời kinh cũng hoán đổi hai chữ với nhau như chúng là đồng nghĩa. Chữ “*bị ô nhiễm*” là dịch chữ *avas-suta*, là quá khứ phân từ của chữ *avassavati*, liên quan với động từ *savati* (chảy), liên quan đến danh từ *āsava* (ô nhiễm, lậu hoặc: là những thứ ô nhiễm chảy ra và chảy vào cái tâm...).] (571)

471 [**Mp** giải thích câu này nghĩa là: “Nghiệp này dẫn đến/đưa đến sự khởi sinh—tức là sự tích lũy—của những nghiệp khác dẫn tới vòng luân-hồi [sinh tử].] (573)

472 [**Ee** coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu một kinh mới. **Ce** và **Be**, theo như thi kệ *uddāna*, coi tất cả chỉ là một kinh như vậy, gồm hai phần đối nhau: nguyên nhân bất thiện và nguyên nhân thiện.] (574)

473 [**Mp** giải thích câu này nghĩa là: “Nghiệp này dẫn tới sự khởi sinh những nghiệp khác dẫn tới sự chấm dứt vòng luân hồi [sinh tử].] (575)

474 [Lại nữa, **Ee** coi câu này là kết thúc kinh này, và câu tiếp theo là bắt đầu một kinh mới [kinh **110**]. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức tính như một kinh gồm

có hai phần như vậy. Do vậy sự đánh số kinh của tôi, từ kinh kế tiếp trở đi, sẽ vượt quá **Ee 2 số.**] (576)

⁴⁷⁵ [Nguyên văn câu này: *paññāya ativijjha passati*. **Mp** dịch: “Người đó nhìn thấy sau khi đã thâm nhập nó bằng trí-tuệ của thánh đạo cùng với tuệ minh-sát.”] (578)

⁴⁷⁶ [Theo Vi Diệu Pháp của Theravāda thì: khi qua đời từ cõi vô-sắc-giới, một người phạm phu có thể được tái sinh lại ngay trong cảnh vô-sắc-giới đó, hoặc trong một cảnh giới vô-sắc-giới cao hơn, hoặc trong cõi dục-giới với thức tái sinh có ‘ba-gốc-rễ’ như vậy. Điều này có nghĩa loại người đó sẽ được tái sinh thành ‘người thông minh’ hoặc thành một ‘thiên thần’. Sự tái sinh vào những cảnh giới thấp xấu hơn có thể xảy ra trong những lần tái sinh sau nữa, chứ không phải lập tức từ cảnh vô-sắc-giới rớt xuống tái sinh vào những cảnh thấp xấu đó. Coi thêm **CMA 226–27.**] (580)

⁴⁷⁷ [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee**: *yadidaṃ gatiyā upapattiyā sati*. **Be** đã bỏ chữ *sati* ở đây [và trong hai đoạn kế tiếp] nhưng đưa vào lại trong những đoạn song hành trong kinh **4:123** và **4:125**. **Mp**, khi luận giảng về kinh **AN 4:123**, đã giải thích (về những vị đệ tử trong cõi trời sắc-giới) rằng: “Về sự tái-sinh và nơi-đến trong tương lai, người đệ tử thánh thiện là bậc học nhân không bị rớt xuống tái sinh trong những cảnh giới thấp xấu mà chứng luôn Niết-bàn cuối cùng khi đang hiện hữu trong cõi sắc-giới đó, hay trong cõi sắc-giới cao hơn.” Cách giải thích này cũng áp dụng tương tự cho những vị đệ tử trong cõi trời vô-sắc-giới.

- **Mp-t**, khi giảng luận về kinh **AN 4:123**, đã soi rọi ánh sáng cho câu hỏi ‘Theo cách nào những vị thánh đệ tử có thể được tái sinh trong cõi trời vô-sắc-giới?’ như vậy: “Khi Phật nói về tuổi thọ của loài người và những thiên thần, Phật đã không đưa ra những con số cụ thể về tuổi thọ của chúng sinh trong 4 cảnh giới đầy đọa và tuổi thọ của những địa-thần ở dưới trái đất. Vì sao không? Vì trong địa ngục, chỉ có nghiệp mới quyết định [tuổi thọ]; ai bị đọa trong địa ngục phải chịu đau đớn đầy đọa cho đến khi nào hết nghiệp ác. Nguyên lý này cũng áp dụng tương tự cho những cõi đầy đọa khác (súc sinh, ngạ quỷ). Nghiệp cũng quyết định tuổi thọ của những địa-thần. Có số được tái sinh thành địa-thần ở trái đất trong một tuần, có số trong hai tuần, có số cả một đại kiếp.

- “Trong loài người, có số người tại gia đã thành bậc Nhập-lưu và chứng thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, hay thậm chí A-la-hán (A-la-hán thì rất hiếm, theo người dịch nhớ!). Trong số đó, những người là bậc Nhập-lưu ... có thể

sống hết kiếp người, nhưng bậc A-la-hán thì có thể chứng luôn Niết-bàn cuối cùng (vào lúc chết) hoặc (vào lúc còn sống) xuất gia [gia nhập Tăng đoàn]. Tại sao? Vì thánh quả A-la-hán là trạng thái đức-hạnh (giới-hạnh) nhất mà đời sống tại gia là thấp tục. Không thể nào phù hợp nếu nói những bậc A-la-hán có thể duy trì trạng thái đức-hạnh nhất trong hoàn cảnh tại gia thấp tục, cho nên họ sẽ chứng luôn Niết-bàn cuối cùng [lúc chết] hoặc nếu còn sống thì họ phải xuất gia. Nhưng khi những địa-thần chứng thánh quả A-la-hán thì họ vẫn tiếp tục sống hết kiếp của họ trên trái đất; những bậc Nhập-lưu và bậc Nhất-lai thuộc số 06 loại thiên thần thuộc cõi dục-giới thì vẫn sống hết tuổi thọ của mình ở trong cảnh giới đó. Đối với bậc Bất-lai điều phù hợp là họ sẽ tái sinh trong cõi trời sắc-giới, và những bậc A-la-hán thì chứng Niết-bàn cuối cùng. Tại sao? Bởi vì không còn cơ hội nào để họ thoái lui. Trong những cõi trời sắc-giới và vô-sắc-giới, tất cả đều hưởng trọn hết tuổi thọ ở đó. Những bậc Nhập-lưu và Nhất-lai trong cõi sắc-giới thì không quay lại thế gian này mà họ sẽ chứng luôn Niết-bàn từ cõi đó. Những người đó được gọi là “những bậc Bất-lai nhờ thiên-định”.

- “Nhưng cái gì quyết định [tái sinh] đối với những người đã chứng đắc 08 tầng thiên định? Đó là, tầng thiên định nào họ thiện thạo trong đó, thì họ được tái sinh vào cảnh giới tương ứng với tầng thiên định đó. Nếu họ thành thạo tất cả 8 tầng thiên định, thì điều gì quyết định [sự tái sinh] của họ? Đó là, ai chứng đắc ‘cảnh xứ vừa không có nhận-thức vừa còn nhận-thức’ (phi tưởng phi phi tưởng xứ) thì họ chắc chắn được tái sinh trong ‘cảnh xứ không có nhận-thức vừa có nhận thức’ đó. Đối với những thánh đệ tử được tái sinh trong 09 cõi trời Brahma (Phạm-thiên), thì họ có thể được tái sinh lại ngay trong cõi trời của mình hoặc trong cõi trời cao hơn, chứ không còn bị tái sinh trong những cõi trời thấp hơn đó. Những thánh đệ tử trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) và trong 4 cõi vô-sắc-giới thì có thể tái sinh lại ngay trong cõi của mình hoặc trong cõi cao hơn cõi đó. Một bậc Bất-lai được tái sinh trong cảnh giới của tầng thiên định thứ nhất (Nhất thiên) thì tu tiếp để thanh lọc trong 09 cõi trời Brahma và chứng đắc Niết-bàn cuối cùng khi đang an trú ở đỉnh cao (thanh lọc). Còn 03 cõi trời được gọi là “những trạng thái hiện-hữu tốt nhất” (thuộc 05 cõi Tịnh cư thiên) là: cõi trời đại phước quả (*vehapphala*, Quảng quả thiên), cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên), và cảnh xứ vừa không có nhận-thức vừa còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) thì không còn tái sinh cao hơn hay thấp hơn, mà chứng luôn Niết-bàn cuối cùng từ đó.”] (581)

⁴⁷⁸ [Hột súc sắc (*apaṇṇako maṇi*). **Mp-t** nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có 6 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vẩy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (*evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīlāpasu-tānaṃ*

maṇisadiso pāsakaviseso).] (582)

479 [Định nghĩa về sự trong sạch (thanh tịnh) của tâm chỗ này là được sao chép từ chi phần “*quán niệm về năm chướng-ngại*” (thuộc phần *quán niệm những hiện-tượng thuộc tâm*, tức *quán pháp*) trong kinh *Nền Tảng Chánh Niệm* hay *Niệm Xứ* (*Satipaṭṭhāna Sutta*) [tức: **DN 22.13** và **MN 10.36**.] (583)

480 [Lại nữa, chỗ này tôi dựa theo đoạn thi kệ tóm lại của **Ce** [bản điện tử] để đặt tên nhóm, (thay vì tên nhóm là “*Kusinārā*” như các bản dịch khác).] (584)

481 [**Mp** giải thích rằng: “Trong 20 năm đầu sau khi Giác Ngộ, Như Lai thường trú trong những cộng đồng những thiên thần (*deva-kulesuyeva*): có lúc ở đền thờ Cāpāla, có lúc ở đền thờ Sāranda, có lúc ở đền thờ Bahuputta, và có lúc ở đền thờ Gotamaka. Do lúc này đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī nên đức Thế Tôn đã an trú ở cõi những vị (địa?) thần ở Gotamaka.” **Mp** giải thích kinh này như phần tiếp theo của kinh *Mūlapariyāya Sutta* [tức **MN 1**]. Bối cảnh câu chuyện, như đã được kể trong **Ps I** 56–59, và được dịch trong quyển **Bodhi 2006**: 82–86, là liên quan đến một nhóm bà-la-môn đã thụ giới Tỳ kheo dưới Đức Phật và họ đã nhanh chóng nắm bắt những giáo lý của Phật. Họ tự mãn với những gì đã nhanh chóng học được nên không còn muốn đi nghe ai thuyết giảng Giáo Pháp nữa. Đức Phật đã nói kinh *Mūlapariyāya Sutta* để cắt đứt sự tự-cao của họ. Họ đã trở nên khiêm tốn và hối lỗi với Đức Phật. Rồi lúc sau đó, Phật mới nói tiếp kinh *Gotamaka Sutta* này để hướng dẫn họ tới thánh quả A-la-hán.] (585)

482 [**Mp-t** giải thích đoạn này như vậy: “*Thông qua trí-biết trực-tiếp (abhiññāya, tự trí)*: là Phật chỉ dạy Giáo Pháp sau khi đã trực-tiếp biết, theo đúng hiện-thực; Giáo Pháp được chỉ dạy, được phân giải theo cách thức thiện lành và vân vân, theo cách thức năm-uẩn và vân vân; và sau khi trực-tiếp biết phương pháp chỉ dạy cho những người tùy theo thiên hướng của họ, tùy theo khuynh hướng, tính cách, và căn cơ của họ. *Có cơ-sở (sanidānaṃ)*: là khi có những điều kiện hay hữu duyên hay tùy duyên (*sappaccayaṃ*), là có nền tảng căn cứ (*sakāraṇaṃ*), là sau khi đưa ra lý do (*hetu*), tùy theo loại người cần được chỉ dạy, theo loại câu hỏi, hay tình huống đặc biệt nào đó. *Có tính chất giải độc (sappāṭihāriyaṃ)*: chất giải độc là một cách chữa trị (*paṭiharana*) bệnh tham, sân, si ... vân vân. Giáo Pháp có kèm theo những tính chất như vậy, nên nó là ‘*mang tính giải độc*’. Vì vị Sư Thầy (Phật) là chỉ dạy Giáo Pháp theo cách để loại-bỏ (*paṭisedhanavassen’eva*) những chất độc như tham, sân, si ... và vân vân.

- Chữ *sappāṭihāriya* là khó dịch. Ở những chỗ khác trong các kinh chữ *pāṭihārya* được dùng với nghĩa là một điều kỳ diệu, như trong kinh **3:60**, khi kinh nói về ba điều “kỳ diệu” là: thần thông biến hóa, thần thông đọc ý-nghĩ (của người khác), và thần thông chỉ-dạy (Giáo Pháp). **PED**, sv *pāṭihārya*, thì nhìn thấy chữ *sappāṭihāriya* là xuất thân từ cách dùng này và nó đã gợi ý có nghĩa, trong những bối cảnh liên quan Giáo Pháp, là “kỳ diệu, lạ thường, tuyệt vời”. Tuy nhiên, tôi thấy khó đồng ý với nghĩa này trong bối cảnh kinh này. Động từ *paṭiharati* có nghĩa là “đánh lại, đáng trả, chống lại” và thể tác nhân của nó là *paṭihāreti* là “đẩy lùi, tránh bỏ”. Tôi tin rằng nghĩa này có liên quan tới cách dùng ở đây và có liên quan đến nghĩa những điều “kỳ diệu”. Một thứ kỳ diệu “đánh trả” những tiền quan-niệm cố cựu của cái tâm và khai mở nó tới hiện-thực kỳ diệu. Nhưng Giáo Pháp “đánh trả” theo một cách khác. Nó “đánh trả” những tà-kiến sai lạc và những ô-nhiễm, và do vậy nó là để đối-trị hay mang tính trị-độc. Cách diễn dịch cũng được ủng hộ bởi kinh **8:70**, trong đó Đức Phật đã tuyên bố rằng những đệ tử của mình “có thể bác bỏ những giáo lý khác bằng lý lẽ chính đáng và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp *sappāṭihāriya*” (*uppannam parappavādam sahadhammena suniggahitam niggahetvā sappāṭihāriyam dhammam desessanti*). Ở đây, tính chất hay đặc tính *sappāṭihāriya* của Giáo Pháp nên được nói đến chứ không phải những điều thần diệu kỳ diệu khác, là nói đến cái khả-năng đối trị những giáo lý tà giáo đối nghịch khác. Như vậy có thể diễn dịch thuật ngữ này ở đây với nghĩa là “mang tính giải độc” hay “có tính chất để đối trị”.] (586)

⁴⁸³ [Người cùng tu [đồng đạo cùng sống đời sống tâm linh [phạm hạnh] là dịch chữ *purāṇasabrahmacārī*. **Mp** nói rằng trước Phật và ông ta đã từng sống tu với nhau ở chỗ vị thầy Ālāra Kālāma. Ālāra Kālāma là một trong hai vị thầy về thiền-định mà Phật đã đến học tu vào thời sau khi xuất gia và trước khi giác ngộ. Coi thêm kinh **MN I 163–164**.] (587)

⁴⁸⁴ [Rõ ràng thiên thần này trước đây là gia chủ Hatthaka của xứ Ālavī [coi thêm kinh **1:251**], mặc dù vậy **Mp** đã không nhận ra đây là ông ta.] (588)

⁴⁸⁵ [**Mp** giải thích: “Có những giáo lý bị quên mất bởi vì trong kiếp trước đã lơ tâm và không ôn luyện chúng.”] (590)

⁴⁸⁶ [Cõi trời *Aviha* (Vô phiền thiên) là một trong 5 cõi trong-sạch hay Tịnh cư thiên (*suddhāvāsa*) mà những bậc Bất-lai tái sinh lên đó.] (591)

⁴⁸⁷ [Nguyên văn: *goyogapilakkhasmiṃ*. **Mp** giải thích: “Gần nơi có cây đa đề đã mọc lên, người ta cột trâu bò ở đó để bán.” **PED** giải thích chữ *pilakkha* là

giống cây vả (có lá gợn sóng, giống như cây sung, khác cây đa hay cây bồ-đề.) (592)

488 [Nguyên văn: *rittassādaṃ bāhirassādaṃ*. **Mp** giải thích: “*Bất mãn*: là thiếu sự khoái-lạc của các tầng thiên định. [*Tìm kiếm*] *sự thỏa-thích ở bên ngoài*: là tìm kiếm những khoái-lạc giác-quan (dục lạc).] (593)

489 [*Samvegamāpādi: cảm-nhận về sự cấp-bách*. **Mp** giải thích nghĩa là: “*Người đó vừa trở thành bậc Nhập-lưu*”. Nhiều kinh đã dùng những định nghĩa công thức (hay những yếu tố Nhập-lưu) để chỉ sự chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, nhưng đâu thấy công thức nào được nói trong đoạn kinh này; (nên đó chỉ là cách diễn dịch của **Mp** mà thôi).] (596)

490 [Câu này được kết nạp từ đâu tôi không rõ. Có lẽ nghĩa của nó là những người phụ nữ thời đó tốt nhất nên được giữ ở trong nhà hơn là được cho phép tự đi ra đường nơi công cộng. Bản tương đương Hán tạng [EĀ 22.4 (Đại tạng **T II 607b26–607c11**)] giống hệt bản Pāli, mặc dù nó lại có thêm phần thi kệ ở cuối lặp lại nội dung lời kinh.] (599)

491 [Hai loại hội chúng đầu có nói trong kinh **2:47**. Còn loại thứ (3), “*hội chúng được huấn luyện theo những giới hạn*” [**Ce:** *yāvatāvavinītā parisā*; **Be:** *yāvatāvinītā parisā*; **Ee** *yāvatajjhāvinītā parisā*], thì **Mp** giải thích nó có nghĩa là: “*Được dạy theo cách tùy theo khả năng của nó, nghĩa là được huấn luyện sau khi người ta đã biết được khả năng của nó*” (*pamāṇavasena vinītā, pamāṇaṃ ñatvā vinītaparisā ti attho*). Đây dường như là cách diễn tả có một không hai trong toàn bộ Kinh tạng! **Mp** cũng nhận ra một cách đọc chữ *yāvatajjhā*, giải thích nghĩa đó là “*một hội chúng được huấn luyện sau khi người ta biết được khuynh-hướng của nó*” (*yāva ajjhāsayā ti attho, ajjhāsayam ñatvā vinītaparisā ti vuttaṃ hoti*).] (600)

492 [**Mp** giải thích chữ vô-thường (*anicca*) ở đây nghĩa là “không tồn tại ngay sau khi có mặt” (*hutvā abhāvattthena*), (tức vừa khởi sinh, có mặt là biến đổi liền); và tiếp theo hai đoạn sau: *khổ* (*dukkha*) ở đây nghĩa là sự áp bức, khổ cực (*sampīḷanattthena dukkhā*); và vô-ngã (*anattā*) ở đây nghĩa là không thể điều khiển nó được (*avasavattanattthena*).

- Về mẫu lời kinh “*Một bậc Như Lai đã tỉnh thức ... làm sáng tỏ nó*”: trong kinh **SN 12:20** mẫu lời kinh này cũng được áp dụng đối với công thức 12 nhân duyên khởi sinh tùy thuộc.] (602)

493 [Coi kinh **1:319** về một sự phê bình khác về Makkhali Gosāla. Ví dụ cái bầy cũng được lặp tại vào cuối kinh này.] (604)

494 [**Ee** coi kinh này là phần tiếp tục của kinh kể trên; tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức coi đây hai phần là hai kinh riêng. Như vậy sự đánh số kinh của tôi lại tiếp tục vượt quá **Ee** 3 số.] (605)

495 [**Ee** trong **I 291–92** kết hợp kinh này và hai kinh tiếp theo thành 1 kinh số **3:140** theo cách đánh số của nó. Còn **Ce** và **Be** thì chia thành 3 kinh khác nhau như vậy. Coi kinh **11:10**, kinh này chính là sự sát nhập tất cả thành 3 kinh này thành 1 kinh (tổng cộng có $3 \times 3 = 9$ yếu tố), rồi sau đó bổ sung thêm hai yếu tố cho thành tổng cộng 11 yếu tố.

- Như vậy, từ kinh **3:146** trở đi, sự đánh số kinh của tôi sẽ vượt quá **Ee** 5 số.] (607)

496 [Bậc vô-học nhân, không còn tu học (*asekha*) là A-la-hán.] (608)

497 [**Ee** không đánh số NHÓM này là một nhóm có số riêng, mà chỉ đặt tên là nhóm “*Acelaka-vagga*” (Nhóm “*Lõa Thở*”). **Ce** thì đánh số NHÓM này là nhóm thứ 6 của phần “*NĂM MUOI KINH THỨ BA*” này, và đặt tên nhóm là “*Paṭipadā-vagga*” (Nhóm “*Những Cách Thức Tu Tập*” hay “*Đạo Tu*”); bản dịch này làm theo **Ce** như vậy. Còn **Be** cũng đánh số là nhóm thứ 6 [tức là NHÓM thứ 16 trong tổng số NHÓM của Quyển “*Ba*” này], và đặt tên nhóm là “*Acelaka-vagga*” (Nhóm “*Lõa Thở*”).] (609)

498 [Tôi đặt tên kinh này dựa theo phần thi kệ tóm lại (*uddāna*) của **Be**. Còn **Ce** và **Be** đều không đặt tên cho những kinh trong NHÓM này (chỉ ghi số kinh thôi); **Ce** và **Ee** cũng không có phần kệ *uddāna*.] (610)

499 [Cách (tu tập, thực hành) *thô thiển* (*āgāḥā paṭipadā*) là tương ứng với cực đoan chạy theo khoái-lạc giác-quan (dục lạc); cách *thiêu đốt* (*nijjhāma paṭipadā*) là tương ứng với sự hành xác khổ hạnh. Đó là hai cách tu cực đoan mà Phật đã bác bỏ trong bài thuyết giảng đầu tiên [SN 56:11, kinh *Chuyển Pháp Luân*].] (611)

500 [Chỗ này bắt đầu liệt kê danh sách những điều tu khổ hạnh; chúng cũng được ghi trong các kinh dài DN I 166–67; và kinh vừa MN I 77–78.] (612)

501 [**Ee** dồn tất cả các kinh này thành 1 kinh, đặt là kinh số 152. Tôi làm theo

Ce và **Be**, tức coi mỗi phần lần lượt là một kinh riêng như vậy dưới đây.] (613)

502 [**Ee** nói mỗi cặp kinh “*dẫn xuống địa ngục*” và “*dẫn lên cõi trời*” thành 1 kinh chung, và do vậy tính thành 10 kinh [tức kinh **153-162**, theo cách tính của nó]. Tôi làm theo **Ce** và **Be**, tức giữ các kinh “*dẫn xuống địa ngục*” và “*dẫn lên cõi trời*” thành từng kinh riêng, và do vậy tính thành 20 kinh lần lượt như vậy bên dưới [tức kinh **163-182**].] (614)

503 [**Be** dồn hết các kinh thành 1 kinh [tức thành kinh số **184** theo cách tính của **Be**], và **Ee** thì dồn các kinh thành 1 kinh [tức kinh số **163** theo cách tính của **Ee**]. Tôi thì làm theo **Ce**, tức tính các kinh thành 170 kinh riêng [tức các kinh **183-352**].] (615)

504 [*“Ba điều”*: ba thứ, ba sự, hay ba pháp: chỗ này tôi đọc đơn giản theo **Be** và **Ee** là *tayo dhammā*, thay vì đọc theo **Ce** là *ime tayo dhammā*].] (616)

505 [Nguyên văn ba thuật ngữ này là: *suññato samādhī, animitto samādhī, appanīhito samādhī*. **Mp** chỉ nói là: “*Ba chữ đó là phương tiện dùng để giải thích sự minh-sát*” (*tīhipi samādhīhi vipassanā va kathitā*)”. Ba thuật ngữ đó cũng được đề cập nguyên cụm như vậy trong kinh dài **DN III 219**, 21-22, và cũng không được giảng luận gì; nhưng trong **Sv III 1003-4** thì có luận giảng rằng: “*Sự giải thích gồm có ba cách: theo cách về sự đạt-đến (āgamanato), theo cách về phẩm-chất (sagunato), và theo cách về đối-tượng (ārammanato)*”.

- (1) *Theo cách sự đạt-đến*: (i) khi một Tỳ kheo diễn dịch theo cách **vô-ngã**, nhìn thấy theo cách vô-ngã, và đắc thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-ngã; thì đối với người đó, sự minh-sát (tuệ) được gọi là ‘sự trống-không’ (tính không). Vì sao? Vì do sự vắng mặt những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho cái sự [ý tưởng] tự-ngã hay sự không phải tính-không. Sự định-tâm của thánh đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ minh-sát, được gọi là sự trống-không (tính không); và sự định-tâm của thánh quả (*phalasamādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là sự trống-không. (ii) Tỳ kheo khác diễn dịch theo cách **vô-thường**, nhìn thấy theo cách vô-thường, và đắc thánh đạo [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về sự] vô-thường; đối với người đó, sự minh-sát được gọi là ‘vô dấu hiệu’. Vì sao? Vì do sự vắng mặt những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho những dấu-hiệu (hình tướng). Sự định-tâm của thánh đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ minh-sát, được gọi là vô dấu-hiệu (vô tướng); và sự định-tâm của thánh quả (*phalasamādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là vô dấu-hiệu. (iii) Tỳ kheo khác diễn dịch theo cách sự **khổ**, nhìn thấy theo cách sự khổ, và đắc

thánh đạo nhờ [sự quán sát, quán niệm, thiền quán về] sự khổ; thì đối với người đó, sự minh-sát (tuệ) được gọi là ‘vô sở cầu’ (vô nguyện). Vì sao? Vì do sự vắng mặt những ô-nhiễm chịu trách nhiệm cho những mong-cầu (sở nguyện). Sự định-tâm của thánh đạo (*maggasamādhī*), được đạt tới nhờ minh-sát, được gọi là vô sở cầu (vô nguyện); và sự định-tâm của thánh quả (*phalasamādhī*), được đạt tới nhờ thánh đạo, thì cũng được gọi là vô sở cầu.

- (2) *Theo cách phẩm-chất*: Sự định-tâm của thánh đạo là trống không bởi vì (phẩm chất của) nó trống vắng *tham, sân, si*; nó là vô dấu-hiệu bởi vì những dấu hiệu của *tham...* là trống vắng (không có); và nó là vô sở cầu bởi vì những mong-cầu do *tham...* là trống vắng (không có).

- (3) *Theo cách đối-tượng*: Niết-bàn là trống không bởi vì nó trống vắng (không có) *tham...*; nó là vô dấu hiệu và vô sở cầu bởi vì nó không có những dấu hiệu của *tham...* và không có những mong-cầu do *tham...*”

- **Vism 657,13–259,10 [Ppn 21.66–73]** thì thảo luận “*ba cửa ngõ đi tới sự giải-thoát*” (*vimut-timukha*) cũng theo ba tên gọi (ba loại định-tâm) như vậy.] (617)